

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Cử nhân Kế toán tổng hợp

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kế toán (Mã ngành 52340301)

Chuyên ngành : Kế toán tổng hợp

Loại hình đào tạo : Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHVB-ĐT ngày tháng năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Kế toán Tổng hợp là trang bị kiến thức thực tiễn và môi trường nghiệp vụ cụ thể nhằm đào tạo cử nhân ngành Kế toán trình độ đại học có năng lực chuyên môn vững vàng về nghiệp vụ kế toán, hiểu biết vận dụng về pháp luật kinh doanh, pháp luật kế toán, tình yêu nghề kế toán.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình là đào tạo ra cán bộ kế toán có trình độ đại học, có các phẩm chất sau đây:

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức:

Có phẩm chất cơ bản của người kế toán: thấm nhuần thế giới quan Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu CNXH, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, chuyên nghiệp.

1.2.2. Về kiến thức:

Sinh viên được lĩnh hội những kiến thức chuyên sâu về kế toán tài chính, kế toán quản trị, nắm chắc quy trình hạch toán các nghiệp vụ kế toán, quy trình tổ chức công tác kế toán; nắm được các kiến thức cơ bản về thuế, tài chính doanh nghiệp; am hiểu chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để áp dụng trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp...

1.2.3. Về kỹ năng:

- Sinh viên có kỹ năng lập, phân loại, tổng hợp chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp.

- Kỹ năng lập các báo cáo thuế, báo cáo kế toán tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính, sự nghiệp.
- Kỹ năng thực hành phần mềm kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp.
- Kỹ năng phân tích, so sánh và xử lý một cách độc lập vấn đề tài chính, kế toán.
- Kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng sử dụng tiếng Anh.

2. Chuẩn đầu ra

- Năng lực hiểu và vận dụng pháp luật vào công tác kế toán.
- Năng lực tổ chức và điều hành công tác kế toán trong doanh nghiệp.
- Năng lực thực hiện lập phân tích các dự án đầu tư, quản lý tài chính trong công ty.
- Có khả năng phối hợp tốt với các cán bộ kỹ thuật, công nghệ để cung cấp thông tin quản lý các hoạt động đạt hiệu quả.
- Năng lực đề xuất....
- Cử nhân Kế toán tổng hợp có thể làm việc tại nhiều vị trí trong các ngành kinh tế, lĩnh vực công nghiệp; Các trường đại học, cao đẳng kinh tế, quản lý, kỹ thuật; Các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp từ trung ương đến địa phương, các ban quản lý dự án các khu công nghiệp và khu chế xuất; Các sở ban ngành cơ quan tỉnh, thành phố, huyện, thị trấn; Các phòng, ban trong các doanh nghiệp, phòng quản trị sản xuất, phòng kinh doanh, phòng tiếp thị và quảng cáo ở tất cả các loại hình công ty và các tổ chức khác, với vai trò là người thực hiện trực tiếp hay người điều hành và quản lý.

3. Thời gian đào tạo theo tiến trình chuẩn: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ

Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục:

- **Kiến thức giáo dục đại cương:** 54 tín chỉ

Trong đó:

+ Khối kiến thức chung: 37 tín chỉ

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: 17 tín chỉ

- **Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** 71 tín chỉ

Trong đó:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành, cơ sở kỹ thuật: 30 tín chỉ

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ

+ Thực tập, khóa luận tốt nghiệp: 11 tín chỉ

Khối lượng kiến thức đào tạo trên chưa kể đến phần nội dung Giáo dục thể chất (5 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng và an ninh (8 tín chỉ).

5. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT hoặc tương đương.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Thang điểm:

Theo quy chế ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Nội dung chương trình đào tạo

| TT | Tên học phần | Số TC | Loại giờ TC | | | | Đơn vị đảm nhiệm |
|--------------|-------------------------------------|-----------|-------------|------------|----------|-------------|------------------|
| | | | LT | BT/TL | TH/TN | Tự học | |
| I | Kiến thức giáo dục đại cương | 54 | 648 | 162 | 0 | 1620 | |
| I.1 | Phần kiến thức chung | 37 | 444 | 111 | 0 | 1110 | |
| I.1.1 | Phần bắt buộc chung | 33 | 396 | 99 | 0 | 990 | |
| 1 | NLCB của CN Mác Lê Nin 1 | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | KHCB |
| 2 | NLCB của CN Mác Lê Nin 2 | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 3 | ĐLCM của Đảng cộng sản Việt Nam | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 5 | Tiếng Anh 1 | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 6 | Tiếng Anh 2 | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 7 | Tiếng Anh 3 | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 8 | Tiếng anh 4 | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 9 | Tin học đại cương | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 10 | Toán cao cấp | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 11 | Lý thuyết xác suất và thống kê | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 12 | Pháp luật đại cương | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 13 | Giáo dục thể chất * | 5 | | | | | |
| 14 | Giáo dục quốc phòng * | 8 | | | | | |
| I.1.2 | Phần tự chọn (Chọn 4/10 TC) | 4 | 48 | 12 | 0 | 120 | |
| 15 | Logic học đại cương | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | KHCB |
| 16 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 17 | Môi trường và con người | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 19 | Xã hội học đại cương | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| I.2 | Các môn cơ sở khối ngành | 17 | 204 | 51 | 0 | 510 | |
| I.2.1 | Phần bắt buộc | 12 | 144 | 36 | 0 | 360 | |
| 20 | Kinh tế vĩ mô | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | Khoa KT&QTKD |
| 21 | Kinh tế vi mô | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 22 | Kinh tế lượng | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |

| | | | | | | | |
|---------------|--|-----------|------------|------------|-----------|-------------|-----------------|
| 23 | Luật kinh tế | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| I.2.2 | Phần tự chọn | 5 | 60 | 15 | 0 | 150 | |
| 25 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 27 | Luật ngân sách | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 28 | Marketing căn bản | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 29 | Quản trị học | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| II | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 71 | 792 | 216 | 75 | 2070 | |
| II.1 | Kiến thức cơ sở ngành | 30 | 360 | 90 | 0 | 840 | |
| II.1.1 | Phần bắt buộc | 24 | 288 | 72 | 0 | 660 | |
| 30 | Tài chính tiền tệ | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 31 | Quản trị doanh nghiệp | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | Khoa KT&QTKD |
| 32 | Nguyên lý kế toán | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 33 | Thống kê doanh nghiệp | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 34 | Kế toán tài chính 1 | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 35 | Tài chính doanh nghiệp | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 36 | Luật kế toán | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 37 | Chuẩn mực kế toán | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 38 | Tổ chức công tác kế toán | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 39 | Nguyên lý thống kê | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| II.1.2 | Phần tự chọn | 6 | 72 | 18 | 0 | 180 | |
| 41 | Nghiệp vụ thanh toán ngân hàng | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 42 | Nghiệp vụ thanh toán kho bạc | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 43 | Thị trường chứng khoán | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 44 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 46 | Luật thuế | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 47 | Thương mại điện tử căn bản | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 48 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| II.2 | Kiến thức chuyên môn ngành | 30 | 360 | 90 | 0 | 900 | |
| II.2.1 | Phần bắt buộc | 26 | 312 | 78 | 0 | 780 | |
| 49 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | Khoa KT&QTKD |
| 50 | Kế toán tài chính 2 | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 51 | Kiểm toán kế toán tài chính doanh nghiệp | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 52 | Kế toán thuế | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 53 | Kế toán quản trị | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 54 | Kế toán xây lắp | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 55 | Kế toán máy | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |

| | | | | | | | |
|---------------|---|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|-----------------|
| 56 | Đặc điểm kế toán các ngành sản xuất | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| 57 | Kế toán hành chính sự nghiệp | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 58 | Kế toán chi phí và giá thành | 3 | 36 | 9 | 0 | 90 | |
| II.2.2 | Phần tự chọn | 4 | 48 | 12 | 0 | 120 | |
| 59 | Kế toán tập đoàn | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | Khoa KT&QTKD |
| 60 | Kỹ năng bán hàng | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 61 | Tiếng anh chuyên ngành kế toán | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 62 | Kế toán bảo hiểm | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 63 | Kế toán công ty kinh doanh bất động sản | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 64 | Kỹ năng hoàn thiện sổ sách | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 65 | Kỹ năng xử lý chứng từ trong kế toán | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 66 | Kế toán ngân hàng | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 67 | Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| 68 | Kế toán ngân sách xã phường | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| III | Bài tập - Thực tập | 11 | 72 | 36 | 75 | 330 | |
| III.1 | Bài tập thực hành | 2 | 0 | 0 | 30 | 60 | |
| 69 | Bài tập lớn kế toán chi phí và giá thành - Lập báo cáo tài chính | 1 | 0 | 0 | 15 | 30 | |
| 70 | Bài tập lớn kế toán thuế - Lập báo cáo thuế | 1 | 0 | 0 | 15 | 30 | |
| III.2 | Thực tập - Tốt nghiệp | 9 | 72 | 36 | 45 | 270 | |
| 71 | TTTN chuyên ngành kế toán | 3 | | | 45 | 90 | Khoa KT&QTKD |
| 72 | Khóa luận tốt nghiệp kế toán doanh nghiệp (Hoặc chọn 6 TC trong số HP tự chọn) | 6 | 72 | 36 | 0 | 180 | |
| | Kế toán quốc tế | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Kiểm soát nội bộ | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Kỹ năng đàm phán trong hoạt động kinh doanh | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Kế toán kho bạc | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Kỹ năng quản lý thời gian | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Kỹ năng quản lý sự thay đổi | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Văn hóa tổ chức | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Hệ thống thông tin kế toán | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Quản lý ngân sách | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |
| | Kỹ năng soạn thảo hệ thống văn bản pháp quy trong doanh nghiệp | 2 | 24 | 6 | 0 | 60 | |

| TT | Học phần | Số TC | Họ c | Phân phối theo học kỳ | | | | | | | |
|-------------|-----------------------------------|-----------|------|-----------------------|----|-----|----|---|----|-----|------|
| | | | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII |
| | nghiệp | | | | | | | | | | |
| II.1 | Kiến thức cơ sở khối ngành | 17 | | | | | | | | | |
| II.1. | <i>Phần bắt buộc</i> | 30 | | | | | | | | | |
| 1 | Kinh tế vi mô | 3 | 2 | | 3 | | | | | | |
| 2 | Kinh tế vĩ mô | 3 | 3 | | | 3 | | | | | |
| 3 | Kinh tế lượng | 3 | 3 | | | 3 | | | | | |
| 4 | Luật kinh tế | 3 | 4 | | | | 3 | | | | |
| II.1. | <i>Phần tự chọn</i> | 5 | 3 | | | 5 | | | | | |
| 5.1 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | 3 | 3 | | | 3 | | | | | |
| 5.2 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 2 | 3 | | | 2 | | | | | |
| 5.3 | Marketing căn bản | 2 | 3 | | | 2 | | | | | |
| 5.4 | Quản trị học | 3 | 3 | | | 3 | | | | | |
| II.2 | Kiến thức cơ sở của ngành | 26 | | | | | | | | | |
| II.2. | <i>Phần bắt buộc</i> | 21 | | | | | | | | | |
| 1 | Tài chính tiền tệ | 3 | | | | | 3 | | | | |
| 2 | Nguyên lý kế toán | 3 | | | | | 3 | | | | |
| 3 | Chuẩn mực kế toán | 2 | | | | | | 2 | | | |
| 4 | Luật kế toán | 2 | | | | | | 2 | | | |
| 2 | Nguyên lý thống kê kinh tế | 2 | 4 | | | | 2 | | | | |
| 3 | Thống kê doanh nghiệp | 2 | 5 | | | | | 2 | | | |
| 4 | Tổ chức công tác kế toán | 2 | 7 | | | | | | | 2 | |
| 5 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | 6 | | | | | | 3 | | |
| 6 | Tài chính doanh nghiệp | 3 | 5 | | | | | 3 | | | |
| II.3. | <i>Phần tự chọn</i> | 5 | 5 | | | | | 5 | | | |
| 1 | Nghiệp vụ thanh toán quốc tế | 2 | 5 | | | | | 2 | | | |
| 2 | Tiếng Anh chuyên ngành | 3 | 5 | | | | | 3 | | | |

| TT | Học phần | Số TC | Họ c | Phân phối theo học kỳ | | | | | | | |
|---------------|---------------------------------------|---------------|------|-----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | | | | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII |
| 3 | Thị trường chứng khoán | 2 | 5 | | | | | 2 | | | |
| 4 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 3 | 5 | | | | | 3 | | | |
| II.4 | Kiến thức chuyên ngành kế toán | 27 | | | | | | | | | |
| <i>II.4.1</i> | <i>Phần bắt buộc</i> | 23 | | | | | | | | | |
| 1 | Kế toán tài chính 1 | 3 | 6 | | | | | | 3 | | |
| 2 | Kế toán tài chính 2 | 3 | 7 | | | | | | | 4 | |
| 3 | Kế toán quản trị | 3 | 7 | | | | | | | 3 | |
| 4 | Kế toán thuế | 2 | 6 | | | | | | 2 | | |
| 5 | Kiểm toán tài chính | 2 | 7 | | | | | | | 2 | |
| 6 | Kế toán xây dựng cơ bản | 3 | 6 | | | | | | 3 | | |
| 7 | Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ | 3 | 6 | | | | | | 3 | | |
| 8 | Kế toán máy | 3 | 7 | | | | | | | 3 | |
| <i>II.4.2</i> | <i>Phần tự chọn</i> | 4 | 7 | | | | | | | 4 | |
| 1 | Kế toán ngân sách | 2 | 7 | | | | | | | 2 | |
| 2 | Tài chính công | 2 | 7 | | | | | | | 2 | |
| 3 | Kế toán ngân hàng | 2 | 7 | | | | | | | 2 | |
| 4 | Kế toán quốc tế | 2 | 7 | | | | | | | 2 | |
| II.5 | Thực tập | 6 | | | | | | | | | |
| 1 | Thực tập kế toán DN | 2 | 5 | | | | | 2 | | | |
| 2 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | 8 | | | | | | | | 4 |
| II.6 | Tốt nghiệp | 6 | | | | | | | | | |
| 1 | Khoá luật tốt nghiệp | 6 | 8 | | | | | | | | 6 |
| 2 | Các học phần thay thế khoá luận | 6 | 8 | | | | | | | | 6 |
| | Tổng | 125 TC | | 18 | 18 | 17 | 18 | 17 | 17 | 18 | 10 |

10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

I. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1, 2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin I, II

5 TC

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: những nội dung cơ bản về thế giới quan, Phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Những nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế Mác-Lênin; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và xây dựng con người mới, Phương pháp luận Hồ Chí Minh.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng và phát triển văn hoá xã hội; Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Đường lối đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Pháp luật đại cương

2 TC

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

6, 7, 8. Tiếng Anh I, II, III, IV

9 TC

Học phần Tiếng Anh I, II, III, IV là các nội dung Tiếng Anh cơ bản nhất trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và nghiên cứu chuyên môn. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

9. Toán cao cấp

3 TC

Nội dung học phần Toán cao cấp bao gồm các kiến thức về: Hàm số, sự liên tục của hàm số, phép tính vi phân, tích phân, lý thuyết chuỗi. Nội dung chương trình đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất của toán học, yêu cầu sinh viên phải nắm được các tính chất của hàm một biến số

(bao gồm giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân) và mối quan hệ giữa các tính chất đó. Đồng thời cần nắm được khái niệm tích phân suy rộng và sự hội tụ của chúng. Từ đó có khả năng vận dụng các kiến thức vào các chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo.

10. Lý thuyết Xác suất thống kê

3 TC

Học phần Xác suất thống kê trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất như các hiện tượng ngẫu nhiên, tất nhiên, các loại phân bố gián đoạn, phân bố liên tục, phân bố xác suất các đại lượng ngẫu nhiên. Học phần trình bày phương pháp thống kê xử lý các số liệu thực nghiệm và mối tương quan giữa các đại lượng tham số. Kiến thức lý thuyết được trình bày để sinh viên có thể áp dụng dễ dàng vào các ngành học thích hợp trong kỹ thuật.

11. Tin học đại cương

3 TC

Học phần Tin học ứng dụng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

12, 13. Giáo dục thể chất 1, 2

5 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

14. Giáo dục quốc phòng và an ninh

8 TC

Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1. Kinh tế vi mô

3 TC

Sinh viên có được những kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh;

về hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các môn học sau này.

2. Kinh tế vĩ mô

3 TC

Học phần này giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

3. Kinh tế lượng

3 TC

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

4. Luật kinh tế

3 TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, các thiết chế về cạnh tranh và chống độc quyền.

5.1. Lịch sử các học thuyết kinh tế

3 TC

Lịch sử các học thuyết kinh tế là môn khoa học nghiên cứu quá trình hình thành, phát sinh, phát triển đấu tranh và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế của các giai cấp cơ bản nối tiếp nhau trong các hình thái kinh tế - xã hội. Đối tượng nghiên cứu là hệ thống các quan điểm kinh tế của các trường phái khác nhau gắn với các giai đoạn lịch sử nhất định, các quan điểm kinh tế đã được hình thành trong một hệ thống nhất định, những quan điểm kinh tế chưa trở thành hệ thống nhưng có ý nghĩa lịch sử thì thuộc môn Lịch sử tư tưởng kinh tế.

5.2. Quản lý nhà nước về kinh tế

2 TC

Đổi mới quản lý nhà nước là hoạt động thường xuyên, lâu dài của mỗi quốc gia để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế nhằm thích ứng với bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng. Là một nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi,

Việt Nam không chỉ cần tích cực, khẩn trương trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật kinh tế, mà quan trọng hơn là phải đổi mới sâu sắc cả về tư duy lẫn phương pháp thực hiện.

5.3. Marketing căn bản

2 TC

Học phần Marketing căn bản bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Học phần gồm hai phần, phần thứ nhất là những vấn đề chung của marketing liên quan đến thị trường kinh doanh của doanh nghiệp là: thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phần thứ hai là marketing chuyên biệt thể hiện bốn chính sách đồng bộ mà doanh nghiệp có thể sử dụng để tác động lên thị trường mục tiêu của mình: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp.

5.4. Quản trị doanh nghiệp

3 TC

Học phần Quản trị doanh nghiệp bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: trang bị cho sinh viên tư duy và kỹ năng quản lý, điều hành một doanh nghiệp, mô tả những bước công việc, quy trình điều hành một doanh nghiệp. Cung cấp các kỹ năng cách phối hợp và mối quan hệ chặt chẽ giữa các chức năng quản lý từ chuẩn bị kỹ thuật, lựa chọn phương án tối ưu, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh đến công việc quản lý các yếu tố sản xuất của doanh nghiệp công nghiệp.

6. Đại cương về kỹ thuật

3 TC

Học phần đại cương về kỹ thuật giới thiệu cho sinh viên nắm đầu các khái niệm căn bản: các ngành nghề kỹ thuật; chức năng và yêu cầu của cán bộ kỹ thuật; cách giải quyết các vấn đề kỹ thuật; căn bản về máy vi tính và sử dụng máy vi tính trong kỹ thuật; giao tiếp trong kỹ thuật và làm việc nhóm; đạo đức nghề nghiệp; bài học từ các sai sót...

7. Tài chính tiền tệ

3 TC

Học phần gồm những nội dung chính: Những vấn đề cơ bản về tài chính; Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Tiền tệ-Tín dụng-Ngân hàng; Thị trường tài chính; Lạm phát và chính sách tiền tệ; Quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế... Sau khi học xong học phần này, học viên nâng cao những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tiễn không thể thiếu trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ, liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công việc mà sinh viên sẽ đảm nhiệm trong thực tế.

8. Nguyên lý thống kê kinh tế

2 TC

Học phần này trình bày những thông tin sơ lược về thống kê; Quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế; Các phương thức trình bày số liệu thống kê kinh tế; Phương pháp phân tích hiện trạng của

hiện tượng; Điều tra chọn mẫu; Phương pháp phân tích dãy số biến động theo thời gian; Phương pháp phân tích chỉ số; Lý thuyết quyết định.

9. Thống kê doanh nghiệp

2 TC

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê (các mức độ của hiện tượng thống kê; điều tra chọn mẫu; tương quan hồi quy; dãy số thời gian; chỉ số trong thống kê). Các kiến thức thống kê hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

10. Tổ chức công tác kế toán

2 TC

Môn học giúp sinh viên, sau khi đã được trang bị đủ lý thuyết về định khoản các nghiệp vụ, có cái nhìn tổng quan về tổ chức công tác kế toán trong một đơn vị độc lập từ tổ chức khối lượng công tác kế toán trong mối liên hệ với tổ chức bộ máy kế toán. Sinh viên được trang bị kiến thức về tổ chức: chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các yếu tố đầu vào của sản xuất và các quá trình kinh doanh cơ bản.

11. Phân tích hoạt động kinh doanh

3 TC

Phân tích hoạt động kinh doanh là một môn học giúp cho sinh viên kinh tế hiểu sâu sắc và đánh giá đúng tình trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh hoà nhập với nền kinh tế thế giới. Từ đó đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời góp phần cung cấp kiến thức một cách toàn diện cho sinh viên ngành kinh tế.

12. Tài chính doanh nghiệp

3 TC

Cung cấp những vấn đề cơ bản về bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý vốn kinh doanh, quản lý chi phí – doanh thu – lợi nhuận, quyết định đầu tư dài hạn, lập kế hoạch tài chính và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

13. Nguyên lý kế toán

3 TC

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

14. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế

2 TC

Học phần này đề cập đến các nội dung: Các điều kiện cơ sở giao hàng trong thương mại quốc tế; các văn bản pháp lý điều chỉnh thanh toán quốc tế, bao gồm UCP, URR; URC; ISBP...; Các phương tiện, các phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu của các

ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học các kỹ thuật phòng ngừa rủi ro đối với các ngân hàng thương mại, các nhà KD xuất nhập khẩu trong quá trình thanh toán quốc tế.

15. Luật kế toán

2 TC

Mục tiêu của học phần này nhằm giúp cho người học nắm bắt được những quy định pháp luật về công tác kế toán, từ đó người học có thể vận dụng linh hoạt những qui định của pháp luật trong khi áp dụng làm công việc thực tế liên quan đến hoạt động kế toán.

16. Thị trường chứng khoán

2 TC

Học phần Thị trường chứng khoán trình bày các vấn đề về Tổng quan về thị trường chứng khoán; Các dạng thị trường chứng khoán; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán; Cơ chế quản lý giám sát thị trường chứng khoán.

17. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

3 TC

Học phần nghiên cứu các hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng như hoạt động huy động vốn và quản lý vốn, các hoạt động cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn, các nghiệp vụ kinh doanh khác của ngân hàng như nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng, cho thuê tài chính.

18. Kế toán tài chính 1

3 TC

Học phần Kế toán tài chính I cung cấp cho sinh viên khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán trên một số lĩnh vực nghiệp vụ: Tiền lương, tài sản cố định, vật tư, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm....theo đúng nguyên tắc và chuẩn mực kế toán hiện hành. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tự học, tự giải quyết các vấn đề thay đổi về kế toán có liên quan đến một số phần hành kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

19. Kế toán tài chính 2

3 TC

Học phần Kế toán tài chính II trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến công tác kế toán các hoạt động đầu tư và dự phòng, kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán, kế toán tiêu thụ thành phẩm, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và lập báo cáo tài chính... theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

20. Kế toán quản trị

3 TC

Học phần này giúp cho sinh viên các kiến thức về việc sử dụng được các công cụ của kế toán quản trị để ra các quyết định liên quan đến đánh giá thành quả của các bộ phận; đánh giá thành

quả quản lý của các nhà quản lý bộ phận; lựa chọn các phương án kinh doanh; xác định giá bán của sản phẩm mới; xác định giá trị của các dịch vụ.

21. Kế toán thuế

2 TC

Học phần này nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về thuế, về tầm quan trọng, tác động của việc đánh thuế đến nền kinh tế, nguyên tắc xác lập các loại thuế khác nhau. Trên cơ sở lý luận chung, môn học đi sâu nghiên cứu nội dung cơ bản của một số sắc thuế chủ yếu hiện hành ở Việt nam như: Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân và các sắc thuế đánh vào tài sản.

22. Kiểm toán tài chính

2 TC

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về kiểm toán báo cáo tài chính như khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng phương pháp, quy trình kiểm toán. Kiểm toán chi tiết các chu kỳ cơ bản của kiểm toán báo cáo tài chính, nội dung cơ bản của kiểm toán nghiệp vụ như chu kỳ mua hàng, thanh toán, chu kỳ tiền lương, hàng tồn kho....phục vụ cho công tác kiểm toán sau khi ra trường.

23. Kế toán xây dựng cơ bản

3 TC

Học phần Kế toán xây dựng cơ bản trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về hạch toán trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp và kế toán ở đơn vị chủ đầu tư, đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và bàn giao công trình xây lắp và đặc điểm hạch toán theo các phương thức kế toán trong xây dựng cơ bản.

24. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

3 TC

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp: Tổ chức công tác kế toán, kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước, kế toán vật tư hàng hoá, kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành, kế toán bán hàng, xác định kết quả và phân phối kết quả, kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, Kế toán kinh doanh, báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

25. Kế toán máy

3 TC

Cung cấp cho sinh viên nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng tin học, đồng thời giới thiệu tương đối hoàn chỉnh việc tổ chức công tác kế toán dựa trên một phần mềm kế toán cụ thể. Học phần giúp cho sinh viên nắm vững hơn về nội dung tổ chức công tác kế toán và khả năng ứng dụng tin học vào công tác kế toán đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế, yêu cầu quản lý kiểm soát của mỗi doanh nghiệp và các yêu cầu của đối tượng sử dụng thông tin kế toán... Ứng dụng phần mềm kế toán chuyên dụng để thực hiện một cách tự động công tác

kế toán của các tổ chức và doanh nghiệp. Đồng thời, giúp cho việc thực hiện công tác kế toán được tiện lợi, dễ dàng, nhanh chóng và chính xác trong thời đại công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển và do yêu cầu của việc xử lý tự động các thông tin kế toán.

26. Kế toán ngân sách

2 TC

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách, cụ thể là kho bạc NN nhằm vận dụng vào công tác kế toán kho bạc nhà nước.

27. Tài chính công

2 TC

Sau khi học xong môn học này, người học nâng cao kỹ năng sử dụng công cụ lý thuyết và ứng dụng đánh giá tác động chính sách chi tiêu công đến hiệu quả phân bổ, công bằng xã hội và Ổn định kinh tế. Người học có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo các chính sách, chế độ về tài chính công vào đời sống thực tiễn. Học phần cũng sẽ giúp cho người học có một thái độ đúng đắn, quan điểm khoa học về lĩnh vực tài chính công, nhận thức và nắm vững các chính sách tài chính công, chế độ về tài chính công của Chính phủ, có kỹ năng nhất định để giải quyết những vấn đề sát hợp với thực tiễn.

28. Kế toán ngân hàng

2 TC

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kế toán Ngân hàng: Khái niệm, đối tượng phục vụ của kế toán ngân hàng; Hệ thống các nguyên tắc kế toán; Hệ thống tài khoản, chứng từ kế toán ngân hàng; Tổ chức công tác kế toán ngân hàng; Hệ thống các nghiệp vụ kinh tế cơ bản phát sinh trong quá trình hoạt động của Ngân hàng thương mại; Hệ thống Báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại.

29. Kế toán quốc tế

2 TC

Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức bổ trợ, nội dung môn học bao gồm: Khái quát những vấn đề cơ bản về kế toán quốc tế, tìm hiểu mô hình kế toán Mỹ làm nội dung chính cho nghiên cứu và học tập.

30. Kiểm toán kế toán TCDN

3TC

Kiểm toán báo cáo tài chính trong nội dung giảng dạy của môn học này chủ yếu tập trung vào nội dung kiểm toán báo cáo tài chính. Với môn học này sinh viên sẽ nắm được các vấn đề tổng quan của kiểm toán báo cáo tài chính như bản chất, đối tượng, mục tiêu, nội dung, quy trình kiểm toán ... và các chương trình kiểm toán đối với các phần hành chủ yếu trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính (như chu trình vốn bằng tiền, chu trình bán hàng – thu tiền, chu trình mua hàng – thanh toán, hàng tồn kho, tiền lương và các khoản trích theo lương, tài sản cố định và các khoản

đầu tư dài hạn, tiếp nhận và hoàn trả vốn, và kiểm toán các chỉ tiêu tài chính khác) với nội dung cơ bản là cách đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm chi tiết với nghiệp vụ và số dư các tài khoản.

31. Kế toán xây lắp

2TC

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp cũng như doanh nghiệp chủ đầu tư, giúp cho sinh viên có khả năng quản lý vốn đầu tư tốt, có hiệu quả, đồng thời khắc phục được tình trạng lãng phí các yếu tố đầu vào, hạ giá thành sản phẩm song vẫn đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ thi công công trình khi hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

32. Kế toán kho bạc

2TC

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về ngân sách tại đơn vị cấp phát - Kho bạc và phương pháp hạch toán kế toán. Kết thúc học phần, người học sẽ có một hệ thống các kiến thức chuyên ngành về các phần hành kế toán có liên quan đến ngân sách, biết cách hạch toán và lập hệ thống các báo cáo quyết toán ngân sách theo yêu cầu.

33. Kế toán chi phí giá thành

Học phần Kế toán chi phí và giá thành sản phẩm cung cấp cho người học các vấn đề lý luận chung về chi phí giá thành, các mô hình và phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm bao gồm: mô hình chi phí thực tế, mô hình chi phí thực tế kết hợp với ước tính, mô hình chi phí định mức nhằm phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát chi phí, ra quyết định kinh doanh và lập báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp với đặc điểm sản xuất khác nhau.

34. Kỹ năng soạn thảo các văn bản quản lý kinh tế và QTKD

2TC

Môn học Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản và cách

35. Đặc điểm kế toán các ngành sản xuất

Môn học nhằm trang bị những kiến thức nghiệp vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp khác doanh nghiệp sản xuất như doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, doanh nghiệp kinh

doanh hàng hoá xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh xây lắp, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ

36. Kế toán hành chính sự nghiệp

Kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo người học chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học kinh tế & Quản trị kinh doanh. Học phần kế toán HCSN gồm 8 chương nhằm cung cấp những kiến thức tổng quan về các đơn vị HCSN (như các Sở, Ban, Ngành, Trường học, Bệnh viện công lập...) và cụ thể về phương pháp hạch toán một số phần hành kế toán cơ bản trong các đơn vị HCSN. Học phần được nghiên cứu dựa trên Luật kế toán Việt Nam, các chế độ và văn bản mới nhất về kế toán trong các đơn vị HCSN.

37. Khóa luận tốt nghiệp

6 TC

Học phần Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

**NGÀNH ĐÀO TẠO : KẾ TOÁN
CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN TỔNG HỢP
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO : ĐẠI HỌC
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : CHÍNH QUY**

Thái Nguyên, năm 2015

I. Khối kiến thức giáo dục đại cương

1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN I

1. Tên học phần: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN 1

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26; Thảo luận:4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. *Kiến thức:* Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất, trên cơ sở đó tiếp cận nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

6.2. *Kỹ năng:* Học phần hướng vào việc hình thành ở người học các kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

6.3. *Thái độ:* Yêu cầu thái độ khoa học, nghiêm túc, tiếp thu nội dung học phần trên tinh thần độc lập, sáng tạo với phương châm tự học, tự nghiên cứu.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Những nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế Mác-Lênin; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lê nin-NXB Giáo dục*

8.2. Sách tham khảo:

[2] Huỳnh Thành lập- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2008*

[3] Lê Hậu Mãn- *Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội*

[4] Nguyễn Quang Điền- *Triết học Mác-Lê Nin- NXB Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh- 2005 .*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương mở đầu

Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin

Phần thứ nhất

Thế giới quan và phương pháp luận tiết học của chủ nghĩa Mác- Lênin

Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng

- 1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng
- 1.2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức

Chương 2: Phép biện chứng duy vật

- 2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật
- 2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật
- 2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

- 3.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó
- 3.2. Quy luật QHSX phù hợp với trình độ của LLSX
- 3.3. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng
- 3.4. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- 3.5. Hình thái kinh tế - xã hội (HTKT-XH), sự phát triển của các HTKT-XH là quá trình lịch sử tự nhiên.
- 3.6. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội

Chương 4: Học thuyết giá trị

- 4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá
- 4.2. Hàng hoá
- 4.3. Tiền tệ
- 4.4. Quy luật giá trị

Chương 5: Học thuyết giá trị thặng dư

- 5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản
- 5.2. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư
- 5.3. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành tư bản
- 5.4. Các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư.

Chương 6: Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước

- 6.1. CNTB độc quyền
- 6.2. CNTB độc quyền nhà nước
- 6.3. Vai trò và giới hạn lịch sử của CNTB

Chương 7: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN

- 7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- 7.2. Cách mạng XHCN
- 7.3. Hình thái KT-XH CSCN

Chương 8: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình CM XHCN

- 8.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
- 8.2. Xây dựng nền văn hoá XHCN
- 8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

Chương 9: CNXH hiện thực và triển vọng

- 9.1. CNXH hiện thực
- 9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xôviết và nguyên nhân của nó
- 9.3. Triển vọng của CNXH

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 1-2 | Chương mở đầu: Nhập môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 3 LT |
| | Phần thứ nhất Thê giới quan và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lê nin | | | |
| | Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng | | HT[1] | 3 LT |

| | | | | |
|----|---|----------------|---------------------|------|
| | 1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa DVBC | Giảng LT | TK [2,3,4] | |
| 3 | 1.2. Quan điểm DVBC về vật chất, ý thức | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2+1 |
| 4 | Chương 2: Phép biện chứng duy vật 2.1. Phép biện chứng và phép BCDV 2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép BCDV | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 3 LT |
| 5 | 2.3. Các cặp PT cơ bản của phép BCDV | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2+1 |
| 6 | 2.4. Các quy luật cơ bản của phép BCDV 2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng - Kiểm tra | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2+1 |
| 7 | Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó 3.2. Quy luật QHSX phù hợp với trình độ của LLSX | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 3 LT |
| 8 | 3.3. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.4. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2+1 |
| 9 | 3.5. Hình thái kinh tế -xã hội (HTKT-XH), sự phát triển của các HTKT-XH là quá trình lịch sử - tự nhiên. 3.6. Giai cấp, đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 3 LT |
| 10 | 3.7. Vấn đề con người trong triết học Mác-Lênin - Kiểm tra | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 3 LT |

Hiệu trưởng

Khoa/BỘ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN II

1. Tên học phần: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN II

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 36; Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. *Kiến thức:* Xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất, trên cơ sở đó tiếp cận nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

6.2. *Kỹ năng:* Học phần hướng vào việc hình thành ở người học các kỹ năng:

- Kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội.

- Kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo.

6.3. *Thái độ:* Yêu cầu thái độ khoa học, nghiêm túc, tiếp thu nội dung học phần trên tinh thần độc lập, sáng tạo với phương châm tự học, tự nghiên cứu.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin; Những nội dung trọng tâm của học thuyết kinh tế Mác-Lênin; Những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lê nin*-NXB Giáo dục

8.2. Sách tham khảo:

[2] Huỳnh Thành lập- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2008*

[3] Lê Hậu Mãn- *Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam*- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

[4] Nguyễn Quang Điền- *Triết học Mác-Lê Nin*- NXB Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh- 2005 .

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận kết hợp với trắc nghiệm.

10. Nội dung chi tiết môn học

Phần thứ hai

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN VỀ PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Chương 1: Học thuyết giá trị

- 1.1. Điều kiện ra đời; Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa
- 1.2. Hàng hóa
- 1.3. Tiền tệ
- 1.4. Quy luật giá trị thặng dư

Chương 2: Học thuyết giá trị thặng dư

- 2.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản
- 2.2. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư
- 2.3. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành tư bản
- 2.4. Các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư.

Chương 3: Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước

- 3.1. CNTB độc quyền
- 3.2. CNTB độc quyền nhà nước
- 3.3. Vai trò và giới hạn lịch sử của CNTB

Phần thứ ba

LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương 4: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN

- 4.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân
- 4.2. Cách mạng XHCN
- 4.3. Hình thái KT-XH CSCN

Chương 5: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình CM XHCN

- 5.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN
- 5.2. Xây dựng nền văn hoá XHCN
- 5.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo

Chương 6: CNXH hiện thực và triển vọng

6.1. CNXH hiện thực

6.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xôviết và nguyên nhân của nó

6.3. Triển vọng của CNXH

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|----------|---|------------------------------|-----------------------------|---------------------|
| | Phần thứ hai Học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất TBCN | | | |
| 1-2-3 | Chương 1: Học thuyết giá trị 1.1. Điều kiện ra đời; Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa 1.2. Hàng hóa 1.3. Tiền tệ 1.4. Quy luật giá trị thặng dư | Giảng LT + TL | HT[1] TK [2,3,4] | 3 2 + 1 2 + 1 |
| 4-5-6 | Chương 2: Học thuyết giá trị thặng dư 2.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản 2.2. Sự sản xuất ra giá trị thặng dư 2.3. Sự chuyển hoá giá trị thặng dư thành TB 2.4. Các hình thái biểu hiện của tư bản và giá trị thặng dư. - Kiểm tra | Giảng LT + TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 3 2 + 1 |
| 7-8-9 | Chương 3: Học thuyết về CNTB độc quyền và CNTB độc quyền nhà nước 3.1. CNTB độc quyền 3.2. CNTB độc quyền nhà nước 3.3. Vai trò và giới hạn lịch sử của CNTB | Giảng LT + TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 3 3 |
| | Phần thứ ba LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | | | |
| 10-11-12 | Chương 4: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN 4.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 4.2. Cách mạng XHCN 4.3. Hình thái KT-XH CSCN - Kiểm tra | Giảng LT + TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 3 2 + 1 |
| 13-14 | Chương 5: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình CM XHCN | Giảng | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 3 |

| | | | | |
|----|---|------------------|---------------------|-------|
| | 5.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN 5.2. Xây dựng nền văn hoá XHCN 5.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo | LT+ TL | | |
| 15 | Chương 6: CNXH hiện thực và triển vọng 6.1. CNXH hiện thực 6.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xôviết và nguyên nhân của nó 6.3. Triển vọng của CNXH | Giảng LT + TL | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 |

Hiệu trưởng

Khoa/Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Tên học phần: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin.

6. Mục tiêu của học phần:

- **VỀ kiến thức:**

Giúp sinh viên có những hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp, những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh; từ đó có tình cảm niềm tin khoa học vào mục tiêu lý tưởng cách mạng; có ý thức rèn luyện phấn đấu; có những việc làm cụ thể thiết thực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- **VỀ kỹ năng:**

+ Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta. + Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

- **VỀ thái độ:**

Tham dự nghe giảng, hoàn tất các bài kiểm tra và các yêu cầu học tập khác của giảng viên.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và xây dựng con người mới, Phương pháp luận Hồ Chí Minh.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh-NXB Giáo dục*

2. Sách tham khảo:

[2] Huỳnh Thành lập- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2008*

[3] Phùng Tố Tâm- *Tư tưởng Hồ Chí Minh hành trình đến thắng lợi- NXB Thế giới 2011*

[4] Lê Hậu Mãn- *Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu:

Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh

- 1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
- 1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
- 1.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

Chương 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và CM giải phóng dân tộc

- 2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc
- 2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc

Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở VN

- 3.1. TTHCM về CNXH ở Việt Nam
- 3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH

Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản VN

- 4.1. Về vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản VN
- 4.2. Về xây dựng Đảng CSVN

Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

- 5.1. Về đại đoàn kết dân tộc
- 5.2. Về đoàn kết quốc tế

Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân

- 6.1. Về dân chủ
- 6.2. Về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân

Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới

- 7.1. Về văn hoá
- 7.2. Về đạo đức
- 7.3. Về xây dựng con người mới

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 1 | Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 3 LT |

| | | | | |
|-------|--|----------|---------------------|------------|
| | HỒ Chí Minh | | | |
| 2 - 3 | Chương 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh 1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng HỒ Chí Minh 1.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HỒ Chí Minh 1.3. Giá trị tư tưởng HỒ Chí Minh | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 3 |
| 4 | Chương 2: Tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc và CM giải phóng dân tộc 2.1. Tư tưởng HỒ Chí Minh về vấn đề dân tộc 2.2. Tư tưởng HỒ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 |
| 5 - 6 | Chương 3: Tư tưởng HỒ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam 3.1. TTHCM về CNXH ở Việt Nam 3.2. Con đường, biện pháp quá độ lên CNXH - Kiểm tra | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 3 |
| 7 | Chương 4: Tư tưởng HỒ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1. Về vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2. Về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 |
| 8 | Chương 5: Tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế 5.1. Về đại đoàn kết dân tộc 5.2. Về đoàn kết quốc tế | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 |
| 9 | Chương 6: Tư tưởng HỒ Chí Minh về dân chủ, về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân 6.1. Về dân chủ 6.2. Về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân - Kiểm tra | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 3 LT |
| 10 | Chương 7: Tư tưởng HỒ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới 7.1. Về văn hoá 7.2. Về đạo đức 7.3. Về xây dựng con người mới | Giảng LT | HT[1] TK [2,3,4] | 2 + 1 |

Hiệu trưởng

Khoa/Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

3. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tên học phần: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Kiến thức:

Người học biết và hiểu được các quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam một cách cơ bản và có hệ thống.

6.2. Kỹ năng:

Sinh viên vận dụng, kết hợp với kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

6.3. Thái độ:

Nhận thức được rõ ý nghĩa của việc học tập môn học, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân.

7. Mô tả môn học

Nội dung thực hiện theo công văn số 2488/BGDĐT-ĐH&SDH, ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng và phát triển văn hoá xã hội; Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Đường lối đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam-NXB Giáo dục

8.2. Sách tham khảo:

[2] Lê Hậu Mãn- Giáo trình Lịch sử đảng cộng sản Việt nam- NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (3 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương mở đầu

Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của ĐCSVN

Chương 1: Sự ra đời của ĐCSVN và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- 1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của ĐCSVN
- 1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- 2.1. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh thời kỳ 1930-1939
- 2.2. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh thời kỳ 1939-1945

Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)

- 3.1. Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và KC chống thực dân Pháp xâm lược
- 3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá (CNH)

- 4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới
- 4.2. Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa thời kỳ đổi mới

Chương 5: Đường lối xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN

- 5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường
- 5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta

Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

- 6.1. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ trước đổi mới
- 6.2. Đường lối xây dựng HTCT thời kỳ đổi mới

Chương 7: Đường lối xây dựng phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội

- 7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng phát triển văn hoá
- 7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội

Chương 8: Đường lối đối ngoại

- 8.1. Đường lối đối ngoại thời kỳ trước đổi mới (1975-1985)

8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|----------|--|------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| 1 | Chương 1: Sự ra đời của ĐCSVN và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của ĐCSVN 1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2] | 2LT + 1 |
| 2 - 3 | Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 2.1.Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh thời kỳ 1930-1939 2.2.Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh thời kỳ 1939-1945 | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2] | 2LT + 1 3 LT |
| 4 - 5 | Chương 3: Đường lối (ĐL) kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) 3.1. ĐL xây dựng, bảo vệ chính quyền và KC chống thực dân Pháp xâm lược 3.2. ĐL kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Kiểm tra | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2] | 2LT+1.5 3LT |
| 6 - 7 | Chương 4: Đường lối công nghiệp hoá 4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 4.2. CNH – Hiện đại hóa thời kỳ đổi mới | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2] | 3LT 2LT+1 |
| 8 - 9 | Chương 5: Đường lối xây dựng kinh tế thị trường (KTTT) định hướng XHCN 5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về KTTT 5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2] | 2LT + 1 3LT |
| 10 - 11 | Chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị (XD HTCT) 6.1. ĐL XD HTCT thời kỳ trước đổi mới 6.2. Đường lối XD HTCT thời kỳ đổi mới - Kiểm tra | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2] | 2LT+1 3LT |
| 12 - 13 | Chương 7: Đường lối xây dựng phát triển văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội | Giảng | HT[1] TK [2] | 2LT + 1 3LT |

| | | | | |
|---------|---|----------------|-----------------|----------------|
| | 7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng phát triển văn hoá 7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội | LT+TL | | |
| 14 - 15 | Chương 8: Đường lối đối ngoại (ĐLĐN) 8.1. ĐLĐN trước đổi mới (1975-1985) 8.2. ĐLĐN, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới. | Giảng LT+TL | HT[1] TK [2] | 2LT + 1 3LT |

Hiệu trưởng

Khoa/Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

4. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: Pháp luật đại cương

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 02

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

Chương trình học phần Pháp luật đại cương nhằm mở rộng những tri thức phổ thông, lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nâng cao nhận thức pháp luật cho sinh viên; Góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo và hoàn thiện nhân cách cho sinh viên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân;

- Về kỹ năng:

Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng vận dụng các văn bản pháp luật của nhà nước, rèn luyện bản thân.

- Về thái độ:

Củng cố lòng tin của sinh viên về những giá trị chuẩn mực của pháp luật, có thái độ bảo vệ tính đúng đắn, tính nghiêm minh và tính công bằng của pháp luật.

7. Mô tả môn học

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Nguyễn Hợp Toàn- *Giáo trình Pháp luật đại cương*- NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân 2012

8.2. Sách tham khảo:

[2] Đỗ Văn Giai-Trần Lương Đức- *Giáo trình Pháp luật đại cương*- NXB Khoa học và kỹ thuật 2010

[3] Phan Trung Hiền- Diệp Thành Nguyên - *Giáo trình Pháp luật đại cương*- NXB Đại học Cần Thơ 2009

.9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra: 2 bài (Mỗi bài 45 phút), trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Viết.
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Viết.

10. Nội dung học phần

Chương 1: Những vấn đề chung của nhà nước và pháp luật

- 1.1. Nguồn gốc, bản chất và dấu hiệu đặc trưng của nhà nước
- 1.2. Các kiểu và các hình thức nhà nước
- 1.3. Nguồn gốc, bản chất và vai trò của pháp luật.
- 1.4. Quy phạm pháp luật
- 1.5. Quan hệ pháp luật
- 1.6. Thực hiện pháp luật
- 1.7. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

Chương 2: Luật Nhà nước (Luật Hiến pháp)

- 2.1. Khái niệm Luật Hiến pháp
- 2.2. Hiến pháp năm 1992
 - 2.2.1. Chế độ chính trị
 - 2.2.2. Chế độ kinh tế
 - 2.2.3. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 - 2.2.4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Chương 3: Luật Hành chính, Luật Tố tụng hành chính

- 3.1. Khái niệm Luật Hành chính
- 3.2. Vi phạm hành chính
 - 3.2.1. Khái niệm, đặc điểm
 - 3.2.2. Xử lý vi phạm hành chính
- 3.3. Luật Tố tụng hành chính
 - 3.3.1. Khái niệm
 - 3.3.2. Nguyên tắc
 - 3.3.3. Thời hiệu khởi kiện
 - 3.3.4. Trình tự, Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính

Chương 4: Luật Hình sự và Luật Tố tụng hình sự

- 4.1. Luật Hình sự
 - 4.1.1. Khái niệm luật hình sự

4.1.2. Khái niệm về tội phạm

4.1.3. Hình phạt

4.2. Luật Tố tụng hình sự

4.2.1. Khái niệm luật tố tụng hình sự

4.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự

4.2.3. Các giai đoạn của hoạt động tố tụng hình sự

Chương 5: Luật Hôn nhân và Gia đình

5.1. Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình

5.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình

5.3. Một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình

5.3.1. Kết hôn

5.3.2. Quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái

5.3.3. Ly hôn

Chương 6: Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự

6.1. Luật Dân sự

6.1.1. Khái niệm Luật Dân sự

6.1.2. Quyền sở hữu

6.1.3. Giao dịch dân sự

6.1.4. Quyền thừa kế

6.2. Luật Tố tụng dân sự

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự

6.2.3. Trình tự giải quyết các vụ án dân sự

Chương 7: Luật Lao động

7.1. Khái niệm Luật Lao động

7.2. Hợp đồng lao động

7.2.1. Khái niệm

7.2.2. Hình thức hợp đồng lao động

7.2.3. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động

7.2.4. Nội dung cơ bản của hợp đồng lao động

7.2.5. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

7.2.6. Chấm dứt hợp đồng lao động

7.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động và người sử dụng lao động

7.4. Giải quyết tranh chấp lao động

7.4.1. Khái niệm

7.4.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

7.4.3. Trình tự giải quyết tranh chấp lao động

Chương 8: Luật Quốc tế

8.1. Khái niệm Luật Quốc tế

8.1.1. Khái niệm

8.1.2. Chủ thể của Luật Quốc tế

8.1.3. Nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế

8.2. Một số chế định cơ bản của Luật Quốc tế

8.2.1. Lãnh thổ và biên giới quốc gia

8.2.2. Ngoại giao và lãnh sự

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 1 - 2 | Chương 1: Những vấn đề chung của nhà nước và pháp luật 1.1. Nguồn gốc, bản chất và dấu hiệu đặc trưng của nhà nước 1.2. Các kiểu và các hình thức nhà nước 1.3. Nguồn gốc, bản chất và vai trò của PL. 1.4. Quy phạm pháp luật 1.5. Quan hệ pháp luật 1.6. Thực hiện pháp luật 1.7. VPPL và trách nhiệm pháp lý | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |
| 3 | Chương 2: Luật Nhà nước (Luật HP) 2.1. Khái niệm Luật Hiến pháp 2.2. Hiến pháp năm 1992 2.2.1. Chế độ chính trị 2.2.2. Chế độ kinh tế 2.2.3. Bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.2.4. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của CD | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |

| | | | | |
|-------|---|----------|-------------------|------|
| 4 | <p>Chương 3: Luật Hành chính, Luật Tố tụng hành chính</p> <p>3.1. Khái niệm Luật Hành chính</p> <p>3.2. Vi phạm hành chính</p> <p>3.2.1. Khái niệm, đặc điểm</p> <p>3.2.2. Xử lý vi phạm hành chính</p> <p>3.3. Luật Tố tụng hành chính</p> <p>3.3.1. Khái niệm</p> <p>3.3.2. Nguyên tắc</p> <p>3.3.3. Thời hiệu khởi kiện</p> <p>3.3.4. Trình tự, Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính</p> | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |
| 5 - 6 | <p>Chương 4: Luật Hình sự và Luật TTHS</p> <p>4.1. Luật Hình sự</p> <p>4.1.1. Khái niệm luật hình sự</p> <p>4.1.2. Khái niệm về tội phạm</p> <p>4.1.3. Hình phạt</p> <p>4.2. Luật Tố tụng hình sự</p> <p>4.2.1. Khái niệm luật tố tụng hình sự</p> <p>4.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật TTHS</p> <p>4.2.3. Các giai đoạn của hoạt động TTHS</p> <p>- Kiểm tra</p> | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |
| 7 | <p>Chương 5: Luật Hôn nhân và Gia đình</p> <p>5.1. Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình</p> <p>5.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình</p> <p>5.3. Một số chế định cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình</p> <p>5.3.1. Kết hôn</p> <p>5.3.2. Quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái</p> <p>5.3.3. Ly hôn</p> | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |
| 8 | <p>Chương 6: Luật Dân sự và Luật TTDS</p> <p>6.1. Luật Dân sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm Luật Dân sự</p> <p>6.1.2. Quyền sở hữu</p> <p>6.1.3. Giao dịch dân sự</p> <p>6.1.4. Quyền thừa kế</p> <p>6.2. Luật Tố tụng dân sự</p> <p>6.2.1. Khái niệm</p> <p>6.2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật TTDS</p> | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |

| | | | | |
|----|--|----------|-------------------|------|
| | 6.2.3. Trình tự giải quyết các vụ án dân sự | | | |
| 9 | Chương 7: Luật Lao động 7.1. Khái niệm Luật Lao động 7.2. Hợp đồng lao động 7.2.1. Khái niệm 7.2.2. Hình thức hợp đồng lao động 7.2.3. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động 7.2.4. Nội dung cơ bản của hợp đồng LĐ 7.2.5. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất 7.2.6. Chấm dứt hợp đồng lao động 7.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người lao động và người sử dụng lao động 7.4. Giải quyết tranh chấp lao động 7.4.1. Khái niệm - Kiểm tra | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |
| 10 | Chương 8: Luật Quốc tế 8.1. Khái niệm Luật Quốc tế 8.1.1. Khái niệm 8.1.2. Chủ thể của Luật Quốc tế 8.1.3. Nguyên tắc cơ bản của Luật Quốc tế 8.2. Một số chế định cơ bản của Luật Quốc tế 8.2.1. Lãnh thổ và biên giới quốc gia 8.2.2. Ngoại giao và lãnh sự | Giảng LT | HT[1] TK [2,3] | 3 LT |

Hiệu trưởng

Khoa/BỘ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

5. TIẾNG ANH I

1. Tên học phần: TIẾNG ANH I

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 30, BT: 15)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhất trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và nghiên cứu chuyên môn. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

7. Mô tả môn học

Môn học củng cố và ôn tập lại kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, so sánh hơn và hơn nhất; Sinh viên được bổ sung thêm một số kiến thức ngữ pháp mới về câu điều kiện loại 1, cách dùng thì quá khứ tiếp diễn... Nắm vững được hệ thống từ vựng liên quan đến chủ đề của bài học, củng cố lại những cấu trúc câu thông dụng đã học và trang bị thêm cấu trúc nâng cao để hiểu rõ văn phong cách diễn đạt trong tiếng Anh.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *English Unlimited- A2 Elementary Coursebook- Cambridge*

[2] *Tiếng anh cơ sở tập 1- Trần Văn Phước (chủ biên)*

[3] *Tiếng anh cơ sở tập 2- Trần Văn Phước (chủ biên)*

8.2. Sách tham khảo:

[4] *Contemporary topics 1- Giới thiệu Thanh hải*

[5] *Contemporary topics 2- Giới thiệu Thanh hải*

[6] *Contemporary topics 3- Giới thiệu Thanh hải*

[7] *Giải thích ngữ pháp tiếng Anh- Mai Lan Hương- Hà Thanh Uyên*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên (3 bài): 30%; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

- Thi kết thúc học phần: 70% ; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

10. Nội dung chi tiết học phần

11. Kế hoạch triển khai học phần.

| Bài | Nội dung giảng dạy | Tuần | Số tiết | Yêu cầu đối với sinh viên |
|-----|--------------------|------|---------|---------------------------|
|-----|--------------------|------|---------|---------------------------|

| | | | | |
|-------------------------------------|---|-------------------|-------------------|---|
| <p>ABOUT YOU</p> | <p>Goals: Introduce yourself Ask for and give personal information Fill in a form Say what you can do</p> <p>Language:</p> <p>Grammar Subject pronouns, possessive Adjective Can for ability</p> <p>Vocabulary Countries and language Introducing yourself Letters, numbers, addresses Personal information</p> <p>Skills</p> <p>Listening Agata enroles on a course</p> <p>Speaking Enroles on a course Self-study pack</p> | <p>1</p> <p>2</p> | <p>4</p> <p>4</p> | <p>Chuẩn bị tài liệu, sách. Nghiên cứu phần nội dung, bố cục của sách</p> |
| <p>5 PEOPLE IN YOUR LIFE</p> | <p>Goals. Introduce people Say who people are Talk about present and past jobs Say how you know people Ask people to repeat</p> <p>Target activity: Talk about someone you know well</p> <p>Language</p> <p>Grammar Possessive's</p> | <p>4</p> | <p>4</p> | |

| | | | | |
|-------------------|---|---|---|--|
| | <p>Be present: am, is, are Be past: was, were Vocabulary People you know Talking about jobs How you know people Pronunciation Syllables Skills Listening Rob's family and friends Michel's and Dona's friend Reading Life's work Speaking Introductions Talk about relationships Talk about jobs Explore Key word: Ok Explore speaking Ask people to repeat Ask questions to check information Across culture Greetings Look again Spelling and sounds: Vowels and consonants Self-study pack</p> | 5 | 4 | |
| 2 AWAY FROM HOUSE | <p>Goals Make and respond to requests Make and respond to offers So what you want to do Target activity: Take care of a guest Language Grammar A, an some Present simple: Positive sentence</p> | 6 | 4 | |

| | | | | |
|-------------|--|---|---|--|
| | <p>Vocabulary Offers and requests Interests and wants Take care of a guest</p> <p>Pronunciation Word stress</p> <p>Revision Mid- Term Test Mid – Term Test</p> <p>Skills</p> <p>Listening What do you miss? Carly ask for things</p> <p>Reading Sofasurfing.com</p> <p>Speaking Ask for something</p> <p>Writing: Profile for a wesite</p> <p>Explore Keyword: This, that, these, those</p> <p>Explore writing Write a letter or email requesting for something</p> <p>Independence learning Finding information</p> <p>Self – study pack</p> | 7 | 2 | Làm bài tập trong sách bài tập Tra cứu từ mới trước khi đến lớp |
| 3 YOUR TIME | <p>Goals Say what you do in your free time Say what you like or dislike Talk about habits and customs Make and respond to invitations</p> <p>Target activity: Order a meal</p> <p>Language Invite someone out</p> <p>Vocabulary Free time activities Adverbs of frequency invitations</p> <p>Pronunciation Word stress</p> | 9 | 4 | |

| | | | | |
|--|---|---------------|---|---|
| | <p>Skills Listening and speaking About shopping</p> <p>Listening Min’s and paul’s new year</p> <p>Reading Happiness is...</p> <p>Speaking Your free time Your new year Special occasions</p> <p>Writing; For me happiness is</p> <p>Explore writing Take a phone message Ask people to repeat and speak more slowly Show your understand</p> <p>Across culture Conversation “dos and don’ts”</p> <p>Look again Spelling and sounds: ch, tch, sh</p> <p>Self – study pack</p> <p>Revision for final Term</p> | 10 | 4 | |
| | | 11 | 4 | Làm bài tập trong sách bài tập Xem lại các cách phát âm âm cuối: ch, tch, sh |
| | | Revision week | 3 | |

Hiệu trưởng

Khoa/BỘ môn

Trưởng BỘ môn

Tập thể biên soạn

6. TIẾNG ANH II

1. Tên học phần: TIẾNG ANH II

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 36, TL: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Tiếng Anh I

6. Mục tiêu của học phần:

- Mở rộng vốn kiến thức liên quan đến vấn đề của đời sống.
- Sử dụng các cấu trúc ngôn từ và kỹ năng giao tiếp một cách rõ ràng và thành thạo trong giao tiếp hằng ngày theo văn phong phù hợp với ngữ cảnh.
- Trình bày các nội dung thông tin bằng tiếng Anh

7. Mục tiêu môn học

7.1 Về kiến thức ngôn ngữ

*** Ngữ âm:**

Nhận biết đúng trọng âm của câu cũng như các âm yếu, lướt như nghe, nói, đọc, viết.

*** Ngữ pháp:**

Nắm vững vốn kiến thức cơ bản như các cấu trúc câu (câu bị động, điều kiện, so sánh...) thời thể trong tiếng Anh (hiện tại, quá khứ, tương lai...) để sử dụng các tình huống giao tiếp thông thường.

*** Từ vựng:**

Có vốn từ vựng đủ để thể hiện trong các tình huống giao tiếp về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch và cách sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ... cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ.

7.2 Về các kỹ năng ngôn ngữ.

Kỹ năng đọc.

Đọc hiểu các văn bản thông thường như quảng cáo, bảng biểu, thực đơn..

Đọc hiểu nội dung thông thư cá nhân như miêu tả sự kiện, cảm xúc nhằm trao đổi thư với bạn bè nước ngoài.

Kỹ năng nghe

Nghe hiểu được ý chính muốn truyền tải trong những bài nói về chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày như học tập, công việc...

Nghe và nắm bắt được nội dung chính của các bài trình bày của sinh viên trong lớp theo chủ đề của giáo viên.

Kỹ năng nói.

Thực hiện các đoạn hội thoại không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày như gia đình, sở thích, công việc..

Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình như du lịch, sự kiện đang diễn ra..

Kết hợp các cụm từ thành câu và sử dụng các cấu trúc câu tương ứng để miêu tả sự kiện
Tường thuật lại một câu chuyện, một bộ phim đơn giản như trình bày cảm xúc, ước mơ, hy vọng...

Kỹ năng viết.

Viết thư cá nhân nhằm mục đích thông báo tin tức, bày tỏ suy nghĩ về một vấn đề cụ thể hay trừu tượng như âm nhạc, điện ảnh.

Viết tóm tắt, viết đoạn văn theo đúng cấu trúc câu đã học.

7.3 Về mặt thái độ.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học.

Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách, ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng...

Tự giác trong học tập và thi cử.

Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *English Unlimited- A2 Elementary Coursebook- Cambridge*

[2] *Tiếng anh cơ sở tập 1- Trần Văn Phước (chủ biên)*

[3] *Tiếng anh cơ sở tập 2- Trần Văn Phước (chủ biên)*

8.2. Sách tham khảo:

[4] *Contemporary topics 1- Giới thiệu Thanh hải*

[5] *Contemporary topics 2- Giới thiệu Thanh hải*

[6] *Contemporary topics 3- Giới thiệu Thanh hải*

[7] *Giải thích ngữ pháp tiếng Anh- Mai Lan Hương- Hà Thanh Uyên*

9. Đánh giá học phần

- Đánh giá theo học phần:

Điểm chuyên cần: 10%

Điểm kiểm tra giữa kỳ 20%

Điểm thi kết thúc học phần 70%

- Thi kết thúc học phần: 70% ; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

10. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp như thì hiện tại đơn. Hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ...
- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hằng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm...

- Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được mở rộng và nâng cao.

11. Kế hoạch triển khai học phần.

| Bài | Nội dung giảng dạy | Tuần | Số tiết | Yêu cầu đối với sinh viên |
|----------------------------|---|----------------------------|----------------------------|---|
| Unit 4: CHANGES | <p>Goals: Talk about past events Talk about past times Talk about trips Talk about important events on your life <i>Target activity:</i> Talk about important events</p> <p>Language: Grammar Singular, plural. Past simple verbs Past simple.</p> <p>Vocabulary Past time expressions Thing for a trip Good and bad expressions Pronunciation. Sentence stress</p> <p>Skills</p> <p>Reading Three small things that chane the ửold</p> <p>Listening Sangmi’s business trip from Nigeria to Scotland</p> <p>Speaking Your technology first Do you have a good time?</p> <p>Explore Keyword have Explore writing Write a personal letter or email giving news</p> <p>Punctuations</p> | <p>1</p> <p>2</p> <p>3</p> | <p>4</p> <p>4</p> <p>4</p> | <p>Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập. Tra cứu từ vựng có liên quan đến bài học trước khi đến lớp</p> |

| | | | | |
|--------------|--|---|---|---|
| | Self-study pack | | | |
| 5 YOUR PLACE | Goals. Talk about the cities and neighbourhoods Talk about homes Find information in adverts for rooms Target activity: Rent a room | | | |
| | Language Grammar There is, there are Vocabulary Places Describing places Prepositions of place Things in the home Adverts for rooms Pronunciation Sentences stress | 4 | 4 | |
| | Skills Reading I live here but I work kilometers away Dublin Capital Rentals.com Listening House sitting Alicja looks for a room Speaking Describe the places you know where you live Rooms in your home Writing and speaking House-sit for a friend | 5 | 4 | Làm bài tập trong sách bài tập theo yêu cầu của giáo viên. Chuẩn bị từ mới, tra cứu từ vựng có liên quan đến bài học trước khi đến lớp |
| | Explore Key word: On Explore speaking Show interest in conversation Across culture Personal space Self-study pack | 6 | 4 | |

| | | | | |
|--------------------------------------|--|---|---|--|
| | | | | |
| | Revision Mid – Term Test Mid – Term Test Goals Buy things in shops Talk about shopping and food Talk about preferences and give reasons Order a meal Target activity: Order a meal Language Countable and uncountable nouns Vocabulary Shop and Shopping Buying things Food and ordering food Ordering food Pronunciation Sentence stress Skills Listening and speaking About shopping Listening Jon in the shopping centre At an airport café Reading Weird fruit and veg Speaking Buy in the shops Talk about food Explore Keyword: This, that, these, those Explore writing Write short practical requests and reminders Self – study pack | 7 | 2 | |
| 6 WHAT WOULD YOU LIKE | | | | |
| 7 WORK – LIFE BALANCE | Goals Talk about work and studies Describe present activities | | | |

| | | | | |
|--|---|--------------------|-------------------------------------|--|
| | <p>Say why you can't do things</p> <p>Target activities: Explain what you do</p> <p>Language</p> <p>Grammar</p> <p>Present progressive</p> <p>Vocabulary</p> <p>Work and study</p> <p>Spend</p> <p>Saying you're busy</p> <p>Work and studies</p> <p>Pronunciation</p> <p>Skills</p> <p>Reading</p> <p>So what do you do all day?</p> <p>Listening</p> <p>Dean on the phone</p> <p>What do you do?</p> <p>Speaking</p> <p>Your work-life balance</p> <p>Say you're busy</p> <p>What you're doing</p> <p>Writing</p> <p>You work and studies</p> <p>Explore</p> <p>Key word: of</p> <p>Explore speaking</p> <p>Say you're not sure about facts and numbers</p> <p>Across culture</p> <p>Workplaces</p> <p><u>Self-study pack</u></p> <p>Revision For Final – Term</p> <p style="text-align: center;">For Final – Term</p> | <p>9</p> <p>11</p> | <p>2</p> <p>4</p> <p>3</p> <p>2</p> | |
|--|---|--------------------|-------------------------------------|--|

Hiệu trưởng

Khoa/Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

7. TIẾNG ANH III

1. Tên học phần: TIẾNG ANH III

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 36, TL:9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Tiếng Anh I, Tiếng Anh II

6. Mục tiêu của học phần:

Kiến thức

Củng cố kiến thức, ngữ pháp tiếng Anh đã học ở học phần Tiếng anh 1, 2 đồng thời mở rộng vốn kiến thức ngữ pháp cơ bản tiếp theo về các thì, các cấp so sánh của tính từ, trạng từ...

Phát triển vốn từ vựng cần thiết dùng trong giao tiếp hằng ngày ở môi trường làm việc như vawnbanr, hợp đồng, tiếp thị,quảng cáo, triển khai kế hoạch, hội nghị...

Kỹ năng

Ó khả năng giao tiếp trong các tình huống thông thường về những chủ đề đã học

Đọc hiểu bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức trong những sự kiện xã hội, quảng cáo....

Viết một đoạn văn khoảng 80-100 từ về những chủ đề thông thường.

Thái độ

Người học có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài ở nhà.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *English Unlimited- A2 Elementary Coursebook- Cambridge*

[2]*Tiếng anh cơ sở tập 1- Trần Văn Phước (chủ biên)*

[3] *Tiếng anh cơ sở tập 2- Trần Văn Phước (chủ biên)*

8.2. Sách tham khảo:

[4] *Contemporary topics 1- Giới thiệu Thanh hải*

[5] *Contemporary topics 2- Giới thiệu Thanh hải*

[6] *Contemporary topics 3- Giới thiệu Thanh hải*

[7] *Giải thích ngữ pháp tiếng Anh- Mai Lan Hương- Hà Thanh Uyên*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên (3 bài): 30%; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

- Thi kết thúc học phần: 70% ; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

10. Nội dung chi tiết học phần

| | | | | |
|-------------------------|--|---|---|---|
| | So Self-study pack | | | |
| 9 GETTING AROUND | Goals. Get information in places you visit Compare ways of travelling Buy a travel tickets Target activity: Rent a room Language Grammar Comparatives and superlatives Vocabulary Using transport Get information Prepositions of movement Buying a ticket Pronunciation Sentences stress Skills Reading One-wheeled wonder Listening Vijay visits Lucknow Vijay buy a ticket Speaking Get around Ask for information Writing and speaking A journey you like Explore Key word: get Explore speaking Correct yourself and other people Check and summarise information Across culture Transport culture Self-study pack | 4 | 4 | Làm bài tập trong sách bài tập theo yêu cầu của giáo viên. Chuẩn bị từ mới, tra cứu từ vựng có liên quan đến bài học trước khi đến lớp |
| | 5 | 4 | | |
| | 6 | 4 | | |

| | | | | |
|---------------------------------------|---|--|-------------------------------------|--|
| <p>11. JOURNEYS</p> | <p><u>Goals</u> Check in and board a flight Tell a story Talk about a journey Target activities: Describe a journey</p> <p>Language Grammar Articles</p> <p>Vocabulary Airports Story telling expressions Talking about a journey</p> <p>Pronunciation Polite intonation</p> <p>Skills Listening Belinda at airport Sam’s journey</p> <p>Reading Help a traveller’s tale</p> <p>Speaking At an airport; Tell a story</p> <p>Explore Key word: at Explore speaking Ask question to develop a conversation Change atopic of a conversation</p> <p>Across culture Saying sorry Look again Spelling and sound: ng</p> <p><u>Self-study pack</u> Revision For Final – Term For Final – Term</p> | <p>9</p> <p>10</p> <p>11</p> <p>Revision n</p> | <p>2</p> <p>4</p> <p>4</p> <p>3</p> | |
|---------------------------------------|---|--|-------------------------------------|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | | 2 | |
|--|--|--|---|--|

- 1. Tên học phần: TIẾNG ANH IV**
- 2. Mã số học phần:**

8. TIẾNG ANH IV

3. Số tín chỉ: 3 (Lí thuyết: 45)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Tiếng Anh I, Tiếng Anh II, Tiếng Anh III

6. Mục tiêu của học phần:

Kiến thức Kỹ năng

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chủ đề Y – Dược, sức khỏe, kinh nghiệm trong một số lĩnh vực cần thiết và cách tìm hiểu thông tin. Sinh viên có thể đưa ra được quan điểm, ý kiến cá nhân đồng thời có thể nói lên được kế hoạch, tương lai....dựa trên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đóng vai trò trong các lĩnh vực này.

Thái độ

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chủ động làm bài tập và bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá

7. Mô tả môn học

Nội dung của học phần này giúp người học có thể củng cố, luyện tập, thiết lập các kỹ năng giao tiếp rộng hơn bằng tiếng Anh. Đồng thời người học còn có khả năng tự học, tự nghiên cứu để có thể giao tiếp trong các tình huống của đời sống thực và là công cụ có thể tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập của bản thân từ đó có thái độ học tập tích cực tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập thực hành...

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *English Unlimited- A2 Elementary Coursebook- Cambridge*

[2] Alex Tibury, Theresa Clementson, Leslie Anne Hendra and David Rea. *English Unlimited- A2 Elementary Coursebook- Cambridge : Cambridge University Press 2010, 2011.*

[3] *Tiếng anh cơ sở tập 2- Trần Văn Phước (chủ biên)*

8.2. Sách tham khảo:

[4] *Contemporary topics 1- Giới thiệu Thanh hải*

[5] *Contemporary topics 2- Giới thiệu Thanh hải*

[6] *Contemporary topics 3- Giới thiệu Thanh hải*

[7] *Giải thích ngữ pháp tiếng Anh- Mai Lan Hương- Hà Thanh Uyên*

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra đánh giá thường xuyên: Chuyên cần: 10 %

Kiểm tra giữa kỳ: 20 %

- Thi kết thúc học phần: 70% ; Hình thức KT: Nghe, Nói, Đọc, Viết

10. Nội dung chi tiết học phần

| Bài | Nội dung giảng dạy | Tuần | Số tiết |
|-----------------------------|--|----------------------------|----------------------------|
| Unit 12: ARE YOU OK? | <p>Goals: Talk about health Buying things in a pharmacy Understand instructions on medicines Give advice <i>Target activity:</i> Give advice</p> <p>Language: Grammar Giving advice with if Vocabulary The body and health Giving advice Giving reasons for advice Pronunciation. Liking consonants and vowels</p> <p>Skills</p> <p>Listening & Reading Marc at the pharmacy Onyinye's family Someone I admire</p> <p>Reading Home remedies Stay healthy in the workplace</p> <p>Speaking Role play: At a pharmacy Remedies for a cold</p> <p>Explore Keyword take Explore writing Write an email or note apologizing Independent learning Learning collocation</p> | <p>1</p> <p>2</p> <p>3</p> | <p>4</p> <p>4</p> <p>4</p> |

| | | | |
|---|---|----------------------------|----------------------------|
| | <p>Look again</p> <p>Spelling and sounds: ay, ai</p> <p>Self-study pack</p> | | |
| <p>13</p> <p>EXPERIENCE</p> | <p>Goals.</p> <p>Talk about experiences</p> <p>Say what you've never done and always wanted to do</p> <p>Talk about the place you've been to</p> <p>Find out information about things</p> <p>Target activity: Get information and recommendations</p> <p>Language</p> <p>Grammar</p> <p>Present perfect verbs</p> <p>Present perfect</p> <p>Vocabulary</p> <p>Sights</p> <p>Getting information</p> <p>Pronunciation</p> <p>Liking consonants and vowels 2</p> <p>Skills</p> <p>Reading</p> <p>Happy to say, I've never...</p> <p>The people behind the places</p> <p>Listening</p> <p>I've always wanted to...</p> <p>Place you've been</p> <p>Speaking</p> <p>When was the last time...?</p> <p>I've always wanted to</p> <p>Place you've wanted to...</p> <p>Places you've been.</p> <p>Writing</p> <p>Things you've never done</p> <p>Explore</p> <p>Key word: thing</p> | <p>4</p> <p>5</p> <p>6</p> | <p>4</p> <p>4</p> <p>4</p> |

| | | | |
|------------|--|---|---|
| | <p>Explore speaking Start and finish conversations in different situations</p> <p>Across culture Your experiences</p> <p>Look again Spelling and sounds: Wh-</p> <p>Self-study pack</p> <p>Revision Mid – Term Test Mid – Term Test</p> | 7 | 2 |
| 14 CHOICES | <p>Goals Give opinion Talk about a film Find information hope and plans Make decisions Target activity: Plan a week break</p> <p>Language</p> <p>Grammar Be going to Be hoping to Would like to</p> <p>Vocabulary Too much, enough, not enough Life changes Planning</p> <p>Pronunciation Review</p> <p>Skills</p> <p>Listening Barry Cox Weekend in La Maurice</p> <p>Reading Keep your brain in top condition</p> <p>Speaking Your lifestyle</p> | 7 | 2 |
| | | 8 | 4 |

| | | | |
|--|---|---|---|
| | <p>Game: Hopes and plans</p> <p>Explore</p> <p>Keyword: about</p> <p>Explore writing</p> <p>Write a letter or email to an old friend</p> <p>Time expression</p> <p>Independent learning languages</p> <p>Look again</p> <p>Spelling and sound: silent consonants</p> <p>Self – study pack</p> | 9 | 4 |
|--|---|---|---|

9. TOÁN CAO CẤP

1. Tên học phần: TOÁN CAO CẤP
2. Mã số học phần:
3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- **Mục tiêu về kiến thức:** Sinh viên năm được kiến thức cơ bản về giải tích hàm số 1 biến số và lý thuyết chuỗi số. Sinh viên cần nắm được các tính chất của hàm số 1 biến số (bao gồm giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân) và mối quan hệ giữa các tính chất đó. Đồng thời, cần nắm được khái niệm tích phân suy rộng và sự hội tụ của chúng.

- Mục tiêu về kỹ năng:

+ Nêu và phân tích được ứng dụng của các tính chất giới hạn, liên tục, quy tắc tính đạo hàm và vi phân cấp 1, đạo hàm và vi phân cấp cao, cực trị địa phương, quy tắc L'Hôpital, nguyên hàm và tích phân bất định, tích phân xác định, các phương pháp tính tích phân (đổi biến, từng phần), tích phân suy rộng, Chuỗi số, chuỗi dương, chuỗi hàm.

+ Biết vận dụng quy tắc tính đạo hàm và vi phân cấp 1, quy tắc tính đạo hàm và vi phân cấp cao, cực trị địa phương, quy tắc L'Hôpital, các phương pháp tính tích phân (đổi biến, từng phần), tích phân suy rộng, Chuỗi số, chuỗi dương, chuỗi hàm.

+ Xác định được giới hạn, liên tục, quy tắc tính đạo hàm và vi phân cấp 1, quy tắc tính đạo hàm và vi phân cấp cao, cực trị địa phương, quy tắc L'Hôpital, các phương pháp tính tích phân (đổi biến, từng phần), tích phân suy rộng, Chuỗi số, chuỗi dương, chuỗi hàm của hàm một biến.

- Mục tiêu về thái độ:

+ Tích cực trong học tập, trung thực trong học tập và thi cử.

+ Sẵn sàng chia sẻ kiến thức với thành viên khác trong nhóm.

7. Mô tả môn học

Chương trình Toán cao cấp bao gồm các kiến thức về: Hàm số, sự liên tục của hàm số, phép tính vi phân, tích phân, lý thuyết chuỗi. Nội dung chương trình đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất của toán học, yêu cầu sinh viên phải nắm được các tính chất của hàm một biến số (bao gồm giới hạn, tính liên tục, phép tính vi phân) và mối quan hệ giữa các tính chất đó. Đồng thời cần nắm được khái niệm tích phân suy rộng và sự hội tụ của chúng. Từ đó có khả năng vận dụng các kiến thức vào các chuyên ngành mà sinh viên được đào tạo.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] *Toán Cao cấp tập 1*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

[2] *Toán Cao cấp tập 2*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

[3] *Toán Cao cấp tập 3*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

2. Sách tham khảo:

[4] *Bài tập Toán Cao cấp tập 1*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

[5] *Bài tập Toán Cao cấp tập 2*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

[6] *Bài tập Toán Cao cấp tập 3*- GS.TS. Nguyễn Đình Trí (chủ biên)

9. Đánh giá học phần

- + Số bài kiểm tra: 2; trọng số: 30%
- + Hình thức kiểm tra: Viết
- + Thi kết thúc học phần: Trọng số 70%
- + Hình thức thi học phần: Vấn đáp hoặc tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Số thực

- 1.1. Định nghĩa số thực.
- 1.2. Các tính chất - Cận trên - Cận dưới.

Chương 2: Hàm số một biến

- 2.1. Khái niệm hàm số một biến số - Các hàm số đặc biệt
- 2.2. Các hàm số sơ cấp đơn giản.

Chương 3: Lý thuyết giới hạn

A: Giới hạn dãy số

- 3.1. Các khái niệm cơ bản.
- 3.2. Các dấu hiệu hội tụ.
- 3.3. Giới hạn vô cực – Vô cùng bé – Vô cùng lớn.

B: Giới hạn hàm số

- 3.4. Các khái niệm cơ bản.
- 3.5. Điều kiện tồn tại giới hạn. So sánh Vô cùng bé – Vô cùng lớn.

Chương 4: Hàm số liên tục

- 4.1. Hàm số liên tục - Liên tục đều.
- 4.2. Các tính chất hàm số liên tục trên đoạn

Chương 5: Phép tính vi phân hàm một biến

A: Đạo hàm

- 5.1. Khái niệm đạo hàm - Đạo hàm một phía
- 5.2. Các quy tắc tính đạo hàm - Đạo hàm của hàm số sơ cấp.

B: Vi phân

- 5.3. Khái niệm vi phân - ý nghĩa hình học
- 5.4. Các định lý cơ bản của đạo hàm

Chương 6: Nguyên hàm

- 6.1. Khái niệm nguyên hàm
- 6.2. Các phương pháp tính tích phân

6.3. Tích phân hàm hữu tỷ - Hàm căn thức - Hàm mũ - Hàm lượng giác.

Chương 7: Tích phân xác định

7.1. Bài toán tính diện tích hình thang cong

7.2. Các phương pháp tính. Ứng dụng của tích phân xác định.

7.3. Tích phân suy rộng

11. Kế hoạch triển khai học phần.

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | | | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|----------|--|------------------------------|--------------------|----------|-----------------------------|--------------|
| | | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Kiểm tra | | |
| | 10. Nội dung chi tiết học phần | | | | | 3 |
| 1 | Chương 1: Số thực | | | | | |
| | 1.1. Định nghĩa số thực. | 1 | | | [1], [4] | 1 |
| 2 | 2.2. Các tính chất - Cận trên - Cận dưới. | 1 | 1 | | | 2 |
| | Chương 2: Hàm số một biến | | | | [1], [4] | |
| 3 | 2.1. Khái niệm hàm số một biến số - Các hàm số đặc biệt | 2 | 1 | | | 3 |
| | 2.2. Các hàm số sơ cấp đơn giản. | 1 | 1 | | | 2 |
| 4 | Chương 3: Lý thuyết giới hạn | | | | [1], [4] | |
| | A: Giới hạn dãy số | | | | | |
| | 3.1. Các khái niệm cơ bản. | 1 | | | | 1 |
| | 3.2. Các dấu hiệu hội tụ. | 1 | | | | 1 |
| 5 | 3.3. Giới hạn vô cực – Vô cùng bé – Vô cùng lớn. | 2 | | | | 2 |
| | B: Giới hạn hàm số | | | | | |
| 5 | 3.4. Các khái niệm cơ bản. | 1 | | | | 1 |
| | 3.5. Điều kiện tồn tại giới hạn. So sánh Vô cùng bé – Vô cùng lớn. | 2 | | | | 2 |
| 6 | Chương 4: Hàm số liên | | | | [1], [4] | |

| | | | | | | |
|----|---|---|---|---|-------------------|---|
| | tục | | | | | |
| 7 | 4.1.Hàm số liên tục - Liên tục đều. | 3 | | | | 3 |
| | 4.2.Các tính chất hàm số liên tục trên đoạn | 2 | 1 | | | 3 |
| 8 | Chương 5: Phép tính vi phân hàm một biến | | | | [1], [4] | |
| | A: Đạo hàm | | | | | |
| 9 | 5.1.Khái niệm đạo hàm - Đạo hàm một phía | 1 | | 2 | | 3 |
| | 5.2. Các quy tắc tính đạo hàm - Đạo hàm của hàm số sơ cấp. | 2 | 1 | | | 3 |
| 10 | B: Vi phân | | | | | |
| | 5.3. Khái niệm vi phân - ý nghĩa hình học | 2 | 1 | | | 3 |
| 11 | 5.4. Các định lý cơ bản của đạo hàm | 1 | | | | 1 |
| | Chương 6: Nguyên hàm | | | | [1], [2], [4] | |
| | 6.1. Khái niệm nguyên hàm | 2 | | | | 2 |
| 12 | 6.2. Các phương pháp tính tích phân | 1 | | | | 1 |
| | 6.3. Tích phân hàm hữu tỷ - Hàm căn thức - Hàm mũ - Hàm lượng giác. | 2 | | | | 2 |
| 13 | Chương 7: Tích phân xác định | | | | [1], [2],[3], [4] | |
| | 7.1.Bài toán tính diện tích hình thang cong | 2 | 1 | | | 3 |
| 14 | 7.2.Các phương pháp tính. Ứng dụng của tích phân xác định. | 2 | 1 | | | 3 |
| 15 | 7.3.Tích phân suy rộng | 2 | 1 | | | 3 |

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng

Khoa/Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

10. LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ

1. Tên học phần: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT THỐNG KÊ
2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- **Mục tiêu về kiến thức:** Sinh viên nắm được kiến thức về lý thuyết xác suất và thống kê toán, các phương pháp tính xác suất, các công thức kiểm định giả thiết thống kê; Vận dụng lý thuyết giải các bài toán xác suất, thống kê. Biết phân tích một số bài toán cơ bản trong thực tiễn, biết cách thu thập và xử lý số liệu.

- **Mục tiêu về kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng tính toán, thu thập, xử lý số liệu, tư duy sáng tạo; Sinh viên biết vận dụng được các kiến thức cơ bản của về lý thuyết xác suất và thống kê vào các học phần chuyên ngành và giải quyết các bài toán trong kỹ thuật, kinh tế.

- **Mục tiêu về thái độ:**

+ Tích cực trong học tập, trung thực trong học tập và thi cử.

+ Sẵn sàng chia sẻ kiến thức với thành viên khác trong nhóm.

7. Mô tả môn học

Học phần xác suất thống kê trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản của lý thuyết xác suất như các hiện tượng ngẫu nhiên, tất nhiên, các loại phân bố gián đoạn, phân bố liên tục, phân bố xác suất các đại lượng ngẫu nhiên. Học phần trình bày phương pháp thống kê xử lý các số liệu thực nghiệm và mối tương quan giữa các đại lượng vật lý là vấn đề mà bất kỳ người nào làm việc trong lĩnh vực vật lý cũng phải quan tâm.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính

8.1. Sách, giáo trình chính

[1] *Xác suất và thống kê*- Bộ môn toán tin- Đại học đươc HN

8.2. Sách tham khảo:

[2] Bùi Minh Trí- *Xác suất thống kê và quy hoạch thực nghiệm*- NXB Bách khoa HN 2011

[3] Đinh Văn Gắng- *Xác suất thống kê*- NXB Giáo dục 2009

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra: 2 bài (Mỗi bài 45 phút), trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Viết.

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Viết.

10. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT

Chương 1: Đại cương về xác suất

1.1. Bổ sung về giải tích tổ hợp

1.2. Biến cố và các quan hệ giữa các biến cố

- 1.2.1. Phép thử ngẫu nhiên, các loại biến cố
- 1.2.3. Tổng, tích, hiệu các biến cố.
- 1.2.3. Biến cố xung khắc, biến cố đối lập, hệ đầy đủ các biến cố, quy tắc đối ngẫu.
- 1.3. Định nghĩa xác suất
 - 1.3.1 Định nghĩa xác suất theo tiên đề.
 - 1.3.2 Các mô hình cụ thể: Mô hình cụ điển, mô hình hình học, mô hình thống kê.
- 1.4. Công thức tính
 - 1.4.1 Công thức cộng.
 - 1.4.2 Công thức xác suất có điều kiện, công thức nhân.
 - 1.4.3 Công thức đầy đủ và công thức Bayes.
 - 1.4.4 Dãy phép thử độc lập Bernoulli, các định lý giới hạn và ứng dụng (tra các bảng Gauss, Laplace, Poisson).

Chương 2: Biến ngẫu nhiên một chiều

- 2.1. Khái niệm về biến ngẫu nhiên
- 2.2. Định nghĩa, phân loại biến ngẫu nhiên
- 2.3. Hàm phân phối, tính chất
- 2.4. Hàm mật độ, tính chất
- 2.5. Đặc trưng của biến ngẫu nhiên
- 2.6. Các phân phối thông dụng
- 2.7. Phân phối của một hàm của biến ngẫu nhiên

Chương 3: Vectơ ngẫu nhiên

- 3.1. Khái niệm về vectơ ngẫu nhiên
- 3.2. Vectơ ngẫu nhiên, hàm phân phối đồng thời, hàm mật độ đồng thời, các hàm mật độ lẻ, mật độ có điều kiện
- 3.3. Đặc trưng của Vectơ ngẫu nhiên: hiệp phương sai, hệ số trung gian, kỳ vọng có điều kiện.

Phần 2: THỐNG KÊ

Chương 4: Lý thuyết mẫu

- 4.1. Các phương pháp chọn mẫu
- 4.2. Các đặc trưng mẫu, thực hành tính mẫu
- 4.3. Phân phối chính xác các đặc trưng mẫu

Chương 5: Ước lượng

- 5.1. Ước lượng điểm: các tiêu chuẩn, phương pháp
- 5.2. Ước lượng khoảng: kỳ vọng, tỷ lệ, phương sai của tập chuẩn

Chương 6: Kiểm định giả thuyết thống kê

- 6.1. Đặt bài toán. Sai lầm loại 1, sai lầm loại 2
- 6.2. Kiểm định giả thuyết có tham số
 - 6.2.1 Bài toán 1 mẫu. Bài toán 2 mẫu
 - 6.2.2 Kỳ vọng, phương sai, tỷ lệ trong tập chuẩn
- 6.3. Kiểm định giả thuyết phi tham số
 - 6.3.1 Kiểm định tính phù hợp
 - 6.3.2 Kiểm định tính độc lập

Chương 7: Tương quan và Hồi quy

- 7.1. Hệ số tương quan mẫu
- 7.2. Đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm

11. Kế hoạch triển khai học phần.

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | | | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|----------|--|------------------------------|--------------------|----------|-----------------------------|--------------|
| | | Lý thuyết | Bài tập, thảo luận | Kiểm tra | | |
| | 10. Nội dung chi tiết học phần | | | | | 2 |
| 1 | Chương 1: Đại cương về xác suất | | | | [1], [2], [3] | |
| | 1.1. Bổ sung về giải tích tổ hợp | 1 | | | | 1 |
| | 1.2. Biến cố và các quan hệ giữa các biến cố | 1 | | | | 1 |
| | 1.2.1. Phép thử ngẫu nhiên, các loại biến cố | | | | | |
| | 1.2.3. Tổng, tích, hiệu các biến cố. | | | | | |
| | 1.2.3. Biến cố xung khắc, | | | | | |

| | | | | | |
|---|--|---|--|---------------|---|
| | biến cố đối lập, hệ đầy đủ các biến cố, quy tắc đối ngẫu. | | | | |
| 2 | 1.3. Định nghĩa xác suất 1.3.1 Định nghĩa xác suất theo tiên đề. 1.3.2 Các mô hình cụ thể: Mô hình cụ điển, mô hình hình học, mô hình thống kê. | 1 | | | 1 |
| | 1.4. Công thức tính 1.4.1 Công thức cộng. 1.4.2 Công thức xác suất có điều kiện, công thức nhân. 1.4.3 Công thức đầy đủ và công thức Bayes. 1.4.4 Dãy phép thử độc lập Bernoulli, các định lý giới hạn và ứng dụng (tra các bảng Gauss, Laplace, Poisson). | 1 | | | 1 |
| 3 | Chương 2: Biến ngẫu nhiên một chiều | | | [1], [2], [3] | |
| | 2.1. Khái niệm về biến ngẫu nhiên | 1 | | | 1 |
| | 2.2. Định nghĩa, phân loại biến ngẫu nhiên | 1 | | | 1 |
| 4 | 2.3. Hàm phân phối, tính chất | 1 | | | 1 |
| | 2.4. Hàm mật độ, tính chất | | | | |
| | 2.5. Đặc trưng của biến ngẫu nhiên | 1 | | | 1 |
| | 2.6. Các phân phối thông | | | | |

| | | | | | | |
|----|--|---|---|---|---------------|---|
| | dụng | | | | | |
| 5 | 2.7. Phân phối của một hàm của biến ngẫu nhiên | 1 | 1 | | | 2 |
| | Chương 3: Vectơ ngẫu nhiên | | | | [1], [2], [3] | |
| | 3.1. Khái niệm về vectơ ngẫu nhiên | 1 | | | | 1 |
| 6 | 3.2. Vectơ ngẫu nhiên, hàm phân phối đồng thời, hàm mật độ đồng thời, các hàm mật độ lề, mật độ có điều kiện | 1 | | | | 1 |
| 7 | 3.3. Đặc trưng của Vectơ ngẫu nhiên: hiệp phương sai, hệ số trung gian, kỳ vọng có điều kiện. | 1 | | 1 | | 2 |
| | Chương 4: Lý thuyết mẫu | | | | [1], [2], [3] | |
| 8 | 4.1. Các phương pháp chọn mẫu | 1 | | | | 1 |
| | 4.2. Các đặc trưng mẫu, thực hành tính mẫu | 1 | | | | 1 |
| 9 | 4.3. Phân phối chính xác các đặc trưng mẫu | 1 | 1 | | | 2 |
| | Chương 5: Ước lượng | | | | [1], [2], [3] | |
| 10 | 5.1. Ước lượng điểm: các tiêu chuẩn, phương pháp | 1 | 1 | | | 2 |
| 11 | 5.2. Ước lượng khoảng: kỳ vọng, tỷ lệ, phương sai của tập chuẩn | 1 | 1 | | | 2 |
| 12 | Chương 6: Kiểm định giả thuyết thống kê | | | | [1], [2], [3] | |
| | 6.1. Đặt bài toán. Sai lầm loại 1, sai lầm loại 2 | 1 | | | | 1 |
| | 6.2. Kiểm định giả thuyết có tham số 6.2.1 Bài toán 1 mẫu. Bài toán 2 mẫu | 1 | | | | 1 |

| | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---------------|---|
| | 6.2.2 Kỳ vọng, phương sai, tỷ lệ trong tập chuẩn | | | | | |
| 13 | 6.3. Kiểm định giả thuyết phi tham số 6.3.1 Kiểm định tính phù hợp 6.3.2 Kiểm định tính độc lập | 1 | 1 | | | 2 |
| 14 | Chương 7: Tương quan và Hồi quy | | | | [1], [2], [3] | |
| | 7.1. Hệ số tương quan mẫu | 1 | 1 | | | 2 |
| 15 | 7.2. Đường hồi quy tuyến tính thực nghiệm | 1 | | 1 | | 2 |

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng

Khoa/BỘ môn

Trưởng BỘ môn

Tập thể biên soạn

11. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (lí thuyết : 36 tiết ; Thảo luận, bài tập, kiểm tra : 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

6.1 Mục tiêu về kiến thức:

Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, về phần cứng và các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng; Khai thác một số tiện ích, công cụ tìm kiếm trên Internet.

6.2 Mục tiêu về kỹ năng:

- Có kỹ năng sử dụng máy tính trong công tác.
- Có khả năng xử lí các sự v cố đơn giản
- Có kỹ năng vận hành hệ điều hành đang sử dụng trong thực tế

6.3 Mục tiêu về thái độ

- Nhận thức được vai trò quan trọng và sự cần thiết của học phần đối với chương trình đào tạo ngành kĩ thuật điều khiển – tự động hóa
- Có lòng yêu thích và đam mê học phần;
- Có quyết tâm và phương pháp phù hợp tiếp thu nội dung học phần;

7. Mô tả môn học

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

8. Tài liệu học tập

8.1 Sách, giáo trình chính:

[1] Tạ Minh Châu, Giáo trình tin học đại cương, Đại học Quốc gia TP HCM 2007

[2] Tô Văn Nam, Giáo trình Tin hăc @'i c-ng, NXBGD, 2010

8.2. Sách tham khảo:

[3] HỒ Sĩ Đàm, Giáo trình tin học cơ sở , NXB Đại học Sư Phạm, 2003

[4] Tô Văn Nam, Bài tập Tin hăc @'i c-ng, NXBGiáo dục 2010

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra: 2 bài (30 %)

- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi học phần: Thực hành

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Các kiến thức tin học cơ sở

- 1.1. Giới thiệu về Tin học và Công nghệ thông tin
- 1.2. Kiến trúc chung của máy tính điện tử
- 1.3. Nguyên lý Von Neuman
- 1.4. Bộ nhớ
- 1.5. Các thiết bị vào - ra
- 1.6. Bộ xử lý

Chương 2: Hệ điều hành

- 2.1. Chức năng và sự phát triển của hệ điều hành
- 2.2. Hệ điều hành MS Windows
 - 2.2.1. Giao tiếp với MS Windows
 - 2.2.2. Quản trị tệp và thư mục
 - 2.2.3. Giới thiệu về một số kỹ năng nâng cao
- 2.3. Giới thiệu hệ điều hành Unix và Linux

Chương 3: Phần mềm Microsoft Office

- 3.1. Phần mềm soạn thảo văn bản MS Word
 - 3.1.1. Làm quen với MS Word
 - 3.1.2. Các phương tiện soạn thảo và sửa
 - 3.1.3. Định dạng văn bản
 - 3.1.4. Bảng biểu, hình vẽ và công thức
 - 3.1.5. Định dạng trang và in ấn
- 3.2. Phần mềm bảng tính MS Excel
 - 3.2.1. Khái niệm bảng tính
 - 3.2.2. Làm quen với MS Excel
 - 3.2.3. Các thao tác cơ bản
 - 3.2.4. Xử lý dữ liệu
 - 3.2.5. Tính toán trên bảng
 - 3.2.6. Biểu đồ và hình vẽ
- 3.3. Phần mềm trình diễn MS PowerPoint
 - 3.3.1. Phần mềm trình diễn MS PowerPoint
 - 3.3.2. Các thao tác cơ bản với slide

3.3.3. Sử dụng MS Power Point với MS Excel

3.3.4. Làm việc với slide master

3.3.5. Chế độ slide show

Chương 4: Internet

4.1. Các khái niệm cơ bản về Internet

4.2. Thư điện tử (E-mail)

4.3. Trình duyệt web tìm kiếm thông tin trên web

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần học | Nội dung giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Hình thức dạy và học trên lớp | Phân bố tiết LT, TL |
|----------|---|-----------------------------|-------------------------------|---------------------|
| 1 | Chương 1: Các kiến thức tin học cơ sở 1.1. Giới thiệu về Tin học và Công nghệ thông tin 1.2. Kiến trúc chung của máy tính điện tử 1.3. Nguyên lý Von Neuman | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 2 | 1.4. Bộ nhớ 1.5. Các thiết bị vào - ra 1.6. Bộ xử lý | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 3 | Chương 2: Hệ điều hành 2.1. Chức năng và sự phát triển của hệ điều hành 2.2. Hệ điều hành MS Windows 2.2.1. Giao tiếp với MS Windows | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 4 | 2.2.2. Quản trị tệp và thư mục 2.2.3. Giới thiệu về một số kỹ năng nâng cao | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 5 | 2.2.3. Giới thiệu về một số kỹ năng nâng cao (tiếp) 2.3. Giới thiệu hệ điều hành Unix và Linux | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 6 | Thảo luận chương 1, chương 2 | [1,2,3,4] | Thảo luận | 2TL |
| 7 | Chương 3: Phần mềm Microsoft Office 3.1. Phần mềm soạn thảo văn bản MS Word 3.1.1. Làm quen với MS Word 3.1.2. Các phương tiện soạn thảo và sửa | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 8 | 3.1.3. Định dạng văn bản 3.1.4. Bảng biểu, hình vẽ và công thức 3.1.5. Định dạng trang và in ấn | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 9 | 3.2.4. Xử lý dữ liệu | HT[1,2] | Giảng, | 3LT |

| | | | | |
|----|---|--------------------|--------------------------|------------|
| | 3.2.5. Tính toán trên bảng 3.2.6. Biểu đồ và hình vẽ | TK[3,4] | | |
| 10 | 3.3. Phần mềm trình diễn MS PowerPoint 3.3.1. Phần mềm trình diễn MS PowerPoint | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 11 | Thảo luận chương 3 (3.1, 3.2) Kiểm tra lần 1 | [1,2,3] | Thảo luận Kiểm tra | 1TL 1KT |
| 12 | 3.3.2. Các thao tác cơ bản với slide 3.3.3. Sử dụng MS Power Point với MS Excel | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 13 | 3.3.4. Làm việc với slide master 3.3.5. Chế độ slide show | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 14 | Chương 4: Internet 4.1. Các khái niệm cơ bản về Internet 4.2. Thư điện tử (E-mail) 4.3. Trình duyệt web tìm kiếm thông tin trên web | HT[1,2] TK[3,4] | Giảng, | 3LT |
| 15 | Thảo luận chương 3, 4 Kiểm tra lần 2 | [1,2,3] | Thảo luận Kiểm tra | 1TL 1KT |

Hiệu trưởng

Thái Nguyên, ngày ... tháng... năm 2013
Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

PGS.TS Nguyễn Đăng Bình

TS. Nguyễn Văn Vy

TS. Nguyễn Văn Vy

12, 13. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Tên học phần: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1, 2

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 05

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

+ Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của môn học đối với con người nói chung, đối với sinh viên sư phạm và người lao động nói riêng.

+ Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của các môn thể thao theo quy định trong chương trình, trên cơ sở đó tự rèn luyện và nâng sức khỏe trong quá trình học tập, trong lao động sản xuất.

- Về kỹ năng:

+ Thực hành thuần thục những kỹ thuật cơ bản của môn học tự chọn.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực, tích cực phát huy để tham gia các giải thi đấu.

- Về thái độ: Nâng cao phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức, kỷ luật...Có thói quen tự giác vận động, tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa, rèn luyện sức khỏe thường xuyên.

7. Mô tả môn học

Thực hiện theo Quyết định số: 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 09 năm 1995 và Quyết định số: 1312/GD-ĐT ngày 12 tháng 04 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo và các qui định của nhà trường.

Sinh viên sẽ học trong 3 tín chỉ (1 tín chỉ = 30 tiết, 1 tiết = 50 phút), tương đương 3 học kỳ.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

8.2. Tài liệu tham khảo:

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra đánh giá chuyên cần: 20%

- Kiểm tra giữa kỳ: 20%

- Kiểm tra cuối kỳ: 60%

10. Nội dung chi tiết học phần

Cụ thể phân phối chương trình được xây dựng thể hiện ở bảng 3.5:

Phân phối chương trình môn GDTC

| Stt | Nội dung | | Mã môn học | Số tiết | | Số tín chỉ | Thời gian thực hiện |
|-----|---------------------------------------|-------------|------------|-----------|-----------|------------|------------------------|
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | | |
| 1 | GDTC I (Bắt buộc) | Điền kinh | BPE101 | 2 | 28 | 1 | Học kỳ I năm thứ nhất |
| | | Thể dục | | | | | |
| 2 | GDTC II (Tự chọn một trong 2 môn) | Bóng chuyền | BPE102 | 2 | 28 | 1 | Học kỳ II năm thứ nhất |
| | | Đá cầu | BPE102 | | | 1 | |
| 3 | GDTC III (Tự chọn một trong 2 môn) | Bóng đá | BPE103 | 2 | 28 | 1 | Học kỳ I năm thứ hai |
| | | Cầu lông | BPE103 | | | 1 | |

CHƯƠNG TRÌNH CÁC NỘI DUNG HỌC PHẦN BẮT BUỘC

1. Mục đích:

- Giới thiệu lịch sử, ý nghĩa tác dụng môn GDTC đối với sức khỏe.
- Trang bị cho người học những kiến thức về môn Thể dục và Điền kinh.
- Giới thiệu các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện
- Biết phương pháp tập luyện, vận dụng vào tập luyện và tổ chức thi đấu các nội môn Điền kinh.

2. Yêu cầu:

- Thực hiện được các kỹ thuật của môn môn Thể dục và Điền kinh.
- Biết phương pháp tập luyện và biết vận dụng các phương pháp đó vào tự tập luyện hàng ngày nhằm nâng cao kết quả học tập và nâng cao thể lực.
- Nắm được luật, phương pháp tổ chức và phương pháp trọng tài môn Điền kinh.
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra, rèn luyện thân thể nâng cao thể lực

| Học phần | Nội dung giảng dạy | Tổng số tiết | Học kỳ | | |
|----------|--------------------|--------------|--------|-------|----|
| | | | HK I | HK II | HK |
| | | | | | |

| | | | | | |
|--|--|-----------|-----------|--|------------|
| | | | | | III |
| | Điền kinh + Thể dục (nội dung bắt buộc). | 30 | | | |
| | Lý thuyết: | | 2 | | |
| | - Lịch sử phát triển của môn học | | 1 | | |
| | - Ảnh hưởng và tác dụng của việc tập luyện đối với cơ thể. | | 1 | | |
| | Thực hành, thi và kiểm tra: | | 28 | | |
| | + Bài thể dục cơ bản | | 3 | | |
| | + Các bài tập bổ trợ sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khéo léo. | | 3 | | |
| | + Các giai đoạn và chạy 100m | | 10 | | |
| | + Kiểm tra giữa kỳ. | | 2 | | |
| | + Các bước trong nhảy xa uốn thân và cách đo đà | | 4 | | |
| | + Ôn tập nhảy xa uốn thân | | 8 | | |
| | + Kiểm tra kết thúc. | | 2 | | |

CHƯƠNG TRÌNH CÁC NỘI DUNG HỌC PHẦN TỰ CHỌN

1. Môn Bóng đá

1.1. Mục đích:

- Giới thiệu lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn Bóng đá
- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môn Bóng đá.
- Giới thiệu các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện – thi đấu môn Bóng đá.
- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tình thần đoàn kết và nâng cao thể lực.

1.1 Yêu cầu:

- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn Đá bóng.
- Biết phương pháp tập luyện và biết vận dụng các phương pháp đó vào tự tập luyện hàng ngày nhằm nâng cao kết quả học tập và nâng cao thể lực.

- Nắm được luật, phương pháp tổ chức và phương pháp trọng tài môn Đá bóng.

- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra, rèn luyện thân thể nâng cao thể lực.

1.3. Nội dung:

| Học phần | Nội dung giảng dạy | Tổng số tiết | Ghi chú |
|----------|--------------------|--------------|---------|
| | Bóng Đá | 30 | |
| 1 | Lý thuyết: | 2 | |

| | | | |
|---|---|-----------|--|
| | - Lịch sử phát triển của môn Bóng đá. - Đặc điểm và tác dụng của Bóng đá. | 1 | |
| | - Nguyên lý kỹ thuật cơ bản cách di chuyển trong đá bóng. - Luật Bóng đá và phương pháp trọng tài, tổ chức thi đấu. | 1 | |
| 2 | Thực hành: | 22 | |
| | - Kỹ thuật tâng bóng. | 3 | |
| | - Kỹ thuật động tác đánh đầu. | | |
| | - Kỹ thuật ném biên. | 2 | |
| | - Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. | 4 | |
| | - Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. | 4 | |
| | - Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân. | 4 | |
| | - Kỹ thuật đá bóng bằng mu ngoài bàn chân. | 5 | |
| | - Rèn luyện thể lực. | | |
| 3 | Tổ chức thi đấu và trọng tài | 2 | |
| 4 | Thi, kiểm tra: | 4 | |
| | - Kiểm tra giữa kỳ: Kỹ thuật ném biên | 2 | |
| | - Kiểm tra kết thúc: + Một số điều luật cơ bản trong bóng đá. + Kỹ thuật tâng bóng. + Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn. + Kiểm tra thể lực | 2 | |

2. Môn Đá cầu

2.1 Mục đích:

- Giới thiệu lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn Đá cầu.
- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môn Đá cầu.
- Giới thiệu các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện – thi đấu môn Đá cầu.
- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tình thần đoàn kết và nâng cao thể lực.

2.2 Yêu cầu:

- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn Đá cầu.
- Biết phương pháp tập luyện và biết vận dụng các phương pháp đó vào tự tập luyện hàng ngày nhằm nâng cao kết quả học tập và nâng cao thể lực.

- Nắm được luật, phương pháp tổ chức và phương pháp trọng tài môn Đá cầu.
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra, rèn luyện thân thể nâng cao thể lực.

2.3. Nội dung:

| ST T | Nội dung giảng dạy | Tổng số tiết | Ghi chú |
|---------|--|--------------------|------------|
| | Cầu lông | 30 | |
| 1 | Lý thuyết: | 2 | |
| | - Lịch sử phát triển, tác dụng của môn Đá cầu . | 1 | |
| | - Nguyên lý kỹ thuật cơ bản. | | |
| | - Luật đá cầu, thiết bị sân bãi và phương pháp trọng tài, tổ chức thi đấu. | 1 | |
| 2 | Thực hành: | 22 | |
| | - Kỹ thuật di chuyển trong đá cầu: + Di chuyển đơn bước sang phải, trái đá cầu. + Di chuyển đơn bước phía trước chéo phải, trái. + Di chuyển đơn bước phía sau chéo phải, trái. + Di chuyển ngang sang phải, trái. + Di chuyển tiến, lùi. | 2 | |
| | - Kỹ thuật tâng cầu: + Tâng cầu bằng đùi, lòng, mu giữa bàn chân. + Tâng cầu phối hợp | 2 | |
| | - Kỹ thuật đá cầu: + Kỹ thuật đá cầu thấp chân, cao chân bằng mu chính diện. | 2 | |
| | + Kỹ thuật đá cầu thấp, cao chân nghiêng mình bằng mu chính diện. | 2 | |
| | + Kỹ thuật đá móc bằng mu bàn chân (cúp ngược) | 2 | |
| | + Kỹ thuật đá cầu bằng lòng bàn chân: quét cầu, đẩy cầu. | 2 | |
| | + Kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực, đầu, đùi. | | |
| | - Kỹ thuật phát cầu: + Kỹ thuật phát cầu thấp chân và cao chân chính diện. | 4 | |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | + Phát cầu thấp chân nghiêng mình. - Phối hợp đá đơn, đôi, đồng đội. - Rèn luyện thể lực. | 4 | |
| 3 | Tổ chức thi đấu và trọng tài | 2 | |
| 4 | Thi, kiểm tra: | 4 | |
| | + Kiểm tra giữa kỳ: Kỹ thuật phát cầu. + Kiểm tra kết thúc: - Kỹ thuật tâng cầu phối hợp. - Đá cầu bằng mu giữa bàn chân chính diện. - Kiểm tra thể lực. | 2 | |

3. Môn Bóng chuyền

3.1 Mục đích:

- Giới thiệu lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn Bóng chuyền.
- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môn Bóng chuyền.
- Giới thiệu các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện môn Bóng chuyền.
- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết và nâng cao thể lực.

3.2. Yêu cầu:

- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyền.
- Biết phương pháp tập luyện môn bóng chuyền và thi đấu bóng chuyền.
- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra, rèn luyện thân thể.

3.3. Nội dung:

| TT | Nội dung giảng dạy | Tổng số tiết |
|----|---|--------------|
| | Bóng chuyền | 30 |
| 1 | Lý thuyết: | 2 |
| | - Lịch sử phát triển của môn Bóng chuyền. - Đặc điểm và tác dụng của môn Bóng chuyền. - Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền. - Luật bóng chuyền và phương pháp trọng tài, tổ chức thi đấu. | 1 1 |
| 2 | Thực hành: | 22 |
| | - Tư thế chuẩn bị - Kỹ thuật di chuyển. | 4 |
| | Kĩ thuật chuyền bóng cơ bản : - Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay . | 6 |

| | | |
|---|--|---|
| | - Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay bằng hai tay (đệm bóng). | |
| | Kĩ thuật phát bóng : - Phát bóng thấp tay trước mặt. - Phát bóng cao tay trước mặt. | 6 |
| | - Kỹ thuật đập bóng. | 4 |
| | - Chiến thuật cá nhân – Phối hợp tấn công và phòng thủ. - Rèn luyện thể lực. | 2 |
| 3 | Tổ chức thi đấu và trọng tài | 2 |
| 4 | Thi, kiểm tra: | 4 |
| | - Kiểm tra giữa kỳ: kỹ thuật chuyên bóng | 2 |
| | - Kiểm tra kết thúc: + Một số điều luật cơ bản trong môn bóng chuyền. + Kỹ thuật chuyên bóng cao tay, thấp tay. + Kỹ thuật phát bóng + Kiểm tra thể lực. | 2 |

4. Môn Cầu lông

1.1 Mục tiêu:

- Giới thiệu lịch sử, ý nghĩa tác dụng của môn cầu lông.
- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về môn cầu lông.
- Giới thiệu cách di chuyển, các kỹ thuật cơ bản, phương pháp tập luyện và thi đấu môn cầu

lông.

- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết và nâng cao thể lực.

1.2 Yêu cầu:

- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông.
- Biết phương pháp tập luyện và biết vận dụng các phương pháp đó vào tự tập luyện hàng ngày nhằm nâng cao kết quả học tập và nâng cao thể lực.

- Nắm được luật, phương pháp tổ chức và phương pháp trọng tài môn cầu lông.

- Đạt được các yêu cầu về nội dung kiểm tra, rèn luyện thân thể nâng cao thể lực.

1.3. Nội dung

Nội dung giảng dạy môn Cầu lông

| STT | Nội dung giảng dạy | Tổng số tiết | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------|---------|
| | Cầu lông | 30 | |
| 1 | Lý thuyết: | 2 | |

| | | | |
|---|---|-----------|--|
| | - Lịch sử phát triển, tác dụng của môn cầu lông. - Nguyên lý kỹ thuật cơ bản động tác. | 1 | |
| | - Luật Cầu lông, thiết bị sân bãi và phương pháp trọng tài, tổ chức thi đấu. - Cách di chuyển trong cầu lông. | 1 | |
| 2 | Thực hành: | 22 | |
| | - <i>Kỹ thuật đánh cầu thấp tay:</i> + Đánh cầu thấp tay bên phải (tay thuận), + Đánh cầu thấp tay bên trái. | 4 | |
| | - <i>Kỹ thuật đánh cầu cao tay:</i> + Kỹ thuật đánh cầu cao tay trên đầu (cao xa). + Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay. | 4 | |
| | - <i>Kỹ thuật đánh cầu gần lưới:</i> + Kỹ thuật móc cầu thuận tay, trái tay. + Bạt cầu thuận tay, trái tay. | 4 | |
| | - <i>Kỹ thuật đánh cầu trên lưới:</i> + Đánh cầu trên lưới thuận tay. + Đánh cầu trên lưới trái tay. | 4 | |
| | - <i>Kỹ thuật giao cầu thuận tay, trái tay.</i> | 3 | |
| | - <i>Kỹ thuật đập cầu.</i> - <i>Rèn luyện thể lực.</i> | 3 | |
| 3 | Tổ chức thi đấu và trọng tài | 2 | |
| 4 | Thi, kiểm tra: | 4 | |
| | + Kiểm tra giữa kỳ: Kỹ thuật đánh cầu phải thấp tay và cao tay. | 2 | |
| | + Kiểm tra kết thúc: - Luật thi đấu. - Kỹ thuật giao cầu thuận tay, trái tay. - Kỹ thuật đập cầu. - Kiểm tra thể lực. | 2 | |

14. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

1. Tên học phần: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 08

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7. Mô tả môn học

Nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

8.2. Tài liệu tham khảo:

9. Đánh giá học phần

10. Nội dung chi tiết học phần

Phần 1: Đường lối quân sự của Đảng

- Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc;
- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân;
- Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh;
- Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh

- Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ;
- Phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao;
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng;
- Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo;
- Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;
- Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Phần 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

- Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp;
- Sử dụng bản đồ địa hình quân sự;
- Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ;
- Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn;
- Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh;
- Tùng người trong chiến đấu tiến công và phòng ngự;
- Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC).

15. LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Tên học phần: LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về những quy luật, quy tắc của logic học hình thức, từ đó góp phần hình thành tư duy khoa học, có khả năng phản ánh đúng đắn về hiện thực khách quan.

- **Mục tiêu về kiến thức:** Giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về những quy luật, quy tắc của logic học hình thức,

- **Mục tiêu về kỹ năng:** Hình thành tư duy khoa học, có khả năng phản ánh đúng đắn về hiện thực khách quan.

- **Mục tiêu về thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của bản thân.

7. Mô tả môn học

Học phần giới thiệu về logic học hình thức, các qui luật và hình thức cơ bản của tư duy. Qua đó sinh viên được rèn luyện và nâng cao tư duy khoa học.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Vương Tất Đạt- *Logic học đại cương*- NXB Thế giới 2007

8.2. Sách tham khảo:

[2] *Logic học đại cương*- NXB Trường ĐH Khoa học xã hội và Nhân văn 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Nhập môn logic học

1.1. Đối tượng nghiên cứu của logic học

1.2. Lịch sử phát triển của logic học

1.3. Ý nghĩa của logic học

Chương 2: Khái niệm

2.1. Đặc trưng của khái niệm, kết cấu logic của khái niệm.

2.2. Các loại khái niệm

2.3. Quan hệ giữa các khái niệm

2.4. Các thao tác logic đối với khái niệm

2.4.1. Mở rộng và thu hẹp khái niệm

2.4.2. Định nghĩa khái niệm

2.4.3. Phân chia khái niệm

Chương 3: Phán đoán

3.1. Đặc trưng chung của phán đoán

3.2. Phán đoán đơn

- 3.2.1. Cấu tạo của phán đoán đơn
- 3.2.2. Phân loại phán đoán nhất quyết đơn
- 3.2.3. Tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán nhất quyết đơn
- 3.2.4. Quan hệ giữa các phán đoán nhất quyết đơn theo hình vuông.
- 3.3. Phán đoán phức
 - 3.3.1. Phán đoán liên kết
 - 3.3.2 . Phán đoán phân liệt
 - 3.3.2. Phán đoán có điều kiện
 - 3.3.4. Phán đoán tương đương

Chương 4: Các quy luật cơ bản của logic hình thức

- 4.1. Quy luật đồng nhất
- 4.2. Quy luật không mâu thuẫn
- 4.3. Quy luật loại trừ cái thứ 3
- 4.4. Quy luật lý do đầy đủ

Chương 5: Suy luận

- 5.1. Đặc trưng chung của suy luận
- 5.2. Suy luận trực tiếp
- 5.3. Luận ba đoạn nhất quyết đơn
 - 5.3.1. Khái niệm và cấu tạo của luận ba đoạn nhất quyết đơn
 - 5.3.2. Các quy tắc chung của luận ba đoạn nhất quyết đơn
 - 5.3.3. Luận ba đoạn rút gọn
- 5.4. Suy luận có điều kiện
 - 5.4.1. Suy luận có điều kiện thuần túy
 - 5.4.2. Suy luận nhất quyết có điều kiện
- 5.5. Suy luận phân liệt
- 5.6. Quy nạp
- 5.7. Tương tự
 - 5.7.1. Định nghĩa và cấu tạo của suy luận tương tự
 - 5.7.2. Các quy tắc của suy luận tương tự
 - 5.7.3. Các kiểu suy luận tương tự

Chương 6: Giả thuyết và chứng minh

6.1. Giả thuyết

6.1.1. Tiền đề hình thành giả thuyết

6.1.2. Bản chất của giả thuyết

6.1.3. Xây dựng giả thuyết

6.1.4. Kiểm tra giả thuyết

6.2. Chứng minh

6.2.1. Định nghĩa và đặc điểm của chứng minh

6.2.2. Cấu tạo và các kiểu chứng minh

6.2.3. Các quy tắc chứng minh

6.2.4. Các lỗi có thể mắc phải trong chứng minh

11. Kế hoạch triển khai học phân.

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|-----------|---|------------------------------|-----------------------------|--------------|
| Tuần 1 | Chương 1: Nhập môn logic học | Lý thuyết | [1] | 2 |
| | 1.1. Đối tượng nghiên cứu của logic học | | | |
| | 1.2. Lịch sử phát triển của logic học | | | |
| | 1.3. Ý nghĩa của logic học | | | |
| Tuần 2, 3 | Chương 2: Khái niệm | Lý thuyết | [1] | 4 |
| | 2.1. Đặc trưng của khái niệm, kết cấu logic của khái niệm | | | |
| | 2.2. Các loại khái niệm | | | |
| | 2.3. Quan hệ giữa các khái niệm | | | |
| | 2.4. Các thao tác logic đối với khái niệm | | | |
| | 2.4.1. Mở rộng và thu hẹp khái niệm | | | |
| | 2.4.2. Định nghĩa khái niệm | | | |
| | 2.4.3. Phân chia khái niệm | | | |
| Tuần 4, 5 | Chương 3: Phán đoán | Lý thuyết | [1] | 4 |
| | 3.1. Đặc trưng chung của phán đoán | | | |
| | 3.2. Phán đoán đơn | | | |
| | 3.2.1. Cấu tạo của phán đoán đơn | | | |
| | 3.2.2. Phân loại phán đoán nhất quyết đơn | | | |

| | | | | |
|-------------|--|-----------|-----|---|
| | 3.2.3. Tính chu diên của các thuật ngữ trong phán nhất quyết đơn | | | |
| | 3.2.4. Quan hệ giữa các phán đoán nhất quyết đơn theo hình vuông | | | |
| | 3.3. Phán đoán phức | | | |
| | 3.3.1. Phán đoán liên kết | | | |
| | 3.3.2 . Phán đoán phân liệt | | | |
| | 3.3.2. Phán đoán có điều kiện | | | |
| | 3.3.4. Phán đoán tương đương | | | |
| Tuần 6 | Thảo luận | Thảo luận | | 2 |
| Tuần 7 | Kiểm tra đánh giá | Tự luận | | 2 |
| Tuần 8, 9 | Chương 4: Các quy luật cơ bản của logic hình thức | Lý thuyết | [2] | 4 |
| | 4.1. Quy luật đồng nhất | | | |
| | 4.2. Quy luật không mâu thuẫn | | | |
| | 4.3. Quy luật loại trừ cái thứ 3 | | | |
| | 4.4. Quy luật lý do đầy đủ | | | |
| Tuần 10, 11 | Chương 5: Suy luận | Lý thuyết | [2] | 4 |
| | 5.1. Đặc trưng chung của suy luận | | | |
| | 5.2. Suy luận trực tiếp | | | |
| | 5.3. Luận ba đoạn nhất quyết đơn | | | |
| | 5.3.1. Khái niệm và cấu tạo của luận ba đoạn nhất quyết đơn | | | |
| | 5.3.2. Các quy tắc chung của luận ba đoạn nhất quyết đơn | | | |
| | 5.3.3. Luận ba đoạn rút gọn | | | |
| | 5.4. Suy luận có điều kiện | | | |
| | 5.4.1. Suy luận có điều kiện thuần túy | | | |
| | 5.4.2. Suy luận nhất quyết có điều kiện | | | |
| | 5.5. Suy luận phân liệt | | | |
| | 5.6. Quy nạp | | | |
| | 5.7. Tương tự | | | |
| | 5.7.1. Định nghĩa và cấu tạo của suy luận tương tự | | | |
| | 5.7.2. Các quy tắc của suy luận tương tự | | | |
| | 5.7.3. Các kiểu suy luận tương tự | | | |
| Tuần 12, 13 | Chương 6: Giả thuyết và chứng minh | Lý thuyết | [2] | 4 |
| | 6.1. Giả thuyết | | | |

| | | | | |
|---------|--|-----------|--|---|
| | 6.1.1.Tiền đề hình thành giả thuyết | | | |
| | 6.1.2.Bản chất của giả thuyết | | | |
| | 6.1.3. Xây dựng giả thuyết | | | |
| | 6.1.4.Kiểm tra giả thuyết | | | |
| | 6.2. Chứng minh | | | |
| | 6.2.1.Định nghĩa và đặc điểm của chứng minh | | | |
| | 6.2.2.Cấu tạo và các kiểu chứng minh | | | |
| | 6.2.3.Các quy tắc chứng minh | | | |
| | 6.2.4.Các lỗi có thể mắc phải trong chứng minh | | | |
| Tuần 14 | Thảo luận | Thảo luận | | 2 |
| Tuần 15 | Kiểm tra đánh giá | Tự luận | | 2 |

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng

Khoa/Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

16. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

1. Tên học phần: MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Giúp người học biết được sự tác động qua lại giữa môi trường và con người. Môn học chú trọng vai trò của con người trong việc sử dụng tài nguyên để sinh sống và phát triển, đồng thời hoạt động của con người còn gây cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường. Con người có khả năng hạn chế dân số, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

- **Mục tiêu về kiến thức:** Giúp người học biết được sự tác động qua lại giữa môi trường và con người. Con người có khả năng hạn chế dân số, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

- **Mục tiêu về kỹ năng:** Vai trò của con người trong việc sử dụng tài nguyên để sinh sống và phát triển, đồng thời hoạt động của con người còn gây cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

- **Mục tiêu về thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Thực hiện tốt, nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn. Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp. Phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của bản thân.

7. Mô tả môn học

Học phần Môi trường và Con người bao gồm bao gồm 12 chương được chia làm 3 phần chính. Phần đầu là các kiến thức cơ bản về mối liên hệ giữa môi trường và sinh vật, trong đó có con người. Phần hai đề cập việc sử dụng tài nguyên để thỏa mãn các nhu cầu của con người. Phần ba liên quan tới vấn đề ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Vũ Quang Mạnh-Hoàng Duy Chúc- *Môi trường và con người*- NXB Đại học Sư phạm Thái Nguyên 2011

8.2. Sách tham khảo:

[2] Võ Văn Minh- *Giáo trình Môi trường và con người*- NXB Đại học Đà Nẵng 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Mở đầu

- 1.1. Giới thiệu môn học
- 1.2. Nhiệm vụ (Đối tượng) môn học
- 1.3. Mối tương tác vấn đề dân số - tài nguyên - môi trường

Chương 2: Nhân tố sinh thái và quần thể sinh vật

- 2.1. Nhân tố sinh thái
- 2.2. Quần thể sinh vật
- 2.3. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái
- 2.4. Thích nghi của sinh vật

Chương 3: Quần xã sinh vật và hệ sinh thái

- 3.1. Quần xã sinh vật
- 3.2. Hệ sinh thái

Chương 4: Hệ sinh thái và con người

- 4.1. Vị trí con người trong hệ sinh thái
- 4.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người
- 4.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái

Chương 5: Dân số học và phát triển dân số

- 5.1. Dân số học
- 5.2. Phát triển dân số

Chương 6: Tài nguyên đất

- 6.1. Sự thành lập đất
- 6.2. Các loại đất
- 6.3. Tài nguyên đất
- 6.4. Xói mòn đất
- 6.5. Bảo tồn đất

Chương 7: Tài nguyên nước

- 7.1. Tài nguyên nước toàn cầu
- 7.2. Tình hình sử dụng nước
- 7.3. Vấn đề của tài nguyên nước
- 7.4. Quản trị tài nguyên nước
- 7.5. Bảo tồn nước

Chương 8: Tài nguyên khoáng sản và năng lượng

- 8.1. Tài nguyên khoáng sản
- 8.2. Tài nguyên năng lượng

Chương 9: Tài nguyên lương thực - thực phẩm

- 9.1. Các hệ thống nông nghiệp thế giới
- 9.2. Các vấn đề của lương thực – thực phẩm
- 9.3. Gia tăng sản xuất lương thực – thực phẩm

Chương 10. Tài nguyên sinh học

- 10.1. Tài nguyên rừng
- 10.2. Tài nguyên sinh vật hoang dã

Chương 11. Các nhu cầu khác của con người

- 11.1. Nhu cầu nhà ở và quần áo
- 11.2. Nhu cầu đi lại
- 11.3. Nhu cầu văn hóa và xã hội
- 11.4. Xã hội công nghiệp và tác động lên sinh quyển

Chương 12. Ô nhiễm và bảo vệ môi trường

- 12.1. Ô nhiễm đất và hậu quả
- 12.2. Giảm thiểu ô nhiễm đất
- 12.3. Ô nhiễm nước và hậu quả
- 12.4. Giảm thiểu ô nhiễm nước
- 12.5. Ô nhiễm không khí và hậu quả
- 12.6. Giảm thiểu ô nhiễm không khí
- 12.7. Tình trạng môi trường hiện nay
- 12.8. Phương hướng và chương trình bảo vệ môi trường

11. Kế hoạch triển khai học phần.

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|--|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Tuần 1 | Chương 1: Mở đầu | Lý thuyết | [1] | 2 |
| | 1.1. Giới thiệu môn học | | | |
| | 1.2. Nhiệm vụ (Đối tượng) môn học | | | |
| | 1.3. Mối tương tác vấn đề dân số - tài | | | |

| | | | | |
|--------|---|-----------|-----|---|
| | nguyên - môi trường | | | |
| | Chương 2: Nhân tố sinh thái và quần thể sinh vật | | | |
| | 2.1. Nhân tố sinh thái | | | |
| | 2.2. Quần thể sinh vật | | | |
| | 2.3. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái | | | |
| | 2.4. Thích nghi của sinh vật | | | |
| Tuần 2 | Chương 3: Quần xã sinh vật và hệ sinh thái | Lý thuyết | [1] | 2 |
| | 3.1. Quần xã sinh vật | | | |
| | 3.2. Hệ sinh thái | | | |
| | Chương 4: Hệ sinh thái và con người | | | |
| | 4.1. Vị trí con người trong hệ sinh thái | | | |
| | 4.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người | | | |
| | 4.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái | | | |
| Tuần 3 | Chương 5: Dân số học và phát triển dân số | Lý thuyết | [1] | 2 |
| | 5.1. Dân số học | | | |
| | 5.2. Phát triển dân số | | | |
| Tuần 4 | Thảo luận | Thảo luận | | 2 |
| Tuần 5 | Kiểm tra đánh giá | Tự luận | | 2 |
| Tuần 6 | Chương 6: Tài nguyên đất | Lý thuyết | [1] | 2 |
| | 6.1. Sự thành lập đất | | | |
| | 6.2. Các loại đất | | | |
| | 6.3. Tài nguyên đất | | | |
| | 6.4. Xói mòn đất | | | |
| | 6.5. Bảo tồn đất | | | |
| Tuần 7 | Chương 7: Tài nguyên nước | Lý thuyết | [1] | 2 |
| | 7.1. Tài nguyên nước toàn cầu | | | |
| | 7.2. Tình hình sử dụng nước | | | |
| | 7.3. Vấn đề của tài nguyên nước | | | |
| | 7.4. Quản trị tài nguyên nước | | | |
| | 7.5. Bảo tồn nước | | | |
| Tuần 8 | Chương 8: Tài nguyên khoáng sản và năng lượng | Lý thuyết | [2] | 2 |

| | | | | |
|-------------|--|-----------|-----|---|
| | 8.1. Tài nguyên khoáng sản | | | |
| | 8.2. Tài nguyên năng lượng | | | |
| Tuần 9 | Chương 9: Tài nguyên lương thực - thực phẩm | Lý thuyết | [2] | 2 |
| | 9.1. Các hệ thống nông nghiệp thế giới | | | |
| | 9.2. Các vấn đề của lương thực – thực phẩm | | | |
| | 9.3. Gia tăng sản xuất lương thực – thực phẩm | | | |
| Tuần 10 | Chương 10. Tài nguyên sinh học | Lý thuyết | [2] | 2 |
| | 10.1. Tài nguyên rừng | | | |
| | 10.2. Tài nguyên sinh vật hoang dã | | | |
| Tuần 11 | Chương 11. Các nhu cầu khác của con người | Lý thuyết | [2] | 2 |
| | 11.1. Nhu cầu nhà ở và quần áo | | | |
| | 11.2. Nhu cầu đi lại | | | |
| | 11.3. Nhu cầu văn hóa và xã hội | | | |
| | 11.4. Xã hội công nghiệp và tác động lên sinh quyển | | | |
| Tuần 12, 13 | Chương 12. Ô nhiễm và bảo vệ môi trường | Lý thuyết | [2] | 4 |
| | 12.1. Ô nhiễm đất và hậu quả | | | |
| | 12.2. Giảm thiểu ô nhiễm đất | | | |
| | 12.3. Ô nhiễm nước và hậu quả | | | |
| | 12.4. Giảm thiểu ô nhiễm nước | | | |
| | 12.5. Ô nhiễm không khí và hậu quả | | | |
| | 12.6. Giảm thiểu ô nhiễm không khí | | | |
| | 12.7. Tình trạng môi trường hiện nay | | | |
| | 12.8. Phương hướng và chương trình bảo vệ môi trường | | | |
| Tuần 14 | Thảo luận | Thảo luận | | 2 |
| Tuần 15 | Kiểm tra đánh giá | Tự luận | | 2 |

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng

Khoa/BỘ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1. KINH TẾ VI MÔ

1. Tên học phần: KINH TẾ VI MÔ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Toán cao cấp.

6. Mục tiêu của học phần:

- **Mục tiêu về kiến thức:** Kết thúc học phần, người học sẽ có được những kiến thức sau đây:

+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về kinh tế học và nền kinh tế, đó là: khái niệm và các bộ phận của kinh tế học, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học, sự lựa chọn kinh tế và tác động của một số quy luật kinh tế cơ bản ảnh hưởng tới sự lựa chọn kinh tế.

+ Hiểu được những nội dung cơ bản về cung, cầu, trạng thái cân bằng của thị trường và tác động của sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường.

+ Hiểu được độ co giãn của cầu và cung. Ý nghĩa và ứng dụng của độ co giãn trong thực tế.

+ Nắm được lý thuyết hành vi của người tiêu dùng, quyết định của người tiêu dùng nhằm tối đa hóa lợi ích.

+ Nắm được các lý thuyết sản xuất, chi phí, lợi nhuận; quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những trường hợp khác nhau.

+ Nắm được kiến thức về các cấu trúc thị trường, quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau.

+ Phân tích được các thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ trong việc khắc phục những thất bại này.

- **Mục tiêu về kỹ năng:** Kết thúc học phần, người học sẽ có được những kỹ năng sau:

+ Có khả năng liên hệ được với thực tế nền kinh tế Việt Nam về các nội dung: mô hình nền kinh tế, các cấu trúc thị trường trong nền kinh tế.

+ Vận dụng được những quy luật kinh tế trong thực tế tiêu dùng và sản xuất kinh doanh

+ Phân tích được cơ chế hình thành giá cả trên thị trường, nguyên nhân và hậu quả của sự biến động giá trên thị trường.

+ Phân tích được các chính sách can thiệp của Chính phủ Việt Nam và các nước trên thế giới vào thị trường trong giai đoạn hiện nay.

+ Có kỹ năng tính toán các phương án tiêu dùng tối ưu khi giải quyết các vấn đề về tiêu dùng.

+ Có kỹ năng cơ bản để xác định được các phương án sản xuất tối ưu khi giải quyết các vấn đề về sản xuất.

+ Biết cách áp dụng những kiến thức kinh tế vi mô vào phân tích những vấn đề thực tế liên quan đến môn học.

+ Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; tư duy độc lập sáng tạo, kỹ năng thuyết trình trước công chúng.

7. Mô tả môn học

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] – Nguyễn Đại Thắng, *Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2] - Vũ Kim Dũng, *Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2006.

[3] - Vũ Kim Dũng – Nguyễn Văn Công, *Giáo trình kinh tế học tập 1*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2012

[4] – Cao Thúy Xiêm – Nguyễn Thị Tường Anh, *Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập kinh tế học vi mô*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội, 2008.

[5] - Vũ Kim Dũng – Phạm Văn Minh, *500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

[6] – Ngô Đình Giao, *101 bài tập kinh tế học vi mô*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 1999.

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 3 bài.

- Hình thức kiểm tra: Vấn đáp

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề cơ bản về kinh tế học

1.1. Nền kinh tế

1.2. Kinh tế học

1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế tối ưu

1.4. Giới thiệu 10 nguyên lý của kinh tế học

1.5. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học

Chương 2: Lý thuyết cầu – cung

- 2.1. Cầu
- 2.2. Cung
- 2.3. Cân bằng thị trường
- 2.4. Co giãn cầu - cung
- 2.5. Chính sách của chính phủ

Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng

- 3.1. Các giả thiết về sở thích người tiêu dùng
- 3.2 Một số khái niệm liên quan
- 3.3. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu
- 3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn tiêu dùng tối ưu

Chương 4: Lý thuyết về hành vi của doanh nghiệp

- 4.1. Lý thuyết về sản xuất
- 4.2. Lý thuyết về chi phí
- 4.3. Tối đa hóa doanh thu, lợi nhuận

Chương 5: Thị trường – cạnh tranh và độc quyền

- 5.1. Tổng quan về thị trường
- 5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
- 5.3. Thị trường độc quyền
- 5.4. Thị trường độc quyền nhóm
- 5.5. Thị trường cạnh tranh độc quyền

Chương 6. Những khuyết tật của nền kinh tế thị trường và vai trò của Chính phủ

- 6.1. Hiệu quả Pareto
- 6.2. Các khuyết tật của thị trường
- 6.3. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| | Nội dung giảng dạy | Hình thức | Tài liệu đọc, | Yêu cầu | |
|--|---------------------------|------------------|----------------------|----------------|--|
|--|---------------------------|------------------|----------------------|----------------|--|

| Tiết thứ | <i>(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)</i> | tổ chức giảng dạy <i>(lý thuyết, Bài tập, thực hành, thảo luận, tự học...)</i> | tham khảo <i>(Đọc tài liệu nào, trang bao nhiêu?...)</i> | sinh viên chuẩn bị <i>(Bài tập, thuyết trình, giải quyết tình huống,...)</i> | Ghi chú |
|-----------------|--|--|--|--|----------------|
| 1 | Chương 1: Tổng quan về kinh tế học 1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học 1.1.1. Kinh tế học và nền kinh tế 1.1.2. Các bộ phận của kinh tế học 1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học 1.2.1. Nội dung 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.3- tr.6 - Tài liệu [2], từ tr.10- tr.17 | - Đọc tài liệu [2], từ tr.3- tr.6 - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.10- tr.17 | |
| 2 | Chương 1: (Tiếp) 1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế 1.3.1. Bản chất của sự lựa chọn kinh tế 1.3.2. Tác động của một số quy luật kinh tế tới sự lựa chọn kinh tế 1.3.2. Phân tích cận biên | Lý thuyết | - Tài liệu [1], từ tr.17 -tr.44 | - Đọc trước tài liệu [1], từ tr.17 -tr.40 - Đọc trước tài liệu [1], từ tr.17 -tr.40 | |

| | | | | | |
|---|--|-----------|----------------------------------|--|--|
| | – Phương pháp lựa chọn kinh tế tối ưu | | | | |
| 3 | <p>Chương 2: Cung – cầu</p> <p>2.1. Lý thuyết Cầu</p> <p>2.1.1. Các khái niệm</p> <p>2.1.2. Luật cầu</p> <p>2.1.3. Các nhân tố tác động tới cầu</p> <p>2.1.4. Sự vận động dọc trên đường cầu và dịch chuyển của đường cầu</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.45- tr.52 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.45- tr.52 | |
| 4 | <p>Chương 2: (tiếp)</p> <p>2.2. Cung</p> <p>2.2.1. Các khái niệm</p> <p>2.2.2. Luật cầu</p> <p>2.2.3. Các nhân tố tác động tới cầu</p> <p>2.2.4. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr. 54- tr.60 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr. 54- tr.60 | |
| 5 | <p>Chương 2: (tiếp)</p> <p>2.3. Cân bằng thị trường</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Sự mất cân bằng trên thị trường</p> <p>2.3.3. Sự điều chỉnh của</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr. 61- tr.67 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr. 61- tr.67 | |

| | | | | | |
|---|--|-----------|---|---|--|
| | thị trường 2.3.4. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng | | | | |
| 6 | Chương 2: (tiếp) Bài tập | Bài tập | - Tài liệu [4], từ tr.28 – tr.36 - Tài liệu [4], từ tr.18- tr.24 | | |
| 7 | Chương 2: (tiếp) 2.4. Tác động của sự can thiệp của Chính phủ 2.4.1. Chính sách làm dịch chuyển đường cung 2.4.2. Chính sách làm lượng cung và lượng cầu khác nhau | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr. 68- tr.74 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr. 68- tr.74 | |
| 8 | Chương 2: (tiếp) 2.5. Độ co giãn của cầu-cung 2.5.1. Độ co giãn của cầu 2.5.1.1. Co giãn của cầu theo giá 2.5.1.2. Co giãn của cầu theo thu nhập 2.5.1.3. Độ co giãn chéo của cầu 2.5.2. Độ co giãn của cung theo giá | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr. 95 – tr.120 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.92 – tr.120 | |
| 9 | Chương 2: (tiếp) Bài tập | Bài tập | - Tài liệu [4], từ tr.36 – tr.43 | | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|--|---|--|
| | | | - Tài liệu [4], từ tr.47 – tr.55 | | |
| 10 | <p>Chương 3. Lý thuyết hành vi người tiêu dùng</p> <p>3.1. Lý thuyết lợi ích</p> <p>3.1.1. Các khái niệm</p> <p>3.1.2. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.125 - tr.128. | - Đọc trước tài liệu [1], từ tr.125 - tr.128. | |
| 11 | <p>Chương 3: (tiếp)</p> <p>3.1.3. Lợi ích cận biên và đường cầu</p> <p>3.1.4. Thặng dư tiêu dùng</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.129- tr.133. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.129- tr.133. | |
| 12 | <p>Chương 3: (tiếp)</p> <p>3.2. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu</p> <p>3.2.1. Các giả định</p> <p>3.2.2. Lý thuyết bàng quan - ngân sách</p> <p>3.2.2.1. Đường bàng quan</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr. 134 – tr.143 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr. 134 – tr.143 | |
| 13 | <p>Chương 3: (tiếp)</p> <p>3.2.2.2. Đường ngân sách</p> <p>3.2.2.3. Sự lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr. 144 – tr.148 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr. 144 – tr.148 | |
| 14 | <p>Chương 4: (tiếp)</p> <p>Bài tập</p> | Bài tập | - Tài liệu [4], từ tr.67 – tr.76 - Tài liệu [4], từ tr. 76 – tr.81 | | |

| | | | | | |
|----|--|-----------|------------------------------------|---|--|
| 15 | Thi giữa kỳ | | Ôn tập chương 1-2 | Mang thẻ sinh viên | |
| 16 | Chương 4: Lý thuyết hành vi nhà sản xuất 4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Các khái niệm 4.1.2. Sản xuất với một đầu vào biến đổi (sản xuất trong ngắn hạn) | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.215- tr.228. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.215- tr.228. | |
| 17 | Chương 4: (tiếp) 4.2. Lý thuyết chi phí 4.2.1. Khái niệm và phân biệt các loại chi phí 4.2.2. Các chi phí ngắn hạn | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.229- tr.232 | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.229- tr.232 | |
| 18 | Chương 4: (tiếp) 4.3. Lý thuyết lợi nhuận 4.3.1. Khái niệm và công thức tính 4.3.2. Những yếu tố tác động đến lợi nhuận | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.249- tr.252. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.249- tr.252. | |
| 19 | Chương 4: (tiếp) 4.3.3. Quyết định sản xuất của doanh nghiệp 4.3.3.1. Trong trường hợp tối đa hóa doanh thu 4.3.3.2. Trong trường | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.252- tr.255. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr. 252- tr.255. | |

| | | | | | |
|-------|---|-----------|---|---|--|
| | hợp tối đa hóa lợi nhuận | | | | |
| 20-21 | Chương 4: (tiếp) Bài tập | Bài tập | - Tài liệu [4], từ tr..94 – tr.101 | | |
| 22 | Kiểm tra thường xuyên (Bài viết số 02) | | Ôn tập kiến thức chương 3-4 | Mang thẻ SV | |
| 23 | Chương 5: Cấu trúc thị trường 5.1. Khái niệm và phân loại thị trường 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Phân loại 5.2. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.2.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.2.2. Đường cầu và đường doanh thu biên của hãng 5.2.3. Sản lượng và lợi nhuận của hãng | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.285 - tr.288. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.285 - tr.288. | |
| 24 | Chương 5: (tiếp) 5.2.4. Các quyết định sản xuất của hãng trong ngắn hạn 5.2.5. Đường cung ngắn hạn của hãng 5.2.6. Thặng dư sản xuất | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.288 - tr.298. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.288 - tr.298. | |
| 25 | Chương 5: (tiếp) | Lý thuyết | - Tài liệu [2], | - Đọc trước tài | |

| | | | | | |
|----|--|-----------|-------------------------------------|---|--|
| | <p>5.3. Thị trường độc quyền thuần túy (Độc quyền bán)</p> <p>56.3.1. Đặc điểm của thị trường độc quyền bán</p> <p>5.3.2. Các nguyên nhân dẫn đến độc quyền</p> <p>5.3.3. Đường cầu và đường doanh thu biên của hãng</p> | | từ tr.329 - tr.331. | liệu [2], từ tr.329 - tr.331. | |
| 26 | <p>Chương 5: (tiếp)</p> <p>5.3.4. Sản lượng và lợi nhuận của hãng độc quyền</p> <p>5.3.5. Mất không từ sức mạnh độc quyền</p> <p>5.4. Thị trường cạnh tranh độc quyền</p> <p>5.4.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền</p> <p>5.4.2. Đường cầu và lựa chọn sản lượng của hãng</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.348 - tr.360. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.348 - tr.360. | |
| 27 | <p>Chương 5: (tiếp)</p> <p>5.5. Thị trường độc quyền tập đoàn</p> <p>5.5.1. Đặc điểm của thị trường độc quyền tập đoàn</p> <p>5.5.2. Mô hình đường cầu gãy khúc trong thị</p> | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.380 - tr.390. | - Đọc trước Tài liệu [2], từ tr.380 - tr.390. | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|---|---|--|
| | trường độc quyền tập đoàn 5.4.3. Giá cả kém linh hoạt trong thị trường độc quyền tập đoàn | | | | |
| 28 | Chương 5: (tiếp) Bài tập | Bài tập | - Tài liệu [4], từ tr.118 – tr.126 | | |
| 29 | Chương 6: Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường 6.1. Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường 6.1.1. Tầm quan trọng của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường 6.1.2. Các quan điểm về vai trò của Chính phủ 6.1.3. Chức năng kinh tế của Chính phủ | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.495 - tr.500. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.495 - tr.500. | |
| 30 | Chương 6: (tiếp) 6.2. Các nguyên nhân dẫn đến sự can thiệp của Chính phủ 6.2.1. Ngoại ứng 6.2.2. Hàng hóa công cộng 6.2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo | Lý thuyết | - Tài liệu [2], từ tr.501 - tr.517. | - Đọc trước tài liệu [2], từ tr.501 - tr.517. | |

| | | | | |
|---|--|--|--|--|
| 6.2.4. Phân phối thu nhập không công bằng | | | | |
| 6.3. Sự can thiệp của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường | | | | |

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

2. KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tên học phần: KINH TẾ VĨ MÔ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Toán cao cấp; Kinh tế vi mô.

6. Mục tiêu của học phần:

- **Mục tiêu về kiến thức:** Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ lĩnh hội và nắm bắt được những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô liên quan đến hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Người học sẽ hiểu các thuật ngữ kinh tế vĩ mô và phân tích các mô hình kinh tế cơ bản, thông qua đó hiểu được sự vận hành của nền kinh tế với tư cách là một tổng thể.

- **Mục tiêu về kỹ năng:** Kết thúc học phần, người học sẽ có được những kỹ năng sau:

+ Biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nước thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô tổng hợp.

+ Biết cách áp dụng các mô hình và lý thuyết kinh tế vĩ mô để phân tích ảnh hưởng của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ đến nền kinh tế.

+ Biết cách áp dụng những kiến thức kinh tế vĩ mô vào phân tích những vấn đề thực tế về kinh tế học vĩ mô ở Việt Nam và trên thế giới.

+ Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; tư duy độc lập sáng tạo, kỹ năng thuyết trình trước công chúng;

- **Mục tiêu về thái độ:**

+ Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của Chính phủ trong việc điều hành kinh tế vĩ mô

+ Hình thành thái độ khách quan đối với các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trên phương diện lý thuyết kinh tế.

+ Tự tin và chuyên nghiệp khi phân tích và trình bày một vấn đề kinh tế trước công chúng.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các

vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

7. Mô tả môn học

Học phần này giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Dân, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Tài chính, Hà Nội, 2007.

[3]. Nguyễn Văn Công, *Nguyên lý Kinh tế học Vĩ Mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2010.

[4]. Nguyễn Văn Công, *Bài tập kinh tế học vĩ mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2011.

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 3 bài.

- Hình thức kiểm tra: Vấn đáp

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Đại cương về kinh tế học

1.1. Giới thiệu Mười nguyên lý của kinh tế học

1.2. Khái niệm, những đặc trưng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học

1.3. Tổ chức kinh tế của nền kinh tế hỗn hợp

1.4. Một số khái niệm cơ bản của kinh tế học

1.5. Một số quy luật kinh tế cơ bản

1.6. Phân tích cung - cầu

Chương 2: Khái quát về kinh tế học vĩ mô

2.1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô

2.2 Hệ thống kinh tế vĩ mô

2.3 Mục tiêu và công cụ của nền kinh tế

2.4 Một số khái niệm và quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản

Chương 3: Tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân

- 3.1 Tổng sản phẩm quốc dân-thước đo thành tựu của một nền kinh tế
- 3.2 Phương pháp xác định GDP
- 3.3 Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản

Chương 4: Tổng cầu và chính sách tài khoá

- 4.1 Tổng cầu và sản lượng cân bằng
- 4.2 Chính sách tài khoá

Chương 5: Tiền tệ và chính sách tiền tệ

- 5.1 Tiền tệ và chức năng của tiền tệ
- 5.2 Hệ thống ngân hàng và cung tiền
- 5.3 Mức cầu tiền tệ
- 5.4 Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu
- 5.5 Sự cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hoá và thị trường tiền tệ
- 5.6. Sự phối hợp giữa hai chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ

Chương 6: Tổng cung và chu kỳ kinh doanh

- 6.1. Tổng cung
- 6.2. Chu kỳ kinh doanh

Chương 7: Thất nghiệp và lạm phát

- 7.1 Thất nghiệp
- 7.2 Lạm phát
- 7.3. Mối quan giữa lạm phát và thất nghiệp

Chương 8: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

- 8.1 Nguyên tắc lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế
- 8.2 Cán cân thanh toán quốc tế và hệ thống tỷ giá hối đoái

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| Tiế t thứ | Nội dung giảng dạy <i>(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)</i> | Hình thức tổ chức giảng dạy (lý) | Tài liệu đọc, tham khảo (Đọc tài | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị <i>(Bài tập, thuyết trình, giải quyết</i> | Ghi chú |
|--------------------------|---|---|---|--|----------------|
|--------------------------|---|---|---|--|----------------|

| | | <i>thuyết, Bài tập, thực hành, thảo luận, tự học...)</i> | <i>liệu nào, trang bao nhiều?...)</i> | <i>tình huống,...)</i> | |
|---|--|--|---|---------------------------------|--|
| 1 | 1.1. Khái quát về kinh tế học vĩ mô 1.1.1. Kinh tế học và một số khái niệm liên quan 1.1.2. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô 1.1.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô | Lý thuyết | [3]- tr5-26 | Đọc trước tài liệu [3]- tr5-26 | |
| 2 | 1.2. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô 1.2.1. Các mục tiêu KTVM 1.2.2. Các biến số KTVM cơ bản 1.2.3. Các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô | Lý thuyết | [3]- tr5-26 - | Đọc trước tài liệu [3]- tr5-26 | |
| 3 | 1.3. Hệ thống kinh tế vĩ mô 1.3.1. Đầu vào của hệ thống kinh tế 1.3.2. Hộp đen kinh tế vĩ mô 1.3.3. Đầu ra của hệ thống kinh tế | Lý thuyết | [3]- tr5-26 | Đọc trước tài liệu [3]- tr5-26 | |
| 4 | 2.1. Tổng sản phẩm trong nước GDP 2.1.1. Khái niệm và nguyên tắc xác định GDP 2.1.2. Ý nghĩa của GDP trong phân tích kinh tế 2.1.3. Phân biệt GDP _n và GDP _r - Chỉ số điều chỉnh GDP (DGDP) | Lý thuyết | [1]- tr5-7 | Đọc trước tài liệu [1]- tr5-7 | |
| 5 | 2.1. Tổng sản phẩm trong nước GDP (tiếp) 2.1.4. Các phương pháp xác định GDP | Lý thuyết | [1]- tr8-17 | Đọc trước tài liệu [1]- tr8-17 | |
| 6 | 2.1. Tổng sản phẩm trong nước GDP (tiếp) | Lý thuyết | [1]- tr17-18 | Đọc trước tài liệu [1]- tr17-18 | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|------------------------------|---------------------------------|--|
| | <p>2.1.5. GDP và các chỉ tiêu đo lường thu nhập khác</p> <p>2.1.5.1. Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) và GDP</p> <p>2.1.5.2. Sản phẩm quốc dân ròng (NNP) và GNP</p> <p>2.1.5.3. Thu nhập quốc dân (NI hay Y) và NNP</p> <p>2.1.5.4. Thu nhập khả dụng (Y_D) và Y</p> | | | | |
| 7 | <p>2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Phương pháp tính CPI</p> | Lý thuyết | [1]- tr25-28 | Đọc trước tài liệu [1]- tr25-28 | |
| 8 | <p>2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (tiếp)</p> <p>2.2.3. Những vấn đề phát sinh khi đo lường CPI</p> <p>2.2.4. Phân biệt CPI và chỉ số điều chỉnh GDP (DGDP)</p> <p>2.2.5. Vận dụng CPI trong phân tích kinh tế</p> | Lý thuyết | [1]- tr28-35 | Đọc trước tài liệu [1]- tr28-35 | |
| 9 | Giao bài tập: [6]- tr14-27 | Bài tập | [3]- tr27-49 [3]- tr49-65 | | |
| 10 | <p>3.1. Khái quát về tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.1.1. Khái niệm và cách đo lường tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.1.2. Ý nghĩa của tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.1.3 Tình hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và một số nước trên thế giới</p> <p>3.2. Các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.2.1. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.2.2. Năng suất lao động</p> | Lý thuyết | [1]- tr46-55 | Đọc trước tài liệu [1]- tr46-55 | |

| | | | | | |
|----|--|-----------|------------------------------|---------------------------------|--|
| | 3.2.3. Các nguồn lực cho tăng trưởng | | | | |
| 11 | <p>3.3. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.3.1. Lý thuyết cổ điển của Adam Smith và Malthus</p> <p>3.3.2. Lý thuyết tăng trưởng của trường phái Keynes</p> <p>3.3.3. Lý thuyết tân cổ điển về tăng trưởng kinh tế</p> | Lý thuyết | [3]- tr66-70 | Đọc trước tài liệu [3]- tr66-70 | |
| 12 | <p>3.4. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế</p> <p>3.3.1. Khuyến khích tiết kiệm và đầu tư trong nước</p> <p>3.3.2 Thu hút đầu tư từ nước ngoài</p> <p>3.3.3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực</p> <p>3.3.4. Xác định quyền sở hữu tài sản và sự ổn định chính trị</p> <p>3.3.5. Mở cửa nền kinh tế</p> <p>3.3.6. Kiểm soát tăng dân số</p> <p><u>3.3.7. Nghiên cứu và triển khai kỹ thuật cao, công nghệ mới.</u></p> | Lý thuyết | [3]- tr70-95 | Đọc trước tài liệu [3]- tr70-95 | |
| 13 | Giao câu hỏi [6]- tr28 – tr40 | Bài tập | [3]- tr66-70 [3]- tr70-95 | | |

| | | | | |
|----|--|-----------|----------------|-----------------------------------|
| 14 | Kiểm tra | | | Ôn tập chương 2,3 |
| 15 | 4.1. Hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường 4.1.1. Khái quát về hệ thống tài chính 4.1.1.1. Khái niệm 4.1.1.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính 4.1.1.3. Chức năng của hệ thống tài chính 4.1.1.4. Các thành tố chính của hệ thống tài chính Việt Nam hiện nay 4.1.2. Các định chế tài chính và thị trường tài chính 4.1.2.1. Định chế tài chính (hay trung gian tài chính) 4.1.2.2. Thị trường tài chính | Lý thuyết | [1]- tr103-115 | Đọc trước tài liệu [1]- tr103-115 |
| 16 | 4.2. Thị trường vốn vay 4.2.1. Tiết kiệm và đầu tư 4.2.2. Thị trường vốn vay 4.2.2.1. Giả định nghiên cứu 4.2.2.2. Cung về vốn vay 4.2.2.3. Cầu về vốn vay 4.2.2.4. Cân bằng trên thị trường vốn vay | Lý thuyết | [3]- tr100-114 | Đọc trước tài liệu [3]- tr100-114 |
| 17 | 4.3. Tác động của chính sách đối với tiết kiệm và đầu tư 4.3.1. Tác động của chính sách khuyến khích tiết kiệm 4.3.2. Tác động của chính sách khuyến khích đầu tư 4.3.3. Tác động của chính sách tài khoá 4.3.3.1. Chính sách tăng chi tiêu 4.3.3.2. Chính sách tăng thuế 4.3.3.3. Tăng thuế và chi tiêu của chính phủ một lượng như nhau | Lý thuyết | [3]- tr100-114 | Đọc trước tài liệu [3]- tr100-114 |
| 18 | Giao câu hỏi: [1]- tr127 | Bài tập | [3]- tr96-100 | |
| 19 | 5.1. Tổng cầu của nền kinh tế 5.1.1. Khái niệm và mô hình đường tổng cầu 5.1.2. Các thành tố cấu thành tổng cầu 5.1.3. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường tổng cầu | Lý thuyết | [1]- tr161-166 | Đọc trước tài liệu [1]- tr161-166 |

| | | | | | |
|----|--|-----------|----------------|-----------------------------------|--|
| 20 | <p>5.2. Tổng cung của nền kinh tế</p> <p>5.2.1. Khái niệm và mô hình đường tổng cung</p> <p>5.2.2. Tổng cung dài hạn</p> <p>5.2.3. Tổng cung ngắn hạn</p> <p>5.2.4. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường tổng cung</p> <p>5.3. Cân bằng và trạng thái của nền kinh tế</p> | Lý thuyết | [1]- tr166-182 | Đọc trước tài liệu [1]- tr166-182 | |
| 21 | <p>5.4. Các biến động kinh tế ngắn hạn</p> <p>5.4.1. Các cú sốc cầu</p> <p>5.4.2. Các cú sốc cung</p> <p>5.4.3. Cơ chế tự điều chỉnh</p> | Lý thuyết | [1]- tr183-187 | Đọc trước tài liệu [1]- tr183-187 | |
| 22 | Giao bài tập: [6]- tr71-tr84 | Bài tập | [1]- tr133-152 | | |
| 23 | <p>6.1. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng</p> <p>6.1.1. Các giả định nghiên cứu</p> <p>6.1.2. Cách tiếp cận thu nhập - chi tiêu</p> | Lý thuyết | [3]- tr229-253 | Đọc trước tài liệu [3]- tr229-253 | |
| 24 | <p>6.1. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng (tiếp)</p> <p>6.1.3. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng</p> <p>6.1.3.1. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn</p> <p>6.1.3.2. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng trong nền kinh tế đóng</p> | Lý thuyết | [3]- tr229-253 | Đọc trước tài liệu [3]- tr229-253 | |
| 25 | <p>6.1. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng (tiếp)</p> <p>6.1.3. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng</p> <p>6.1.3.3. Tổng chi tiêu và sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở.</p> | Lý thuyết | [3]- tr229-253 | Đọc trước tài liệu [3]- tr229-253 | |
| 26 | <p>6.2. Chính sách tài khóa</p> <p>6.2.1. Khái niệm và mục tiêu của chính sách tài khóa</p> <p>6.2.2. Công cụ và cơ chế tác động của chính sách tài khóa</p> | Lý thuyết | [3]- tr115-132 | Đọc trước tài liệu [3]- tr115-132 | |
| 27 | <p>6.2. Chính sách tài khóa</p> <p>6.2.3. Chính sách tài khóa cùng chiều và chính sách tài khóa ngược chiều</p> <p>6.2.4. Chính sách tài khóa trong thực tiễn</p> | Lý thuyết | [3]- tr115-132 | Đọc trước tài liệu [3]- tr115-132 | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|----------------|-----------------------------------|--|
| | 6.2.4.1. Cơ chế tự ổn định 6.2.4.2. Độ trễ của chính sách | | | | |
| 28 | 6.2. Chính sách tài khóa (tiếp) 6.2.5.1. Vấn đề thâm hụt ngân sách 6.2.5.2. Thâm hụt ngân sách và vấn đề tháo lui đầu tư | Lý thuyết | [3]- tr115-132 | Đọc trước tài liệu [3]- tr115-132 | |
| 29 | Giao câu hỏi: [3]- tr194-195 | Bài Tập | [3]- tr229-253 | | |
| 30 | Kiểm tra | | | Ôn tập chương 5-6 | |
| 31 | 7.1. Khái quát về tiền tệ 7.1.1. Khái niệm và chức năng của tiền 7.1.2. Phân loại tiền 7.1.3. Đo lường khối lượng tiền | Lý thuyết | [1]-tr243-247 | Đọc trước tài liệu [1]-tr243-247 | |
| 32 | 7.2. Cung tiền và hệ thống ngân hàng 7.2.1. Tiền cơ sở và mức cung tiền 7.2.1.1. Tiền cơ sở 7.2.1.2. Mức cung tiền 7.2.2. Hệ thống ngân hàng thương mại và quá trình “tạo tiền” 7.2.3. Ngân hàng trung ương và các công cụ điều tiết cung tiền 7.2.3.1. Chức năng của Ngân hàng trung ương 7.2.3.2. Các công cụ điều tiết cung tiền | Lý thuyết | [1]-tr135-181 | Đọc trước tài liệu [1]-tr135-181 | |
| 33 | 7.3. Lý thuyết ưa thích thanh khoản 7.3.1. Phân loại tài sản tài chính 7.3.2. Cầu tiền 7.3.3. Cân bằng thị trường tiền tệ | Lý thuyết | [1]-tr261-267 | Đọc trước tài liệu [1]-tr261-267 | |
| 34 | 7.4. Chính sách tiền tệ 7.4.1. Chính sách tiền tệ nới lỏng 7.4.2. Chính sách tiền tệ thắt chặt 7.4.3. Công cụ và cơ chế tác động của chính sách tiền tệ | Lý thuyết | [3]- tr181-194 | Đọc trước tài liệu [3]- tr181-194 | |
| 35 | Giao bài tập: [6]- tr109-112 | Bài tập | [3]- tr181-194 | | |
| 36 | 8.1. Thất nghiệp 8.1.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp 8.1.2. Phân loại thất nghiệp | Lý thuyết | [1]- tr131-144 | Đọc trước tài liệu [1]- tr131-144 | |

| | | | | | |
|----|--|-----------|----------------|-----------------------------------|--|
| 37 | 8.1. Thất nghiệp (tiếp) 8.1.3. Tác động của thất nghiệp 8.1.4. Các biện pháp hạn chế thất nghiệp | Lý thuyết | [1]- tr150-151 | Đọc trước tài liệu [1]- tr150-151 | |
| 38 | 8.2. Lạm phát 8.2.1. Khái niệm và đo lường lạm phát 8.2.2. Phân loại lạm phát 8.2.3. Tác động của lạm phát 8.2.4. Các biện pháp kiểm chế lạm phát | Lý thuyết | [1]- tr324-342 | Đọc trước tài liệu [1]- tr324-342 | |
| 39 | 8.3. Mối quan hệ giữa lạm phát - thất nghiệp và thất nghiệp – tăng trưởng kinh tế 8.3.1. Đường Phillips 8.3.2. Quy luật Okun | Lý thuyết | [3]- tr218-228 | Đọc trước tài liệu [3]- tr218-228 | |
| 40 | Giao bài tập: [6]- tr53-63 [6]- tr129- 137 | Bài tập | [3]- tr197-213 | Đọc trước tài liệu [3]- tr197-213 | |
| 41 | 9.1. Cán cân thanh toán quốc tế 9.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán 9.1.2. Thành phần của cán cân thanh toán 9.1.3. Nguyên tắc ghi chép cán cân thanh toán 9.1.4. Ý nghĩa của cán cân thanh toán | Lý thuyết | [3]- tr254-260 | Đọc trước tài liệu [3]- tr254-260 | |
| 42 | 9.2. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái 9.2.1. Tỷ giá hối đoái 9.2.2. Thị trường ngoại hối | Lý thuyết | [3]- tr260-280 | Đọc trước tài liệu [3]- tr260-280 | |
| 43 | 9.2. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái (tiếp) 9.2.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái (Hệ thống tài chính quốc tế) | Lý thuyết | [3]- tr260-280 | Đọc trước tài liệu [3]- tr260-280 | |
| 44 | 9.3. Tác động của việc thay đổi tỷ giá hối đoái đến nền kinh tế 9.3.1. Tác động của việc thay đổi tỷ giá hối đoái trong chế độ tỷ giá cố định 9.3.2. Tác động của việc thay đổi tỷ giá hối đoái | Lý thuyết | [3]- tr260-280 | Đọc trước tài liệu [3]- tr260-280 | |

| | | | | | |
|----|-------------------------------------|---------|--------------------|--|--|
| | trong chế độ tỷ giá thả nổi | | | | |
| 45 | Giao bài tập: [6]- tr142-145 | Bài tập | [3]- tr254- 260 | | |

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

3. KINH TẾ LƯỢNG

1. Tên học phần: KINH TẾ LƯỢNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Xác suất thống kê, Tin học ứng dụng.

6. Mục tiêu của học phần:

+ **Về kiến thức:** nắm vững và vận dụng được các mô hình hồi quy để ước lượng, phân tích về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình, dự đoán giá trị trung bình của biến phụ thuộc theo giá trị của biến độc lập, xác định mức độ tương quan giữa các biến, từ đó thấy được bản chất của các mối quan hệ và tìm được các biện pháp khắc phục các khuyết tật của mô hình.

+ **Về kỹ năng:** Sau khi học xong sinh viên phải vận dụng được các kỹ thuật để ước lượng các tham số của mô hình cũng như kiểm định các hệ số hồi quy và sự phù hợp của hàm hồi quy. Biết cách khắc phục những khiếm khuyết và dự báo được xu hướng phát triển của mô hình, thông qua các phần mềm chuyên dụng như EVIEWS, GRETL

+ **Thái độ:** hoàn thành đầy đủ các yêu cầu nội dung môn học.

7. Mô tả môn học

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Quang Dong, *Bài giảng Kinh tế lượng*, NXB Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Quang Dong, *Bài tập Kinh tế lượng*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2006

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 3 bài.

- Hình thức kiểm tra: Vấn đáp

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Các khái niệm cơ bản của mô hình hồi quy hai biến

1.1. Phân tích hồi quy

1.2. Bản chất và nguồn số liệu cho phân tích hồi quy

1.3. Mô hình hồi quy tổng thể

1.4. Sai số ngẫu nhiên và bản chất

1.5. Hàm hồi quy mẫu.

Chương 2. Ước lượng và kiểm định giả thiết trong mô hình hai biến

2.1. Phương pháp bình phương nhỏ nhất.

2.2. Các giả thiết cơ bản của phương pháp bình phương nhỏ nhất.

2.3. Độ chính xác của các ước lượng bình phương nhỏ nhất

2.4. Hệ số r^2 đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu.

2.5. Phân bố xác suất của yếu tố ngẫu nhiên.

2.6. Khoảng tin cậy và kiểm tra giả thiết về các hệ số hồi quy

2.7. Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy. Phân tích hồi quy và phương sai

2.8. Phân tích hồi quy và dự báo

2.9. Trình bày kết quả phân tích hồi quy.

Chương 3. Mô hình hồi quy nhiều biến

3.1. Mô hình hồi quy tuyến tính k biến

3.2. Các giả thiết

3.3. Ước lượng các tham số

3.4. Ma trận hiệp phương sai của các ước lượng.

3.5. Tính chất của các ước lượng bình phương nhỏ nhất

3.6. Hệ số xác định bội và hệ số xác định bội đã hiệu chỉnh

3.7. Ma trận tương quan

3.8. Hệ số tương quan riêng phần

3.9. Kiểm định giả thiết và khoảng tin cậy của các hệ số bội quy riêng – Kiểm định T.

3.10. Kiểm định giả thiết về sự phù hợp của hàm hồi quy, phân tích phương sai

3.11. Hồi quy có điều kiện ràng buộc - Kiểm định F.

3.12. Dự báo

3.13. Một số dạng của hàm hồi quy.

Chương 4. Hồi quy với biến độc lập là biến giả

4.1. Bản chất của biến giả - mô hình trong đó biến giả thích là biến giả

4.2. Hồi quy với một biến lượng và một biến chất

4.3. Hồi quy với một biến lượng và hai biến chất

4.4. So sánh hai hồi quy

4.5. Ảnh hưởng của tương tác giữa các biến giá

4.6. Sử dụng biến giả trong phân tích mua.

Chương 5. Đa cộng tuyến

5.1. Bản chất của đa cộng tuyến

5.2. Ước lượng khi có đa cộng tuyến hoàn hảo

5.3. Ước lượng trong trường hợp có đa cộng tuyến không hoàn hảo

5.4. Hậu quả của đa cộng tuyến

5.5. Phát hiện sự tồn tại của đa cộng tuyến

5.6. Biện pháp khắc phục.

Chương 6. Phương sai của sai số thay đổi

6.1. Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi

6.1.1 Phương sai của sai số thay đổi là gì?

6.1.2 Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi

6.2. Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi phương sai của sai số thay đổi

6.3. Phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát

6.4. Hậu quả của phương sai của sai số thay đổi

6.5. Phát hiện phương sai của sai số thay đổi

6.6. Biện pháp khắc phục.

Chương 7. Tự tương quan

7.1. Nguyên nhân của hiện tượng tự tương quan

7.2. Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi có tự tương quan.

7.3. Ước lượng tuyến tính không lệch tốt nhất khi có tự tương quan

7.4. Hậu quả của việc sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường khi có tự tương quan

7.5. Phát hiện có tự tương quan

7.6. Các biện pháp khắc phục

7.7. Thí dụ minh họa và so sánh các phương pháp.

Chương 8. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình

8.1. Các thuộc tính của một mô hình tốt

8.2. Các loại sai lầm chỉ định

8.3. Phát hiện những sai lầm chỉ định. Các kiểm định về sai lầm chỉ định.

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|----------|--|-----------------------------|--|---------------|
| 1 | Giới thiệu Đề cương môn học | | | |
| 1 | - Công tác chuẩn bị cho khóa học (làm quen, xác định nhu cầu người học, kiểm tra đầu vào ...) - Giới thiệu đề cương học phần, cách thực hiện các mục tiêu học phần. | Lý thuyết | - Tìm kiếm những thông tin cơ bản của môn học. | 3 |
| 1 | Chương 1. Các khái niệm cơ bản của mô hình hồi quy hai biến | | | |
| | 1.1 Phân tích hồi quy 1.2 Bản chất và nguồn số liệu cho phân tích hồi quy 1.3 Mô hình hồi quy tổng thể (PRF) | Lý thuyết | [1] trang 9- 17 | |
| 2 | 1.4 Sai số ngẫu nhiên và bản chất của nó 1.5 Hàm hồi quy mẫu (SRF) | Lý thuyết | [1] trang 17-20 | 3 |
| 2 | Chương 2. Ước lượng và kiểm định giả thiết trên mô hình hai biến | | | |
| 2 | 2.1 Phương pháp bình phương nhỏ nhất 2.2 Các giả thiết của phương pháp bình phương nhỏ nhất 2.3 Độ chính xác của các ước lượng bình phương nhỏ nhất | Lý thuyết | [1] trang 21 - 29 | |
| 3 | 2.4 Hệ số r^2 đo độ phù hợp của hàm hồi quy mẫu 2.5 Phân bố xác suất của yếu tố ngẫu nhiên | Lý thuyết | [1] trang 29 - 46 | 3 |

| | | | | |
|---|---|-------------|--------------------|---|
| | 2.6 Khoảng tin cậy và kiểm định giả thiết các hệ số hồi quy 2.7 Kiểm định sự phù hợp của hàm hồi quy, phân tích hồi quy và phân tích phương sai 2.8 Phân tích hồi quy và dự báo 2.9 Trình bày kết quả phân tích hồi quy | | | |
| 3 | Làm bài tập 2.1 – 2.8 | Tự NC | Sách bài tập | |
| 4 | Chương 3. Mô hình hồi quy nhiều biến | | | |
| 4 | 3.1 Mô hình hồi quy tuyến tính k biến 3.2 Các giả thiết 3.3 Ước lượng các tham số 3.4 Ma trận hiệp phương sai của các ước lượng 3.5 Tính chất của các ước lượng bình phương nhỏ nhất 3.6 Hệ số xác định và hệ số xác định bội đã hiệu chỉnh 3.7 Ma trận tương quan 3.8 Hệ số tương quan riêng phần | Lý thuyết | [1] trang 52 - 66 | 3 |
| 5 | 3.9. Kiểm định giả thiết và khoảng tin cậy của các hệ số bội quy riêng – Kiểm định T. 3.10. Kiểm định giả thiết về sự phù hợp của hàm hồi quy, phân tích phương sai 3.11. Hồi quy có điều kiện ràng buộc - Kiểm định F. 3.12. Dự báo 3.13. Một số dạng của hàm hồi quy. | Lý thuyết | [1] trang 66 - 79 | 3 |
| 5 | Làm bài tập 2.9, 2.77, 3.1 – 3.4 | Tự NC | Sách bài tập | |
| 5 | Chương 4. Hồi quy với biến độc lập là giả biến | | | |
| 5 | 4.1. Bản chất của biến giả - mô hình trong đó biến giả thích là biến giả | Lý thuyết | [1] trang 83 - 87 | |
| 5 | Kiểm tra thường xuyên (bài viết 01) | Kiểm tra ĐG | | |
| 6 | 4.1. Bản chất của biến giả - mô hình trong đó biến giả thích là biến giả 4.2. Hồi quy với một biến lượng và một biến chất | Lý thuyết | [1] trang 87 - 103 | 3 |

| | | | | |
|----|---|-----------|---------------------|----------|
| | 4.3. Hồi quy với một biến lượng và hai biến chất 4.4. So sánh hai hồi quy 4.5. Ảnh hưởng của tương tác giữa các biến giá 4.6. Sử dụng biến giả trong phân tích mua. | | | |
| 6 | 1. Giới thiệu phần mềm Gretl. 2. Vẽ đồ thị 3. Ước lượng mô hình hồi quy 2 biến 4. Ma trận hiệp phương sai 5. F-test. | Thực hành | | |
| 7 | Chữa bài tập 2.1-2.11 3.1-3.4 4.1-4.3 | Thảo luận | | 3 |
| 8 | Kiểm tra giữa kỳ | | | 3 |
| 9 | Chương 5. Đa cộng tuyến | | | |
| 9 | 5.1 Bản chất của đa cộng tuyến 5.2 Ước lượng khi có đa cộng tuyến hoàn hảo 5.3 Ước lượng trong trường hợp không có đa cộng tuyến hoàn hảo 5.4 Hậu quả của đa cộng tuyến | Lý thuyết | [1] trang 107 - 112 | 3 |
| 10 | 5.5. Phát hiện sự tồn tại của đa cộng tuyến 5.6. Biện pháp khắc phục. | Lý thuyết | [1] trang 113 -120 | 3 |
| 10 | Chương 6. Phương sai của sai số thay đổi | | | |
| 10 | 6.1. Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi 6.1.1 Phương sai của sai số thay đổi là gì? 6.1.2 Nguyên nhân của phương sai của sai số thay đổi | Lý thuyết | [1] trang 124 - 125 | |
| 10 | Làm bài tập 4.1 – 4.3, 5.1 – 5.3 | Tự NC | | |
| 11 | 6.2 Ước lượng các tham số khi có phương sai của sai số thay đổi 6.3 Phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát 6.4 Hậu quả phương sai của sai số thay đổi 6.5 Phát hiện phương sai của sai số thay đổi | Lý thuyết | [1] trang 126 – 147 | 3 |

| | | | | |
|----|---|-------------|---------------------|---|
| 12 | 6.6 Biện pháp khắc phục | Lý thuyết | [1] trang 147 – 153 | 3 |
| 12 | Chương 7. TỰ TƯƠNG QUAN | | | |
| | 7.1 Nguyên nhân của tự tương quan 7.2 Ước lượng bình phương nhỏ nhất khi có tự tương quan 7.3 Ước lượng tuyến tính không chệnh tốt nhất khi có tự tương quan | Lý thuyết | [1] trang 159-165 | |
| 13 | 7.4. Hậu quả của việc sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường khi có tự tương quan 7.5. Phát hiện có tự tương quan 7.6. Các biện pháp khắc phục 7.7. Thí dụ minh họa và so sánh các phương pháp. | Lý thuyết | [1] trang 166 - 180 | 3 |
| 13 | Chương 8. Chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình | | | |
| 13 | 8.1 Các thuộc tính của mô hình tốt | Lý thuyết | [1] trang 192 – 193 | |
| 13 | - Làm bài tập 6.1-6.4 7.1-7.4(ý a, b, c, d, e, f) | Tự NC | | |
| 13 | Kiểm tra thường xuyên (bài viết 02) | Kiểm tra ĐG | | |
| 14 | 8.2. Các loại sai lầm chỉ định 8.3. Phát hiện những sai lầm chỉ định. Các kiểm định về sai lầm chỉ định. | Lý thuyết | [1] trang 193 – 206 | 3 |
| 14 | Ước lượng mô hình hồi quy khi có biến giả. So sánh hai hồi quy Phát hiện đa cộng tuyến Phát hiện phương sai sai số thay đổi và cách khắc phục | Thực hành | | |
| 15 | Chữa bài tập 5.1 – 5.3 6.1 – 6.4 7.1 – 7.4 | Thảo luận | | 3 |
| 15 | Kiểm tra thường xuyên (bài viết 03) | Kiểm tra ĐG | | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

4. LUẬT KINH TẾ

1. Tên học phần: LUẬT KINH TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Pháp luật đại cương.

6. Mục tiêu của học phần:

Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức chung về khái niệm, đặc điểm pháp lý của doanh nghiệp, vấn đề thành lập, tổ chức lại, giải thể và quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp
- Có hiểu biết toàn diện về các vấn đề liên quan đến đặc trưng pháp lý, thành lập, tổ chức và hoạt động của các chủ thể kinh doanh, đặc biệt là các loại hình doanh nghiệp.
- Hiểu rõ các quy định pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng trong dân sự nói chung và hợp đồng trong kinh doanh, thương mại nói riêng.
- Nắm vững các quy định pháp luật và có những đánh giá cơ bản về các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại hiện nay.
- Hiểu được các vấn đề chung về phá sản như khái niệm, bản chất của phá sản, phân loại phá sản; nắm được các quy định của pháp luật về thủ tục phá sản.
- Nắm vững các quy định của pháp luật lao động như vấn đề hợp đồng lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất...

Về kỹ năng

- Có kỹ năng tự cập nhật các văn bản pháp luật mới liên quan đến những nội dung của pháp luật kinh tế
- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật kinh tế;
- Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh;
- Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn lựa chọn hình thức kinh doanh phù hợp;

- Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp;
- Vận dụng kiến thức đã học để đàm phán, giao kết hợp đồng dân sự nói chung và hợp đồng thương mại nói riêng.
- Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ lao động.

VỀ THÁI ĐỘ

- Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của khung pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân;
- Có tinh thần cầu tiến, học tập để nâng cao trình độ.

7. Mô tả môn học

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, các thiết chế về cạnh tranh và chống độc quyền.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Hợp Toàn, *Giáo trình Pháp luật kinh tế*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội 2008.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Những văn bản pháp luật kinh tế, NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2007.

[3]. Lê Đình Vinh, *Giáo trình Luật đầu tư*, NXB Giáo dục, 2009.

[4]. Bùi Ngọc Cường – Đồng Ngọc Ba – Vũ Đăng Hải Yến, *Giáo trình Luật thương mại Tập 1*, NXB Giáo dục, 2010.

[5].]. Bùi Ngọc Cường – Đồng Ngọc Ba – Lê Đình Vinh – Đoàn Trung Kiên, *Giáo trình Luật thương mại Tập 2*, NXB Giáo dục, 2010

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 03 bài
- Hình thức kiểm tra: Kiểm tra viết, tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Môi trường quản lý cho hoạt động kinh doanh

- 1.1. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh
- 1.2. Đạo đức trong kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
- 1.3. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh

Chương 2: Quy chế pháp lý chung về thành lập và quản lý doanh nghiệp

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp
- 2.2. Điều kiện, thủ tục chung về thành lập doanh nghiệp
- 2.3. Đăng ký những thay đổi của doanh nghiệp
- 2.4. Những quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp

Chương 3: Chế độ pháp lý của doanh nghiệp tư nhân và công ty

- 3.1. Chế độ pháp lý của doanh nghiệp tư nhân
- 3.2. Khái quát chung về công ty
- 3.3. Các loại hình công ty theo pháp luật Việt Nam
- 3.4. Các chủ thể kinh doanh khác

Chương 4: Chế độ pháp lý về các chủ thể kinh doanh khác

- 4.1. Doanh nghiệp nhà nước
- 4.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
- 4.3. Hợp tác xã

Chương 5: Điều chỉnh bằng pháp luật quan hệ lao động trong doanh nghiệp

- 5.1. Quan hệ pháp luật trong DN và việc điều chỉnh các quan hệ lao động bằng pháp luật
- 5.2. Hợp đồng lao động
- 5.3. Thỏa ước lao động tập thể
- 5.4. Tiền lương
- 5.5. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi
- 5.6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất
- 5.7. Bảo hiểm xã hội
- 5.8. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động trong doanh nghiệp

Chương 6: Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại

- 6.1. Khái quát chung về hợp đồng
- 6.2. Chế độ pháp lý của hợp đồng dân sự
- 6.3. Những quy định chung về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại

6.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa

6.5. Hợp đồng cung ứng dịch vụ

Chương 7: Pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

7.1. Tranh chấp trong kinh doanh và việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

7.2. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại

7.3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân

7.4. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh có yếu tố nước ngoài

Chương 8: Pháp luật về phá sản

8.1. Khái quát chung về phá sản và pháp luật phá sản

8.2. Những quy định chung của Luật phá sản

8.3. Thủ tục phá sản doanh nghiệp và Hợp tác xã

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|--|------------------------------------|--|----------------------|
| 1 | Chương 1: Chương 1: Môi trường quản lý cho hoạt động kinh doanh - Giới thiệu khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh - Trình bày hệ thống pháp luật điều chỉnh về các quan hệ kinh doanh - Đạo đức trong kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - Khái niệm Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh - Khái niệm đặc điểm, hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu do giảng viên hướng dẫn [1], [2], [4] | 3 |
| Tuần 2 | - Giới thiệu khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp. - Điều kiện và thủ tục thành lập doanh nghiệp. - Trình bày về vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp. | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu do giảng viên hướng dẫn [1], [2], [4] | 3 tiết |
| | - Điều kiện và thủ tục thành lập doanh nghiệp. - So sánh các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp | Thảo luận | | 3 tiết |

| | | | | |
|---------------|--|------------------|---|---------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp và thủ tục giải thể doanh nghiệp. - Các nhóm trình bày phần chuẩn bị về bộ hồ sơ thành lập doanh nghiệp theo các tình huống cụ thể | | | |
| Tuần 3 | <p>3.1. Chế độ pháp lý của doanh nghiệp tư nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm, đặc điểm DNTN - Phân tích tổ chức quản lý DNTN - Phân tích quy định pháp luật về vốn và chế độ tài chính của DNTN | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu do giáo viên yêu cầu [1], [2], [4] Luật doanh nghiệp 2005 | 3 tiết |
| Tuần 4 | <p>3.2. Khái quát chung về công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nguồn gốc ra đời của công ty <p>Trình bày về các loại hình công ty trên thế giới.</p> <p>3.3. Các loại hình công ty theo pháp luật Việt Nam</p> | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu chuẩn bị theo yêu cầu [1], [2], [4] Luật doanh nghiệp 2005 | 3 tiết |
| Tuần 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, đặc điểm, mô hình tổ chức, quản lý, vấn đề vốn và chế độ tài chính của Công ty hợp danh, Công ty TNHH 2 thành viên . | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu chuẩn bị theo yêu cầu [1], [2], [4] | 3 tiết |
| Tuần 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, đặc điểm, mô hình tổ chức, quản lý, vấn đề vốn và chế độ tài chính của Công ty cổ phần, Công ty TNHH 1 thành viên . | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu chuẩn bị theo yêu cầu [1], [2], [4] | 3 tiết |
| Tuần 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận và làm báo cáo nhóm về các nội dung mà giảng viên yêu cầu : <ul style="list-style-type: none"> + Bài tập tình huống về góp vốn thành lập doanh nghiệp ; + Bài tập về chuyển nhượng vốn góp, cổ phần. + Bài tập về chấm dứt tư cách thành viên công ty ; + Bài tập về xác định thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy doanh nghiệp trong tình huống cụ thể | Thảo luận | | 3 tiết |
| Tuần 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra giữa kỳ - Khái niệm, phân loại Doanh nghiệp nhà nước - Khái niệm, quy định về thành lập | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu chuẩn bị theo yêu cầu [1], [2], [4] | 3 tiết |

| | | | | |
|----------------|---|------------------|---|---------------|
| | <p>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HTX - Quy chế pháp lý về xã viên HTX - Quy chế pháp lý về thành lập và mô hình tổ chức của HTX - Khái niệm, đặc điểm Hộ kinh doanh | | | |
| Tuần 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về nguồn của pháp luật lao động, đối tượng điều chỉnh và những nội dung cơ bản của bộ luật lao động. - Khái niệm, đặc điểm, phân loại hợp đồng lao động. - Giao kết, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động. - Trình bày các quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. - Giới thiệu quy định của pháp luật về kỷ luật lao động: nội quy lao động của doanh nghiệp; khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm kỷ luật, các hình thức và nguyên tắc xử lý kỷ luật lao động. - Giới thiệu khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc áp dụng trách nhiệm vật chất. - Nguyên tắc xác định mức bồi thường và cách thực hiện bồi thường trong trách nhiệm vật chất. | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu chuẩn bị theo yêu cầu [1], [2], | 3 tiết |
| Tuần 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động. - Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động. - Chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. - Trợ cấp mất việc, trợ cấp thôi việc. | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên [1], [2] | 3 tiết |
| Tuần 11 | <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát chung về hợp đồng : khái niệm, phân loại, nguồn của pháp luật về hợp đồng; | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng | |

| | | | | |
|----------------|--|------------------|---|---------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ pháp lý về hợp đồng dân sự: giao kết, thực hiện, trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng dân sự; - Hợp đồng trong kinh doanh thương mại : khái niệm, đặc điểm, phân loại; các hình thức trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng trong kinh doanh, thương mại. | | viên [1], [2] | |
| Tuần 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái niệm chung về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại. - Giới thiệu khái niệm, đặc điểm, ưu, nhược điểm của từng phương thức giải quyết tranh. - Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại: nguyên tắc, thẩm quyền và thỏa thuận trọng tài. - Giải quyết tranh chấp bằng tòa án : Nguyên tắc, thẩm quyền giải quyết tranh chấp. | Lý thuyết | Sinh viên đọc tài liệu theo giảng viên yêu cầu [1], [2] | 3 ti |
| Tuần 13 | <ul style="list-style-type: none"> -Giải quyết các tình huống tranh chấp trong quan hệ lao động -Về các tình huống tranh chấp liên quan đến hợp đồng trong kinh doanh thương mại -Ưu nhược điểm của các phương thức giải quyết tranh chấp -Xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại TTTM, TA | Thảo luận | | 3 tiết |
| Tuần 14 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về Luật phá sản. - Tìm hiểu các quy định pháp luật cơ bản của Luật phá sản 2004 + Đối tượng áp dụng Luật phá sản + Thẩm quyền giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản + Những đối tượng có quyền và có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản. + Thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã | Lý thuyết | Sinh viên chuẩn bị tài liệu theo yêu cầu [1], [2] | 3 tiết |
| Tuần 15 | Ôn tập | | | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

5.1. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

1. Tên học phần: LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; bài tập: 9 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I, II.

6. Mục tiêu của học phần:

- **Mục tiêu về kiến thức:** Nắm được một cách có hệ thống các quan điểm, các học thuyết kinh tế của các trường phái và các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện chúng. Từ đó, có các kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học chuyên ngành Kinh tế khác.

- **Mục tiêu về kỹ năng:**

+ Người học có thể nhận thức và liên hệ được với thực tiễn nền kinh tế về các vấn đề: đánh giá các quan điểm kinh tế, ưu nhược điểm của các quan điểm đó, áp dụng vào thực tế những nội dung có giá trị và khắc phục hạn chế của các trường phái kinh tế khác nhau.

+ Có kỹ năng tư duy, phân tích, xử lý các thông tin kinh tế

+ Hình thành tư duy kinh tế vận dụng sáng tạo vào việc đưa ra các quyết định

- **Mục tiêu về thái độ:**

+ Hình thành lòng ham hiểu biết về khoa học kinh tế

+ Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc, tư duy linh hoạt, sáng tạo

+ Hình thành tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực vận dụng khoa học kinh tế

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Có khả năng phán đoán được các vấn đề kinh tế phát sinh dựa vào những kiến thức được cung cấp trong quá trình học tập.

+ Luôn có tinh thần trách nhiệm đối với những quyết định của bản thân trong học tập và công tác.

7. Mô tả môn học

Lịch sử các học thuyết kinh tế là môn khoa học nghiên cứu quá trình hình thành, phát sinh, phát triển đấu tranh và thay thế lẫn nhau của các học thuyết kinh tế của các giai cấp cơ bản nối tiếp nhau trong các hình thái kinh tế - xã hội. Đối tượng nghiên cứu là hệ thống các quan điểm kinh tế của các trường phái khác nhau gắn với các giai đoạn lịch sử nhất định, các quan điểm kinh tế đã

được hình thành trong một hệ thống nhất định, những quan điểm kinh tế chưa trở thành hệ thống nhưng có ý nghĩa lịch sử thì thuộc môn Lịch sử tư tưởng kinh tế.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Phạm Quang Phan – An Như Hải, *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Bình Trọng, *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2003.

9. Đánh giá học phần

- + Số bài kiểm tra: 3; trọng số: 30%
- + Hình thức kiểm tra: Viết
- + Thi kết thúc học phần: Trọng số 70%
- + Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn lịch sử học thuyết kinh tế

1.2. Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế

1.2.1. Phương pháp biện chứng duy vật

1.2.2. Phương pháp logic kết hợp với lịch sử

1.2.3. Một số phương pháp cụ thể khác:

1.3. Chức năng và ý nghĩa của việc nghiên cứu môn lịch sử học thuyết kinh tế

1.3.1. Chức năng

1.3.2. Ý nghĩa

Chương 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương

2.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm của chủ nghĩa trọng thương

2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện chủ nghĩa trọng thương

2.1.2. Đặc điểm của chủ nghĩa trọng thương

2.2. Các quan điểm kinh tế của chủ nghĩa trọng thương

2.2.1. Các quan điểm kinh tế chủ yếu

2.2.2. Đánh giá (tích cực và hạn chế)

2.3. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa trọng thương

2.3.1. Giai đoạn đầu: Chủ nghĩa trọng thương sơ kỳ

2.3.2. Giai đoạn sau: Chủ nghĩa trọng thương chính thống

2.3.3. Quá trình tan rã của chủ nghĩa trọng thương

Chương 3: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông Pháp

- 3.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm của chủ nghĩa trọng nông
 - 3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện chủ nghĩa trọng nông
 - 3.1.2. Đặc điểm của chủ nghĩa trọng nông
- 3.2. Những lý luận kinh tế cơ bản của chủ nghĩa trọng nông
 - 3.2.1. Sự phê phán chủ nghĩa trọng thương
 - 3.2.2. Lý thuyết về sản phẩm thuần túy
 - 3.2.3. Lý thuyết về tư bản
 - 3.2.4. Lý thuyết về thu nhập
 - 3.2.5. Lý thuyết về tái sản xuất
- 3.3. Vị trí lịch sử của chủ nghĩa trọng nông
 - 3.3.1. Công lao
 - 3.3.2. Hạn chế

Chương 4: Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển Anh

- 4.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm
 - 4.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện
 - 4.1.2. Đặc điểm của học thuyết kinh tế tư sản cổ điển Anh
- 4.2. Các học thuyết kinh tế tiêu biểu
 - 4.2.1. Học thuyết kinh tế của W. Petty
 - 4.2.2. Học thuyết kinh tế của A. Smith
 - 4.2.3. Học thuyết kinh tế của D. Ricardo
- 4.3. Một số học thuyết kinh tế tư sản hậu cổ điển
 - 4.3.1. Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm
 - 4.3.2. Các lý thuyết tiêu biểu

Chương 5: Học thuyết kinh tế tiểu tư sản

- 5.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm
 - 5.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện
 - 5.1.2. Đặc điểm của các học thuyết kinh tế tiểu tư sản
- 5.2. Các học thuyết kinh tế chủ yếu
 - 5.2.1. Học thuyết kinh tế của Sismondi
 - 5.2.2. Học thuyết kinh tế của Proudhon
 - 5.2.3. Đánh giá chung

Chương 6: Học thuyết kinh tế của CNXH không tưởng thế kỷ XIX

- 6.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm

- 6.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện
- 6.1.2. Đặc điểm của học thuyết kinh tế của CNXH thế kỷ XIX
- 6.2. Các học thuyết kinh tế chủ yếu
 - 6.2.1. Học thuyết của Saint Simon
 - 6.2.2. Học thuyết của Charler Fourier
 - 6.2.3. Học thuyết của Robert Owen
 - 6.2.4. Đánh giá chung

Chương 7: Học thuyết kinh tế chính trị Mác - Lê nin

- 7.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm
 - 7.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện
 - 7.1.2. Đặc điểm của học thuyết kinh tế Mác Lê-nin
- 7.2. Quá trình xây dựng và phát triển
 - 7.2.1. Quá trình hình thành và phát triển
 - 7.2.2. Những đóng góp chủ yếu của Mác và Ăng-ghen
 - 7.2.3. Sự phát triển của Lê-nin

Chương 8: Học thuyết kinh tế của trường phái cổ điển mới

- 8.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm
 - 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện
 - 8.1.2. Đặc điểm của học thuyết kinh tế trường phái cổ điển mới
- 8.2. Các học thuyết kinh tế chủ yếu
 - 8.2.1. Thuyết “ích lợi giới hạn” của trường phái thành Viên (Áo)
 - 8.2.2. Các lý thuyết giới hạn ở Mỹ
 - 8.2.3. Lý thuyết kinh tế của trường phái thành Lausene (Thụy sĩ)
 - 8.2.4. Lý thuyết kinh tế của trường phái Cambridge (Anh)
 - 8.2.5. Đánh giá chung

Chương 9: Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes

- 9.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm
 - 9.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện
 - 9.1.2. Đặc điểm của học thuyết kinh tế trường phái Keynes
- 9.2. Các học thuyết kinh tế
 - 9.2.1. Lý thuyết chung về việc làm của Keynes
 - 9.2.2. Lý thuyết về sự điều chỉnh kinh tế vĩ mô của nhà nước
 - 9.2.3. Các học thuyết kinh tế trường phái Keynes mới và sau Keynes
- 9.3. Đánh giá
 - 9.3.1. Thành tựu
 - 9.3.2. Hạn chế

Chương 10: Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại

10.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm

10.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện

10.1.2. Đặc điểm của học thuyết kinh tế trường phái chính hiện đại

10.2. Một số lý thuyết tiêu biểu

10.2.1. Lý thuyết về “nền kinh tế hỗn hợp”

10.2.2. Lý thuyết giới hạn khả năng sản xuất và sự lựa chọn

10.2.3. Lý thuyết thất nghiệp

10.2.4. Lý thuyết về lạm phát

10.2.5. Lý thuyết về tiền tệ và ngân hàng, thị trường chứng khoán

10.2.6. Một số lý thuyết tăng trưởng kinh tế đối với các nước đang phát triển

Chương 11: Học thuyết kinh tế của trường phái tự do mới

11.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm

11.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện

11.1.2. Đặc điểm của học thuyết kinh tế trường phái tự do mới

11.2. Một số lý thuyết tiêu biểu

11.2.1. Lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội ở CHLB Đức

11.2.2. Các lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ

11.2.3. Đánh giá

Chương 12: Trường phái thể chế

12.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm

12.1.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện

12.1.2. Đặc điểm của trường phái thể chế

12.2. Một số khuynh hướng và lý thuyết của trường phái thể chế

12.2.1. Trường phái thể chế cũ

12.2.2. Trường phái thể chế mới

12.2.3. Đánh giá khái quát

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| Phân bố tiết giảng trong tuần | Nội dung giảng dạy (Tên chương, phần) | Hình thức tổ chức dạy học (lý thuyết, thực hành, tự học) | Tài liệu đọc, tham khảo (chương, phần) | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị (bài tập, thuyết trình, giải quyết) | Ghi chú |
|--------------------------------------|--|---|---|---|----------------|
|--------------------------------------|--|---|---|---|----------------|

| | | | | <i>tình huống,...)</i> | |
|--------|---|-----------|--|--|--|
| Tiết 1 | Chương 1: Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu môn LSCHTKT 1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn Lịch sử các học thuyết kinh tế | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 7-9 | | |
| Tiết 2 | 1.2. Ý nghĩa nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết KT 1.3. Phương pháp nghiên cứu Lịch sử các học thuyết KT | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 9-12 - Đọc [3], tr 5-10 | | |
| Tiết 3 | Chương 2: Sự phát sinh, phát triển và suy thoái của KT chính trị học tư sản cổ điển 2.1 Các học thuyết KT của Chủ nghĩa trọng thương 2.1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa Trọng thương | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 47-48 | Đọc trước nội dung của Chương 2 trong sách [1] | |
| Tiết 4 | Chương 2 (tiếp) 2.1.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của Chủ nghĩa Trọng thương 2.1.3 Đặc điểm của chủ nghĩa Trọng thương ở Anh và ở Pháp | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 48 - 53 - Đọc [3], tr 12-19 | - Đọc [2], tr 4-10 - Đọc [5], tr 12-19 | |
| Tiết 5 | Chương 2 (tiếp) 2.1.4. Quá trình tan rã của Chủ nghĩa Trọng thương 2.1.5 Một số nhận xét về Chủ nghĩa Trọng thương 2.2. Học thuyết kinh tế của những người theo Chủ nghĩa Trọng nông 2.2.1 Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện Chủ nghĩa Trọng nông | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 53-55 - Đọc [3], tr 12-19 | - Đọc [1], tr 24-30. - Đọc [4], tr 19- 21 | |
| Tiết 6 | Chương 2 (tiếp) - Ứng dụng lý thuyết Bảng | Thảo luận | | Tìm tài liệu liên quan đến | |

| | | | | | |
|---------|---|-----------|--|---|--|
| | <p>cân đối thương mại của Thomas Mun để liên hệ với thực tế.</p> <p>- Nghiên cứu những thành tựu KHKT tại thế kỷ XV đối với nền kinh tế.</p> | | | <p>chủ đề thảo luận</p> <p>- Nghiên cứu các tình huống được giảng viên giao</p> | |
| Tiết 7 | <p>Chương 2 (tiếp)</p> <p>2.2.2 Những quan điểm kinh tế chủ yếu của Chủ nghĩa Trọng nông</p> <p>2.2.3 Những đại diện tiêu biểu của Chủ nghĩa Trọng nông</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 55-64</p> <p>- Đọc [4], tr 33-45</p> | <p>- Đọc [2], tr 30-35</p> <p>- Đọc [7], tr 15-22</p> | |
| Tiết 8 | <p>Chương 2 (tiếp)</p> <p>2.3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh</p> <p>2.3.1 Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chung của trường phái KT chính trị học tư sản cổ điển Anh</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 65</p> <p>- Đọc [7], tr 5-12</p> | | |
| Tiết 9 | <p>Chương 2 (tiếp)</p> <p>2.3.2 William Petty (1623-1687)</p> <p>2.3.3 Adam Smith (1723-1790)</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 65-71</p> <p>- Đọc [1], tr 71-83</p> <p>- Đọc [2], tr 20-25</p> <p>- Đọc [9], tr 5-12</p> | <p>Tham khảo tiểu sử và cuộc đời của William Petty</p> <p>- Đọc [2], tr 26-33</p> <p>- Đọc [6], tr 37-45</p> <p>- Đọc [3], tr 43-56</p> | |
| Tiết 10 | <p>So sánh quan điểm kinh tế của Adam Smith và William Petty</p> <p>So sánh quan điểm kinh tế</p> | Thảo luận | | <p>Tìm tài liệu liên quan đến chủ đề thảo luận</p> | |

| | | | | | |
|---------|--|-----------|--|---|--|
| | của Adam Smith và William Petty | | | - Nghiên cứu các tình huống được giảng viên giao | |
| Tiết 11 | 2.3.4 David Ricardo (1772-1823) 2.4 Kinh tế chính trị học Tư sản thời kỳ hậu cổ điển 2.4.1 Hoàn cảnh ra đời trường phái Kinh tế chính trị hậu cổ điển 2.4.2. Học thuyết kinh tế của Thomas Robert Malthus (1766 - 1834) | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 83-97 - Đọc [4], tr 33-45 - Đọc [5], tr 36-68 - Đọc [1], tr 97-103 - Đọc [2], tr 20-25 - Đọc [7], tr 5-12 | - Đọc [2], tr 26-33 - Đọc [6], tr 37-45 - Đọc [9], tr 43-56 | |
| Tiết 12 | Chương 3: Kinh tế chính trị học tiểu tư sản 3.1 Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của trường phái KT chính trị học tiểu tư sản 3.1.2 Đặc điểm của trường phái KT chính trị học tiểu tư sản | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 115-116 | - Đọc [8], tr 40-45 | |
| Tiết 13 | 3.2 Học thuyết kinh tế của Sismondi 3.2.1 Tiểu sử và tác phẩm 3.2.2 Những quan điểm kinh tế chủ yếu của Sismondi | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 116-124 - Đọc [7], tr 64-79 | Đọc trước nội dung Chương 4 trong sách [3] | |
| Tiết 14 | Chương 4: Chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ XIX 4.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Tây Âu đầu thế kỷ XIX | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 133-136 - Đọc [4], tr 80-92 | - Đọc [5], tr 77-102 | |

| | | | | | |
|---------|---|-----------|--|----------------------|--|
| | <p>4.1.1. Tiên đề về kinh tế</p> <p>4.1.2. Tiên đề về chính trị - xã hội</p> <p>4.2. Học thuyết của Saint Simon</p> <p>4.2.1 Tiểu sử và tác phẩm của Saint Simon</p> <p>4.2.2 Quan điểm lịch sử của Saint Simon</p> | | | | |
| Tiết 15 | <p>4.2.3 Sự phê phán chủ nghĩa tư bản của Saint Simon</p> <p>4.2.4 Dự án về xã hội tương lai của Saint Simon</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 136-138</p> <p>- Đọc [4], tr 80-92</p> | - Đọc [5], tr 77-90 | |
| Tiết 16 | <p>4.3. HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHARLES FOURIER</p> <p>4.3.1 Tiểu sử và tác phẩm của Charles Fourier</p> <p>4.3.2 Lý thuyết về lịch sử phát triển xã hội của Charles Fourier</p> <p>4.3.3 Sự phê phán chủ nghĩa tư bản của Charles Fourier</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 138-141</p> <p>- Đọc [9], tr 98-107</p> | - Đọc [5], tr 91-102 | |
| Tiết 17 | <p>- Phân tích vai trò của giai cấp công nhân thời kỳ này.</p> <p>- Bổ sung thêm hiểu biết của bản thân về cuộc đời của Saint Simon</p> | Thảo luận | <p>- Đọc [1], tr 135-138</p> <p>- Đọc [9], tr 88-97</p> | - Đọc [5], tr 77-90 | |
| Tiết 18 | <p>4.3.1. Lí luận hiệp hội và dự đoán về xã hội tương lai của Charles Fourier</p> <p>4.4 Chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh</p> <p>4.4.1 Đặc điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng Anh</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 141-144</p> <p>- Đọc [3], tr 72-99</p> <p>- Đọc [5], tr 60-76</p> | - Đọc [5], tr 91-102 | |
| Tiết 19 | <p>4.4.2 Học thuyết kinh tế của Robert Owen</p> <p>4.5 Nhận xét về học thuyết</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 144-149</p> <p>- Đọc [7], tr</p> | | |

| | | | | | |
|---------|---|-----------|--|---|--|
| | Chủ nghĩa xã hội không tưởng | | 116-141 | | |
| Tiết 20 | - So sánh nền kinh tế của Anh và Pháp thế kỷ XIX - Phân biệt sự khác nhau về dự án Xã hội tương lai của 3 vị đại biểu. | Thảo luận | - Nghiên cứu tài liệu liên quan - Đọc [4], tr 100-126 - Đọc [5], tr 77-99 | Tìm tài liệu liên quan đến chủ đề thảo luận - Nghiên cứu các tình huống được giảng viên giao | |
| Tiết 21 | Chương 5: Sự phát sinh và phát triển kinh tế chính trị học Marx – Lenin 5.1 Điều kiện lịch sử phát sinh Chủ nghĩa Marx 5.2 Quá trình xây dựng và phát triển Kinh tế chính trị học Marxit 5.3 Những đóng góp chủ yếu của Marx và Engels trong Kinh tế chính trị học | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 151-162 - Đọc [3], tr 123-145 - Đọc [1], tr 162-166 - Đọc [3], tr 123-145 | Tham khảo các thông tin liên quan trên mạng - Đọc [6], tr 151-175 | |
| Tiết 22 | 5.4 V.I. Lenin tiếp tục phát triển kinh tế chính trị học Marxit 5.4.1 Tư tưởng của Lenin về Chủ nghĩa tư bản độc quyền và Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước | Thảo luận | - Đọc [3], tr 174-190 - Đọc [5], tr 100-109 | - Đọc [7], tr 164-169 | |
| Tiết 23 | 5.4.2 Quan điểm của Lenin về xây dựng Chủ nghĩa xã hội 5.5 Nhận xét chung về các tư tưởng của các nhà kinh điển Marx-Lenin về Chủ nghĩa xã hội, Chủ nghĩa công sản | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 167-169 - Đọc [3], tr 151-175 | - Đọc [4], tr 151-160 | |
| Tiết 24 | Chương 6: Một số học thuyết | Lý thuyết | | - Đọc [5], tr | |

| | | | | | |
|---------|--|-----------|---|--|--|
| | <p>kinh tế tư sản hiện đại</p> <p>6.1 Các học thuyết kinh tế của trường phái “Cổ điển mới”</p> <p>6.1.1 Hoàn cảnh ra đời và đặc điểm chủ yếu của trường phái “Cổ điển mới”</p> <p>6.1.2 Các học thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái “giới hạn” thành Viene (Áo)</p> | | <p>- Đọc [1], tr 173-177</p> <p>- Đọc [3], tr 186-206</p> | 110-124 | |
| Tiết 25 | <p>6.1.3 Trường phái “Giới hạn” ở Mỹ</p> <p>6.1.4. Trường phái thành Lausanne (Thụy Sĩ)</p> <p>6.1.5 Trường phái Cambridge (Anh)</p> | Thảo luận | <p>- Đọc [1], tr 177-187</p> <p>- Đọc [3], tr 186-206</p> | - Nhận xét những nội dung trường phái “Cổ điển mới” đưa ra với nội dung đề cập trong Kinh tế vi mô | |
| Tiết 36 | <p>6.2 Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes</p> <p>6.2.1 Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm chủ yếu của học thuyết Keynes</p> <p>6.2.2 Lý thuyết chung về “Việc làm” của J.M.Keynes</p> | Lý thuyết | - Đọc [1], tr 189-205 | - Đọc [4], tr 177-189 | |
| Tiết 27 | <p>6.2.3 Lý thuyết Keynes về sự can thiệp của nhà nước vào KT</p> <p>6.2.4 Những hạn chế của lý thuyết Keynes</p> | Thảo luận | - Đọc [1], tr 205-209 | - Đọc [4], tr 177-189 | |
| Tiết 28 | <p>6.3 Các lý thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại</p> <p>6.3.1 Hoàn cảnh ra đời và đặc</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc [1], tr 253-261</p> <p>- Đọc [5], tr</p> | Nghiên cứu các tình huống được | |

| | | | | | |
|---------|--|-----------|--|---|--|
| | điểm phương pháp luận của kinh tế học trường phái chính hiện đại 6.3.2 Lý thuyết về nền “Kinh tế hỗn hợp” | | 211-236 | giảng viên giao | |
| Tiết 29 | 6.3.3 Lý thuyết giới hạn “Khả năng sản xuất” và “Sự lựa chọn” 6.3.4 Lý thuyết Thất nghiệp 6.3.5 Lý thuyết Lạm phát | Thảo luận | - Đọc [1], tr 261-273 - Đọc [5], tr 211-236 | Tìm tài liệu liên quan đến chủ đề thảo luận | |
| Tiết 30 | Kiểm tra | | | | |

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

5.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KINH TẾ

1. Tên học phần: **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KINH TẾ**

2. Mã số học phần:

3. **Số tín chỉ:** 2 (Lý thuyết: 24 tiết; bài tập: 6 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần Phương pháp nghiên cứu kinh tế nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh tế chủ yếu, phương pháp nghiên cứu và viết luận văn tốt nghiệp đại học.

7. Mô tả môn học

Học phần Phương pháp nghiên cứu kinh tế bao gồm những nội dung chính sau: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học; Những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế; và Phương pháp tiến hành luận văn tốt nghiệp đại học ngành kinh tế.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Thị Cành, *Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế*, NXB Đại học quốc gia TP. HCM, TP.HCM, 2007.

[2]. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Thế Giới.

8.2. Sách tham khảo:

9. Đánh giá học phần

- Số lượng bài kiểm tra: 3 bài.
- Hình thức kiểm tra: Làm tiểu luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học

- 1.1. Một số khái niệm cơ bản về khoa học
- 1.2. Các giai đoạn của hoạt động nghiên cứu khoa học

Chương 2: Những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế

- 2.1. Khái quát về các phương pháp nghiên cứu kinh tế
- 2.2. Thu thập tài liệu trong nghiên cứu kinh tế
- 2.3. Xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê kinh tế
- 2.4. Sử dụng phương pháp toán học trong nghiên cứu kinh tế

Chương 3: Phương pháp tiến hành luận văn tốt nghiệp đại học

- 3.1. Sự cấp thiết phải thực tập tốt nghiệp và viết luận văn tốt nghiệp
- 3.2. Yêu cầu của một luận văn tốt nghiệp đại học

3.3. Nội dung cơ bản của một luận văn tốt nghiệp đại học

3.4. Các bước tiến hành một luận văn tốt nghiệp đại học

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|----------------------|--|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------|
| 1,2,3 | Chương 1: Khái quát về phương pháp luận nghiên cứu khoa học | Lý thuyết | [1]; [2] | 6 |
| | 1.1. Một số khái niệm cơ bản về khoa học | | | 3 |
| | 1.2. Các giai đoạn của hoạt động nghiên cứu khoa học | | | 3 |
| 4,5,6,7 | Chương 2: Những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu kinh tế | Lý thuyết | [1]; [2] | 8 |
| | 2.1. Khái quát về các phương pháp nghiên cứu kinh tế | | | 1 |
| | 2.2. Thu thập tài liệu trong nghiên cứu kinh tế | | | 2 |
| | 2.3. Xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê kinh tế | | | 2 |
| | 2.4. Sử dụng phương pháp toán học trong nghiên cứu kinh tế | | | 1 |
| | Tiểu luận | Tiểu luận | | 1 |
| | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra | | 1 |
| 8,9,10, 11,12 | Chương 3: Phương pháp tiến hành luận văn tốt nghiệp đại học | Lý thuyết | [1]; [2] | 10 |
| | 3.1. Sự cấp thiết phải thực tập tốt nghiệp và viết luận văn tốt nghiệp | | | 2 |

| | | | | |
|-----------------|--|------------------|--|---|
| | 3.2. Yêu cầu của một luận văn tốt nghiệp đại học | | | 2 |
| | 3.3. Nội dung cơ bản của một luận văn tốt nghiệp đại học | | | 2 |
| | 3.4. Các bước tiến hành một luận văn tốt nghiệp đại học | | | 2 |
| | Tiểu luận | Tiểu luận | | 2 |
| 13,14,15 | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 6 |

Hiệu trưởng

Khoa/BM

Trưởng BM

**Tập thể Biên
soạn**

5.3. MARKETING CĂN BẢN

- 1. Tên học phần: MARKETING CĂN BẢN**
- 2. Mã số học phần:**
- 3. Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết 26 tiết. Thảo luận: 4 tiết)**
- 4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2**
- 5. Các học phần học trước:** Kinh tế vi mô, vĩ mô
- 6. Mục tiêu của học phần:**

- Mục tiêu về kiến thức:

Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về Marketing; nội dung của Marketing hỗn hợp; xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường, các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như chiến lược sản phẩm và thương hiệu, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị yểm trợ bán hàng. Môn học cũng giúp sinh viên vận dụng chiến lược Marketing hỗn hợp vào trong các lĩnh vực kinh doanh khác nhau, phục vụ cho quá trình ra quyết định kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Mục tiêu về kỹ năng:

- + Nắm vững các nguyên lý marketing và các công cụ marketing mix có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp;
- + Có khả năng tổ chức các hoạt động marketing trong doanh nghiệp như: nghiên cứu thu thập, phân tích các thông tin phục vụ nghiên cứu marketing, lập kế hoạch nghiên cứu marketing, tổ chức hoạt động xúc tiến hỗn hợp cho sản phẩm ...
- + Có khả năng quản lý danh mục sản phẩm, định giá, tổ chức phân phối và truyền thông marketing trong doanh nghiệp

- Mục tiêu về thái độ:

Nhận thức được tầm quan trọng và mối quan hệ logic giữa môn học marketing với các môn học khác trong khối kiến thức chuyên ngành.

7. Mô tả môn học

Học phần Marketing căn bản bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Học phần gồm hai phần, phần thứ nhất là những vấn đề chung của marketing liên quan đến thị trường kinh doanh của doanh nghiệp là: thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phần thứ hai là marketing chuyên biệt thể

hiện bốn chính sách đồng bộ mà doanh nghiệp có thể sử dụng để tác động lên thị trường mục tiêu của mình: sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

- [1]. Philip Kotler, *Marketing căn bản* (tài liệu dịch), NXB Lao Động – Xã Hội, Hà Nội, 2007.
- [2]. Trần Minh Đạo – Phạm Hồng Hoa – Nguyễn Hoài Long, *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2014.
- [3]. Trần Minh Đạo, *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2009

8.2. Sách tham khảo:

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra : 30 %
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 70 %
- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Bản chất của Marketing

1.1. Vai trò của Marketing

1.1.1. Sự ra đời của Marketing

1.1.2. Các khái niệm cơ bản về Marketing

1.1.3. Vị trí của Marketing trong hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Quản trị Marketing

1.2.1. Quản trị Marketing là gì?

1.2.2. Các quan điểm quản trị Marketing

1.2.3. Quản trị quá trình Marketing.

Chương 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing

2.1. Hệ thống thông tin Marketing (MIS)

2.1.1. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành hệ thống thông tin Marketing.

2.1.2. Khái niệm và các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin Marketing.

2.2. Nghiên cứu Marketing.

- 2.2.1. Phát hiện vấn đề và hình thành mục tiêu nghiên cứu
- 2.2.2. Lập kế hoạch nghiên cứu
- 2.2.3. Thu thập thông tin
- 2.2.4. Phân tích thông tin thu được
- 2.2.5. Báo cáo kết quả nghiên cứu.

Chương 3: Môi trường Marketing

- 3.1. Hệ thống hoạt động Marketing
- 3.2. Môi trường Marketing
 - 3.2.1. Môi trường Marketing là gì ?
 - 3.2.2. Môi trường Marketing vi mô
 - 3.2.3. Môi trường Marketing vĩ mô.

Chương 4: Hành vi của khách hàng

- 4.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng
 - 4.1.1. Khái quát về thị trường người tiêu dùng
 - 4.1.2. Hành vi mua của người tiêu dùng
 - 4.1.3. Những nhân tố cơ bản ảnh hưởng tới hành vi mua của người tiêu dùng.
 - 4.1.4. Quá trình thông qua quyết định mua.
- 4.2. Thị trường các tổ chức và hành vi của người mua tổ chức
 - 4.2.1. Thị trường và hành vi mua của các DNSX
 - 4.2.2. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức thương mại (TCTM)
 - 4.2.3. Thị trường và hành vi mua của các tổ chức nhà nước.

Chương 5: Lựa chọn thị trường mục tiêu và định hướng thị trường

- 5.1. Đo lường và dự báo thị trường
 - 5.1.1. Những khái niệm chính trong đo lường và dự báo cầu
 - 5.1.2. Ước tính cầu hiện tại
 - 5.1.3. Ước tính cầu tương lai.
- 5.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu
 - 5.2.1. Khái quát chung về lựa chọn thị trường mục tiêu
 - 5.2.2. Phân đoạn thị trường
 - 5.2.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu.

5.3. Định vị thị trường

5.3.1. Định vị thị trường là gì ?

5.3.2. Các hoạt động trọng tâm của chiến lược định vị

5.3.3. Các bước của tiến trình định vị.

Chương 6: Chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra marketing

6.1. Lập chiến lược và kế hoạch Marketing của công ty.

6.1.1. Xây dựng chiến lược kinh doanh theo quan điểm Marketing

6.1.2. Lập kế hoạch Marketing.

6.2. Hệ thống tổ chức Marketing.

6.2.1. Tổ chức theo chức năng

6.2.2. Tổ chức theo nguyên tắc địa lý

6.2.3. Tổ chức theo mặt hàng sản xuất

6.2.4. Tổ chức Marketing theo nguyên tắc thị trường.

6.3. Kiểm tra Marketing

6.3.1. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch năm

6.3.2. Kiểm tra khả năng sinh lời

6.3.3. Kiểm tra chiến lược

Chương 7: Các quyết định về sản phẩm

7.1. Hàng hóa theo quan điểm Marketing

7.1.1. Hàng hóa là gì ?

7.1.2. Cấp độ các yếu tố cấu thành đơn vị hàng hóa

7.1.3. Phân loại hàng hóa.

7.2. Các quyết định về nhãn hiệu hàng hóa

7.2.1. Nhãn hiệu và các bộ phận cấu thành

7.2.2. Các quyết định có liên quan đến nhãn hiệu.

7.2.3. Quyết định về bao gói và dịch vụ hàng hóa

7.3.1. Quyết định về bao gói

7.3.2. Quyết định về dịch vụ khách hàng.

7.4. Quyết định về chủng loại và danh mục hàng hóa

- 7.4.1. Định nghĩa về chủng loại hàng hóa
- 7.4.2. Quyết định về bề rộng của chủng loại hàng hóa
- 7.4.3. Quyết định về danh mục hàng hóa
- 7.5. Thiết kế và Marketing hàng hóa mới
 - 7.5.1. Khái quát về hàng hóa mới
 - 7.5.2. Các giai đoạn thiết kế và Marketing hàng hóa mới
- 7.6. Chu kỳ sống của sản phẩm
 - 7.6.1. Chu kỳ sống của hàng hóa là gì ?
 - 7.6.2. Các giai đoạn trong chu kỳ sống của hàng hóa.

Chương 8: Các quyết định về giá

- 8.1. Những vấn đề chung về giá
 - 8.1.1. Giá cả là gì ?
 - 8.1.2. Chiến lược giá
- 8.2. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá
 - 8.2.1. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp
 - 8.2.2. Những yếu tố bên ngoài doanh nghiệp
- 8.3. Xác định mức giá.

Chương 9: Các quyết định về phân phối hàng hóa

- 9.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối
 - 9.1.1. Định nghĩa về kênh phân phối
 - 9.1.2. Vai trò của trung gian thương mại - thành viên kênh
 - 9.1.3. Chức năng của các thành viên của kênh phân phối.
- 9.2. Cấu trúc và tổ chức kênh
 - 9.2.1. Cấu trúc kênh phân phối
 - 9.2.2. Tổ chức và hoạt động của kênh
- 9.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối
 - 9.3.1. Các căn cứ lựa chọn kênh phân phối
 - 9.3.2. Quản lý kênh phân phối.
- 9.4. Quyết định phân phối hàng hóa vật chất

- 9.4.1. Bản chất của phân phối hàng hóa vật chất
- 9.4.2. Mục tiêu của phân phối vật chất
- 9.4.3. Các quyết định phân phối vật chất.
- 9.5. Marketing của các tổ chức bán buôn và bán lẻ
- 9.5.1. Marketing của các tổ chức bán lẻ
- 9.5.2. Marketing của các tổ chức bán buôn.

Chương 10: Các quyết định về xúc tiến hỗn hợp

- 10.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp (truyền thông Marketing).
 - 10.1.1. Bản chất của xúc tiến hỗn hợp
 - 10.1.2. Các mối liên hệ trong quá trình truyền thông.
- 10.2. Các bước chung của hoạt động truyền thông Marketing
 - 10.2.1. Xác định người nhận tin
 - 10.2.2. Xác định các trạng thái liên quan đến việc mua của người nhận tin
 - 10.2.3. Lựa chọn phương tiện truyền thông
 - 10.2.4. Lựa chọn và thiết kế thông điệp
 - 10.2.5. Tạo độ tin cậy của nguồn tin
 - 10.2.6. Thu nhận thông tin phản hồi.
- 10.3. Xác định hỗn hợp xúc tiến và ngân sách dành cho truyền thông.
 - 10.3.1. Xác lập hệ thống xúc tiến hỗn hợp (truyền thông)
 - 10.3.2. Xác định ngân sách cho hoạt động truyền thông.
- 10.4. Những quyết định liên quan đến từng công cụ xúc tiến hỗn hợp.

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết /tuần |
|-------------|---|-------------------------------------|---|----------------------|
| 1 | Chương 1: Bản chất của Marketing | Lý thuyết | Trần Minh Đạo- Marketing CB Tham khảo: Philipkotler- Marketing CB | 2 |
| | 1.1. Vai trò của Marketing | | | 1 |
| | 1.2 Quản trị Marketing | | | 1 |

| | | | | |
|-----|--|-----------|---|-----|
| 2 | Chương 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing | Lý thuyết | Trần Minh Đạo- Marketing CB Tham khảo: Philipkotler- Marketing CB | 2 |
| | 2.1. Hệ thống thông tin Marketing (MIS) | | | 1 |
| | 2.2. Nghiên cứu Marketing. | | | 1 |
| 3,4 | Chương 3: Môi trường Marketing | Lý thuyết | Trần Minh Đạo- Marketing CB Tham khảo: Philipkotler- Marketing CB | 4 |
| | 3.1. Hệ thống hoạt động | | | 1 |
| | 3.2. Môi trường Marketing | | | 3 |
| 5,6 | Chương 4: Hành vi của khách hàng | Lý thuyết | Trần Minh Đạo- Marketing CB Tham khảo: Philipkotler- Marketing CB | 4 |
| | 4.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng | | | 2 |
| | 4.2. Thị trường các tổ chức và hành vi của người mua tổ chức | | | 2 |
| 7 | Chương 5: Lựa chọn thị trường mục tiêu và định hướng thị trường | Lý thuyết | Trần Minh Đạo- Marketing CB Tham khảo: Philipkotler- Marketing CB | 2 |
| | 5.1. Đo lường và dự báo thị trường | | | 0.5 |
| | 5.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu | | | 0.5 |
| | 5.3. Định vị thị trường | | | 1 |
| 8.9 | Chương 6: Chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra marketing | Lý thuyết | | 4 |
| | 6.1. Lập chiến lược và kế hoạch Marketing của công ty. | | | 1.5 |
| | 6.2. Hệ thống tổ chức Marketing. 6.3. Kiểm tra Marketing | | | 1 |
| | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra | | 1.5 |
| 10 | Chương 7: Các quyết định về sản phẩm | Lý thuyết | Trần Minh Đạo- Marketing CB Tham khảo: | 2 |

| | | | | |
|--------------|---|-----------|-------------------------------|------|
| | | | Philipkotler- Marketing CB | |
| | 7.1. Hàng hóa theo quan điểm Marketing | | | 0.25 |
| | 7.2. Các quyết định về nhãn hiệu hàng hóa | | | 0.25 |
| | 7.3.. Quyết định về bao gói và dịch vụ | | | 0.5 |
| | 7.4. Quyết định về chủng loại và danh mục hàng hóa | | | 0.25 |
| | 7.5. Thiết kế và Marketing hàng hóa mới | | | 0.25 |
| | 7.6. Chu kỳ sống của sản phẩm | | | 0.5 |
| 11 | Chương 8: Các quyết định về giá | Lý thuyết | | 2 |
| | 8.1. Những vấn đề chung về giá | | | 0.5 |
| | 8.2. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá | | | 1 |
| | 8.3 xác định mức giá | | | 0.5 |
| 12,13 | Chương 9: Các quyết định về phân phối hàng hóa | Lý thuyết | | 4 |
| | 9.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối | | | 0.5 |
| | 9.2. Cấu trúc và tổ chức kênh | | | 0.5 |
| | 9.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối | | | 0.25 |
| | 9.4. Quyết định phân phối hàng hóa vật chất | | | 0.25 |
| | 9.5. Marketing của các tổ chức bán buôn và bán lẻ | | | 0.5 |
| | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 2 |
| 14,15 | Chương 10: Các quyết định về xúc tiến hỗn hợp | Lý thuyết | | 4 |
| | 10.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp (truyền thông Marketing). | | | 0.5 |
| | 10.2. Các bước chung của hoạt động truyền thông Marketing | | | 0.5 |
| | 10.3. Xác định hỗn hợp xúc tiến và ngân sách dành cho truyền thông. | | | 0.5 |
| | 10.4. Những quyết định liên quan đến từng công cụ xúc tiến hỗn | | | 0.5 |

| | | | | |
|--|----------------|-----------|--|---|
| | hợp. | | | |
| | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 2 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

5.4. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tên học phần: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26 tiết; thảo luận: 4 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô; Luật kinh tế

6. Mục tiêu của học phần:

7. Mô tả môn học

- Về kiến thức:

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: các lý thuyết quản trị; các chức năng và các lĩnh vực quản trị; giám đốc điều hành; hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp; lập kế hoạch; quản trị nhân sự; kỹ thuật công nghệ; chi phí và kết quả, các chính sách tài chính trong doanh nghiệp, kiểm tra và kiểm soát trong doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

Nâng cao kỹ năng cho sinh viên như: Kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tư duy quản trị...

- Về thái độ:

Nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong mối liên hệ với các môn học khác.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Lê Văn Tâm, Ngô Kim Thanh (chủ biên), *Quản trị doanh nghiệp*, NXB Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2008

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Làn, *Quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam*, IFC, 2006.

[3]. Nguyễn Thành Độ - Nguyễn Ngọc Huyền, *Chiến lược kinh doanh và phát triển doanh nghiệp*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội 2002.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Đại cương về quản trị doanh nghiệp

- 1.1. Doanh nghiệp là một tổ chức chặt chẽ
- 1.2. Cách tiếp cận về quản trị doanh nghiệp
- 1.3. Các trường phái lý thuyết ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp
- 1.4. Các loại hình doanh nghiệp và địa vị pháp lý của nó

Chương 2: Cấp quản trị, chức năng quản trị, các lĩnh vực quản trị và cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp

- 2.1. Cấp quản trị
- 2.2. Chức năng quản trị
- 2.3. Lĩnh vực quản trị
- 2.4. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp
- 2.5. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp
- 2.6. Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp

Chương 3: Giám đốc doanh nghiệp

- 3.1. Khái niệm và đặc điểm lao động của giám đốc doanh nghiệp
- 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ giám đốc doanh nghiệp
- 3.3. Vai trò của giám đốc, phương pháp quản lý và phong cách lãnh đạo của giám đốc DN
- 3.4. Những tố chất của giám đốc doanh nghiệp
- 3.5. Tiêu chuẩn của giám đốc và rèn luyện đào tạo giám đốc doanh nghiệp

Chương 4: Thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp

- 4.1. Thông tin trong quản trị doanh nghiệp
- 4.2. Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp
- 4.3. Quyết định trong quản trị doanh nghiệp

Chương 5: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp

- 5.1. Hoạch định mục tiêu của doanh nghiệp
- 5.2. Dự thảo chiến lược doanh nghiệp
- 5.3. Hoạch định kế hoạch
- 5.4. Một số phương pháp và công cụ sử dụng trong hoạch định kế hoạch
- 5.5. Tổ chức thực hiện việc hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp
- 5.6. Kiểm soát và phân tích

Chương 6: Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp

- 6.1. Tổng quan về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp
- 6.2. Hoạch định nhu cầu và tuyển chọn nhân sự

- 6.3. Đánh giá, đào tạo và phát triển nhân sự
- 6.4. Thù lao lao động và đảm bảo lợi ích cho người lao động
- 6.5. Hệ thống quản trị nhân sự trong doanh nghiệp

Chương 7: Hành vi tổ chức

- 7.1. Thực chất của hành vi tổ chức
- 7.2. Hành vi của tổ chức
- 7.3. Kiểm soát hành vi tổ chức
- 7.4. Văn hoá doanh nghiệp

Chương 8: Quản trị đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp

- 8.1. Khái niệm và vai trò của quản trị khoa học và công nghệ
- 8.2. Chuyển giao công nghệ
- 8.3. Đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp
- 8.4. Đánh giá công nghệ

Chương 9: Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức tính mức lãi thô

- 9.1. Các khái niệm cơ bản
- 9.2. Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức sử dụng các chìa khoá phân bổ truyền thống
- 9.3. Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức mới, sử dụng chìa khoá mức lãi thô
- 9.4. Ứng dụng phương pháp tính mức lãi thô vào quản trị một số thương vụ
- 9.5. Ứng dụng phương pháp tính mức lãi thô vào xác định giá một đơn hàng

Chương 10: Quản trị các chính sách tài chính

- 10.1. Tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp
- 10.2. Báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính căn bản
- 10.3. Một số chính sách tài chính quan trọng của doanh nghiệp

Chương 11: Công tác kiểm soát trong doanh nghiệp

- 11.1. Kiểm soát - mục đích, tính tất yếu của kiểm soát
- 11.2. Trình tự và nội dung của kiểm soát
- 11.3. Hình thức và phương pháp kiểm soát
- 11.4. Những điều kiện đảm bảo kiểm soát có hiệu quả
- 11.5. Hệ thống kiểm soát trong doanh nghiệp

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ | Tài liệu học tập, | Số |
|------|--------------------|--------------|-------------------|----|
|------|--------------------|--------------|-------------------|----|

| | | chức dạy và học | tham khảo | tiết/tuần |
|------------|--|----------------------------|----------------------|------------------|
| 1 | Chương 1: Đại cương về quản trị doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 1.1. Doanh nghiệp là một tổ chức chặt chẽ | | | 0.5 |
| | 1.2. Cách tiếp cận về quản trị doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2] | 0.5 |
| | 1.3. Các trường phái lý thuyết ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp | | | 0.5 |
| | 1.4. Các loại hình doanh nghiệp và địa vị pháp lý của nó | | | 0.5 |
| | | | | 2 |
| 2 | Chương 2: Cấp quản trị, chức năng quản trị, các lĩnh vực quản trị và cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp | | | 2 |
| | 2.1. Cấp quản trị | Lý thuyết | [1]; [2] | |
| | 2.2. Chức năng quản trị | | | 1 |
| | 2.3. Lĩnh vực quản trị | | | |
| | 2.4. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp | | | |
| | 2.5. Tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp | | | 1 |
| | 2.6. Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp | | | |
| 3,4 | Chương 3: Giám đốc doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2] | 4 |
| | 3.1. Khái niệm và đặc điểm lao động của giám đốc doanh nghiệp | | | 0.5 |
| | 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ giám đốc doanh nghiệp | | | 0.5 |
| | 3.3. Vai trò của giám đốc, phương pháp quản lý và | | | 0.5 |

| | | | | |
|------------|---|------------------|----------------------|------------|
| | phong cách lãnh đạo của giám đốc DN | | | |
| | 3.4. Những tố chất của giám đốc doanh nghiệp | | | 1 |
| | 3.5. Tiêu chuẩn của giám đốc và rèn luyện đào tạo giám đốc doanh nghiệp | | | 0.5 |
| | | | | |
| 5,6 | Chương 4: Thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 4 |
| | 4.1. Thông tin trong quản trị doanh nghiệp | | | 0.5 |
| | 4.2. Hệ thống thông tin trong doanh nghiệp | | | 1 |
| | 4.3. Quyết định trong quản trị doanh nghiệp | | | 1.5 |
| | Kiểm tra lần 1 | Kiểm tra | | 1 |
| 7 | Chương 5: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 5.1. Hoạch định mục tiêu của doanh nghiệp | | | |
| | 5.2. Dự thảo chiến lược doanh nghiệp | | | |
| | 5.3. Hoạch định kế hoạch | | | |
| | 5.4. Một số phương pháp và công cụ sử dụng trong hoạch định kế hoạch | | | |
| | 5.5. Tổ chức thực hiện việc hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp | | | |
| | 5.6. Kiểm soát và phân tích | | | |
| 8 | Chương 6: Quản trị nhân sự trong doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 6.1. Tổng quan về quản trị nhân sự trong doanh nghiệp | | | |
| | 6.2. Hoạch định nhu cầu và tuyển chọn nhân sự | | | |
| | 6.3. Đánh giá, đào tạo và | | | |

| | | | | |
|-----------|--|------------------|----------------------|----------|
| | phát triển nhân sự | | | |
| | 6.4. Thù lao lao động và đảm bảo lợi ích cho người lao động | | | |
| | 6.5. Hệ thống quản trị nhân sự trong doanh nghiệp | | | |
| | | | | |
| 9 | Chương 7: Hành vi tổ chức | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 7.1. Thực chất của hành vi tổ chức | | | |
| | 7.2. Hành vi của tổ chức | | | |
| | 7.2. Hành vi của tổ chức | | | |
| | 7.3. Kiểm soát hành vi tổ chức | | | |
| | 7.4. Văn hoá doanh nghiệp | | | |
| | | | | |
| 10 | Chương 8: Quản trị đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 8.1. Khái niệm và vai trò của quản trị khoa học và công nghệ | | | |
| | 8.2. Chuyển giao công nghệ | | | |
| | 8.3. Đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp | | | |
| | 8.4. Đánh giá công nghệ | | | |
| | | | | |
| 11 | Chương 9: Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức tính mức lãi thô | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 9.1. Các khái niệm cơ bản | | | |
| | 9.2. Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức sử dụng các chìa khoá phân bổ truyền thống | | | |
| | 9.3. Quản trị chi phí, kết quả theo phương thức mới, sử dụng chìa khoá mức lãi thô | | | |

| | | | | |
|--------------|--|------------------|----------------------|----------|
| | 9.4. Ứng dụng phương pháp tính mức lãi thô vào quản trị một số thương vụ | | | |
| | 9.5. Ứng dụng phương pháp tính mức lãi thô vào xác định giá một đơn hàng | | | |
| | | | | |
| 12 | Chương 10: Quản trị các chính sách tài chính | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 10.1. Tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp | | | |
| | 10.2. Báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính căn bản | | | |
| | 10.3. Một số chính sách tài chính quan trọng của doanh nghiệp | | | |
| | | | | |
| 13 | Chương 11: Công tác kiểm soát trong doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2]; [3] | 2 |
| | 11.1. Kiểm soát - mục đích, tính tất yếu của kiểm soát | | | |
| | 11.2. Trình tự và nội dung của kiểm soát | | | |
| | 11.3. Hình thức và phương pháp kiểm soát | | | |
| | 11.4. Những điều kiện đảm bảo kiểm soát có hiệu quả | | | |
| | 11.5. Hệ thống kiểm soát trong doanh nghiệp | | | |
| 14,15 | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 4 |

Hiệu trưởng

Khoa/BM

Trưởng BM

**Tập thể Biên
soạn**

6. ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ THUẬT

1. Tên học phần: ĐẠI CƯƠNG VỀ KỸ THUẬT

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 33; Bài tập: 0; Thảo luận: 6; Kiểm tra: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 1

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- **Mục tiêu về kiến thức:** Phát triển nhận thức nghề nghiệp cho cán bộ kỹ thuật tương lai. Giúp sinh viên mới vào trường nhanh chóng nắm bắt các kỹ năng học tập trong lĩnh vực kỹ thuật.

- **Mục tiêu về kỹ năng:** Truyền đạt các khái niệm cơ bản về phân tích thiết kế, giao tiếp kỹ thuật và đạo đức nghề nghiệp. Giúp sinh viên làm quen với cách thức học tập giao tiếp.

- **Mục tiêu về thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Thực hiện tốt, nghiêm túc thời gian biểu. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp. Phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.

7. Mô tả môn học

Học phần đại cương về kỹ thuật giới thiệu cho sinh viên năm đầu các khái niệm căn bản: các ngành nghề kỹ thuật; chức năng và yêu cầu của cán bộ kỹ thuật; cách giải quyết các vấn đề kỹ thuật; căn bản về máy vi tính và sử dụng máy vi tính trong kỹ thuật; giao tiếp trong kỹ thuật và làm việc nhóm; đạo đức nghề nghiệp; bài học từ các sai sót

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. Bài giảng “Đại cương về Kỹ thuật”

[2]. Kalpakjian, Serop; Schmid, Steven R, Manufacturing engineering and technology, Prentice Hall 2010

[3] Meriam, J.L.; Kraige, L.G., Engineering mechanics, Wiley 2012

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: Trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Phần 1: Môi trường đào tạo kỹ thuật

Chương 1: Tìm hiểu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu môn học và ngành kỹ thuật

- 1.1.1. Những thành tựu kỹ thuật thế kỷ 20
- 1.1.2. Khái niệm về kỹ thuật
- 1.1.3. Các công việc chính của kỹ sư
- 1.1.4. Lợi ích và cơ hội nghề nghiệp
- 1.2. Khái niệm về kỹ thuật
 - 1.2.1. Kỹ thuật với vai trò khoa học ứng dụng
 - 1.2.2. Kỹ thuật với vai trò sáng tạo và giải quyết vấn đề
 - 1.2.3. Kỹ thuật với chức năng tối ưu hóa
 - 1.2.4. Kỹ thuật với chức năng ra quyết định
 - 1.2.5. Kỹ thuật với chức năng giúp đỡ người khác
 - 1.2.6. Kỹ thuật với chức năng nghề nghiệp

Chương 2: Nghề nghiệp

- 2.1. Các nghề nghiệp kỹ thuật
 - 2.1.1. Tính sẵn có của nghề nghiệp
 - 2.1.2. Giới thiệu các nghề kỹ thuật
 - 2.1.3. Kỹ sư trong công nghiệp
 - 2.1.4. Kỹ sư trong dịch vụ
 - 2.1.5. Kỹ sư trong lãnh đạo
 - 2.1.6. Các lĩnh vực hoạt động khác
 - 2.1.7. Giáo dục sư phạm kỹ thuật
- 2.2. Nghề nghiệp phù hợp trong kỹ thuật
 - 2.2.1. Thế nào là phù hợp trong nghề nghiệp kỹ thuật
 - 2.2.2. Lương trong nghề kỹ thuật
- 2.3. Tương lai của kỹ thuật

Chương 3: Chìa khoá học tập thành công

- 3.1. Khái niệm
- 3.2. Cách thức đạt thành công
 - 3.2.1. Xác định mục tiêu
 - 3.2.2. Kế hoạch thực hiện
 - 3.2.3. Học từ thất bại
- 3.3. Thành công trong học tập
 - 3.3.1. Nỗ lực
 - 3.3.2. Hợp lý
 - 3.3.3. Quan điểm
- 3.4. Các mô hình đánh giá học tập

- 3.4.1. Mô hình thuộc tính
- 3.4.2. Mô hình nghề nghiệp
- 3.4.3. Mô hình tâm huyết học tập
- 3.5. Sắp xếp thời gian
- 3.6. Tìm hiểu cách dạy và học bậc đại học
- 3.7. Học tập trên lớp
- 3.8. Tự học
- 3.9. Học nhóm

Phần 2. Giải quyết vấn đề kỹ thuật

Chương 4: Khái niệm phương pháp giải quyết vấn đề

- 4.1. Giới thiệu phương pháp giải quyết vấn đề
 - 4.1.1. Các vấn đề kỹ thuật
 - 4.1.2. Nghệ thuật và khoa học của giải quyết vấn đề kỹ thuật
 - 4.1.3. Các phương pháp giải quyết vấn đề kỹ thuật
- 4.2. Cách tiếp cận mục tiêu giải quyết vấn đề kỹ thuật
 - 4.2.1. Phương pháp khoa học
 - 4.2.2. Phương pháp phân tích kỹ thuật
 - 4.2.3. Phương pháp thiết kế kỹ thuật
 - 4.2.4. Sự cần thiết của sáng tạo
- 4.3. Giới thiệu phương pháp khoa học
 - 4.3.1. Giới thiệu
 - 4.3.2. Tiến trình giải quyết vấn đề khoa học
- 4.4. Định nghĩa vấn đề
 - 4.4.1. Giới thiệu
 - 4.4.2. Các định nghĩa bao gồm và loại trừ
 - 4.4.3. Nhược điểm của định nghĩa không khoa học
- 4.5. Xây dựng giả thiết
- 4.6. Kiểm định giả thiết
- 4.7. Kết luận từ kiểm định giả thiết
- 4.8. Ví dụ

Chương 5: Phương pháp phân tích kỹ thuật

- 5.1. Giới thiệu
- 5.2. Thu thập số liệu
- 5.3. Lựa chọn phương pháp phân tích
- 5.4. Dự đoán lời giải

5.5. Giải quyết vấn đề

5.6. Kiểm tra kết quả

5.7. Đơn vị

5.8. Ví dụ

Chương 6: Phương pháp thiết kế kỹ thuật

6.1. Giới thiệu

6.2. Các lời giải và lựa chọn lời giải

6.3. Thực thi và đánh giá lời giải

6.4. Ví dụ

6.5. Các tham số thiết kế

11. Kế hoạch triển khai học phần.

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| | Phần 1: Môi trường đào tạo kỹ thuật | | | |
| Tuần 1, 2 | Chương 1: Tìm hiểu về kỹ thuật | Lý thuyết | [1] | 6 |
| | 1.1. Giới thiệu môn học và ngành kỹ thuật | | | |
| | 1.1.1. Những thành tựu kỹ thuật thế kỷ 20 | | | |
| | 1.1.2. Khái niệm về kỹ thuật | | | |
| | 1.1.3. Các công việc chính của kỹ sư | | | |
| | 1.1.4. Lợi ích và cơ hội nghề nghiệp | | | |
| | 1.2. Khái niệm về kỹ thuật | | | |
| | 1.2.1. Kỹ thuật với vai trò khoa học ứng dụng | | | |
| | 1.2.2. Kỹ thuật với vai trò sáng tạo và giải quyết vấn đề | | | |
| | 1.2.3. Kỹ thuật với chức năng tối ưu hóa | | | |
| | 1.2.4. Kỹ thuật với chức năng ra quyết định | | | |
| | 1.2.5. Kỹ thuật với chức năng giúp đỡ người khác | | | |
| | 1.2.6. Kỹ thuật với chức năng nghề nghiệp | | | |
| Tuần 3, 4 | Chương 2: Nghề nghiệp | Lý thuyết | [1] | 6 |
| | 2.1. Các nghề nghiệp kỹ thuật | | | |

| | | | | |
|------------|--|-----------|-----|---|
| | 2.1.1. Tính sẵn có của nghề nghiệp | | | |
| | 2.1.2. Giới thiệu các nghề kỹ thuật | | | |
| | 2.1.3. Kỹ sư trong công nghiệp | | | |
| | 2.1.4. Kỹ sư trong dịch vụ | | | |
| | 2.1.5. Kỹ sư trong lãnh đạo | | | |
| | 2.1.6. Các lĩnh vực hoạt động khác | | | |
| | 2.1.7. Giáo dục sư phạm kỹ thuật | | | |
| | 2.2. Nghề nghiệp phù hợp trong kỹ thuật | | | |
| | 2.2.1. Thế nào là phù hợp trong nghề nghiệp kỹ thuật | | | |
| | 2.2.2. Lương trong nghề kỹ thuật | | | |
| | 2.3. Tương lai của kỹ thuật | | | |
| Tuần 5, 6 | Chương 3: Chìa khoá học tập thành công | Lý thuyết | [1] | 6 |
| | 3.1. Khái niệm | | | |
| | 3.2. Cách thức đạt thành công | | | |
| | 3.2.1. Xác định mục tiêu | | | |
| | 3.2.2. Kế hoạch thực hiện | | | |
| | 3.2.3. Học từ thất bại | | | |
| | 3.3. Thành công trong học tập | | | |
| | 3.3.1. Nỗ lực | | | |
| | 3.3.2. Hợp lý | | | |
| | 3.3.3. Quan điểm | | | |
| | 3.4. Các mô hình đánh giá học tập | | | |
| | 3.4.1. Mô hình thuộc tính | | | |
| | 3.4.2. Mô hình nghề nghiệp | | | |
| | 3.4.3. Mô hình tâm huyết học tập | | | |
| | 3.5. Sắp xếp thời gian | | | |
| | 3.6. Tìm hiểu cách dạy và học bậc đại học | | | |
| | 3.7. Học tập trên lớp | | | |
| | 3.8. Tự học | | | |
| | 3.9. Học nhóm | | | |
| Tuần 7 | Thảo luận | Thảo luận | | 3 |
| Tuần 8 | Kiểm tra đánh giá | Tự luận | | 3 |
| | Phần 2. Giải quyết vấn đề kỹ thuật | | | |
| Tuần 9, 10 | Chương 4: Khái niệm phương pháp giải quyết vấn đề | Lý thuyết | [1] | 6 |
| | 4.1. Giới thiệu phương pháp giải quyết vấn đề | | | |
| | 4.1.1. Các vấn đề kỹ thuật | | | |

| | | | | |
|----------------|--|-----------|-----|---|
| | 4.1.2. Nghệ thuật và khoa học của giải quyết vấn đề kỹ thuật | | | |
| | 4.1.3. Các phương pháp giải quyết vấn đề kỹ thuật | | | |
| | 4.2. Cách tiếp cận mục tiêu giải quyết vấn đề kỹ thuật | | | |
| | 4.2.1. Phương pháp khoa học | | | |
| | 4.2.2. Phương pháp phân tích kỹ thuật | | | |
| | 4.2.3. Phương pháp thiết kế kỹ thuật | | | |
| | 4.2.4. Sự cần thiết của sáng tạo | | | |
| | 4.3. Giới thiệu phương pháp khoa học | | | |
| | 4.3.1. Giới thiệu | | | |
| | 4.3.2. Tiến trình giải quyết vấn đề khoa học | | | |
| | 4.4. Định nghĩa vấn đề | | | |
| | 4.4.1. Giới thiệu | | | |
| | 4.4.2. Các định nghĩa bao gồm và loại trừ | | | |
| | 4.4.3. Nhược điểm của định nghĩa không khoa học | | | |
| | 4.5. Xây dựng giả thiết | | | |
| | 4.6. Kiểm định giả thiết | | | |
| | 4.7. Kết luận từ kiểm định giả thiết | | | |
| | 4.8. Ví dụ | | | |
| Tuần 11, 12 | Chương 5: Phương pháp phân tích kỹ thuật | Lý thuyết | [1] | 6 |
| | 5.1. Giới thiệu | | | |
| | 5.2. Thu thập số liệu | | | |
| | 5.3. Lựa chọn phương pháp phân tích | | | |
| | 5.4. Dự đoán lời giải | | | |
| | 5.5. Giải quyết vấn đề | | | |
| | 5.6. Kiểm tra kết quả | | | |
| | 5.7. Đơn vị | | | |
| | 5.8. Ví dụ | | | |
| Tuần 13 | Chương 6: Phương pháp thiết kế kỹ thuật | Lý thuyết | [1] | 3 |
| | 6.1. Giới thiệu | | | |
| | 6.2. Các lời giải và lựa chọn lời giải | | | |
| | 6.3. Thực thi và đánh giá lời giải | | | |
| | 6.4. Ví dụ | | | |
| | 6.5. Các tham số thiết kế | | | |
| Tuần 14 | Thảo luận | Thảo luận | | 3 |

| | | | | |
|---------|-------------------|---------|--|---|
| Tuần 15 | Kiểm tra đánh giá | Tự luận | | 3 |
|---------|-------------------|---------|--|---|

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

Hiệu trưởng

Khoa/Bộ môn

Trưởng Bộ môn

Tập thể biên soạn

7. TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Tên học phần: TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36 tiết; thảo luận: 18 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên nâng cao những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tiễn không thể thiếu trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ, liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công việc mà sinh viên sẽ đảm nhiệm trong thực tế.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. PGS.TS Nguyễn Hữu Tài, *Giáo trình Lý thuyết tài chính – tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2012.

[2]. Phạm Văn Khoan, *Giáo trình Quản lý Tài chính công*, Học viện Tài chính, NXB Tài chính, năm 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về tài chính

- 1.1. Bản chất của tài chính
- 1.2. Chức năng của tài chính
- 1.3. Hệ thống tài chính quốc gia

Chương 2: Ngân sách nhà nước

- 2.1. Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước
- 2.2. Thu ngân sách nhà nước
- 2.3. Chi ngân sách nhà nước
- 2.4. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước

Chương 3: Tài chính doanh nghiệp

- 3.1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp
- 3.2. Nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính doanh nghiệp

Chương 4: Tiền tệ - Tín dụng – Ngân hàng

- 4.1. Tiền tệ và lưu thông tiền tệ
- 4.2. Tín dụng
- 4.3. Ngân hàng

Chương 5: Tài chính quốc tế

- 5.1. Sự hình thành và phát triển của tài chính quốc tế
- 5.2. Những vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế
- 5.3. Các hình thức chủ yếu của tài chính quốc tế

Chương 6: Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian

- 6.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính
- 6.2. Thị trường tiền tệ
- 6.3. Thị trường vốn
- 6.4. Các tổ chức tài chính trung gian

Chương 7: Lạm phát và chính sách tiền tệ

- 7.1. Lạm phát
- 7.2. Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương

Chương 8: Quan hệ thanh toán và Tín dụng quốc tế

- 10.1. Cán cân thanh toán quốc tế
- 10.2. Tỷ giá hối đoái và thị trường hối đoái
- 10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng
- 10.4. Tín dụng quốc tế

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------|
| 1 | Chương 1: Những vấn đề | Lý thuyết | [1]; [2] | 3 |

| | | | | |
|------------|---|------------------|-----------------|-------------|
| | cơ bản về tài chính | | | |
| | 1.1. Bản chất của tài chính 1.2. Chức năng của tài chính 1.3. Hệ thống tài chính quốc gia | | | 1 1 1 |
| 2;3 | Chương 2: Ngân sách nhà nước | Lý thuyết | [1]; [2] | 6 |
| | 2.1. Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước | | | 1 |
| | 2.2. Thu ngân sách nhà nước | | | 1 |
| | 2.3. Chi ngân sách nhà nước | | | 2 |
| | 2.4. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước | | | 2 |
| 4 | Chương 3: Tài chính doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2] | 3 |
| | 3.1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp 3.2. Nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính doanh nghiệp | | | 1.5 1.5 |
| 5 | Chương 4: Tiền tệ - Tín dụng – Ngân hàng | Lý thuyết | [1]; [2] | 3 |
| | 4.1. Tiền tệ và lưu thông tiền tệ 4.2. Tín dụng 4.3. Ngân hàng | | | 1 1 1 |
| 6,7 | Chương 5: Tài chính quốc tế | | | 6 |
| | 5.1. Sự hình thành và phát triển của tài chính quốc tế | | | 1 1 |

| | | | | |
|--------------|---|------------------|-----------------|----------------------|
| | 5.2. Những vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế 5.3. Các hình thức chủ yếu của tài chính quốc tế | | | 2 |
| | Kiểm tra giữa kỳ | | | 2 |
| | | Kiểm tra | | 1.5 |
| 8,9 | Chương 6: Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian | Lý thuyết | [1]; [2] | 6 |
| | 6.1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính 6.2. Thị trường tiền tệ 6.3. Thị trường vốn | | | |
| | 6.4. Các tổ chức tài chính trung gian | | | |
| 10 | Chương 7: Lạm phát và chính sách tiền tệ | Lý thuyết | [1]; [2] | 3 |
| | 7.1. Lạm phát 7.2. Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương | | | |
| 11,12 | Chương 8: Quan hệ thanh toán và Tín dụng quốc tế | Lý thuyết | [1]; [2] | 6 |
| | 10.1. Cán cân thanh toán quốc tế 10.2. Tỷ giá hối đoái và thị trường hối đoái | Tiểu luận | | 1 1 |
| | 10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán | Kiểm tra | | 1 |

| | | | | |
|----------------------|------------------------|------------------|-----------------|----------|
| | quốc tế thông dụng | | | |
| | 10.4. Tín dụng quốc tế | Lý thuyết | [1]; [2] | 1 |
| | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra | | 2 |
| 13,14,1 5 | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 9 |

Hiệu trưởng

Khoa/BM

Trưởng BM

**Tập thể Biên
soạn**

8. NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26; Bài tập, Thảo luận: 4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Không

6. Mục tiêu của học phần:

- *Mục tiêu về kiến thức* : Sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, hiểu và vận dụng được các phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh, thống kê suy luận, phương pháp phân tích các nhân tố trong phân tích kinh tế.

- *Mục tiêu về kỹ năng*:

+ Thiết kế được một mẫu phiếu điều tra;

+ Xác định được quy mô mẫu điều tra;

+ Tổ chức thực hiện được 1 cuộc điều tra cụ thể.

+ Lựa chọn hình thức trình bày số liệu thống kê phù hợp.

+ Có kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế.

+ Biết cách sử dụng phần mềm trong xử lý số liệu (Excel, SPSS), đọc được các kết quả từ phần mềm đó.

- *Mục tiêu về thái độ*: Biết nhìn nhận đánh giá vấn đề, có năng lực tự chủ và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế. -Phát triển tư duy nhạy bén, phát hiện vấn đề trong nghiên cứu kinh tế.

Phát triển tư duy nhận xét, đánh giá vấn đề và ra quyết định.

7. Mô tả môn học

Học phần này trình bày những thông tin sơ lược về thống kê; Quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế; Các phương thức trình bày số liệu thống kê kinh tế; Phương pháp phân tích hiện trạng của hiện tượng; Điều tra chọn mẫu; Phương pháp phân tích dãy số biến động theo thời gian; Phương pháp phân tích chỉ số; Lý thuyết quyết định.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. Trần Ngọc Phát, Trần Thị Kim Thu, *Giáo trình lý thuyết thông kê*, NXB Thống kê, 2011

[2]. Phạm Ngọc Kiểm – Nguyễn Công Nhựt, *Giáo trình lý thuyết thống kê*, NXB Giáo dục, 2008.

[3]. Ngô Thị Thuần – Phạm Vân Hùng – Nguyễn Hữu Ngoan, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế* - Trường Đại học Nông nghiệp, Hà Nội, 2006.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Sơ lược về thống kê

- 1.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu của thống kê kinh tế
- 1.2. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê kinh tế

Chương 2: Quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế

- 2.1. Sơ đồ chung về quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế
- 2.2. Xác định đối tượng nghiên cứu và nội dung của thống kê kinh tế
- 2.3. Xây dựng hệ thống các khái niệm – chỉ tiêu kinh tế
- 2.4. Điều tra thống kê kinh tế
- 2.5. Xử lý số liệu và phân tích thống kê sơ bộ

Chương 3: Trình bày số liệu thống kê kinh tế

- 3.1. Sắp xếp số liệu và phân tổ thống kê kinh tế
- 3.2. Bảng thống kê kinh tế
- 3.3. Đồ thị thống kê kinh tế

Chương 4: Phương pháp phân tích hiện trạng của hiện tượng

- 4.1. Số tuyệt đối
- 4.2. Số tương đối
- 4.3. Số bình quân
- 4.4. Các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tiêu thức

Chương 5: Điều tra chọn mẫu

- 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của điều tra chọn mẫu

5.2. Nội dung cơ bản của điều tra chọn mẫu

5.3. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên

5.4. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên

Chương 6. Phương pháp phân tích dãy số biến động theo thời gian

6.1. Khái niệm, ý nghĩa, cấu tạo của dãy số biến động theo thời gian

6.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian

6.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng

Chương 7: Phương pháp phân tích chỉ số

7.1. Khái niệm, ý nghĩa của phương pháp phân tích chỉ số

7.2. Các loại chỉ số

7.3. Phương pháp xây dựng chỉ số

7.4. Hệ thống chỉ số

Chương 8: Lý thuyết quyết định

8.1. Xác định giá trị xác suất, lợi nhuận dự đoán trong điều kiện bất định và xác định.

8.2. Sử dụng phân phối liên tục trong lý thuyết quyết định, phân tích biên

8.3. Lợi ích một tiêu chuẩn của quyết định

8.4. Phân tích cây quyết định

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|-----------------|--|------------------------------------|------------------------------------|---------------------|
| 1 | Chương 1 Sơ lược về thống kê Chương 2 Quá trình nghiên cứu thống kê kinh tế | Thuyết trình | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 1,5 1,5 |
| 2 | Tiếp chương 2 Chương 3 Trình bày số liệu thống kê | Thuyết trình | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 1,5 1,5 |
| 3 | Tiếp chương 3 | Thuyết trình | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 3 |
| 4 | Chương 4 Phương pháp phân tích hiện trạng của hiện tượng | Thuyết trình | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 3 |
| 5 | Tiếp chương 4 | Thuyết trình, chữa bài tập | Đọc giáo trình theo GV hướng | 3 |

| | | | | |
|----|--|----------------------------|----------------------------------|---|
| | | | dẫn | |
| 6 | Chương 5 Điều tra chọn mẫu | Thuyết trình, chữa bài tập | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 3 |
| 7 | Chương 6 Phương pháp phân tích dãy số theo thời gian | thuyết trình, chữa bài tập | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 3 |
| 8 | Chương 7 Phương pháp phân tích chỉ số | Thuyết trình, chữa bài tập | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 3 |
| 9 | Chương 8 Lý thuyết ra quyết định | Thuyết trình | Đọc giáo trình theo GV hướng dẫn | 3 |
| 10 | Ôn tập | Thảo luận nhóm | | 3 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

9. THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1. Tên học phần: THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26; Bài tập, Thảo luận: 4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 2

5. Các học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê

6. Mục tiêu của học phần:

- Mục tiêu về kiến thức:

Người học hiểu, vận dụng được nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu kinh tế về đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính toán thành thạo các chỉ tiêu thống kê thông dụng trong các doanh nghiệp theo hệ thống chỉ tiêu SNA. Người học hiểu và biết cách thống kê về chi phí, xác định giá thành sản phẩm; dự đoán ngắn hạn các chỉ tiêu có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp.

- Mục tiêu về kỹ năng:

+ Có kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ Có kỹ năng phân tích và nhận định các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Mục tiêu về thái độ:* Biết nhìn nhận đánh giá vấn đề, có năng lực tự chủ và giải quyết vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Phát triển tư duy nhận xét, đánh giá vấn đề và ra quyết định.

7. Mô tả môn học

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết thống kê (các mức độ của hiện tượng thống kê; điều tra chọn mẫu; tương quan hồi quy; dãy số thời gian; chỉ số trong thống kê). Các kiến thức thống kê hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. GS.TS Bùi Xuân Phong .*Thống kê và ứng dụng trong Bưu chính*, Viễn thông. Nhà xuất bản Bưu điện – 2005

[2]. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm – PGS.TS Nguyễn Công Nhự. *Thống kê doanh nghiệp*. NXB Giáo dục, 2009

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1.1. Vai trò của Thống kê doanh nghiệp đối với quá trình quản lý doanh nghiệp

1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Thống kê doanh nghiệp

1.2.1. Đối tượng của Thống kê doanh nghiệp

1.2.2. Phạm vi nghiên cứu của Thống kê doanh nghiệp

1.3. Cơ sở khoa học của Thống kê doanh nghiệp

1.3.1. Cơ sở lý luận

1.3.2. Cơ sở phương pháp luận

1.4. Nhiệm vụ của Thống kê trong doanh nghiệp

1.5. Hệ thống chỉ tiêu Thống kê doanh nghiệp

1.5.1. Yêu cầu của hệ thống chỉ tiêu TKDN

1.5.2. Hệ thống chỉ tiêu Thống kê doanh nghiệp

CHƯƠNG II: THỐNG KÊ LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

2.1. Thống kê số lượng và sự biến động lao động của doanh nghiệp

2.1.1. Thống kê số lượng lao động của doanh nghiệp

2.1.2. Thống kê tình hình sử dụng thời gian lao động trong DN

2.2. Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp

2.2.1. Khái niệm và phương pháp tính NSLĐ;

2.2.2. áp dụng phương pháp chỉ số phân tích biến động NSLĐ

2.2.3. Hệ thống chỉ số phân tích biến động kết quả sản xuất của DN

2.2.4. Hệ thống chỉ số phân tích tình hình chấp hành kế hoạch sản xuất của DN

2.3. Thống kê thu nhập của lao động trong doanh nghiệp

- 2.3.1. Các nguồn hình thành thu nhập của lao động trong doanh nghiệp
- 2.3.2. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình tiền lương của lao động trong doanh nghiệp
- 2.3.3. Phân tích tình hình sử dụng quỹ lương của lao động sản xuất

CHƯƠNG III: THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- 3.1. Khái niệm, phương pháp phân loại và đánh giá tài sản cố định
- 3.2. Thống kê hao mòn tài sản cố định
 - 3.2.1. Thống kê hao mòn tài sản cố định
 - 3.2.2. Thống kê trạng thái tài sản cố định
- 3.3. Thống kê biến động tài sản cố định
 - 3.3.1. Theo dõi biến động tài sản cố định bằng phương pháp cân đối
 - 3.3.2. Sử dụng phương pháp chỉ số phân tích biến động tài sản cố định
 - 3.3.3. Sử dụng phương pháp chỉ số phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định

CHƯƠNG IV: THỐNG KÊ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG

- 4.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của thống kê tài sản lưu động
- 4.2. Phân loại tài sản lưu động trong doanh nghiệp
- 4.3. Phân tích thống kê tình hình sử dụng tài sản lưu động trong doanh nghiệp
 - 4.3.1. Phương pháp so sánh đối chiếu
 - 4.3.2. Phương pháp chỉ số

CHƯƠNG V: THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

- 5.1. Một số khái niệm cơ bản cần nắm khi nghiên cứu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
 - 5.1.1. Hoạt động sản xuất và hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 5.1.2. Các dạng biểu hiện kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
 - 5.1.3. Đơn vị đo lường kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- 5.2. Hệ thống chỉ tiêu đo lường kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
 - 5.2.1. Giá trị sản xuất
 - 5.2.2. Chi phí trung gian của doanh nghiệp
 - 5.2.3. Giá trị gia tăng của doanh nghiệp
 - 5.2.4. Giá trị gia tăng thuần của doanh nghiệp

5.2.5. Lợi nhuận (lãi) kinh doanh của doanh nghiệp

5.2.6. Doanh thu bán hàng

5.2.7. Doanh thu thuần

5.3. Phân tích thống kê kết quả sản xuất của doanh nghiệp

5.4. Phân tích thống kê biến động giá trị gia tăng của một doanh nghiệp

5.4.1. Phân tích biến động giá trị gia tăng

5.4.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị gia tăng của doanh nghiệp

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|----------|--|-----------------------------|--------------------------------|---------------|
| 1 | Chương 1 những vấn đề cơ bản của thống kê doanh nghiệp | thuyết trình | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 2 | Chương 2 Thống kê lao động của doanh nghiệp | thuyết trình | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 3 | tiếp chương 2 | thuyết trình, chữa bài tập | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 4 | Chương 3 Thống kê tài sản cố định | thuyết trình | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 5 | Tiếp chương 3 | thuyết trình, chữa bài tập | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 6 | Chương 4 Thống kê tài sản lưu động | thuyết trình | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 7 | Tiếp chương 4 | Thuyết trình, chữa bài tập | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 8 | Chương 5 Thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Thuyết trình | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 9 | Tiếp chương 5 | Thuyết trình, chữa bài tập | Đọc tài liệu theo GV hướng dẫn | 3 |
| 10 | Thảo luận, ôn tập | thảo luận nhóm | | 3 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

10. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

1. Tên học phần: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

6. Mục tiêu của học phần:

- *Mục tiêu về kiến thức:* Nắm được các những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về tổ chức công tác kế toán bao gồm tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức hệ thống sổ kế toán, tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, tổ chức hệ thống báo cáo kế toán, tổ chức bộ máy kế toán trong các loại hình đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp,...

- *Mục tiêu về kỹ năng:* Phát triển tốt kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, khả năng làm việc độc lập. Đồng thời qua quá trình học tập người học còn có được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kỹ năng tìm hiểu và giải quyết các tình huống về kế toán trong thực tế, kỹ năng thuyết trình..

- *Mục tiêu về thái độ:* chủ động tìm tòi cập nhật các kiến thức có liên quan đặc biệt những thay đổi về chế độ thể lệ, chính sách kế toán tài chính.

7. Mô tả môn học

Môn học giúp sinh viên, sau khi đã được trang bị đủ lý thuyết về định khoản các nghiệp vụ, có cái nhìn tổng quan về tổ chức công tác kế toán trong một đơn vị độc lập từ tổ chức khối lượng công tác kế toán trong mối liên hệ với tổ chức bộ máy kế toán. Sinh viên được trang bị kiến thức về tổ chức: chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, các yếu tố đầu vào của sản xuất và các quá trình kinh doanh cơ bản.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Đoàn Xuân Tiên, *Tổ chức công tác kế toán*, NXB Lao động - Xã hội, 2010

8.2. Sách, giáo trình tham khảo

[2]. Trần Thị Cẩm Thanh – Tô Đình Dân – Lê Hồng Điệp, *Giáo trình Kế toán tài chính (quyển1)*, NXB Chính trị quốc gia, 2014.

[3]. *Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Tài chính

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

1.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của tổ chức hạch toán

1.1.1 Tổ chức hạch toán kế toán là gì

1.1.2 ý nghĩa và nhiệm vụ của TCHT

1.2 Nội dung của tổ chức hạch toán

1.2.1 Tổ chức khối lượng công tác kế toán

1.2.2 Tổ chức bộ máy kế toán

1.3 Cơ sở và nguyên tắc tổ chức hạch toán

1.3.1 Cơ sở

1.3.2 Những nguyên tắc chung

CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN (HẠCH TOÁN BAN ĐẦU)

2.1 Khái quát chung

2.1.1 Khái niệm

2.1.2 Nội dung

2.1.3 ý nghĩa tổ chức hạch toán

2.1.4 Nguyên tắc

2.1.5 Trình tự, nội dung tổ chức chứng từ

2.2 Vận dụng tổ chức một số loại chứng từ chủ yếu

2.2.1 Tổ chức chứng từ tiền mặt

2.2.2 Tổ chức chứng từ hàng tồn kho

2.2.3 Tổ chức chứng từ bán hàng

CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

3.1 Khái quát chung lý thuyết tổ chức tài khoản

3.1.1 Khái niệm, ý nghĩa

3.1.2 Nguyên tắc chung

3.1.3 Nội dung khái quát

3.2 Chế độ hiện hành và hướng vận dụng chế độ

3.2.1 Chế độ tài chính về hệ thống kế toán

3.2.2 Hướng vận dụng

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN

4.1 Sổ kế toán và tổ chức sổ kế toán

4.1.1 Sổ kế toán

4.1.2 Tổ chức sổ kế toán

4.1.3 Nguyên tắc tổ chức sổ

4.2 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ tổng hợp

4.2.1 Tổ chức sổ theo hình thức "Nhật ký- sổ cái"

4.2.2 Tổ chức sổ theo hình thức "Nhật ký chung"

4.2.3 Tổ chức sổ theo hình thức "Chứng từ ghi sổ"

4.2.4 Tổ chức sổ theo hình thức "Kế toán trên máy vi tính" (giới thiệu)

CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC HẠCH TOÁN CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

5.1 Tổ chức hạch toán tài sản cố định

5.1.1 TSCĐ và yêu cầu quản lý

5.1.2 Nghiệp vụ tăng giảm và hạch toán tăng giảm TSCĐ

5.1.3 Tổ chức hạch toán hao mòn và khấu hao TSCĐ

5.2 Tổ chức hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ

5.2.1 Khái niệm, đặc điểm và yêu cầu quản lý

5.2.2 Nghiệp vụ nhập xuất vật liệu, CCDC và tổ chức hạch toán ban đầu

5.2.3 Tổ chức hạch toán chi tiết vật liệu

5.2.4 Tổ chức sổ tổng hợp về hạch toán nhập xuất vật liệu, CCDC

5.3 Tổ chức hạch toán yếu tố "lao động sống"

5.3.1 Lao động sống và tổ chức hạch toán yếu tố lao động sống

5.3.2 Tổ chức hạch toán lao động và tiền lương

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC HẠCH TOÁN QUÁ TRÌNH KINH DOANH

6.1 Tổ chức hạch toán quá trình cung cấp

6.1.1 Quá trình cung cấp

6.1.2 Nội dung tổ chức hạch toán quá trình cung cấp

6.2 Tổ chức hạch toán quá trình sản xuất

6.2.1 Quá trình sản xuất

6.2.2 Tổ chức hạch toán quá trình sản xuất

6.3 Tổ chức hạch toán quá trình bán hàng

6.3.1 Quá trình bán hàng

6.3.2 Kế toán các nghiệp vụ giá vốn hàng bán và tổ chức hạch toán

6.3.3 Kế toán nghiệp vụ doanh thu hàng bán và tổ chức hạch toán

6.3.4 Kế toán nghiệp vụ thanh toán với khách hàng mua và tổ chức hệ thống

6.3.5 Tổ chức hạch toán xác định kết quả tiêu thụ

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần n thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|---------------------------|--|--|---|------------------------------|
| 1 | CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN 1.1 Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của tổ chức hạch toán 1.1.1 Tổ chức hạch toán kế toán là gì 1.1.2 ý nghĩa và nhiệm vụ của TCHT 1.2 Nội dung của tổ chức hạch toán 1.2.1 Tổ chức khối lượng công tác kế toán 1.2.2 Tổ chức bộ máy kế toán 1.3 Cơ sở và nguyên tắc tổ chức hạch toán 1.3.1 Cơ sở 1.3.2 Những nguyên tắc chung | Thuyết trình, giảng giải. | Giáo trình Tổ chức công tác kế toán từ trang 1 đến trang 15. | 3 |
| 2 | CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC | Thuyết trình, | Giáo trình Tổ | 3 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | CHỨNG TỪ KẾ TOÁN (HẠCH TOÁN BAN ĐẦU) 2.1 Khái quát chung 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Nội dung 2.1.3 ý nghĩa tổ chức hạch toán 2.1.4 Nguyên tắc 2.1.5 Trình tự, nội dung tổ chức chứng từ | giảng giải. | chức công tác kế toán từ trang 16 đến trang 36. | |
| 3 | 2.2 Vận dụng tổ chức một số loại chứng từ chủ yếu 2.2.1 Tổ chức chứng từ tiền mặt 2.2.2 Tổ chức chứng từ hàng tồn kho 2.2.3 Tổ chức chứng từ bán hàng | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Tổ chức công tác kế toán từ trang 72 đến trang 89. | 3 |
| 4 | CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN 3.1 Khái quát chung lý thuyết tổ chức tài khoản 3.1.1 Khái niệm, ý nghĩa 3.1.2 Nguyên tắc chung 3.1.3 Nội dung khái quát 3.2 Chế độ hiện hành và hướng vận dụng chế độ 3.2.1 Chế độ tài chính về hệ thống kế toán 3.2.2 Hướng vận dụng | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Tổ chức công tác kế toán từ trang 90 đến trang 115. | 3 |
| 5 | CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN 4.1 Sổ kế toán và tổ chức sổ kế toán 4.1.1 Sổ kế toán 4.1.2 Tổ chức sổ kế toán 4.1.3 Nguyên tắc tổ chức sổ 4.2 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ tổng hợp 4.2.1 Tổ chức sổ theo hình thức "Nhật ký- sổ cái" | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Tổ chức công tác kế toán từ trang 115 đến trang 123. | 3 |
| 6 | 4.2.2 Tổ chức sổ theo hình thức "Nhật ký chung" 4.2.3 Tổ chức sổ theo hình thức "Chứng từ ghi sổ" 4.2.4 Tổ chức sổ theo hình thức "Kế toán trên máy vi tính" (giới | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Tổ chức công tác kế toán từ trang 124 đến trang 146. | 3 |

| | | | | |
|----|--|---------------------------|------------------------------|---|
| | thiệu). | | | |
| 7 | <p>CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC HẠCH TOÁN CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>5.1 Tổ chức hạch toán tài sản cố định</p> <p>5.1.1 TSCĐ và yêu cầu quản lý</p> <p>5.1.2 Nghiệp vụ tăng giảm và hạch toán tăng giảm TSCĐ</p> <p>5.1.3 Tổ chức hạch toán hao mòn và khấu hao TSCĐ</p> <p>5.2 Tổ chức hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>5.2.1 Khái niệm, đặc điểm và yêu cầu quản lý</p> <p>5.2.2 Nghiệp vụ nhập xuất vật liệu, CCDC và tổ chức hạch toán ban đầu</p> <p>5.2.3 Tổ chức hạch toán chi tiết vật liệu</p> <p>5.2.4 Tổ chức sổ tổng hợp về hạch toán nhập xuất vật liệu, CCDC</p> | Thuyết trình, giảng giải. | Giáo trình Kế toán tài chính | 3 |
| 8 | <p>5.3 Tổ chức hạch toán yếu tố "lao động sống"</p> <p>5.3.1 Lao động sống và tổ chức hạch toán yếu tố lao động sống</p> <p>5.3.2 Tổ chức hạch toán lao động và tiền lương</p> | Thuyết trình, giảng giải. | Giáo trình Kế toán tài chính | 3 |
| 9 | <p>CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC HẠCH TOÁN QUÁ TRÌNH KINH DOANH</p> <p>6.1 Tổ chức hạch toán quá trình cung cấp</p> <p>6.1.1 Quá trình cung cấp</p> <p>6.1.2 Nội dung tổ chức hạch toán quá trình cung cấp</p> <p>6.2 Tổ chức hạch toán quá trình sản xuất</p> <p>6.2.1 Quá trình sản xuất</p> <p>6.2.2 Tổ chức hạch toán quá trình sản xuất</p> | Thuyết trình, giảng giải. | Giáo trình Kế toán tài chính | 3 |
| 10 | 6.3 Tổ chức hạch toán quá trình bán hàng | Thuyết trình, giảng giải. | Giáo trình Kế toán tài chính | 3 |

| | | | |
|--|--|--|--|
| 6.3.1 Quá trình bán hàng 6.3.2 Kế toán các nghiệp vụ giá vốn hàng bán và tổ chức hạch toán 6.3.3 Kế toán nghiệp vụ doanh thu hàng bán và tổ chức hạch toán 6.3.4 Kế toán nghiệp vụ thanh toán với khách hàng mua và tổ chức hệ thống 6.3.5 Tổ chức hạch toán xác định kết quả tiêu thụ | | | |
|--|--|--|--|

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

11. PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tên học phần: PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 30; Bài tập, Thảo luận: 15)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học, Tài chính - Tiền tệ, Thống kê doanh nghiệp.

6. Mục tiêu của học phần:

- Mục tiêu về kiến thức:

+ Hiểu và vận dụng được hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp, quy trình để phân tích tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Hiểu được mối liên hệ môn học phân tích hoạt động kinh doanh với các ngành nghề khác như tài chính, marketing, nhân sự... để hiểu và tiếp tục học tập

- Mục tiêu về kỹ năng: Vận dụng được hệ thống các chỉ tiêu, phương pháp, quy trình để phân tích, đánh giá tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Mục tiêu về thái độ: Tổng quan về hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

7. Mô tả môn học

Môn học sẽ đưa ra những kiến thức tổng quan về Phân tích hoạt động kinh doanh, các phương pháp, cách thức phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố trong sản xuất kinh doanh, phân tích về chi phí, giá thành sản phẩm, tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp để đưa ra cái nhìn toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, biết được những nguyên nhân làm hạn chế năng lực sản xuất của doanh nghiệp để đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đồng Văn Đạt, *Giáo trình: Phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2010.

8.2. Sách tham khảo:

- [2]. Phạm Thành Long – Trần Văn Thuận – Phạm Quang – Trần Quý Biên: *Nguyên lý kế toán*; NXB Giáo dục, 2009.
- [3]. Võ Văn Nhị - Mai Thị Hoàng Minh: *Nguyên lý kế toán*; NXB Thống kê, 2007.
- [4]. Nguyễn Ngọc Quang – Phạm Thành Long – Trần Văn Thuận: *Phân tích hoạt động kinh tế*, NXB Giáo dục, 2010.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh

- 1.1. Đối tượng và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh
- 1.2. Một số phương pháp sử dụng trong phân tích hoạt động kinh doanh
- 1.3. Tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh

Chương 2: Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- 2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích kết quả sản xuất kinh doanh
- 2.2. Phân tích thị trường và chiến lược sản phẩm hàng hoá của doanh nghiệp
- 2.3. Phân tích khái quát kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- 2.4. Phân tích các mối quan hệ chủ yếu trong sản xuất của doanh nghiệp
- 2.5. Phân tích chất lượng sản phẩm

Chương 3: Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh

- 3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích tình hình sử dụng các yếu tố SX-KD của doanh nghiệp
- 3.2. Phân tích tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp
- 3.3. Phân tích tình hình sử dụng TSCĐ
- 3.4. Phân tích tình hình cung cấp, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh

Chương 4: Phân tích chi phí và giá thành sản phẩm

- 4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm
- 4.2. Phân tích chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí và giá thành sản xuất

4.3. Phân tích tình hình hoàn thành kế hoạch hạ giá thành của SP hàng hoá của doanh nghiệp

4.4. Phân tích sự biến động giá thành theo khoản mục

Chương 5: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận

5.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích

5.2. Phân tích khái quát tình hình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá

5.3. Phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ

5.4. Phân tích tình hình tiêu thụ những mặt hàng chủ yếu

5.5. Phân tích tình hình lợi nhuận của doanh nghiệp

Chương 6: Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp

6.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích tình hình tài chính của DN

6.2. Phân tích khái quát tình hình tài chính

6.3. Phân tích các chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính

6.4. Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo lưu chuyển tiền tệ

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---|----------------------------------|---|----------------------|
| 1-2 | Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh | | | 3 |
| | - Những lý luận cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh - Các phương pháp sử dụng trong phân tích kinh doanh - Quy trình tổ chức phân tích kinh doanh | Lý thuyết | - Các công cụ cơ bản trong thống kê doanh nghiệp - Đọc tài liệu chương I | |
| | Các phương pháp được sử dụng trong phân tích kinh doanh | Thảo luận | | |
| | Chương I | Bài tập | Bài 1, 2, 3, 4 cuối chương 1 trong tài liệu bắt buộc | |
| 3-4 | Chương 2. Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của DN | | | 3 |
| | - Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. - Phân tích quy mô kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. - Phân tích kết quả sản xuất về | Lý thuyết | - Đọc tài liệu chương 2. - Các phương pháp sử dụng trong phân tích kết quả sản xuất kinh doanh | |

| | | | | |
|---------------|--|-----------|--|----------|
| | mặt chất lượng - Phân tích các mối quan hệ cân đối chủ yếu trong kết quả sản xuất của doanh nghiệp. | | | |
| | - Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh ở một doanh nghiệp thực tế. | Thảo luận | Chuẩn bị nhóm theo yêu cầu đã đưa ra | |
| | - Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích - Phân tích kết quả sản xuất theo điểm hòa vốn - Phân tích chỉ số tổng thành chất lượng | Tự học | | |
| | Chương 2 | Bài tập | Bài 1 đến bài 7 trong tài liệu bắt buộc | |
| 5-6-7 | Chương 3. Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố SXKD | | | 3 |
| | - Phân tích tình hình sử dụng lao động về số lượng, kết cấu, thời gian, năng suất lao động. - Phân tích tình hình sử dụng MMTB - Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu | Lý thuyết | - Các tài liệu thực tế về việc sử dụng các yếu tố trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp . | |
| | - Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh ở một doanh nghiệp thực tế | Thảo luận | - Chuẩn bị nhóm theo chủ đề đã đưa ra | |
| | Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích Phân tích tình hình tổ chức nhân công LĐSX Phân tích chung tình hình sử dụng TSCĐ | Tự học | | |
| | Chương 3 | Bài tập | Bài 1 đến bài 5 trong tài liệu bắt buộc | |
| | Bài số 1 | Kiểm tra | Chương 1, 2 | |
| 8-9-10 | Chương 4. Phân tích chi phí và giá thành | | | 3 |
| | - Phân tích chung tình hình thực hiện chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. - Phân tích tình hình hạ thấp giá thành của sản phẩm so sánh được. - Phân tích chỉ tiêu Chi phí trên 1000đ giá trị sản lượng. - Phân tích chi phí nhân công trực tiếp | Lý thuyết | - Đọc tài liệu chương 4 - Chuẩn bị các cách phân loại về chi phí | |
| | - Hãy phân tích về chi phí và giá | Thảo luận | - Chuẩn bị bài nhóm | |

| | | | | |
|-----------------|---|------------------|--|----------|
| | thành tại một doanh nghiệp cụ thể | | theo chủ đề đã đưa ra. | |
| | Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích Phân tích chi phí NVL trực tiếp, chi phí SX chung | Tự học | | |
| | Chương 4 | Bài tập | Bài 1, 2, 3 trong tài liệu bắt buộc | |
| | Chương 1,2,3 | Kiểm tra giữa kỳ | | |
| 11-12 | Chương 5. Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận | | | 3 |
| | - Phân tích chung tình hình tiêu thụ sản phẩm - Phân tích tình hình tiêu thụ những mặt hàng chủ yếu - Phân tích tình hình lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh | Lý thuyết | Đọc tài liệu chương 5 | |
| | Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận tại một doanh nghiệp cụ thể | Thảo luận | SV chuẩn bị nhóm theo nội dung đã yêu cầu | |
| | Ý nghĩa và nhiệm vụ phân tích Phân tích chung về tình hình lợi nhuận | Tự học | | |
| | Chương 5 | Bài tập | Bài 1, 2 trong tài liệu bắt buộc | |
| | Bài số 2 | Kiểm tra | Chương 4,5 | |
| 13-14-15 | Chương 6. Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp | | | 3 |
| | - Phương pháp sử dụng trong phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp - Phân tích chung tình hình tài chính. - Phân tích tình hình tài chính thông qua các chỉ số tài chính. | Lý thuyết | Tài liệu về các báo cáo tài chính của một doanh nghiệp cụ thể. | |
| | - Phân tích tình hình tài chính tại một doanh nghiệp cụ thể | Thảo luận | Chuẩn bị nhóm theo chủ đề | |
| | -Ý nghĩa, nhiệm vụ phân tích -Thông tin sử dụng trong phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp | Tự học | | |
| | Chương 6 | Bài tập | Bài tập 1, 2 trong tài liệu bắt buộc | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

12. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Tên học phần: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên nắm bắt và sử dụng được những công cụ và kỹ thuật cơ bản để thực hiện tốt chức năng của một người làm tài chính doanh nghiệp. Có kỹ năng thu thập và phân tích thông tin để ra các quyết định về tài chính; hoạch định tài chính và theo dõi diễn trình ngân sách.

7. Mô tả môn học

Cung cấp những vấn đề cơ bản về bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, quản lý vốn kinh doanh, quản lý chi phí – doanh thu – lợi nhuận, quyết định đầu tư dài hạn, lập kế hoạch tài chính và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Bùi Hữu Phước - Lê Thị Lanh – Lại Tiến Đình – Phan Thị Nhi Hiếu, *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động – Xã hội, 2005.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Lưu Thị Hương – Vũ Duy Hòa, *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Kinh tế Quốc dân, 2009.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp

- 1.1. Bản chất, chức năng của Tài chính doanh nghiệp
- 1.2. Vị trí, vai trò của Tài chính doanh nghiệp
- 1.3. Mục tiêu quản lý Tài chính doanh nghiệp

Chương 2: Quản lý vốn sản xuất kinh doanh

- 2.1. Vốn của doanh nghiệp
- 2.2. Quản lý Vốn cố định
- 2.3. Quản lý vốn lưu động

Chương 3 : Nguồn tài trợ của doanh nghiệp

- 3.1. Khái niệm và phân loại các nguồn tài trợ
- 3.2. Cơ cấu tài sản và chiến lược tài trợ
- 3.3. Các nguồn tài trợ

Chương 4 : Chi phí – Doanh thu

- 4.1. Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- 4.2. Doanh thu của doanh nghiệp

Chương 5: Lợi nhuận

- 5.1. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận
- 5.2. Điểm hòa vốn
- 5.3. Phương hướng tối đa hóa lợi nhuận trong doanh nghiệp

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|-------------|--|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------|
| 1,2 | Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp | Lý thuyết | [1]; [2] | 6 |
| | 1.1. Bản chất, chức năng của Tài chính doanh nghiệp | | | 2 |
| | 1.2. Vị trí, vai trò của Tài chính doanh nghiệp | | | 2 |
| | 1.3. Mục tiêu quản lý Tài chính doanh nghiệp | | | 2 |

| | | | | |
|----------|---|------------------|----------|---|
| 3,4 | Chương 2: Quản lý vốn sản xuất kinh doanh | Lý thuyết | [1]; [2] | 6 |
| | 2.1. Vốn của doanh nghiệp | | | 2 |
| | 2.2. Quản lý Vốn cố định | | | 4 |
| | 2.3. Quản lý vốn lưu động | | | |
| 5,6 | Chương 3 : Nguồn tài trợ của doanh nghiệp | | | 6 |
| | 3.1. Khái niệm và phân loại các nguồn tài trợ | | | 1 |
| | 3.2. Cơ cấu tài sản và chiến lược tài trợ | | | 2 |
| | 3.3. Các nguồn tài trợ | | | 1 |
| | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra | | 2 |
| 7,8, 9 | Chương 4 : Chi phí – Doanh thu | Lý thuyết | [1]; [2] | 6 |
| | 4.1. Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | | | 3 |
| | 4.2. Doanh thu của doanh nghiệp | | | 3 |
| | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 3 |
| 11,11,12 | Chương 5: Lợi nhuận | Lý thuyết | [1]; [2] | 9 |
| | 5.1. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận | | | 2 |
| | 5.2. Điểm hòa vốn | | | 2 |
| | 5.3. Phương hướng tối đa hóa lợi nhuận trong doanh nghiệp | | | 2 |
| 13,14,15 | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 9 |

Hiệu trưởng

Khoa/BM

Trưởng BM

Tập thể Biên soạn

13. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

- **Về kiến thức:** Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán. Đây là nền tảng khoa học của khoa học kế toán nói riêng và khoa học kinh tế nói chung. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý.

- **Về kỹ năng:** Người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hoá và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính dưới các hoạt động nghiên cứu khoa học; sử dụng kế toán làm công cụ quản lý có hiệu quả các hoạt động kinh tế tài chính, thúc đẩy sự phát triển của các đơn vị và nền kinh tế.

- **Thái độ:** Nhận thức được vai trò của học phần trong hệ thống các môn học phục vụ chung cho chuyên ngành, để xác định đúng ý thức học tập. Chủ động tìm tòi cập nhật các kiến thức có liên quan đặc biệt những thay đổi về chế độ, chính sách kế toán. Có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán. Có khả năng tự học để giải quyết các vấn đề thay đổi về chế độ kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

7. Mô tả môn học

Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu

kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Võ Văn Nhị - Mai Thị Hoàng Minh: *Nguyên lý kế toán*; NXB Thống kê, 2007.

8.2. Sách tham khảo:

[2]. Đoàn Quang Thiệu: *Nguyên lý kế toán*; NXB Tài chính, 2010.

[3]. Phạm Thành Long – Trần Văn Thuận – Phạm Quang – Trần Quý Biên: *Nguyên lý kế toán*; NXB Giáo dục, 2009.

[4]. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*

[5]. *Luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện*

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN

1.1. Định nghĩa và quá trình hình thành phát triển của kế toán.

1.1.1. Một số định nghĩa kế toán được thừa nhận rộng rãi.

1.1.2. Định nghĩa kế toán theo Luật kế toán.

1.1.3. Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của kế toán.

1.2. Đối tượng của kế toán.

1.2.2. Nguồn vốn kinh doanh.

1.2.3. Sự vận động của tài sản, nguồn vốn.

1.2.4. Quá trình hoạt động của đơn vị kinh tế cơ sở.

1.3. Chức năng của kế toán:

1.3.1. Chức năng phản ánh.

1.3.2. Chức năng giám đốc.

1.4. Nhiệm vụ cơ bản của kế toán.

1.5. Các khái niệm và nguyên tắc kế toán.

1.5.1. Các khái niệm.

1.5.2. Các nguyên tắc kế toán.

1.6. Yêu cầu của thông tin kế toán.

1.7. Hệ thống các phương pháp kế toán.

1.7.1. Phương pháp chứng từ kế toán.

1.7.2. Phương pháp tính giá.

1.7.3. Phương pháp đối ứng tài khoản.

1.7.4. Phương pháp tổng hợp và cân đối.

1.8. Vai trò của kế toán.

1.8.1. Đối với Nhà nước.

1.8.2. Đối với doanh nghiệp.

Chương 2: CHỨNG TỪ KẾ TOÁN VÀ KIỂM KÊ

2.1. Chứng từ kế toán

2.1.1. Khái niệm chứng từ kế toán và tác dụng của chứng từ kế toán.

2.1.2. Các yếu tố cơ bản của chứng từ kế toán.

2.1.3. Phân loại chứng từ kế toán.

2.1.4. Trình tự xử lý chứng từ kế toán.

2.2. Kiểm kê.

2.2.1. Khái niệm.

2.2.2. Các loại kiểm kê.

2.2.3. Phương pháp tiến hành kiểm kê.

2.2.4. Vai trò của kế toán trong kiểm kê.

Chương 3: PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ƯNG TÀI KHOẢN

3.1. Tài khoản và phương pháp đối ứng tài khoản.

3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của phương pháp tài khoản kế toán.

3.1.2. Kết cấu của tài khoản kế toán.

3.1.3. Hệ thống tài khoản kế toán.

3.1.4. Phân loại tài khoản kế toán.

3.1.5. Đối chiếu số liệu ghi chép trong các tài khoản kế toán.

3.2. Ghi sổ kép.

3.2.1. Một số khái niệm.

3.2.2. Các loại định khoản kế toán.

3.2.3. Nguyên tắc định khoản kế toán.

3.3. Kế toán tổng hợp - Kế toán chi tiết.

3.3.1. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích.

3.3.2. Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.

3.3.3. Mối quan hệ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết.

Chương 4: PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc tính giá các đối tượng kế toán.

4.1.1. Khái niệm.

4.1.2. Ý nghĩa của phương pháp tính giá.

4.2. Các nguyên tắc kế toán và những nhân tố chi phối đến việc tính giá các đối tượng kế toán.

4.2.1. Các nguyên tắc kế toán.

4.2.2. Các nhân tố chi phối đến việc tính giá các đối tượng kế toán.

4.3. Tính giá một số đối tượng kế toán chủ yếu.

4.3.1. Tính giá tài sản cố định.

4.3.2. Tính giá hàng tồn kho.

Chương 5: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU

5.1. Những vấn đề chung về các quá trình kinh doanh chủ yếu.

5.2. Kế toán quá trình mua hàng (cung cấp).

5.3. Kế toán quá trình sản xuất.

5.4. Kế toán quá trình tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 6: SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN

6.1. Sổ kế toán.

6.2. Kỹ thuật ghi sổ, sửa sổ kế toán.

6.3. Các hình thức kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp Việt Nam.

6.3.5. Hình thức Kế toán trên máy vi tính.

Chương 7: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP – CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

7.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán.

7.2. Bảng cân đối kế toán (Bảng tổng kết tài sản).

7.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7.4. Mối quan hệ giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với bảng cân đối kế toán

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|----------|---|------------------------------|--|--------------|
| 1 | - Giới thiệu Đề cương môn học, cách thực hiện các mục tiêu môn học - Tài liệu chính - Phân công nhóm học tập | Lý thuyết | | 1 |
| | - Mục đích, yêu cầu môn học | Thảo luận | | 1 |
| | - Nội dung cơ bản của môn học, tài liệu tham khảo | Tự NC | | |
| | - Phương pháp học tập | Tư vấn | | 1 |
| 2-3 | Chương 1. Khái quát chung về kế toán | | | |
| | - Đối tượng của kế toán Các khái niệm và nguyên tắc kế toán | Lý thuyết | Đọc tài liệu liên quan tới nội dung nghiên cứu | 3 |
| | - Bài tập: phân biệt đối tượng của kế toán | Làm việc nhóm | Các hình thái biểu hiện của tài sản trong DN | 2 |
| | - Quá trình hình thành và phát triển của kế toán - Khái niệm kế toán - Chức năng, nhiệm vụ vai trò của kế toán - Các phương pháp kế toán | Tự NC | Nghiên cứu các tài liệu liên quan | |
| | - Chuẩn mực kế toán 01 | Tư vấn | | 1 |
| 4 | Chương 2. Chứng từ kế toán và kiểm kê | | | |
| | - Phân loại chứng từ - Các yếu tố cơ bản của chứng từ - Trình tự xử lý và luân chuyển chứng từ | Lý thuyết | Một loại chứng từ bất kỳ | 2 |
| | Phương pháp lập chứng từ cụ thể | Làm việc nhóm | Điều 19 - Luật kế toán | 1 |
| | - Khái niệm, ý nghĩa của PP - Các trường hợp xử lý chứng | Tự NC | Đọc tài liệu liên quan tới nội dung | |

| | | | | |
|----------------|---|---------------|--|---|
| | từ - Kiểm kê | | nghiên cứu | |
| | Luật kế toán | Tư vấn | | |
| | Trang web kế toán | Khác | | |
| 5-6 | Chương 3. Tài khoản đối ứng | | | |
| | 1. Kết cấu, nội dung của TK 2. Quy tắc phản ánh vào TK 3. Phương pháp ghi chép trên tài khoản | Lý thuyết | Đọc tài liệu liên quan tới nội dung nghiên cứu | 3 |
| | Hệ thống TK kế toán hiện hành | Thảo luận | Thảo luận về hệ thống tài khoản | 1 |
| | Bài tập | Làm việc nhóm | Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị | 2 |
| | Khái niệm, ý nghĩa của PP Phân loại tài khoản | Tự NC | Đọc tài liệu liên quan | |
| 7-8 | Chương 4. Phương pháp tính giá | | | |
| | 1. Trình tự tính giá tài sản mua vào 2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ hoàn thành 3. Trình tự tính giá thực tế xuất kho | Lý thuyết | Nội dung của từng trình tự | 3 |
| | Ưu, nhược điểm các phương pháp tính giá xuất kho. | Thảo luận | Bài thảo luận nhóm | 1 |
| | Bài tập | Làm việc nhóm | Các thông tin liên quan đến đối tượng tính giá | 2 |
| | - Khái niệm, ý nghĩa của phương pháp - Các nguyên tắc kế thừa | Tự NC | Đọc tài liệu liên quan | |
| 9 | Kiểm tra giữa kỳ | | | 3 |
| 10 - 12 | Chương 5. Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | | | |
| | Giới thiệu Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu: cung cấp, sản xuất, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh | Lý thuyết | Sinh viên đọc giáo trình nguyên lý kế toán | 3 |
| | - Kết cấu và nội dung các tài khoản phản ánh chủ yếu - Sơ đồ kế toán các quá trình kinh doanh | Thảo luận | Hệ thống tài khoản kế toán | 1 |
| | Làm bài tập | Làm việc nhóm | Các nghiệp vụ | 1 |

| | | | | |
|----------------|---|--------------------|--|---|
| | | | kinh tế phát sinh theo trình tự nhất định | |
| | - Khái niệm, ý nghĩa, nhiệm vụ của các quá trình kinh doanh - Mối liên hệ giữa các quá trình kinh doanh | Tự NC | - Sinh viên đọc giáo trình Nguyên lý kế toán - Làm bài tập ứng dụng | |
| | - Phương pháp thực hiện bài tập thảo luận nhóm - Cách thức tham khảo tài liệu hiệu quả. - Sử dụng các công cụ hỗ trợ để thực hiện các bài thảo luận. | Tư vấn | | 1 |
| | - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | Kiểm tra, đánh giá | | 2 |
| 13 - 14 | Chương 6. Sổ kế toán và hình thức kế toán | | | |
| | - Kiểm tra số liệu kế toán chi tiết - Kiểm tra số liệu kế toán tổng hợp trên Bảng cân đối tài khoản - Kiểm tra số liệu kế toán tổng hợp trên Bảng đối chiếu số phát sinh và số dư kiểu bàn cờ | Lý thuyết | Sinh viên đọc giáo trình nguyên lý kế toán | 2 |
| | Kiểm tra số liệu kế toán tổng hợp trên Bảng đối chiếu số phát sinh và số dư kiểu bàn cờ | Thảo luận | Chuẩn bị mẫu bảng biểu | 1 |
| | Làm bài tập tổng hợp vận dụng để kiểm tra số liệu theo các phương pháp | Làm việc nhóm | Hệ thống bài tập tổng hợp đã có | 1 |
| | - Tác dụng của bảng tổng hợp số liệu chi tiết - Tác dụng của Bảng cân đối tài khoản - Tác dụng của Bảng đối chiếu số phát sinh và số dư kiểu bàn cờ | Tự NC | Đọc giáo trình Nguyên lý kế toán | |
| | - Phương pháp thực hiện bài thảo luận - Phương pháp tự học các nội dung trên | Tư vấn | | 1 |
| 14 - 15 | Chương 7. Phương pháp tổng hợp - Cân đối kế toán | | | |

| | | | |
|--|---------------|--|---|
| - Tính cân đối của Bảng CĐKT - Nội dung Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh | Lý thuyết | Sinh viên đọc giáo trình nguyên lý kế toán | 2 |
| Nội dung và kết cấu của Bảng CĐKT | Thảo luận | Mẫu bảng báo cáo | 1 |
| - Bài tập | Làm việc nhóm | Hệ thống số liệu tổng hợp | 1 |
| Các báo cáo tài chính khác | Tự NC | | |
| - Chuẩn mực kế toán 21 | Tư vấn | | 1 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

14. NGHIỆP VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

1. Tên học phần: NGHIỆP VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Hình thành và phát triển các kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu của ngân hàng thương mại. Cung cấp cho sinh viên kỹ năng thuyết trình và kỹ năng ra quyết định thanh toán phù hợp với các thông lệ quốc tế, nhằm hạn chế rủi ro thanh toán và tài trợ xuất nhập khẩu. Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích các ảnh hưởng của thanh toán quốc tế trong thương mại quốc tế. Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các môn học tiếp theo và các công việc thực tiễn. Có các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về thương mại quốc tế.

7. Mô tả môn học

Học phần này đề cập đến các nội dung: Các điều kiện cơ sở giao hàng trong thương mại quốc tế; các văn bản pháp lý điều chỉnh thanh toán quốc tế, bao gồm UCP, URR; URC; ISBP...; Các phương tiện, các phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu của các ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học các kỹ thuật phòng ngừa rủi ro đối với các ngân hàng thương mại, các nhà KD xuất nhập khẩu trong quá trình thanh toán quốc tế.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. PGS. TS. Nguyễn Văn Tiến, Giáo trình: *Thanh toán quốc tế*, NXB thống kê, 2008.

[2]. PGS. TS. Trần Hoàng Ngân, Tài liệu hướng dẫn học tập – Thanh toán quốc tế, NXB TP Hồ Chí Minh, 2009.

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

I. Thanh toán quốc tế-đặc điểm vai trò của thanh toán quốc tế

1. Thanh toán quốc tế
2. Đặc điểm của thanh toán quốc tế
3. Vai trò của thanh toán quốc tế

II. Cán cân thanh toán quốc tế

1. Khái niệm về cán cân thanh toán quốc tế
2. Nội dung phản ánh của cán cân thanh toán quốc tế
3. Các loại các cân thanh toán quốc tế
4. Nguyên tắc, trách nhiệm và thời hạn lập cán cân thanh toán quốc tế ở Việt Nam
5. Trạng thái của cán cân thanh toán quốc tế và biện pháp để thăng bằng cán cân thanh toán quốc tế

III. Các điều kiện trong thanh toán quốc tế

1. Điều kiện về tiền tệ
2. Điều kiện về thời gian thanh toán
3. Các ngân hàng phục vụ
4. Phương thức thanh toán

CHƯƠNG 2: TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

I. Khái niệm, cơ sở hình thành và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái

1. Khái niệm về tỷ giá hối đoái
2. Cơ sở hình thành tỷ giá hối đoái
3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái

II. Các phương pháp công bố tỷ giá hối đoái

1. Phương pháp trực tiếp
2. Phương pháp gián tiếp

III. Các loại tỷ giá hối đoái

1. Tỷ giá chính thức
2. Tỷ giá thương mại

IV. Phương pháp xác định tỷ giá kỳ hạn

1. Phương pháp 1- phương pháp lãi suất
2. Phương pháp 2- phương pháp điểm kỳ hạn

V. Phương pháp xác định tỷ giá chéo

1. Khái niệm về tỷ giá chéo
2. Phương pháp xác định tỷ giá chéo

VI. Tỷ giá đối ứng và phương pháp xác định tỷ giá đối ứng

1. Khái niệm về tỷ giá đối ứng
2. Phương pháp xác định tỷ giá đối ứng

VII. Biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái

1. Phá giá và nâng giá tiền tệ
2. Điều chỉnh lãi suất tái chiết khấu
3. Can thiệp trực tiếp vào thị trường tiền tệ

CHƯƠNG 3: THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI VÀ CÁC GIAO DỊCH HỐI ĐOÁI

I. Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường hối đoái

1. Khái niệm về thị trường hối đoái
2. Đặc điểm của thị trường hối đoái
3. Phân loại thị trường hối đoái

II. Các chủ thể tham gia thị trường hối đoái

1. Ngân hàng trung ương
2. Các ngân hàng thương mại
3. Các tổ chức tài chính phi ngân hàng
4. Các tổng công ty, công ty lớn
5. Nhà môi giới

III. Các nghiệp vụ giao dịch hối đoái

1. Giao dịch giao ngay
2. Giao dịch kỳ hạn
3. Giao dịch hoán đổi
4. Giao dịch quyền chọn
5. Giao dịch tương lai

CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

I. Thương phiếu

A. Hối phiếu

1. Khái niệm
2. Tính chất của hối phiếu
3. Hình thức của hối phiếu

4. Những yếu tố chính của hối phiếu
5. Phân loại hối phiếu
6. Các nghiệp vụ có liên quan đến hối phiếu

B. Lệnh phiếu

1. Khái niệm về lệnh phiếu
2. Các đối tượng liên quan đến lệnh phiếu
3. Các nội dung và cách lập lệnh phiếu
4. Phân biệt sự khác nhau giữa hối phiếu và lệnh phiếu

II. Séc (check, cheque)

1. Khái niệm
2. Những điều kiện để phát hành séc
3. Thời hạn của séc
4. Các yếu tố khác
5. Các loại séc

III. Giấy chuyển tiền

1. Khái niệm về giấy chuyển tiền
2. Các loại giấy chuyển ngân

IV. Thẻ ngân hàng

1. Khái niệm về thẻ ngân hàng
2. Các loại thẻ ngân hàng

CHƯƠNG 5: CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ

I. Phương thức tín dụng chứng từ (D/C)

1. Khái niệm về tín dụng chứng từ
2. Ưu điểm của phương thức tín dụng chứng từ và trường hợp áp dụng
3. Các bên liên quan trong phương thức tín dụng chứng từ
4. Khái niệm, nội dung, ý nghĩa và các loại thư tín dụng
5. Quy trình thanh toán
6. Sơ đồ luân chuyển chứng từ và thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ

II. Phương thức ủy thác thu (phương thức nhờ thu)

1. Khái niệm về nhờ thu
2. Các đối tượng liên quan
3. Đặc điểm của phương thức nhờ thu
4. Các hình thức nhờ thu

III. Phương thức chuyển tiền

1. Khái niệm
 2. Quy trình luân chuyển chứng từ và thanh toán
 3. Các hình thức chuyển tiền
- IV. Phương thức trả tiền đối chứng từ
1. Khái niệm về phương thức trả tiền đối chứng từ
 2. Quy trình thanh toán

CHƯƠNG 6: BỘ CHỨNG TỪ TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ

I. Chứng từ tài chính

1. Hối phiếu
2. Lệnh phiếu
3. Séc
4. Lệnh nhờ thu (hướng dẫn nhờ thu)

II. Chứng từ thương mại

1. Hóa đơn thương mại
2. Chứng từ vận tải
3. Chứng từ bảo hiểm
4. Các loại giấy chứng nhận hàng hóa

III. Kiểm tra xử lý bộ chứng từ

1. Ý nghĩa của bộ chứng từ thanh toán
2. Kiểm tra bộ chứng từ thanh toán
3. Xử lý bộ chứng từ

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|----------|---|---|-----------------------------|---------------|
| 1 | Chương 1: Những vấn đề cơ bản trong thanh toán quốc tế | Lý thuyết: 2 I. Thanh toán quốc tế-đặc điểm vai trò của thanh toán quốc tế II. Cán cân thanh toán quốc tế Thảo luận: 1 Các điều kiện trong thanh toán quốc tế ? Tự học: Tìm hiểu các văn bản pháp luật liên quan đến quy định hoạt động thanh toán quốc tế | | 3 tiết/ tuần |

| | | | | |
|-------|--|--|--|--|
| | | của NHTM ? | | |
| 2-3 | Chương 2: Tỷ giá hối đoái | <p>Lý thuyết: 4 tiết</p> <p>I. Khái niệm, cơ sở hình thành và nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái</p> <p>II. Các phương pháp công bố tỷ giá hối đoái</p> <p>III. Các loại tỷ giá hối đoái</p> <p>IV. Phương pháp xác định tỷ giá kỳ hạn</p> <p>V. Phương pháp xác định tỷ giá chéo</p> <p>VI. Tỷ giá đối ứng và phương pháp xác định tỷ giá đối ứng</p> <p>VII. Biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái</p> <p>Bài tập: 2 tiết</p> <p>Tự học:</p> <p>Nghiên cứu các cách quy đổi của một số loại ngoại tệ mạnh ?</p> | | |
| 4 | Chương 3: Thị trường hối đoái và các giao dịch hối đoái | <p>Lý thuyết: 3 tiết</p> <p>I. Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường hối đoái</p> <p>III. Các nghiệp vụ giao dịch hối đoái</p> <p>Tự học:</p> <p>II. Các chủ thể tham gia thị trường hối đoái</p> | | |
| 5-6-7 | Chương 4: Các phương tiện thanh toán quốc tế | <p>Lý thuyết: 7 tiết</p> <p>I. Thương phiếu</p> <p>II. Séc</p> | | |

| | | | | |
|-----------|---|---|--|--|
| | | <p>III. Giấy chuyển tiền</p> <p>IV. Thẻ ngân hàng</p> <p>Thảo luận: 2 tiết</p> <p>Giải pháp phát triển các phương tiện thanh toán quốc tế của NHTM ?</p> <p>Tự học:</p> <p>Tìm hiểu các phương tiện thanh toán quốc tế trên thế giới ?</p> | | |
| 8 | Kiểm tra giữa kỳ | | | |
| 9 | Chương 5: Các phương thức thanh toán quốc tế | <p>Lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>I. Phương thức tín dụng chứng từ (D/C)</p> <p>II. Phương thức ủy thác thu (phương thức nhờ thu)</p> <p>III. Phương thức chuyển tiền</p> <p>Tự học: Tìm hiểu các văn bản quy định liên quan đến thanh toán quốc tế của NHTM ?</p> | | |
| 10 | Chương 6: Bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế | <p>Lý thuyết: 2 tiết</p> <p>I. Chứng từ tài chính</p> <p>II. Chứng từ thương mại</p> <p>III. Kiểm tra xử lý bộ chứng từ</p> <p>Thảo luận: 1 tiết</p> <p>Tự học: Tìm hiểu một số bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế của các NHTM ?</p> | | |

Hiệu trưởng

Khoa/BM

Trưởng BM

Tập thể Biên

soạn

15. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Tên học phần: THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Sinh viên hiểu được các vấn đề lý luận cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Biết được các nguyên tắc tổ chức, nắm chắc các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trên các loại thị trường chứng khoán. Biết được các thông tin trên thị trường chứng khoán và hiểu được ý nghĩa của các thông tin đó. Biết và hiểu được thực trạng hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

7. Mô tả môn học

- Về kiến thức:

Học phần Thị trường chứng khoán trình bày các vấn đề về Tổng quan về thị trường chứng khoán; Các dạng thị trường chứng khoán; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán; Cơ chế quản lý giám sát thị trường chứng khoán.

- Về kỹ năng:

Nâng cao kỹ năng phân tích, dự đoán những xu hướng của thị trường, môi trường kinh doanh,

- Về thái độ:

Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong khối ngành kinh tế.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. PGS.TS Bùi Kim Yến, *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, Đại học Kinh tế Tp.HCM, NXB Lao động – Xã hội, năm 2008

8.2. Sách tham khảo:

[2]. TS Bạch Đức Hiễn, *Thị trường Chứng khoán*, NXB Tài chính, 2008.

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán

- 1.1. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán
- 1.2. Cơ cấu của thị trường chứng khoán
- 1.3. Hàng hoá của thị trường chứng khoán
- 1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán
- 1.5. Giới thiệu về thị trường chứng khoán một số nước trên thế giới

Chương 2: Thị trường sơ cấp

- 2.1. Phân loại nghiệp vụ phát hành
- 2.2. Các phương thức phát hành chứng khoán
- 2.3. Nghiệp vụ phát hành cổ phiếu và trái phiếu

Chương 3: Sở giao dịch chứng khoán

- 3.1. Khái niệm và chức năng của Sở giao dịch chứng khoán
- 3.2. Thành viên Sở giao dịch chứng khoán
- 3.3. Niêm yết chứng khoán
- 3.4. Hệ thống giao dịch chứng khoán trên sở giao dịch chứng khoán

Chương 4: Thị trường OTC

- 4.1. Những vấn đề chung về thị trường OTC
- 4.2. Tổ chức và hoạt động trên thị trường OTC
- 4.3. Thị trường OTC ở một số nước trên thế giới

Chương 5: Phân tích chứng khoán

- 5.1. Quy trình đầu tư chứng khoán và vai trò của phân tích đầu tư chứng khoán
- 5.2. Nội dung phân tích chứng khoán
- 5.3. Định giá chứng khoán
- 5.4. Điều kiện thực hiện phân tích chứng khoán tại Việt Nam

Chương 6: Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán

- 6.1. Giới thiệu về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán
- 6.2. Các nguồn thông tin trên thị trường chứng khoán

Chương 7: Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán

- 7.1. Sự cần thiết phải quản lý và giám sát thị trường chứng khoán

7.2. Quản lý thị trường chứng khoán

7.3. Giám sát thị trường chứng khoán

7.4. Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán ở một số nước trên thế giới

7.5. Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán ở Việt Nam

11. Kế hoạch chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|-------|---|------------------------------|-----------------------------|--------------|
| 1,2 | Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán | Lý thuyết | [1]; [2] | 4 |
| | 1.1. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán | | | 0.5 |
| | 1.2. Cơ cấu của thị trường chứng khoán | | | 1 |
| | 1.3. Hàng hoá của thị trường chứng khoán | | | 1 |
| | 1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | | | 1 |
| | 1.5. Giới thiệu về thị trường chứng khoán một số nước trên thế giới | | | 0.5 |
| 3,4 | Chương 2: Thị trường sơ cấp | Lý thuyết | [1]; [2] | 4 |
| | 2.1. Phân loại nghiệp vụ phát hành | | | 0.5 |
| | 2.2. Các phương thức phát hành chứng khoán | | | 1.5 |
| | 2.3. Nghiệp vụ phát hành cổ phiếu và trái phiếu | | | 2 |
| | | | | |
| 5,6,7 | Chương 3: Sở giao dịch chứng khoán | Lý thuyết | [1]; [2] | 5.5 |
| | 3.1. Khái niệm và chức năng của Sở giao dịch chứng khoán | | | 1 |

| | | | | |
|--------------|---|------------------|-----------------|------------|
| | 3.2. Thành viên Sở giao dịch chứng khoán | | | 1 |
| | 3.3. Niêm yết chứng khoán | | | 1 |
| | 3.4. Hệ thống giao dịch chứng khoán trên sở giao dịch chứng khoán | | | 1 |
| | Kiểm tra giữ kỳ | Kiểm tra | | 1.5 |
| 7,8 | Chương 4: Thị trường OTC | Lý thuyết | [1]; [2] | 2.5 |
| | 4.1. Những vấn đề chung về thị trường OTC | | | 0.5 |
| | 4.2. Tổ chức và hoạt động trên thị trường OTC | | | 1 |
| | 4.3. Thị trường OTC ở một số nước trên thế giới | | | 1 |
| 9,10 | Chương 5: Phân tích chứng khoán | Lý thuyết | [1]; [2] | 3 |
| | 5.1. Quy trình đầu tư chứng khoán và vai trò của phân tích đầu tư chứng khoán | | | 1 |
| | 5.2. Nội dung phân tích chứng khoán | | | 1 |
| | 5.3. Định giá chứng khoán | Tiểu luận | | 0.5 |
| | 5.4. Điều kiện thực hiện phân tích chứng khoán tại Việt Nam | Kiểm tra | | 0.5 |
| 10,11 | Chương 6: Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán | Lý thuyết | [1]; [2] | 1.5 |
| | 6.1. Giới thiệu về hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán | | | 0.5 |
| | 6.2. Các nguồn thông tin trên thị trường chứng khoán | | | 1 |
| 11,12 | Chương 7: Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán | Lý thuyết | [1]; [2] | 3.5 |

| | | | | |
|-----------------|---|------------------|--|------------|
| | 7.1. Sự cần thiết phải quản lý và giám sát thị trường chứng khoán | | | 0.5 |
| | 7.2. Quản lý thị trường chứng khoán | | | 0.5 |
| | 7.3. Giám sát thị trường chứng khoán | | | 0.5 |
| | 7.4. Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán ở một số nước trên thế giới | | | 0.5 |
| | 7.5. Quản lý và giám sát thị trường chứng khoán ở Việt Nam | Tiểu luận | | 0.5 |
| | Kiểm tra thường xuyên | Kiểm tra | | 1 |
| 13,14,15 | Thảo luận nhóm | Thảo luận | | 6 |

Hiệu trưởng

Khoa/BM

Trưởng BM

**Tập thể Biên
soạn**

16. NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Tên học phần: NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

Học phần nghiên cứu các hoạt động kinh doanh chủ yếu của ngân hàng như hoạt động huy động vốn và quản lý vốn, các hoạt động cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn, các nghiệp vụ kinh doanh khác của ngân hàng như nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng, cho thuê tài chính.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. Lê Trung Thành, *Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng Thương mại*, ĐH Đà Lạt, 2002

[2]. Lê Thẩm Dương, *Giáo trình nghiệp vụ ngân hàng*, 2006

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Nguồn vốn kinh doanh và nghiệp vụ tạo vốn của ngân hàng thương mại

1.1. Vốn và tính chất của vốn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng thương mại.

1.1.1. Khái niệm và vai trò của vốn

1.1.2. Nội dung và tính chất vốn

1.2. Nghiệp vụ tạo vốn của ngân hàng thương mại

1.2.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến nghiệp vụ tạo vốn

1.2.2. Các nghiệp vụ tạo vốn của ngân hàng thương mại.

1.3. Quản lý và điều hành vốn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Những vấn đề cơ bản về hoạt động tín dụng

2.1. Giới thiệu chung.

2.1.1. Phân loại tín dụng.

- 2.1.2. Vai trò tín dụng.
- 2.2. Quy trình tín dụng
 - 2.2.1. Lập hồ sơ tín dụng.
 - 2.2.2. Phân tích tín dụng.
 - 2.2.3. Quyết định tín dụng.
 - 2.2.4. Giải ngân.
 - 2.2.5. Giám sát và thu nợ.
 - 2.2.6. Thanh lý hợp đồng tín dụng.

Chương 3: Các hình thức tín dụng ngắn hạn của ngân hàng thương mại

- 3.1. Chiết khấu.
- 3.2. Bao thanh toán.
- 3.3. Thấu chi và cho vay theo hạn mức tín dụng ở Việt Nam.
- 3.4. Cho vay từng lần.
- 3.5. Cho vay dựa trên tài sản đảm bảo.

Chương 4: Cho vay trung dài hạn

- 4.1. Nhu cầu vay trung dài hạn của doanh nghiệp.
- 4.2. Các hình thức cho vay trung dài hạn của ngân hàng thương mại.
 - 4.2.1. Cho vay theo dự án đầu tư.
 - 4.2.2. Cho vay theo kế hoạch tài chính.

Chương 5: Nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng, cho thuê tài chính

- 5.1. Nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng.
 - 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của bảo lãnh ngân hàng.
 - 5.1.2. Các loại bảo lãnh ngân hàng.
 - 5.1.3. Quy trình bảo lãnh ngân hàng.
- 5.2. Cho thuê tài chính.
 - 5.2.1. Khái niệm và lợi ích của cho thuê tài chính.
 - 5.2.2. Các loại cho thuê tài chính

17. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

1. Tên học phần: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán

6. Mục tiêu của học phần:

- *Mục tiêu về kiến thức* : Sau khi học xong môn học này người học cần:

+ Đạt được sự hiểu biết cơ bản về khoa học và nghề nghiệp kế toán như: Khái niệm, đặc điểm NVL, CCDC, TSCĐ, CPSX...phân loại, tính giá và phương pháp kế toán các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp.

+ Hiểu được mối quan hệ chặt chẽ giữa khoa học và nghề nghiệp kế toán với các khoa học và nghề nghiệp khác như phân tích hoạt động kinh doanh, tài chính, thống kê và đặc biệt là kiểm toán.

+ Nhận biết được những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp quy, trong đời sống kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến khoa học và thực tiễn nghề nghiệp kế toán

- *Mục tiêu về kỹ năng:* Môn học này yêu cầu người học phải đạt được các kỹ năng sau:

+ Người học thành thạo các kỹ năng tư duy một cách có hệ thống về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh;

+ Có kỹ năng phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

+ Có kỹ năng tự học để giải quyết các vấn đề thay đổi về chế độ kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

+ Vận dụng kiến thức cơ bản của môn học vào thực tiễn và phục vụ nghiên cứu các môn học chuyên ngành của kế toán.

+ Các kỹ năng bổ trợ như khai thác, cập nhật quy định mới về kế toán; làm việc nhóm (yêu cầu quan trọng của nghề nghiệp kế toán); phát hiện và giải quyết vấn đề;..

- *Mục tiêu về thái độ:* - Người học cần nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của kế toán trong đời sống kinh tế

- + Người học cần nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của kế toán trong đời sống kinh tế
- + Luôn học hỏi và tiếp thêm lòng yêu thích môn học và nghề nghiệp kế toán.
- + Rèn luyện cho bản thân những phẩm chất cần có của một kế toán viên như trung thực, thận trọng, liêm khiết, bảo mật,... vì đó cũng là những phẩm chất cần thiết cho công việc của kế toán viên cũng như các ngành nghề khác.

7. Mô tả môn học

Môn học kế toán tài chính 1 bao gồm các công tác kế toán nguyên vật liệu, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Không chỉ vậy, môn học này còn bao gồm các kiến thức xử lý các nghiệp vụ liên quan đến hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp trong thực tế.

Môn học này có mối quan hệ chặt chẽ với các kiến thức cơ bản của khoa học kế toán được trang bị trong môn học Nguyên lý kế toán như các tài liệu của kế toán, các phương pháp kế toán, quy trình hạch toán của kế toán, kiểm tra kế toán,...

Môn học có vai trò quan trọng nhất đối với sinh viên chuyên ngành kế toán DNCN, chuyên ngành kế toán tổng hợp... Môn học cung cấp các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính thuộc các phần hành mà môn học nghiên cứu. Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng về công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp. Qua đó, giúp cho sinh viên có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp. Đồng thời, giúp cho sinh viên có khả năng tự học để giải quyết các vấn đề thay đổi về chế độ kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

8. Sách, giáo trình tham khảo

- [1]. Trần Thị Cẩm Thanh – Tô Đình Dân – Lê Hồng Điệp, *Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp*, NXB Chính trị quốc gia, 2014.
- [2]. GS.TS Đặng Thị Loan, *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2013.
- [3]. TS Đặng Thị Hoà - TS Phạm Đức Hiếu (đồng chủ biên) - Ths Lưu Thị Duyên - Ths Nguyễn Thị Hà - TS Đặng Văn Anh - TS Lê Thị Thanh Hải - TS Trần Thị Hồng Mai - TS Phạm Thị Thu Thủy, *Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp*, NXB Giáo dục, 2009.
- [4]. *Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Tài chính

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- 1.1. Tổng quan về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
 - 1.1.1. Khái niệm tiền lương, ý nghĩa của tiền lương và các khoản trích theo lương.
 - 1.1.2. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
 - 1.1.3. Nguyên tắc kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
 - 1.1.4. Quỹ tiền lương và các hình thức trả lương.
 - 1.1.5. Trích trước tiền lương nghỉ phép kế hoạch của công nhân trực tiếp sản xuất.
- 1.2. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
 - 1.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng.
 - 1.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng.
 - 1.2.3. Phương pháp hạch toán.

Chương 2: Kế toán hàng tồn kho

- 2.1. Những vấn đề chung về kế toán hàng tồn kho.
 - 2.1.1. Khái niệm hàng tồn kho.
 - 2.1.2. Xác định giá trị hàng tồn kho.
 - 2.1.3. Các chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho.
- 2.2. Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ.
 - 2.2.1. Các khái niệm và đặc điểm.
 - 2.2.2. Phân loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
 - 2.2.3. Tính giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
 - 2.2.4. Nhiệm vụ kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- 2.3. Kế toán chi tiết hàng tồn kho.
 - 2.3.1. Chứng từ sử dụng.
 - 2.3.2. Các phương pháp kế toán chi tiết NLVL, CCDC.

2.4. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4.1. Phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

2.4.3. Tài khoản kế toán sử dụng.

2.4.4. Kế toán biến động tăng hàng tồn kho.

2.4.5. Kế toán biến động giảm hàng tồn kho.

2.5. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Chương 3: Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư

3.1. Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư.

3.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài sản cố định (TSCĐ).

3.1.2. Phân loại tài sản cố định.

3.1.3. Đánh giá tài sản cố định.

3.1.4. Khái niệm và tính giá bất động sản đầu tư.

3.1.5. Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ kế toán TSCĐ.

3.2. Kế toán biến động tài sản cố định hữu hình.

3.2.1. Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng.

3.2.2. Kế toán chi tiết TSCĐ hữu hình.

3.2.3. Kế toán biến động tăng TSCĐ hữu hình.

3.2.4. Kế toán biến động giảm TSCĐ hữu hình.

3.3. Kế toán tài sản cố định thuê ngoài và cho thuê.

3.3.1. Kế toán tài sản cố định đi thuê tài chính.

3.3.2. Kế toán tài sản cố định thuê hoạt động.

3.4. Kế toán biến động tài sản cố định vô hình.

3.4.1. Khái niệm, nguyên tắc hạch toán TSCĐ vô hình.

3.4.2. Chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng.

3.4.3. Phương pháp hạch toán.

3.5. Kế toán bất động sản đầu tư.

3.5.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

3.5.2. Kế toán biến động tăng bất động sản đầu tư.

3.5.3. Kế toán biến động giảm bất động sản đầu tư.

3.6. Kế toán khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư.

Chương 4: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành SP và hạch toán TP

4.1. Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

4.1.1. Chi phí sản xuất.

4.1.2. Giá thành sản phẩm.

4.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

4.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

4.2. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

4.2.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất.

4.2.2. Đối tượng tính giá thành, kỳ tính giá thành.

4.3. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3.1. Kế toán chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

4.3.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

4.3.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.

4.3.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.

4.4. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

4.5. Đánh giá sản phẩm dở dang.

4.5.1. Khái niệm.

4.5.2. Một số phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.

4.6. Tính giá thành sản phẩm.

4.6.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (phương pháp trực tiếp)

4.6.2. Phương pháp tính giá thành phân bước.

4.6.3. Phương pháp tính giá thành theo hệ số.

4.6.4. Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ.

4.6.5. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng.

4.6.6. Phương pháp tính giá thành theo định mức.

4.6.7. Phương pháp tính giá thành loại trừ chi phí sản phẩm phụ.

4.7. Hạch toán thành phẩm.

4.7.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán thành phẩm.

4.7.2. Tính giá thành phẩm.

4.7.3. Kế toán chi tiết thành phẩm.

4.7.4. Kế toán tổng hợp thành phẩm.

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|----------|--|-----------------------------|--|--------------|
| 1-2 | Chương 1: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương - Những vấn đề chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương - Nhiệm vụ, nguyên tắc của kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương - Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC - Tài liệu tham khảo khác | 3 |
| | - Tiền lương là gì? - Hiện nay mức lương tối thiểu do Nhà nước qui định là bao nhiêu? - Tiền lương tháng đóng bảo hiểm được xác định như thế nào? - Phân loại lao động - Phân loại tiền lương - Các hình thức trả lương trong một doanh nghiệp cụ thể - Cách tính lương trong doanh nghiệp | Thảo luận | | 2 |
| | Làm bài tập | Tự NC | Giáo trình KTTC | |
| 2-5 | Chương 2. Kế toán hàng tồn kho - Những vấn đề chung về hàng tồn kho - Kế toán Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ - Kế toán chi tiết hàng tồn kho - Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC - Tài liệu tham khảo khác | 6 |

| | | | | |
|-------|---|-----------|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn mực số 02 - Chuẩn mực Hàng tồn kho. Phân chia nhóm từ 5 – 7 SV. - Sự khác nhau giữa phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ? | Thảo luận | | 4 |
| | Làm bài tập | Tự NC | Giáo trình KTTC | |
| 6-10 | <p>Chương 3. Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề chung về kế toán TSCĐ và bất động sản đầu tư - Kế toán biến động tài sản cố định hữu hình - Kế toán tài sản cố định thuê ngoài và cho thuê - Kế toán biến động tài sản vô hình - Kế toán bất động sản đầu tư - Kế toán khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | Lý thuyết | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC - Tài liệu tham khảo khác | 9 |
| | <p>Chuẩn mực số 03 – Tài sản cố định hữu hình</p> <p>Chuẩn mực số 04 – Tài sản cố định vô hình</p> <p>Chuẩn mực số 06 – Thuê tài sản</p> | Thảo luận | | 3 |
| | Làm bài tập | Tự NC | Giáo trình KTTC | |
| | Bài kiểm tra số 1 | | | 3 |
| 11-15 | <p>Chương 4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và hạch toán thành phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm - Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm - Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ - Đánh giá sản phẩm dở dang - Tính giá thành sản phẩm | Lý thuyết | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC - Tài liệu tham khảo khác | 9 |

| | | | | |
|--|--|-----------|-----------------|---|
| | - Hạch toán thành phẩm | | | |
| | - Sự khác biệt và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm - Chuẩn mực kế toán số 14 | Thảo luận | | 3 |
| | Làm bài tập | Tự NC | Giáo trình KTTC | |
| | Bài kiểm tra số 2 | | | 3 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

18. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

1. Tên học phần: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Kế toán tài chính I

6. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu về kiến thức : Hiểu được các những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính doanh nghiệp thuộc các phần hành kế toán vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, kế toán các hoạt động đầu tư tài chính, các hoạt động khác và các báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Hiểu được mối quan hệ chặt chẽ giữa khoa học và nghề nghiệp kế toán với các khoa học và nghề nghiệp khác như kiểm toán, đọc lập và phân tích báo cáo tài chính, kế toán thuế...

Mục tiêu về kỹ năng: Thành thạo các kỹ năng phân loại và định khoản nghiệp vụ kinh tế, phản ánh lên sơ đồ chữ T, kiểm tra đối chiếu số liệu kế toán, lập báo cáo kế toán. Phát triển tốt kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, khả năng làm việc độc lập. Đồng thời qua quá trình học tập người học còn có được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kỹ năng tìm hiểu và giải quyết các tình huống về kế toán trong thực tế, kỹ năng thuyết trình,...

Mục tiêu về thái độ: Chủ động tìm tòi cập nhật các kiến thức có liên quan đặc biệt những thay đổi về chế độ thể lệ, chính sách kế toán tài chính. Có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Có khả năng tự học để giải quyết các vấn đề thay đổi về chế độ kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

7. Mô tả môn học

Môn học có vai trò quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành kế toán DNCN, chuyên ngành kế toán tổng hợp...Môn học cung cấp các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính thuộc các phần hành mà môn học nghiên cứu. Môn học là điều kiện để sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn học tiếp theo của chuyên ngành kế toán.

Nội dung kiến thức được đề cập trong môn học có mối liên hệ với các nội dung thuộc các môn học chuyên ngành kế toán. Các vấn đề đã được nghiên cứu trong các môn học tiền quyết và

các học phần học trước được sử dụng để nghiên cứu sâu về các nội dung được đề cập tới trong học phần này như các tài liệu, các phương pháp kế toán, quy trình hạch toán của kế toán, kiểm tra kế toán...

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. GS.TS Đặng Thị Loan, *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2013.

[2]. TS Đặng Thị Hoà - TS Phạm Đức Hiếu (đồng chủ biên) - Ths Lưu Thị Duyên - Ths Nguyễn Thị Hà - TS Đặng Văn Anh - TS Lê Thị Thanh Hải - TS Trần Thị Hồng Mai - TS Phạm Thị Thu Thủy, *Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp*, NXB Giáo dục, 2009.

[3]. Nguyễn Thị Thanh Huyền, *Bài giảng Kế toán tài chính 2*, NXB Huế, 2006

[4]. *Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Tài chính

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán

1.1. Hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.3. Hạch toán tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.

1.1.4. Hạch toán tiền gửi ngân hàng.

1.1.5. Hạch toán tiền đang chuyển.

1.1.6. Hạch toán ngoại tệ.

1.1.7. Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

1.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán.

1.2.1. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán và khách hàng.

1.2.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với Nhà nước.

1.2.3. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán nội bộ.

- 1.2.4. Hạch toán nghiệp vụ thanh toán tạm ứng.
- 1.2.5. Hạch toán nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ, ký cược.
- 1.2.6. Hạch toán các khoản thanh toán khác.
- 1.3. Hạch toán tiền vay và nợ dài hạn.
 - 1.3.1. Hạch toán tiền vay dài hạn
 - 1.3.2. Hạch toán nợ dài hạn.
 - 1.3.3. Hạch toán nợ dài hạn đến hạn trả.
 - 1.3.4. Hạch toán vay ngắn hạn.

Chương 2: Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng

- 2.1. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư.
 - 2.1.1. Khái niệm và nhiệm vụ hạch toán.
 - 2.1.2. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.
 - 2.1.3. Hạch toán đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và đầu tư khác.
 - 2.1.4. Hạch toán bất động sản đầu tư.
- 2.2. Hạch toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá.
 - 2.2.1. Khái niệm và chế độ lập, hoàn nhập dự phòng.
 - 2.2.2. Kế toán dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.
 - 2.2.3. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi.
 - 2.2.4. Kế toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Chương 3: Hạch toán tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả và phân phối lợi nhuận

- 3.1. Hạch toán tiêu thụ thành phẩm.
 - 3.1.1. Một số khái niệm và nhiệm vụ hạch toán tiêu thụ thành phẩm.
 - 3.1.2. Tài khoản sử dụng.
 - 3.1.3. Nội dung hạch toán tiêu thụ thành phẩm.
 - 3.1.4. Hạch toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu.
- 3.2. Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - 3.2.1. Hạch toán chi phí bán hàng.
 - 3.2.2. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - 3.2.3. Hạch toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính.

- 3.2.4. Hạch toán thu nhập và chi phí khác.
- 3.2.5. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- 3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận.
 - 3.3.1. Xác định lợi nhuận trong doanh nghiệp.
 - 3.3.2. Hạch toán xác định lợi nhuận.
 - 3.3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận.

Chương 4: Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu

- 4.1. Nguồn vốn chủ sở hữu và nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.
 - 4.1.1. Nguồn vốn chủ sở hữu.
 - 4.1.2. Nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.
- 4.2. Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.
 - 4.2.1. Hạch toán nguồn vốn kinh doanh.
 - 4.2.2. Hạch toán chênh lệch đánh giá lại tài sản.
 - 4.2.3. Hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái.
 - 4.2.4. Hạch toán cổ phiếu quỹ.
 - 4.2.5. Hạch toán các quỹ của doanh nghiệp.
 - 4.2.6. Hạch toán nguồn kinh phí sự nghiệp.

Chương 5: Báo cáo tài chính

- 5.1. Tổng quan về báo cáo tài chính.
 - 5.1.1. Khái niệm, phân loại và ý nghĩa của báo cáo tài chính.
 - 5.1.2. Yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.
 - 5.1.3. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính.
- 5.2. Bảng cân đối kế toán.
 - 5.2.1. Khái niệm, nội dung và kết cấu.
 - 5.2.2. Cơ sở số liệu và phương pháp chung lập Bảng cân đối kế toán.
- 5.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - 5.3.1. Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
 - 5.3.2. Cơ sở số liệu, nội dung và phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- 5.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - 5.4.1. Nội dung và kết cấu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5.4.2. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5.5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

5.5.1. Cơ sở số liệu và quy định lập bản thuyết minh báo cáo tài chính.

5.5.2. Kết cấu và phương pháp lập bản thuyết minh báo cáo tài chính.

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ Tuần |
|----------|--|------------------------------|---|------------------|
| 1 | - Công tác chuẩn bị cho khóa học (làm quen, xác định nhu cầu người học, kiểm tra đầu vào ...) - Giới thiệu đề cương học phần, cách thực hiện các mục tiêu học phần. | Lý thuyết | - Tìm kiếm những thông tin cơ bản của môn học. | 3 |
| 2 - 4 | Chương 1: Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán 1.1. Hạch toán vốn bằng tiền. 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền. 1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền. 1.1.3. Hạch toán tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp. 1.1.4. Hạch toán tiền gửi ngân hàng. 1.1.5. Hạch toán tiền đang chuyển. 1.1.6. Hạch toán ngoại tệ. 1.1.7. Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. 1.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán. 1.2.1. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán và khách hàng. 1.2.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với Nhà nước. 1.2.3. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán nội bộ. 1.2.4. Hạch toán nghiệp vụ thanh toán tạm ứng. 1.2.5. Hạch toán nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ, ký cược. 1.2.6. Hạch toán các khoản thanh toán khác. 1.3. Hạch toán tiền vay và nợ dài hạn. 1.3.1. Hạch toán tiền vay dài hạn | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC | 9 |

| | | | | |
|------|---|-----------|--|---|
| | <p>1.3.2. Hạch toán nợ dài hạn.</p> <p>1.3.3. Hạch toán nợ dài hạn đến hạn trả.</p> <p>1.3.4. Hạch toán vay ngắn hạn.</p> | | | |
| 5 | <p>- Các trường hợp làm phát sinh chênh lệch tỷ giá? Sự khác nhau trong hạch toán khi phát sinh chênh lệch tỷ giá trong kỳ, chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền?</p> <p>- Tình huống Cán bộ trong DN được tạm ứng thường xuyên cần có yêu cầu gì?</p> <p>- Doanh nghiệp thường phải đối chiếu công nợ phải thu ở thời điểm nào? Kế toán sử dụng chứng từ gì? Như thế nào là một khoản nợ phải thu khó đòi?</p> | Thảo luận | | 1 |
| 5 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 5 -7 | <p>Chương 2: Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng</p> <p>2.1. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư.</p> <p>2.1.1. Khái niệm và nhiệm vụ hạch toán.</p> <p>2.1.2. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.</p> <p>2.1.3. Hạch toán đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và đầu tư khác.</p> <p>2.1.4. Hạch toán bất động sản đầu tư.</p> <p>2.2. Hạch toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá.</p> <p>2.2.1. Khái niệm và chế độ lập, hoàn nhập dự phòng.</p> <p>2.2.2. Kế toán dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.</p> <p>2.2.3. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi.</p> <p>2.2.4. Kế toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc thông tư 200/2014/TT</p> <p>- Đọc giáo trình KTTC</p> | 6 |
| 7 | <p>- Kế toán đầu tư chứng khoán kinh doanh và kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo chế độ kế toán DNNVV</p> <p>- Kế toán đầu tư khác theo Thông tư</p> | Thảo luận | | 1 |

| | | | | |
|---------|--|---------------------------|---|---|
| | 200/2014/TT-BTC | | | |
| 8 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 8 - 9 | <p>Chương 3: Hạch toán tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả và phân phối lợi nhuận</p> <p>3.1. Hạch toán tiêu thụ thành phẩm.</p> <p>3.1.1. Một số khái niệm và nhiệm vụ hạch toán tiêu thụ thành phẩm.</p> <p>3.1.2. Tài khoản sử dụng.</p> <p>3.1.3. Nội dung hạch toán tiêu thụ thành phẩm.</p> <p>3.1.4. Hạch toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu.</p> <p>3.2. Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>3.2.1. Hạch toán chi phí bán hàng.</p> <p>3.2.2. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.</p> <p>3.2.3. Hạch toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính.</p> <p>3.2.4. Hạch toán thu nhập và chi phí khác.</p> <p>3.2.5. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận.</p> <p>3.3.1. Xác định lợi nhuận trong doanh nghiệp.</p> <p>3.3.2. Hạch toán xác định lợi nhuận.</p> <p>3.3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận.</p> | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC | 3 |
| 9 | - Liệt kê các tình huống làm phát sinh chi phí tài chính, doanh thu tài chính, chi phí bán hàng và chi phí QLDN đã được tiếp cận trước đó. | Thảo luận | | 1 |
| 9 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 10 | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra, đánh giá | | 3 |
| 11 - 12 | <p>Chương 4: Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu</p> <p>4.1. Nguồn vốn chủ sở hữu và nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>4.1.1. Nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>4.1.2. Nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.</p> | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC | 5 |

| | | | | |
|---------|---|-----------|--|---|
| | <p>4.2. Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.</p> <p>4.2.1. Hạch toán nguồn vốn kinh doanh.</p> <p>4.2.2. Hạch toán chênh lệch đánh giá lại tài sản.</p> <p>4.2.3. Hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái.</p> <p>4.2.4. Hạch toán cổ phiếu quỹ.</p> <p>4.2.5. Hạch toán các quỹ của doanh nghiệp.</p> <p>4.2.6. Hạch toán nguồn kinh phí sự nghiệp.</p> | | | |
| 12 | - Việc phản ánh chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh vào TK 413 như thế nào? thời điểm nào? và xử lý số dư chênh lệch như thế nào? | Thảo luận | | 1 |
| 12 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 13 - 14 | <p>Chương 5: Báo cáo tài chính</p> <p>5.1. Tổng quan về báo cáo tài chính.</p> <p>5.1.1. Khái niệm, phân loại và ý nghĩa của báo cáo tài chính.</p> <p>5.1.2. Yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.</p> <p>5.1.3. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính.</p> <p>5.2. Bảng cân đối kế toán.</p> <p>5.2.1. Khái niệm, nội dung và kết cấu.</p> <p>5.2.2. Cơ sở số liệu và phương pháp chung lập Bảng cân đối kế toán.</p> <p>5.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>5.3.1. Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>5.3.2. Cơ sở số liệu, nội dung và phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>5.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>5.4.1. Nội dung và kết cấu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>5.4.2. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>5.5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>5.5.1. Cơ sở số liệu và quy định lập bản thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>5.5.2. Kết cấu và phương pháp lập bản</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc thông tư 200/2014/TT</p> <p>- Đọc giáo trình KTTC</p> | 4 |

| | | | | |
|----|----------------------------------|---------------------|-------------------------------|---|
| | thuyết minh báo cáo tài chính. | | | |
| 14 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 15 | Ôn thi học phần | Lý thuyết + Bài tập | Theo hướng dẫn của giảng viên | 3 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

19. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

1. Tên học phần: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Kế toán tài chính I

6. Mục tiêu của học phần:

6.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Nắm được các kiến thức cốt lõi về kế toán quản trị doanh nghiệp; thấy được sự khác biệt cơ bản giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị;

- Nắm được mối liên hệ giữa môn học này với các môn học khác có liên quan như Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2, Quản trị học, Tài chính doanh nghiệp...

- Nhận biết được sự thay đổi của khoa học, công nghệ và chính sách của Nhà nước có liên quan đến môn học, đặc biệt là công nghệ thông tin và các phần mềm ứng dụng có liên quan cũng như các văn bản pháp luật hiện hành;

6.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Trên cơ sở vận dụng các kiến thức của môn học, sinh viên có kỹ năng thực tiễn và nghề nghiệp liên quan đến công tác kế toán quản trị của doanh nghiệp như: Hoạch định, kiểm soát, phân tích, ra quyết định. Ứng dụng và lập các báo cáo kế toán quản trị, phục vụ cho nhà quản trị và giúp nhà quản trị lựa chọn được phương án kinh doanh tối ưu nhất.

- Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm để chia sẻ các ý tưởng có liên quan đến nội dung môn học;

- Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn các kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt có liên quan đến môn học...

6.3. Mục tiêu về thái độ:

- Có thái độ tốt, đúng mực trong học tập;

- Có sự yêu thích, chịu khó tìm hiểu những vấn đề liên quan đến nội dung môn học;

- Có sự tự tin trong học tập...

7. Mô tả môn học

Học phần này nghiên cứu các thủ tục để thông tin tài chính và phi tài chính được truyền đạt một cách tốt nhất trong nội bộ một doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý hoạch định và kiểm soát một cách hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp. Nó đặt trọng tâm vào việc huấn luyện các kỹ thuật kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh.

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ.

8. Sách, giáo trình tham khảo

- [1]. *Giáo trình: Kế toán quản trị*: GS.TS Nguyễn Ngọc Quang, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2014.
- [2]. *Giáo trình: Kế toán quản trị*: Ths. Huỳnh Lợi – Ths. Nguyễn Khắc Tâm, NXB Thông kê, 2003
- [3]. *Giáo trình: Kế toán quản trị và phân tích kinh doanh*: TS Phạm Văn Dược, Đặng Kim Cương. NXB Thống kê, 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Tổng quan về kế toán quản trị

- 1.1. Sự cần thiết áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp
- 1.2. Khái niệm và bản chất của kế toán
 - 1.2.1. Khái niệm
 - 1.2.2. Bản chất của kế toán quản trị
- 1.3. Phân biệt kế toán quản trị và kế toán tài chính
 - 1.3.1. Điểm giống nhau
 - 1.3.2. Điểm khác nhau
- 1.4. Kế toán quản trị với chức năng quản lý
 - 1.4.1. Lập kế hoạch và dự toán

- 1.4.2. Tổ chức thực hiện
- 1.4.3. Kiểm tra và đánh giá
- 1.4.4. Ra quyết định
- 1.5. Nội dung và phương pháp nghiệp vụ sử dụng trong kế toán quản trị
- 1.5.1 Nội dung của kế toán quản trị
- 1.5.2 phương pháp nghiệp vụ sử dụng trong kế toán quản trị

Chương 2: Phân loại chi phí

- 2.1. Khái niệm và bản chất của chi phí doanh nghiệp
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Bản chất của chi phí
- 2.2. Phân loại chi phí
- 2.3. Chu trình kế toán 2: Điều chỉnh các tài khoản
 - 2.3.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động
 - 2.3.2. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí
 - 2.3.3. Mô hình vận động của chi phí SX kinh doanh trong doanh nghiệp SX
 - 2.3.4. Các cách phân loại khác nhằm mục đích ra quyết định

Chương 3: Các phương pháp xác định chi phí

- 3.1. Phương pháp xác định chi phí theo công việc
 - 3.1.1. Đối tượng sử dụng phương pháp xác định chi phí theo công việc
 - 3.1.2. Quá trình tập hợp trong chi phí xác định chi phí theo công việc
 - 3.1.3. Quá trình kế toán chi phí và sổ sách kế toán
- 3.2. Phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất
 - 3.2.1. Đối tượng sử dụng phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất
 - 3.2.1. Đặc điểm của phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất
 - 3.2.3. Quá trình kế toán chi phí sản xuất trong phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất
 - 3.2.4. Báo cáo sản xuất

Chương 4: Mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

- 4.1. Một số khái niệm cơ bản của phân tích mối quan hệ CVP
 - 4.1.1. Số dư đảm phí

4.1.2. Đòn bẩy kinh doanh

4.2. Một số ứng dụng quan hệ CVP vào quá trình ra quyết định

4.2.1. Thay đổi định phí và doanh thu

4.2.2. Thay đổi biến phí và doanh thu

4.2.3. Thay đổi định phí, giá bán và doanh thu

4.2.4. Thay đổi định phí, biến phí và doanh thu

4.2.5. Thay đổi kết cấu bán hàng

4.3. Phân tích hoà vốn

4.3.1. Khái niệm

4.3.2. Phương pháp xác định điểm hoà vốn

4.3.3. Đồ thị hoà vốn

4.4. Phân tích điểm hoà vốn trong mối quan hệ với giá bán và kết cấu bán hàng

4.4.1. Phân tích điểm hoà vốn trong mối quan hệ với giá bán

4.4.2. Phân tích điểm hoà vốn trong mối quan hệ với kết cấu bán hàng

4.4.3. Những điểm hạn chế khi phân tích mối quan hệ CVP

Chương 5: Phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận

5.1. Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ

5.1.1. Sự cần thiết phải phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ

5.1.2. Các nguyên tắc phân bổ chi phí

5.1.3. Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ theo cách ứng xử của chi phí

5.1.4. Những điểm cần ghi nhớ khi phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ

5.2. Phân tích báo cáo bộ phận

5.2.1. Báo cáo bộ phận

5.2.2. Phân tích số dư bộ phận

5.2.3. Phân tích báo cáo theo doanh thu

Chương 6: Đánh giá hoàn vốn đầu tư và định giá sản phẩm

6.1. Đánh giá hoàn vốn đầu tư

6.1.1. Đánh giá trách nhiệm quản lý

6.1.2. Chỉ tiêu tỷ lệ hoàn vốn đầu tư (ROI)

6.1.3. Các biện pháp làm tăng ROI

6.1.4. Một số điểm hạn chế của chỉ tiêu ROI

6.2. Thu nhập thặng dư

6.3. Định giá sản phẩm trong doanh nghiệp

6.3.1. Định giá dự toán thông thường

6.3.2. Xác định giá chuyển nhượng

6.3.3. Định giá theo nguyên liệu sử dụng và thời gian lao động

6.3.4. Định giá sản phẩm mới

6.3.5. Định giá đặc biệt

Chương 7: Kế toán quản trị với việc ra quyết định

7.1. Nhận diện thông tin thích hợp và các quyết định ngắn hạn

7.1.1. Khái niệm quyết định ngắn hạn

7.1.2. Tiêu chuẩn chọn quyết định ngắn hạn

7.1.3. Phân tích thông tin thích hợp

7.1.4. Chi phí chìm không phải là thông tin thích hợp

7.1.5. Các khoản thu chi không chênh lệch không phải là thông tin thích hợp

7.1.6. Vì sao phải phân biệt thông tin thích hợp và thông tin không thích hợp

7.2. Ứng dụng khái niệm thông tin thích hợp trong việc đề ra các quyết định KD

7.2.1. Quyết định loại bỏ hoặc tiếp tục kinh doanh một bộ phận

7.2.2. Quyết định nên làm hay nên mua

7.2.3. Quyết định nên bán ngay bán thành phẩm hay tiếp tục sản xuất thành thành phẩm rồi mới bán

7.2.4. Quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất có giới hạn

Chương 8: Kế toán quản trị với việc lập dự toán sản xuất kinh doanh

8.1. Khái quát về dự toán

8.1.1. Khái niệm dự toán

8.1.2. Kỳ dự toán

8.1.3. Tác dụng của dự toán

8.1.4. Trình tự dự toán

8.1.5. Hệ thống dự toán hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm

8.2. Xây dựng định mức chi phí tiêu chuẩn

- 8.2.1. Phân biệt định mức và dự toán
- 8.2.2. Nguyên tắc xây dựng định mức tiêu chuẩn
- 8.2.3. Các hình thức định mức
- 8.2.4. Xây dựng các định mức chi phí sản xuất

8.3. Lập dự toán sản xuất kinh doanh

- 8.3.1. Dự toán tiêu thụ
- 8.3.2. Dự toán sản xuất

8.3.3. Dự toán tiêu thụ

8.3.4. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp

8.3.5. Dự toán chi phí lao động trực tiếp

8.3.6. Dự toán chi phí sản xuất chung

8.3.7. Dự toán chi phí lưu thông và quản lý

8.3.8. Dự toán Tiền mặt

8.3.9. Dự toán báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

8.3.10. Dự toán bảng cân đối kế toán

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tiết thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng | Tài liệu đọc, tham khảo | Ghi chú |
|----------|---|-------------------------|---|---------|
| 1 | Chương 1 1.1. Sự cần thiết áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp 1.2. Khái niệm và bản chất của KTQT 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Bản chất của kế toán quản trị | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 1) | |
| 2 | 1.3. Phân biệt kế toán quản trị và kế toán tài chính 1.3.1. Điểm giống nhau | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 1) | |
| 3 | 1.3. Phân biệt kế toán quản trị và kế toán tài chính (tiếp) 1.3.2. Điểm khác nhau | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 1) | |
| 4 | 1.5. Nội dung và phương pháp nghiệp vụ sử dụng trong kế toán quản trị | | - Giáo trình (Chương 1) -Thông tư số | |

| | | | | |
|----|--|-----------|--|--|
| | 1.5.1 Nội dung của kế toán quản trị 1.5.2. Phương pháp nghiệp vụ sử dụng trong kế toán quản trị | Lý thuyết | 53/2006/TT-BTC, ngày 12 tháng 06 năm 2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp | |
| 5 | 1.4. Kế toán quản trị với chức năng quản lý (Phân tích vai trò và sự cần thiết của kế toán quản trị tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hiện nay) | Thảo luận | - Giáo trình (Chương 1) - Các tài liệu khác có liên quan đến vấn đề thảo luận | |
| 6 | Chương 2: Phân loại chi phí 2.1. Khái niệm và bản chất của chi phí | Lý thuyết | - Giáo trình (chương 2) | |
| 7 | 2.2. Phân loại chi phí 2.3 Chu trình kế toán 2.3.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động 2.3.2. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 2) | |
| 8 | 2.3.3. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 2) | |
| 9 | 2.3.3. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí (tiếp) | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 2) | |
| 10 | 2.3.4. Mô hình vận động của chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất. 2.3.5. Các cách phân loại khác nhằm mục đích ra quyết định | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 2) | |
| 11 | Bài tập chương 2 | Bài tập | Hệ thống bài tập Kế toán quản trị (chương 2) | |
| 12 | Thảo luận: Thực trạng phân loại chi phí trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay | Thảo luận | | |
| 13 | Chương 3: Các phương pháp xác định chi phí 3.1. Phương pháp xác định chi phí theo công việc 3.1.1. Đối tượng sử dụng | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 3) | |

| | | | | |
|----|--|-----------|--|--|
| | <p>phương pháp xác định chi phí theo công việc</p> <p>3.1.2. Quá trình tập hợp trong chi phí xác định chi phí theo công việc</p> <p>3.1.3. Quá trình kế toán chi phí và sổ sách kế toán</p> | | | |
| 14 | <p>3.2. Phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất</p> <p>3.2.1. Đối tượng sử dụng phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất</p> <p>3.2.1. Đặc điểm của phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất</p> <p>3.2.3. Quá trình kế toán chi phí SX trong phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 3) | |
| 15 | 3.2.4. Báo cáo sản xuất | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 3) | |
| 16 | Bài tập Lập Báo cáo sản xuất | Bài tập | Hệ thống bài tập Kế toán quản trị (chương 3) | |
| 17 | <p>Chương 4: Mối quan hệ chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận</p> <p>4.1. Một số khái niệm cơ bản trong phân tích C-V-P</p> <p>4.1.1. Số dư đảm phí</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 4) | |
| 18 | <p>4.1.2. Đòn bẩy kinh doanh</p> <p>4.2. Một số ứng dụng phân tích C-V-P vào quá trình ra quyết định</p> <p>4.2.1. Thay đổi định phí và doanh thu</p> <p>4.2.2. Thay đổi biến phí và doanh thu</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 4) | |
| 19 | <p>4.2.3. Thay đổi định phí, giá bán và doanh thu</p> <p>4.2.4. Thay đổi định phí, biến phí và doanh thu</p> <p>4.2.5. Thay đổi kết cấu hàng bán</p> | Lý thuyết | - Giáo trình | |
| 20 | <p>4.3. Phân tích điểm hòa vốn</p> <p>4.3.1. Khái niệm</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 4) | |

| | | | | |
|----|--|-----------|-----------------------------------|--|
| | 4.3.2. Phương pháp xác định điểm hòa vốn 4.3.3. Đồ thị hòa vốn | | | |
| 21 | 4.4. Phân tích điểm hòa vốn trong mỗi quan hệ với giá bán và kết cấu bán hàng 4.4.1. Phân tích điểm hòa vốn trong mỗi quan hệ với giá bán 4.4.2. Phân tích điểm hòa vốn trong mỗi quan hệ với kết cấu bán hàng 4.4.3. Một số hạn chế trong phân tích C-V-P | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 4) | |
| 22 | Bài tập chương 4 | Bài tập | Hệ thống bài tập kế toán quản trị | |
| 23 | Thảo luận: Phân tích ý nghĩa của các chỉ tiêu Số dư đảm phí, Kết cấu chi phí, Đòn bẩy kinh doanh đối quá trình ra quyết định trong tình huống cụ thể | Thảo luận | | |
| 24 | Kiểm tra giữa học phần | Kiểm tra | | |
| 25 | Chương 5: Phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận 5.1. Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ 5.1.1. Sự cần thiết phải phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ 5.1.2. Các nguyên tắc phân bổ chi phí | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 5) | |
| 26 | 5.1.3. Phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ theo cách ứng xử của chi phí 5.1.4. Những điểm cần ghi nhớ khi phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 5) | |
| 27 | 5.2. Phân tích báo cáo bộ phận 5.2.1. Báo cáo bộ phận | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 5) | |
| 28 | 5.2.2. Phân tích số dư bộ phận 5.2.3. Phân tích báo cáo theo doanh thu | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 5) | |
| 29 | Bài tập chương 5 | Bài tập | Hệ thống bài tập kế toán quản trị | |
| 30 | Ứng dụng các cách phân bổ chi | Thảo luận | | |

| | | | | |
|----|--|-----------|-----------------------------------|--|
| | phí vào một doanh nghiệp sản xuất cụ thể | | | |
| 31 | Chương 6: Đánh giá hoàn vốn và định giá sản phẩm 6.1. Đánh giá hoàn vốn đầu tư 6.1.1. Đánh giá trách nhiệm quản lý | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 6) | |
| 32 | 6.1.2. Chỉ tiêu tỷ lệ hoàn vốn đầu tư ROI 6.1..3. Một số biện pháp làm tăng ROI | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 6) | |
| 33 | 6.1..4. Một số điểm hạn chế của chỉ tiêu ROI 6.2. Thu nhập thặng dư (RI) <u>6.2.1. Công thức tính toán thu nhập thặng dư</u> <u>6.2.2. Ưu nhược điểm của thu nhập thặng dư</u> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 6) | |
| 34 | 6.3. Định giá sản phẩm trong doanh nghiệp 6.3.1. Định giá dự toán thông thường 6.3.2. Định giá chuyển nhượng | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 6) | |
| 35 | 6.3.3. Định giá theo thời gian lao động và nguyên liệu sử dụng 6.3.4. Định giá sản phẩm mới 6.3.5. Định giá trong trường hợp đặc biệt | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 6) | |
| 36 | Bài tập chương 6 | Bài tập | Hệ thống bài tập kế toán quản trị | |
| 37 | Tầm quan trọng của việc phân tích đánh giá hoàn vốn đầu tư trong doanh nghiệp hiện nay | Thảo luận | | |
| 38 | Chương 7: Kế toán quản trị với việc ra quyết định 7.1. Thông tin kế toán quản trị với việc ra quyết định ngắn hạn 7.1.1. Khái niệm quyết định ngắn hạn 7.1.2. Tiêu chuẩn chọn QĐ ngắn hạn 7.1.3. Phân tích thông tin thích hợp | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 7) | |
| 39 | 7.1.4. Chi phí chìm không phải là | Lý thuyết | - Giáo trình | |

| | | | | |
|----|---|-----------|--|--|
| | <p>thông tin thích hợp</p> <p>7.1.5. Các khoản thu chi không chênh lệch không phải là thông tin thích hợp</p> <p>7.1.6. Vì sao phải phân biệt thông tin thích hợp và thông tin không thích hợp</p> | | (Chương 7) | |
| 40 | <p>7.2. Ứng dụng khái niệm thông tin thích hợp trong việc đề ra các quyết định kinh doanh</p> <p>7.2.1. Quyết định loại bỏ hoặc tiếp tục kinh doanh một bộ phận</p> <p>7.2.2. Quyết định nên làm hay nên mua</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 7) | |
| 41 | <p>7.2.3. Quyết định nên bán ngay bán thành phẩm hay tiếp tục sản xuất thành thành phẩm rồi mới bán</p> <p>7.2.4. Quyết định trong điều kiện năng lực sản xuất có giới hạn</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 7) | |
| 42 | Thông tin kế toán quản trị với việc ra quyết định dài hạn | Thảo luận | - Giáo trình (Chương 7) | |
| 43 | Bài tập Ứng dụng thông tin kế toán quản trị cho việc ra quyết định | Bài tập | Hệ thống bài tập kế toán quản trị | |
| 44 | Bài tập Ứng dụng thông tin kế toán quản trị cho việc ra quyết định | Bài tập | Hệ thống bài tập kế toán quản trị | |
| 45 | Thảo luận: Ứng dụng thông tin thích hợp cho 1 số DN hiện nay | Thảo luận | Các tài liệu có liên quan đến việc Ứng dụng thông tin thích hợp tại các doanh nghiệp | |
| 46 | Thảo luận: Ứng dụng thông tin thích hợp cho 1 số DN hiện nay | Thảo luận | Các tài liệu có liên quan đến việc Ứng dụng thông tin thích hợp tại các doanh nghiệp | |
| 47 | <p>Chương 8: Kế toán quản trị với việc lập dự toán sản xuất kinh doanh</p> <p>8.1. Khái quát về dự toán</p> <p>8.1.1. Khái niệm dự toán</p> <p>8.1.2. Kỳ dự toán</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 8) | |

| | | | | |
|----|---|-----------|--|--|
| | <p>8.1.3. Tác dụng của dự toán</p> <p>8.1.4. Trình tự dự toán</p> <p>8.1.5. Hệ thống dự toán hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm</p> | | | |
| 48 | <p>8.2. Xây dựng định mức chi phí tiêu chuẩn</p> <p>8.2.1. Phân biệt định mức và dự toán</p> <p>8.2.2. Nguyên tắc xây dựng định mức tiêu chuẩn</p> <p>8.2.3. Các hình thức định mức</p> <p>8.2.4. Xây dựng các định mức chi phí sản xuất</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 8) | |
| 49 | <p>8.3. Lập dự toán sản xuất kinh doanh</p> <p>8.3.1. Dự toán tiêu thụ</p> <p>8.3.2. Dự toán sản xuất</p> <p>8.3.3. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp</p> <p>8.3.4. Dự toán chi phí lao động trực tiếp</p> <p>8.3.5. Dự toán chi phí sản xuất chung</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 8) | |
| 50 | <p>8.3.6. Dự toán chi phí lưu thông và quản lý</p> <p>8.3.7. Dự toán Tiền mặt</p> <p>8.3.8. Dự toán báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</p> <p>8.3.9. Dự toán bảng cân đối kế toán</p> | Lý thuyết | - Giáo trình (Chương 8) | |
| 51 | Bài tập chương 8 | Bài tập | Hệ thống bài tập kế toán quản trị | |
| 52 | Bài tập chương 8 | Bài tập | Hệ thống bài tập kế toán quản trị | |
| 53 | Xây dựng định mức và lập dự toán sản xuất kinh doanh cho một doanh nghiệp thương mại | Thảo luận | Các tài liệu có liên quan đến XD định mức và dự toán | |
| 54 | Xây dựng định mức và lập dự toán sản xuất kinh doanh cho một doanh nghiệp sản xuất | Thảo luận | Các tài liệu có liên quan đến XD định mức và dự toán | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

20. KẾ TOÁN THUẾ

- 1. Tên học phần: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2**
- 2. Mã số học phần:**
- 3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)**
- 4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3**
- 5. Các học phần học trước:** Kế toán tài chính I
- 6. Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu về kiến thức : Hiểu được các những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính doanh nghiệp thuộc các phần hành kế toán vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, kế toán các hoạt động đầu tư tài chính, các hoạt động khác và các báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Hiểu được mối quan hệ chặt chẽ giữa khoa học và nghề nghiệp kế toán với các khoa học và nghề nghiệp khác như kiểm toán, đọc lập và phân tích báo cáo tài chính, kế toán thuế...

Mục tiêu về kỹ năng: Thành thạo các kỹ năng phân loại và định khoản nghiệp vụ kinh tế, phản ánh lên sơ đồ chữ T, kiểm tra đối chiếu số liệu kế toán, lập báo cáo kế toán. Phát triển tốt kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, khả năng làm việc độc lập. Đồng thời qua quá trình học tập người học còn có được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kỹ năng tìm hiểu và giải quyết các tình huống về kế toán trong thực tế, kỹ năng thuyết trình,...

Mục tiêu về thái độ: Chủ động tìm tòi cập nhật các kiến thức có liên quan đặc biệt những thay đổi về chế độ thể lệ, chính sách kế toán tài chính. Có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Có khả năng tự học để giải quyết các vấn đề thay đổi về chế độ kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp.

7. Mô tả môn học

Môn học có vai trò quan trọng đối với sinh viên chuyên ngành kế toán DNCN, chuyên ngành kế toán tổng hợp...Môn học cung cấp các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính thuộc các phần hành mà môn học nghiên cứu. Môn học là điều kiện để sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn học tiếp theo của chuyên ngành kế toán.

Nội dung kiến thức được đề cập trong môn học có mối liên hệ với các nội dung thuộc các môn học chuyên ngành kế toán. Các vấn đề đã được nghiên cứu trong các môn học tiền quyết và các học phần học trước được sử dụng để nghiên cứu sâu về các nội dung được đề cập tới trong học phần này như các tài liệu, các phương pháp kế toán, quy trình hạch toán của kế toán, kiểm tra kế toán...

8. Sách, giáo trình tham khảo

- [1]. GS.TS Đặng Thị Loan, *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2013.
- [2]. TS Đặng Thị Hoà - TS Phạm Đức Hiếu (đồng chủ biên) - Ths Lưu Thị Duyên - Ths Nguyễn Thị Hà - TS Đặng Văn Anh - TS Lê Thị Thanh Hải - TS Trần Thị Hồng Mai - TS Phạm Thị Thu Thủy, *Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp*, NXB Giáo dục, 2009.
- [3]. Nguyễn Thị Thanh Huyền, *Bài giảng Kế toán tài chính 2*, NXB Huế, 2006
- [4]. *Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Tài chính

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1: Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán

1.1. Hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.3. Hạch toán tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp.

1.1.4. Hạch toán tiền gửi ngân hàng.

1.1.5. Hạch toán tiền đang chuyển.

1.1.6. Hạch toán ngoại tệ.

1.1.7. Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

1.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán.

1.2.1. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán và khách hàng.

1.2.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với Nhà nước.

1.2.3. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán nội bộ.

1.2.4. Hạch toán nghiệp vụ thanh toán tạm ứng.

1.2.5. Hạch toán nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ, ký cược.

1.2.6. Hạch toán các khoản thanh toán khác.

1.3. Hạch toán tiền vay và nợ dài hạn.

1.3.1. Hạch toán tiền vay dài hạn

1.3.2. Hạch toán nợ dài hạn.

1.3.3. Hạch toán nợ dài hạn đến hạn trả.

1.3.4. Hạch toán vay ngắn hạn.

Chương 2: Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng

2.1. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư.

2.1.1. Khái niệm và nhiệm vụ hạch toán.

2.1.2. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.

2.1.3. Hạch toán đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát và đầu tư khác.

2.1.4. Hạch toán bất động sản đầu tư.

2.2. Hạch toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá.

2.2.1. Khái niệm và chế độ lập, hoàn nhập dự phòng.

2.2.2. Kế toán dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

2.2.3. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi.

2.2.4. Kế toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Chương 3: Hạch toán tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả và phân phối lợi nhuận

3.1. Hạch toán tiêu thụ thành phẩm.

3.1.1. Một số khái niệm và nhiệm vụ hạch toán tiêu thụ thành phẩm.

3.1.2. Tài khoản sử dụng.

3.1.3. Nội dung hạch toán tiêu thụ thành phẩm.

3.1.4. Hạch toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu.

3.2. Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2.1. Hạch toán chi phí bán hàng.

3.2.2. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2.3. Hạch toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính.

3.2.4. Hạch toán thu nhập và chi phí khác.

3.2.5. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận.

3.3.1. Xác định lợi nhuận trong doanh nghiệp.

3.3.2. Hạch toán xác định lợi nhuận.

3.3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận.

Chương 4: Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu

4.1. Nguồn vốn chủ sở hữu và nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.

4.1.1. Nguồn vốn chủ sở hữu.

4.1.2. Nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.

4.2. Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu.

4.2.1. Hạch toán nguồn vốn kinh doanh.

4.2.2. Hạch toán chênh lệch đánh giá lại tài sản.

4.2.3. Hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái.

4.2.4. Hạch toán cổ phiếu quỹ.

4.2.5. Hạch toán các quỹ của doanh nghiệp.

4.2.6. Hạch toán nguồn kinh phí sự nghiệp.

Chương 5: Báo cáo tài chính

5.1. Tổng quan về báo cáo tài chính.

5.1.1. Khái niệm, phân loại và ý nghĩa của báo cáo tài chính.

5.1.2. Yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.1.3. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính.

5.2. Bảng cân đối kế toán.

5.2.1. Khái niệm, nội dung và kết cấu.

5.2.2. Cơ sở số liệu và phương pháp chung lập Bảng cân đối kế toán.

5.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5.3.1. Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5.3.2. Cơ sở số liệu, nội dung và phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5.4.1. Nội dung và kết cấu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5.4.2. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5.5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

5.5.1. Cơ sở số liệu và quy định lập bản thuyết minh báo cáo tài chính.

5.5.2. Kết cấu và phương pháp lập bản thuyết minh báo cáo tài chính.

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ Tuần |
|----------|---|------------------------------|---|------------------|
| 1 | - Công tác chuẩn bị cho khóa học (làm quen, xác định nhu cầu người học, kiểm tra đầu vào ...) - Giới thiệu đề cương học phần, cách thực hiện các mục tiêu học phần. | Lý thuyết | - Tìm kiếm những thông tin cơ bản của môn học. | 3 |
| 2 - 4 | Chương 1: Kế toán vốn bằng tiền, tiền vay và các nghiệp vụ thanh toán 1.1. Hạch toán vốn bằng tiền. 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền. 1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền. 1.1.3. Hạch toán tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp. 1.1.4. Hạch toán tiền gửi ngân hàng. 1.1.5. Hạch toán tiền đang chuyển. 1.1.6. Hạch toán ngoại tệ. | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC | 9 |

| | | | | |
|------|--|-----------|---|---|
| | <p>1.1.7. Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.</p> <p>1.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán.</p> <p>1.2.1. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán và khách hàng.</p> <p>1.2.2. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với Nhà nước.</p> <p>1.2.3. Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán nội bộ.</p> <p>1.2.4. Hạch toán nghiệp vụ thanh toán tạm ứng.</p> <p>1.2.5. Hạch toán nghiệp vụ cầm cố, ký quỹ, ký cược.</p> <p>1.2.6. Hạch toán các khoản thanh toán khác.</p> <p>1.3. Hạch toán tiền vay và nợ dài hạn.</p> <p>1.3.1. Hạch toán tiền vay dài hạn</p> <p>1.3.2. Hạch toán nợ dài hạn.</p> <p>1.3.3. Hạch toán nợ dài hạn đến hạn trả.</p> <p>1.3.4. Hạch toán vay ngắn hạn.</p> | | | |
| 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp làm phát sinh chênh lệch tỷ giá? Sự khác nhau trong hạch toán khi phát sinh chênh lệch tỷ giá trong kỳ, chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền? - Tình huống Cán bộ trong DN được tạm ứng thường xuyên cần có yêu cầu gì? - Doanh nghiệp thường phải đối chiếu công nợ phải thu ở thời điểm nào? Kế toán sử dụng chứng từ gì? Như thế nào là một khoản nợ phải thu khó đòi? | Thảo luận | | 1 |
| 5 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 5 -7 | <p>Chương 2: Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư và dự phòng</p> <p>2.1. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư.</p> <p>2.1.1. Khái niệm và nhiệm vụ hạch toán.</p> <p>2.1.2. Hạch toán các nghiệp vụ đầu tư chứng khoán.</p> <p>2.1.3. Hạch toán đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, cơ sở</p> | Lý thuyết | <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC | 6 |

| | | | | |
|-------|---|-----------|--|---|
| | <p>kinh doanh đồng kiểm soát và đầu tư khác.</p> <p>2.1.4. Hạch toán bất động sản đầu tư.</p> <p>2.2. Hạch toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá.</p> <p>2.2.1. Khái niệm và chế độ lập, hoàn nhập dự phòng.</p> <p>2.2.2. Kế toán dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.</p> <p>2.2.3. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi.</p> <p>2.2.4. Kế toán các nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p> | | | |
| 7 | <p>- Kế toán đầu tư chứng khoán kinh doanh và kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo chế độ kế toán DNNVV</p> <p>- Kế toán đầu tư khác theo Thông tư 200/2014/TT-BTC</p> | Thảo luận | | 1 |
| 8 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 8 - 9 | <p>Chương 3: Hạch toán tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả và phân phối lợi nhuận</p> <p>3.1. Hạch toán tiêu thụ thành phẩm.</p> <p>3.1.1. Một số khái niệm và nhiệm vụ hạch toán tiêu thụ thành phẩm.</p> <p>3.1.2. Tài khoản sử dụng.</p> <p>3.1.3. Nội dung hạch toán tiêu thụ thành phẩm.</p> <p>3.1.4. Hạch toán chiết khấu thanh toán và các khoản giảm trừ doanh thu.</p> <p>3.2. Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>3.2.1. Hạch toán chi phí bán hàng.</p> <p>3.2.2. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.</p> <p>3.2.3. Hạch toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính.</p> <p>3.2.4. Hạch toán thu nhập và chi phí khác.</p> <p>3.2.5. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận.</p> <p>3.3.1. Xác định lợi nhuận trong doanh</p> | Lý thuyết | <p>- Đọc thông tư 200/2014/TT</p> <p>- Đọc giáo trình KTTC</p> | 3 |

| | | | | |
|---------|--|---------------------------|---|---|
| | nghiệp. 3.3.2. Hạch toán xác định lợi nhuận. 3.3.3. Hạch toán phân phối lợi nhuận. | | | |
| 9 | - Liệt kê các tình huống làm phát sinh chi phí tài chính, doanh thu tài chính, chi phí bán hàng và chi phí QLDN đã được tiếp cận trước đó. | Thảo luận | | 1 |
| 9 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 10 | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra, đánh giá | | 3 |
| 11 - 12 | Chương 4: Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu 4.1. Nguồn vốn chủ sở hữu và nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu. 4.1.1. Nguồn vốn chủ sở hữu. 4.1.2. Nguyên tắc hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu. 4.2. Hạch toán nguồn vốn chủ sở hữu. 4.2.1. Hạch toán nguồn vốn kinh doanh. 4.2.2. Hạch toán chênh lệch đánh giá lại tài sản. 4.2.3. Hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái. 4.2.4. Hạch toán cổ phiếu quỹ. 4.2.5. Hạch toán các quỹ của doanh nghiệp. 4.2.6. Hạch toán nguồn kinh phí sự nghiệp. | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC | 5 |
| 12 | - Việc phản ánh chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh vào TK 413 như thế nào? thời điểm nào? và xử lý số dư chênh lệch như thế nào? | Thảo luận | | 1 |
| 12 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 13 - 14 | Chương 5: Báo cáo tài chính 5.1. Tổng quan về báo cáo tài chính. 5.1.1. Khái niệm, phân loại và ý nghĩa của báo cáo tài chính. 5.1.2. Yêu cầu, nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính. 5.1.3. Trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính. 5.2. Bảng cân đối kế toán. 5.2.1. Khái niệm, nội dung và kết cấu. | Lý thuyết | - Đọc thông tư 200/2014/TT - Đọc giáo trình KTTC | 4 |

| | | | | |
|----|---|---------------------|-------------------------------|---|
| | <p>5.2.2. Cơ sở số liệu và phương pháp chung lập Bảng cân đối kế toán.</p> <p>5.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>5.3.1. Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>5.3.2. Cơ sở số liệu, nội dung và phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>5.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>5.4.1. Nội dung và kết cấu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>5.4.2. Phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>5.5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>5.5.1. Cơ sở số liệu và quy định lập bản thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>5.5.2. Kết cấu và phương pháp lập bản thuyết minh báo cáo tài chính.</p> | | | |
| 14 | - Làm các bài tập trong tài liệu | Bài tập | Giảng viên cung cấp | 1 |
| 15 | Ôn thi học phần | Lý thuyết + Bài tập | Theo hướng dẫn của giảng viên | 3 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

21. KẾ TOÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN

1. Tên học phần: KẾ TOÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

- Mục tiêu về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần người học có được những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp, trong đó đi sâu vào kế toán doanh nghiệp xây dựng.

- Mục tiêu về kỹ năng: Kết thúc học phần, người học có được những kỹ năng cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây dựng, lập và phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp xây dựng.

- Mục tiêu về thái độ

+ Yêu thích học phần, ngành học mà sinh viên đang theo học;

+ Kính trọng, yêu quý, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên đang giảng dạy học phần;

+ Nhìn thấy thái độ của riêng mình;

+ Tự đánh giá được trình độ của bản thân.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. PGS.TS.Võ Văn Nhị, *Kế toán doanh nghiệp xây lắp*, NXB Giao thông vận tải, 2008.

[2]. TS. Nguyễn Văn Bảo, *Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính, 2005.

9. Đánh giá học phần

-Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

1.1. Nhiệm vụ kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

1.1.1. Nội dung, yêu cầu quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- 1.1.2. Nhiệm vụ kế toán.
- 1.2. Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.
 - 1.2.1. Chứng từ kế toán.
 - 1.2.2. Tài khoản kế toán.
 - 1.2.3. Trình tự kế toán.

Chương 2: Kế toán hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ở tại đơn vị chủ đầu tư

- 2.1. Đặc điểm hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và nhiệm vụ kế toán.
 - 2.1.1. Đặc điểm hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
 - 2.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán.
- 2.2. Kế toán hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
 - 2.2.1. Chứng từ kế toán.
 - 2.2.2. Tài khoản kế toán.
 - 2.2.3. Kế toán quá trình đầu tư XD CB và quyết toán vốn đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu.
 - 2.2.4. Kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư XD CB theo phương thức tự làm.

Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại các doanh nghiệp xây lắp

- 3.1. Đặc điểm và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các DN xây lắp.
 - 3.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp xây lắp.
 - 3.1.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- 3.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.
 - 3.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.
 - 3.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu.
- 3.3. Kế toán nhập xuất nguyên vật liệu.
 - 3.3.1. Chứng từ kế toán.
 - 3.3.2. Kế toán chi tiết nhập xuất nguyên vật liệu.
 - 3.3.3. Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu.
- 3.4. Kế toán công cụ dụng cụ.
 - 3.4.1. Một số vấn đề chung về công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp xây lắp.
 - 3.4.2. Tài khoản sử dụng.
 - 3.4.3. Nội dung và phương pháp hạch toán.

Chương 4: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp xây lắp

- 4.1. Khái niệm và phân loại tiền lương.
 - 4.1.1. Khái niệm tiền lương và bản chất kinh tế của tiền lương.
 - 4.1.2. Phân loại tiền lương.
 - 4.1.3. Quy định về BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn.
- 4.2. Kế toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương
 - 4.2.1. Hạch toán số lao động.
 - 4.2.2. Hạch toán thời gian lao động.
 - 4.2.3. Hạch toán kết quả lao động.
 - 4.2.4. Hạch toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương.
- 4.3. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương.
 - 4.3.1. Tài khoản sử dụng.
 - 4.3.2. Phương pháp kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp

- 5.1. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.
 - 5.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.
 - 5.1.2. Phân loại chi phí sản xuất và các loại giá thành sản phẩm xây lắp.
 - 5.1.3. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.
- 5.2. Kế toán chi phí sản xuất xây lắp.
 - 5.2.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.
 - 5.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất xây lắp.
- 5.3. Kế toán chi phí sửa chữa và bảo hành công trình.
- 5.4. Kế toán chi phí sản xuất xây lắp trong điều kiện thực hiện khoán sản phẩm xây lắp.
 - 5.4.1. Trường hợp thực hiện khoán gọn công trình, hạng mục công trình.
 - 5.4.2. Trường hợp khoán khoán mục chi phí.
- 5.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.
 - 5.5.1. Khái niệm sản phẩm dở dang.
 - 5.5.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.
- 5.6. Tính giá thành sản phẩm xây lắp.
 - 5.6.1. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành.
 - 5.6.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Chương 6: Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả hoạt động xây lắp

- 6.1. Nhiệm vụ kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả.

- 6.1.1. Đặc điểm hoạt động tiêu thụ sản phẩm xây lắp.
- 6.1.2. Quy định kế toán về doanh thu và chi phí sản phẩm xây lắp tiêu thụ.
- 6.1.3. Nhiệm vụ kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp và xác định kết quả kinh doanh.
- 6.2. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp.
 - 6.2.1. Chứng từ kế toán.
 - 6.2.2. Tài khoản sử dụng.
 - 6.2.3. Trình tự kế toán.
- 6.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - 6.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.
 - 6.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.
- 6.4. Kế toán kết quả hoạt động xây lắp.
 - 6.4.1. Khái niệm, phương pháp xác định kết quả hoạt động xây lắp.
 - 6.4.2. Kế toán kết quả hoạt động xây lắp.

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|-------------------|---|-----------------------------|---|--------------|
| Tuần 1 | - Giới thiệu Đề cương môn học, cách thực hiện các mục tiêu môn học - Tài liệu chính - Phân công nhóm học tập | Lý thuyết | | 3 |
| | - Mục đích, yêu cầu môn học | Thảo luận | | |
| Tuần 2 | Chương 1: Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 1.1. Nhiệm vụ kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. 1.1.1. Nội dung, yêu cầu quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. 1.1.2. Nhiệm vụ kế toán. 1.2. Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. 1.2.1. Chứng từ kế toán. 1.2.2. Tài khoản kế toán. 1.2.3. Trình tự kế toán. | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo sự hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| Tuần 3 - 4 | Chương 2: Kế toán hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản ở tại đơn vị chủ đầu tư 2.1. Đặc điểm hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và nhiệm vụ kế | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo sự hướng dẫn của giảng viên | 4 |

| | | | | |
|-----------------------|---|-----------|---|---|
| | <p>toán.</p> <p>2.1.1. Đặc điểm hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.</p> <p>2.2. Kế toán hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.</p> <p>2.2.1. Chứng từ kế toán.</p> <p>2.2.2. Tài khoản kế toán.</p> | | | |
| | <p>2.1.2. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán</p> <p>2.2.3. Kế toán quá trình đầu tư XDCC và quyết toán vốn đầu tư XDCC theo phương thức giao thầu.</p> <p>2.2.4. Kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư XDCC theo theo phương thức tự làm.</p> | Thảo luận | | 2 |
| Tuần 5 – 6 - 7 | <p>Chương 3: Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại các doanh nghiệp xây lắp</p> <p>3.1. Đặc điểm và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các DN xây lắp.</p> <p>3.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp xây lắp.</p> <p>3.1.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.</p> <p>3.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu.</p> <p>3.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.</p> <p>3.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu.</p> <p>3.3. Kế toán nhập xuất nguyên vật liệu.</p> <p>3.3.1. Chứng từ kế toán.</p> <p>3.3.2. Kế toán chi tiết nhập xuất nguyên vật liệu.</p> <p>3.3.3. Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu.</p> | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo sự hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| | <p>3.4. Kế toán công cụ dụng cụ.</p> <p>3.4.1. Một số vấn đề chung về công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp xây lắp.</p> <p>3.4.2. Tài khoản sử dụng.</p> <p>3.4.3. Nội dung và phương pháp</p> | Thảo luận | | 3 |

| | | | | |
|-------------------------|--|--------------|---|---|
| | hạch toán. | | | |
| | Bài tập chương 3 | Chữa bài tập | Theo sự hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| Tuần 8 - 9 | Chương 4: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại các doanh nghiệp xây lắp 4.1. Khái niệm và phân loại tiền lương. 4.1.1. Khái niệm tiền lương và bản chất kinh tế của tiền lương. 4.1.2. Phân loại tiền lương. 4.1.3. Quy định về BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn. 4.2. Kế toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương 4.2.1. Hạch toán số lao động. 4.2.2. Hạch toán thời gian lao động. 4.2.3. Hạch toán kết quả lao động. 4.2.4. Hạch toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương. | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo sự hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| | 4.3. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương. 4.3.1. Tài khoản sử dụng. 4.3.2. Phương pháp kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương. | Thảo luận | | 2 |
| | Bài tập chương 4 | Chữa bài tập | Theo sự hướng dẫn của giảng viên | 1 |
| Tuần 10 - 11- 12 | Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong các doanh nghiệp xây lắp 5.1. Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. 5.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. 5.1.2. Phân loại chi phí sản xuất và các loại giá thành sản phẩm xây lắp. 5.1.3. Nhiệm vụ kế toán chi phí | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo sự hướng dẫn của giảng viên | 6 |

| | | | | |
|---------------------|---|--------------------|---|---|
| | <p>sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp.</p> <p>5.2. Kế toán chi phí sản xuất xây lắp.</p> <p>5.2.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.</p> <p>5.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất xây lắp.</p> <p>5.3. Kế toán chi phí sửa chữa và bảo hành công trình.</p> <p>5.4. Kế toán chi phí sản xuất xây lắp trong điều kiện thực hiện khoán sản phẩm xây lắp.</p> <p>5.4.1. Trường hợp thực hiện khoán gọn công trình, hạng mục công trình.</p> <p>5.4.2. Trường hợp khoán khoán mục chi phí.</p> <p>5.5. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.</p> <p>5.5.1. Khái niệm sản phẩm dở dang.</p> <p>5.5.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.</p> | | | |
| | <p>5.6. Tính giá thành sản phẩm xây lắp.</p> <p>5.6.1. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành.</p> <p>5.6.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.</p> | Thảo luận | | 2 |
| | Bài tập chương 5 | Chữa bài tập | Theo sự hướng dẫn của giảng viên | 1 |
| Tuần 13 | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra, đánh giá | | 3 |
| Tuần 14 - 15 | <p>Chương 6: Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả hoạt động xây lắp</p> <p>6.1. Nhiệm vụ kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả.</p> <p>6.1.1. Đặc điểm hoạt động tiêu thụ sản phẩm xây lắp.</p> <p>6.1.2. Quy định kế toán về doanh thu và chi phí sản phẩm xây lắp tiêu thụ.</p> | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo sự hướng dẫn của giảng viên | 3 |

| | | | | |
|--|---|---------------------|---|----------|
| | <p>6.1.3. Nhiệm vụ kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp và xác định kết quả kinh doanh.</p> <p>6.2. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp.</p> <p>6.2.1. Chứng từ kế toán.</p> <p>6.2.2. Tài khoản sử dụng.</p> <p>6.2.3. Trình tự kế toán.</p> <p>6.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.</p> <p>6.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.</p> <p>6.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.</p> <p>6.4. Kế toán kết quả hoạt động xây lắp.</p> <p>6.4.1. Khái niệm, phương pháp xác định kết quả hoạt động xây lắp.</p> <p>6.4.2. Kế toán kết quả hoạt động xây lắp.</p> | | | |
| | <p>Bài tập chương 6</p> | <p>Chữa bài tập</p> | <p>Theo sự hướng dẫn của giảng viên</p> | <p>3</p> |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

22. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1. Tên học phần: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán

6. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức:

Nắm được các những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Các phần hành kế toán cơ bản bao gồm: kế toán các yếu tố đầu vào, kế toán quá trình sản xuất, quá trình tiêu thụ và xác định kết quả hoạt động kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

- Về kỹ năng:

Thành thạo các kỹ năng định khoản nghiệp vụ kinh tế, phản ánh vào sổ kế toán dạng đầy đủ và dạng chữ T, thử và kiểm tra đối chiếu số liệu kế toán, lập báo cáo kế toán. Phát triển tốt kỹ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, khả năng làm việc độc lập. Đồng thời qua quá trình học tập người học hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kỹ năng tìm hiểu và giải quyết các tình huống về kế toán trong thực tế, kỹ năng thuyết trình,...

- Về thái độ:

Để học môn này đạt kết quả cao, người học cần chủ động tìm tòi cập nhật các kiến thức có liên quan, đặc biệt những thay đổi về chế độ thuế lệ, chính sách kế toán tài chính. Có khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Có khả năng tự học để giải quyết các vấn đề thay đổi về chế độ kế toán phát sinh trong thực tế công tác sau khi tốt nghiệp...

7. Mô tả môn học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong doanh nghiệp: Tổ chức công tác kế toán, kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước, kế toán vật tư hàng hoá, kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành, kế toán bán hàng, xác định kết quả và

phân phối kết quả, kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, Kế toán kinh doanh, báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1]. Đặng Thị Loan - *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp* – NXb Kinh tế Quốc dân, 2013.

[2]. *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*, Bộ tài chính.

[3]. *Hướng dẫn lập chứng từ kế toán – ghi sổ kế toán – lập báo cáo tài chính – nội dung báo cáo tài chính – sơ đồ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ*.

8.2. Sách tham khảo:

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra (2 bài): 30 %

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần: 70 %

- Hình thức thi HP: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp

1.1- Nhiệm vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp.

1.2- Nội dung và yêu cầu của kế toán tài chính trong doanh nghiệp.

1.3- Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp.

Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước

2.1- Nhiệm vụ Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu, và ứng trước.

2.2- Kế toán vốn bằng tiền.

2.3- Kế toán đầu tư tài chính ngắn hạn.

2.4- Kế toán các khoản phải thu.

2.5- Kế toán các khoản ứng và trả trước.

Chương 3: Kế toán vật tư, hàng hoá.

3.1- Nhiệm vụ Kế toán vật tư.

- 3.2- Kế toán chi tiết vật tư.
- 3.3- Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- 3.4- Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ.
- 3.5- Kế toán các nghiệp vụ kiểm kê và đánh giá lại vật tư.
- 3.6- Kế toán dự phòng giảm giá vật tư tồn kho.

Chương 4: Kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn

- 4.1- Nhiệm vụ Kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn.
- 4.2- Kế toán chi tiết tài sản cố định.
- 4.3- Kế toán tổng hợp tăng tài sản cố định.
- 4.4- Kế toán tổng hợp giảm tài sản cố định.
- 4.5- Kế toán khấu hao tài sản cố định.
- 4.6- Kế toán sửa chữa tài sản cố định.
- 4.7- Kế toán các nghiệp vụ khác về tài sản cố định.
- 4.8- Kế toán đầu tư và xây dựng cơ bản.
- 4.9- Kế toán các khoản đầu tư dài hạn.
- 4.10- Kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

- 5.1- Nhiệm vụ Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
- 5.2- Hình thức tiền lương, quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương.
- 5.3- Kế toán tổng hợp tiền lương, và các khoản trích theo lương.

Chương 6: Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- 6.1- Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.
- 6.2- Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm.
- 6.3- Phương pháp kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.
- 6.4- Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.

Chương 7: Kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh

- 7.1- Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.
- 7.2- Kế toán thành phẩm hàng hoá.
- 7.3- Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng.
- 7.4- Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- 7.5- Kế toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính.
- 7.6- Kế toán chi phí và thu nhập khác.
- 7.7- Kế toán kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh.

Chương 8: Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu

- 8.1- Nhiệm vụ kế toán.
- 8.2- Kế toán các khoản nợ phải trả.
- 8.3- Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.

Chương 10: Báo cáo tài chính doanh nghiệp

- 10.1- Ý nghĩa và yêu cầu của báo cáo tài chính.
- 10.2- Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp.
- 10.3- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN)
- 10.4- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu B02-DN).
- 10.5- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03 - DN).
- 10.6- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DN).
- 10.7- Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 10.8- Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- 10.9- Báo cáo tài chính hợp nhất.
- 10.10- Một số vấn đề khác liên quan đến thông tin trên báo cáo tài chính

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần n thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|---------------------------|---------------------------|--|--|------------------------------|
|---------------------------|---------------------------|--|--|------------------------------|

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 1 | <p>Chương 1: Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp</p> <p>1.1- Nhiệm vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp.</p> <p>1.2- Nội dung và yêu cầu của kế toán tài chính trong doanh nghiệp.</p> <p>1.3- Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp.</p> | Thuyết trình, giảng giải, pháp vấn. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |
| 2 | <p>Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước</p> <p>2.1- Nhiệm vụ Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu, và ứng trước.</p> <p>2.2- Kế toán vốn bằng tiền.</p> <p>2.3- Kế toán đầu tư tài chính ngắn hạn.</p> <p>2.4- Kế toán các khoản phải thu.</p> <p>2.5- Kế toán các khoản ứng và trả trước.</p> | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |
| 3 | <p>Chương 3: Kế toán vật tư, hàng hoá.</p> <p>3.1- Nhiệm vụ Kế toán vật tư.</p> <p>3.2- Kế toán chi tiết vật tư.</p> <p>3.3- Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kê khai thường xuyên.</p> <p>3.4- Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ.</p> <p>3.5- Kế toán các nghiệp vụ kiểm kê và đánh giá lại vật tư.</p> <p>3.6- Kế toán dự phòng giảm giá vật tư tồn kho.</p> | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |
| 4 | <p>Chương 4: Kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn</p> <p>4.1- Nhiệm vụ Kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn.</p> <p>4.2- Kế toán chi tiết tài sản cố định.</p> <p>4.3- Kế toán tổng hợp tăng tài sản cố định.</p> <p>4.4- Kế toán tổng hợp giảm tài sản cố định.</p> <p>4.5- Kế toán khấu hao tài sản cố định.</p> <p>4.6- Kế toán sửa chữa tài sản cố định.</p> <p>4.7- Kế toán các nghiệp vụ khác về</p> | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | <p>tài sản cố định.</p> <p>4.8- Kế toán đầu tư và xây dựng cơ bản.</p> <p>4.9- Kế toán các khoản đầu tư dài hạn.</p> <p>4.10- Kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.</p> | | | |
| 5 | <p>Chương 5: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương</p> <p>5.1- Nhiệm vụ Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>5.2- Hình thức tiền lương, quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>5.3- Kế toán tổng hợp tiền lương, và các khoản trích theo lương.</p> | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |
| 6 | <p>Chương 6: Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm</p> <p>6.1- Nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.</p> <p>6.2- Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm.</p> <p>6.3- Phương pháp kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.</p> <p>6.4- Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.</p> | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |
| 7 | <p>Chương 7: Kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh</p> <p>7.1- Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.</p> <p>7.2- Kế toán thành phẩm hàng hoá.</p> <p>7.3- Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng.</p> <p>7.4- Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.</p> <p>7.5- Kế toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính.</p> <p>7.6- Kế toán chi phí và thu nhập khác.</p> <p>7.7- Kế toán kết quả kinh doanh và phân phối kết quả kinh doanh.</p> | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |
| 8 | <p>Chương 8: Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu</p> <p>8.1- Nhiệm vụ kế toán.</p> <p>8.2- Kế toán các khoản nợ phải trả.</p> <p>8.3- Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.</p> | Thuyết trình, giảng giải, chữa bài tập. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |

| | | | | |
|-----------|--|-------------------------------------|---|---|
| 9 | Kiểm tra giữa kỳ | | | 3 |
| 10 | Chương 10: Báo cáo tài chính doanh nghiệp 10.1- Ý nghĩa và yêu cầu của báo cáo tài chính. 10.2- Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp. 10.3- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN) 10.4- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu B02-DN). 10.5- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03 - DN). 10.6- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DN). 10.7- Báo cáo tài chính tổng hợp. 10.8- Báo cáo tài chính giữa niên độ. 10.9- Báo cáo tài chính hợp nhất. 10.10- Một số vấn đề khác liên quan đến thông tin trên báo cáo tài chính | Thuyết trình, giảng giải, pháp vấn. | Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp | 3 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

23. KẾ TOÁN MÁY

1. Tên học phần: KẾ TOÁN MÁY

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 3 (Lý thuyết: 36; Bài tập, Thảo luận: 9)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, kế toán tài chính 1

6. Mục tiêu của học phần:

6.1 Mục tiêu về kiến thức

- Nắm được các kiến thức cốt lõi về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong điều kiện ứng dụng tin học
- Nắm được mối liên hệ giữa môn học này với các bộ môn học khác có liên quan như Tổ chức công tác kế toán, Tin học đại cương, Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính...
- Nhận biết được sự thay đổi của khoa học và công nghệ có liên quan đến môn học, đặc biệt là công nghệ thông tin và các phần mềm ứng dụng có liên quan.

6.2 Mục tiêu về kỹ năng

- Trên cơ sở vận dụng các kiến thức của môn học, sinh viên có kỹ năng thực tiễn về nghề nghiệp liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp, cụ thể là kỹ năng hạch toán trên phần mềm kế toán.
- Sinh viên có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến môn học.
- Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm để chia sẻ các ý tưởng có liên quan đến nội dung môn học.
- Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn các kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt có liên quan đến môn học...

6.3 Mục tiêu và thái độ

- Có thái độ tốt, đúng mực trong học tập
- Có sự yêu thích, chịu khó tìm hiểu những vấn đề liên quan đến nội dung môn học
- Có sự tự tin trong môn học...

7. Mô tả môn học

Học phần giúp cho sinh viên nắm vững hơn về nội dung tổ chức công tác kế toán và khả năng ứng dụng tin học vào công tác kế toán đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế, yêu cầu kiểm soát của mỗi doanh nghiệp và các yêu cầu của đối tượng sử dụng thông tin kế toán

Học phần cung cấp cho sinh viên nắm được về nguyên tắc tổ chức kế toán trong điều kiện ứng dụng tin học, đồng thời giới thiệu tương đối hoàn chỉnh về tổ chức công tác kế toán trên một phần mềm kế toán cụ thể.

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về kế toán máy và quy trình áp dụng kế toán máy trong doanh nghiệp, từ việc xây dựng danh mục từ điển, cập nhật số dư đầu kỳ các tài khoản đến việc xử lý chứng từ và tổ chức các phần hành kế toán chủ yếu trong doanh nghiệp trên phần mềm kế toán và cuối cùng là việc sao lưu và phục hồi dữ liệu kế toán.

8. Sách, giáo trình tham khảo

- Giáo trình Kế toán máy của Tiến sĩ Trần Thị Song Minh – Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân – NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
- Giáo trình Kế toán máy của Bộ môn Kế toán – Khoa Kinh tế & QTKD – Trường Đại học Việt Bắc

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Thực hành
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Thực hành

10. Nội dung chi tiết môn học

Phần I. LÝ THUYẾT (15 tiết)

Chương 1: Khái quát chung về kế toán máy (2 tiết)

- 1.1 Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán trên máy
- 1.2 Khái niệm và vai trò của kế toán máy
- 1.3 Nguyên tắc và yêu cầu tổ chức công tác kế toán trên máy
- 1.4 So sánh kế toán thủ công và kế toán máy
- 1.5 Phần mềm kế toán
 - 1.5.1 Khái niệm phần mềm kế toán
 - 1.5.2 Ý nghĩa của việc ứng dụng phần mềm kế toán

1.5.3 Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán

1.5.4 Điều kiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán máy

1.5.5 Một số phần mềm kế toán thông dụng tại Việt Nam

Chương 2. Danh mục từ điển trong kế toán máy (4 tiết)

2.1 Khái niệm danh mục từ điển kế toán

2.2 Phân loại danh mục từ điển kế toán

2.2.1 Căn cứ phân loại danh mục từ điển kế toán

2.2.2 Các loại danh mục từ điển kế toán

2.3 Chức năng, vai trò của danh mục từ điển kế toán

2.4 Cách xây dựng danh mục từ điển kế toán

2.4.1 Mã hóa trong kế toán máy

2.4.2 Xây dựng hệ thống danh mục từ điển

2.4.3 Xem, chỉnh sửa và in danh mục từ điển kế toán

Chương 3. Quy trình áp dụng kế toán máy (9 tiết)

3.1 Khai báo và tạo dữ liệu kế toán

3.2 Cập nhật số dư đầu kỳ các tài khoản

3.2.1 Khai báo số dư đầu kỳ các tài khoản

3.2.2 Chỉnh sửa và xem số dư đầu kỳ

3.3 Xử lý chứng từ trùng trong kế toán máy

3.4 Tổ chức các phần hành kế toán chủ yếu trong phần mềm kế toán

3.4.1 Phân hệ quỹ

3.4.2 Phân hệ ngân hàng

3.4.3 Phân hệ mua hàng

3.4.4 Phân hệ bán hàng

3.4.5 Phân hệ quản lý hóa đơn

3.4.6 Phân hệ kho

3.4.7 Phân hệ công cụ dụng cụ

3.4.8 Phân hệ tài sản cố định

3.4.9 Phân hệ tiền lương

3.4.10 Phân hệ thuế

- 3.4.11 Phân hệ giá thành
- 3.4.12 Phân hệ tổng hợp
- 3.4.13 Phân hệ hợp đồng
- 3.4.14 Phân hệ cổ đông
- 3.4.15 Phân hệ ngân sách
- 3.5 Thực hiện các bút toán cuối kỳ
- 3.6 Kết cấu thông tin kế toán và in các báo cáo
- 3.7 Quản trị cơ sở dữ liệu
 - 3.7.1 Phân công việc và quyền hạn
 - 3.7.2 Sao lưu và phục hồi dữ liệu

6.2 Nội dung thực hành

PHẦN 2. THỰC HÀNH PHẦN MỀM KẾ TOÁN (30 tiết)

Người học bắt buộc phải tham gia thực hành trên phòng máy hoặc máy tính xách tay cá nhân với thời lượng tương đương là 02 tín chỉ tương đương với 60 tiết học trên phòng máy.

Nội dung 1: Làm quen với phần mềm kế toán (2 tiết)

Nội dung 2: Xây dựng danh mục từ điển kế toán (15 tiết)

Nội dung 3: Cập nhật số dư đầu kỳ và cập nhật các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ vào các phân hệ phần mềm (33 tiết)

Nội dung 4: Lên báo cáo kế toán tự động (5 tiết)

Nội dung 5: Điều chỉnh số liệu, in và lưu dự phòng báo cáo (5 tiết)

11. Kế hoạch triển khai học phần

11.1 Phần lý thuyết

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy | Tài liệu học tập và tham khảo | Số tiết / Tuần |
|----------|---|-----------------------|-------------------------------|----------------|
| 1 | Chương 1: Khái quát chung về kế toán máy (2 tiết) 1.1 Sự cần thiết tổ chức công tác kế toán trên máy 1.2 Khái niệm và vai trò của kế toán máy 1.3 Nguyên tắc và yêu cầu tổ chức công tác kế toán trên máy | Lý thuyết | Bài giảng chương 1 | 3 |
| | 1.4 So sánh kế toán thủ công và | Lý thuyết | Bài giảng | |

| | | | | |
|-----|---|-----------|--------------------|---|
| | kế toán máy 1.5 Phần mềm kế toán 1.5.1 Khái niệm phần mềm kế toán 1.5.2 Ý nghĩa của việc ứng dụng phần mềm kế toán 1.5.3 Các tiêu chuẩn và điều kiện của một phần mềm kế toán 1.5.4 Điều kiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán máy 1.5.5 Một số phần mềm kế toán thông dụng tại Việt Nam | | chương 1 | |
| 1-2 | Chương 2. Danh mục từ điển trong kế toán máy (4 tiết) 2.1 Khái niệm danh mục từ điển kế toán 2.2 Phân loại danh mục từ điển kế toán 2.2.1 Căn cứ phân loại danh mục từ điển kế toán | Lý thuyết | Bài giảng chương 2 | 3 |
| | 2.2.2 Các loại danh mục từ điển kế toán 2.3 Chức năng, vai trò của danh mục từ điển kế toán | Lý thuyết | Bài giảng chương 2 | |
| | 2.4 Cách xây dựng danh mục từ điển kế toán 2.4.1 Mã hóa trong kế toán máy 2.4.2 Xây dựng hệ thống danh mục từ điển | Lý thuyết | Bài giảng chương 2 | |
| | 2.4.2 Xây dựng hệ thống danh mục từ điển (tiếp) 2.4.3 Xem, chỉnh sửa và in danh mục từ điển kế toán | Lý thuyết | Bài giảng chương 2 | |
| 3-5 | Chương 3. Quy trình áp dụng kế toán máy (9 tiết) 3.1 Khai báo và tạo dữ liệu kế toán 3.2 Cập nhật số dư đầu kỳ các tài khoản 3.2.1 Khai báo số dư đầu kỳ các tài khoản 3.2.2 Chỉnh sửa và xem số dư đầu kỳ | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | 3 |
| | 3.3 Xử lý chứng từ trùng trong kế toán máy | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |

| | | | | |
|--|---|-----------|--------------------|--|
| | 3.4 Tổ chức các phần hành kế toán chủ yếu trong phần mềm kế toán 3.4.1 Phân hệ quỹ | | | |
| | 3.4.2 Phân hệ ngân hàng 3.4.3 Phân hệ mua hàng | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |
| | 3.4.4 Phân hệ bán hàng 3.4.5 Phân hệ quản lý hóa đơn | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |
| | 3.4.6 Phân hệ kho 3.4.7 Phân hệ công cụ dụng cụ | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |
| | 3.4.8 Phân hệ tài sản cố định 3.4.9 Phân hệ tiền lương | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |
| | 3.4.10 Phân hệ thuế 3.4.11 Phân hệ giá thành 3.4.12 Phân hệ tổng hợp | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |
| | 3.4.13 Phân hệ hợp đồng 3.4.14 Phân hệ cổ đông 3.4.15 Phân hệ ngân sách | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |
| | 3.5 Thực hiện các bút toán cuối kỳ 3.6 Kết cấu thông tin kế toán và in các báo cáo 3.7 Quản trị cơ sở dữ liệu 3.7.1 Phân công việc và quyền hạn 3.7.2 Sao lưu và phục hồi dữ liệu | Lý thuyết | Bài giảng chương 3 | |

11.2 Phân thực hành

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy | Tài liệu học tập và tham khảo | Số tiết / Tuần |
|----------|--|-----------------------|--|----------------|
| 1 | - Làm quen với phần mềm kế toán - Xây dựng hệ thống các danh mục từ điển kế toán: Cách mã hóa trong kế toán máy - Xây dựng danh mục tài khoản, tài khoản kết chuyển, tài khoản ngầm định, tài khoản tự động - Xây dựng danh mục cơ cấu tổ chức - Xây dựng danh mục nhân viên | Thực hành | Bài giảng chương 1,2 Phần mềm kế toán | 3 |

| | | | | |
|---|--|-----------|--------------------|---|
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng danh mục nhóm khách hàng, nhà cung cấp - Xây dựng danh mục khách hàng - Xây dựng danh mục nhà cung cấp - Xây dựng danh mục lương nhân viên, ký hiệu chấm công, biểu tính thuế thu nhập - Xây dựng danh mục loại công cụ dụng cụ, xây dựng danh mục lại tài sản cố định - Xây dựng danh mục vật tư hàng hóa, nhóm vật tư hàng hóa, kho, đơn vị tính | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng danh mục đối tượng tập hợp chi phí, khoản mục chi phí - Xây dựng danh mục công trình, loại công trình - Xây dựng danh mục ngân hàng, tài khoản ngân hàng - Xây dựng các danh mục khác như: Điều khoản thanh toán, biểu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, mã thống kê, loại tiền, loại chứng từ - Xem và in các danh mục từ điển kế toán - Khai báo và tạo dữ liệu kế toán | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật số dư đầu kỳ các tài khoản - Chỉnh sửa và xem số dư đầu kỳ - Xử lý chứng từ trùng trong kế toán máy | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |

| | | | | |
|----|--|-----------|--------------------|---|
| | - Cập nhật phân hệ quỹ | | | |
| 5 | - Cập nhật phân hệ ngân hàng - Cập nhật phân hệ mua hàng - Cập nhật phân hệ bán hàng | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |
| 6 | - Cập nhật phân hệ quản lý hóa đơn - Cập nhật phân hệ kho - Cập nhật phân hệ công cụ dụng cụ | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |
| 7 | - Cập nhật phân hệ TSCĐ - Cập nhật phân hệ tiền lương | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |
| 8 | - Cập nhật phân hệ giá thành - Cập nhật phân hệ thuế - Cập nhật phân hệ tổng hợp - Cập nhật phân hệ hợp đồng | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |
| 9 | - Cập nhật phân hệ cổ đông - Cập nhật phân hệ ngân sách - Thực hiện bút toán kết chuyển + Tính giá xuất kho + Tính khấu hao TSCĐ + Phân bổ chi phí trả trước + Lập tờ khai thuế GTGT, khấu trừ thuế + Lập tờ khai thuế TTĐB, thuế tài nguyên + Quyết toán thuế TNDN -Kết chuyển lãi lỗ, lập báo cáo tài chính | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |
| 10 | - Kết xuất thông tin kế toán và lên các báo cáo - Kiểm tra số liệu | Thực hành | Bài giảng chương 2 | 3 |

| | | | | |
|--|---|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Điều chỉnh số liệu- Lưu các báo cáo- Phân quyền cho kế toán- Sao lưu và phục hồi dữ liệu | | | |
|--|---|--|--|--|

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

24. KẾ TOÁN NGÂN SÁCH

1. Tên học phần: KẾ TOÁN NGÂN SÁCH

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

- **Về kiến thức:** Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về ngân sách tại đơn vị cấp phát - Kho bạc, tại đơn vị thụ hưởng - xã (phường) và phương pháp hạch toán kế toán. Kết thúc học phần, người học sẽ có một hệ thống các kiến thức chuyên ngành về các phần hành kế toán có liên quan đến ngân sách, biết cách hạch toán và lập hệ thống các báo cáo quyết toán ngân sách theo yêu cầu.

- **Về kỹ năng:** Giúp người học có kỹ năng vận dụng các quỹ định, chế độ về kế toán ngân sách tại Kho bạc, xã (phường); vận dụng lý thuyết vào thực tế một cách linh hoạt trên cơ sở sử dụng một cách có hiệu quả công cụ quản lý này. Mặt khác, nghiên cứu những văn bản, chế độ kế toán về ngân sách và từ thực tiễn hoạt động tại đơn vị, để lựa chọn hướng nghiên cứu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học của bản thân và của tập thể xã hội.

- **Về thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của học phần trong nghiên cứu cũng như trong thực tiễn công tác quản lý để từ đó xây dựng ý thức trong nghiên cứu.

7. Mô tả môn học

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và kỹ năng về Kế toán Ngân sách Nhà nước. Với các nội dung: Kế toán thu chi Ngân sách Nhà nước; Kế toán nghiệp vụ thu chi ngân sách cấp trên phát sinh trên địa bàn địa phương; Kế toán các nghiệp vụ khác; Kế toán thu chi ngân sách xã; Kế toán các khoản tiền, vật tư và tài sản cố định; Báo cáo quyết toán ngân sách.

8. Sách, giáo trình tham khảo

8.1. Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Kim Quyển – Lê Quang Cường, *Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN*, NXB Thống kê, 2006.

8.2 Tài liệu tham khảo

[1] PGS.TS Phạm Văn Liên – PGS.TS Phan Văn Đăng, *Giáo trình Kế toán ngân sách nhà nước và nghiệp vụ kho bạc nhà nước*, NXB tài chính, 2012

[2]. Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành theo quyết định 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của bộ trưởng BTC, được sửa đổi bổ sung theo thông tư 146/TT-BTC ngày 26/10/2011, Nhà xuất bản tài chính, 2011.

9. Đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20%
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 60%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Tổ chức và nhiệm vụ của kế toán ngân sách và hoạt động nghiệp vụ kho bạc NN

(Tổng số tiết: 02; Số tiết lý thuyết 02)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Tổ chức bộ máy kế toán
- 1.3. Đối tượng và nhiệm vụ của kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN

Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền

(Tổng số tiết: 03; Số tiết lý thuyết 02; Số tiết thảo luận: 01)

- 2.1. Nguyên tắc quản lý vốn bằng tiền
- 2.2 Kế toán tiền mặt
- 2.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng

Chương 3: Kế toán ngân sách nhà nước

(Tổng số tiết: 06; Số tiết lý thuyết 05; Số tiết thảo luận: 01)

- 3.1. Kế toán thu, chi ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện
- 3.2. Kế toán thu, chi ngân sách xã

Chương 4: Kế toán trái phiếu chính phủ

(Tổng số tiết: 04; Số tiết lý thuyết 03; Số tiết thảo luận: 01)

- 4.1. Kế toán trái phiếu bán lẻ qua hệ thống kho bạc NN
- 4.2. Kế toán tín phiếu, trái phiếu, công trái phát hành qua các phương thức khác nhau.
- 4.3. Kế toán các loại trái phiếu, công trái khác

Chương 5: Kế toán cho vay theo mục tiêu chỉ định

(Tổng số tiết: 03; Số tiết lý thuyết 02; Số tiết thảo luận: 01)

Chương 6: Kế toán thanh toán bù trừ

(Tổng số tiết: 06; Số tiết lý thuyết 04; Số tiết thảo luận: 02)

6.1. Thanh toán bù trừ thông thường

6.2. Thanh toán bù trừ điện tử

6.3. Thanh toán bù trừ trong hệ thống

Chương 7: Kế toán thanh toán liên kho bạc

(Tổng số tiết: 04; Số tiết lý thuyết 04)

7.1 Nội dung thanh toán liên Kho bạc

7.2 Kế toán thanh toán LKB bằng thư

7.3 Kế toán thanh toán LKB qua máy vi tính

7.4 kế toán điều chỉnh sai lầm

7.5 Kế toán quyết toán LKB

Chương 8: Kế toán điều chuyển vốn, quyết toán vốn kho bạc

(Tổng số tiết: 02; Số tiết lý thuyết 02)

8.1. Kế toán điều chuyển vốn kho bạc

8.2. Kế toán quyết toán vốn kho bạc.

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---|------------------------------------|--|----------------------|
| Tuần 1 | Chương 1: Tổ chức và nhiệm vụ của kế toán ngân sách và hoạt động nghiệp vụ kho bạc NN 1.1. Khái niệm 1.2. Tổ chức bộ máy kế toán 1.3. Đối tượng và nhiệm vụ của kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN | Lý thuyết | Nguyễn Kim Quyển – Lê Quang Cường, <i>Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN</i> , NXB Thống kê, 2006. | 03 |
| Tuần 2 | Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền 2.1. Nguyên tắc quản lý vốn | Lý thuyết | Nguyễn Kim Quyển – Lê Quang Cường, <i>Giáo trình nghiệp</i> | 03 |

| | | | | |
|----------|--|-----------|--|----|
| | bằng tiền 2.2 Kế toán tiền mặt 2.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng Hạch toán lãi, phí tiền gửi ngân hàng | Thảo luận | <i>vụ quản lý và kế toán KBNN</i> , NXB Thống kê, 2006. | |
| Tuần 3-4 | Chương 3: Kế toán ngân sách nhà nước 3.1. Kế toán thu, chi ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện 3.2. Kế toán thu, chi ngân sách xã | Lý thuyết | Nguyễn Kim Quyến – Lê Quang Cường, <i>Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN</i> , NXB Thống kê, 2006. | 03 |
| | So sánh kế toán thu chi ngân sách trung ương và kế toán thu chi ngân sách đại phương? | Thảo luận | | |
| Tuần 5 | Chương 4: Kế toán trái phiếu chính phủ 4.1. Kế toán trái phiếu bán lẻ qua hệ thống kho bạc NN 4.2. Kế toán tín phiếu, trái phiếu, công trái phát hành qua các phương thức khác nhau. 4.3. Kế toán các loại trái phiếu, công trái khác | Lý thuyết | Nguyễn Kim Quyến – Lê Quang Cường, <i>Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN</i> , NXB Thống kê, 2006. | 03 |
| Tuần 6 | Chương 5: Kế toán cho vay theo mục tiêu chỉ định | | Nguyễn Kim Quyến – Lê Quang Cường, <i>Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN</i> , NXB Thống kê, 2006. | 03 |
| | Nêu các trường hợp cho vay theo mục tiêu chỉ định trong những | Thảo luận | | |

| | | | | |
|----------|---|-----------|--|----|
| | năm gần đây? | | | |
| Tuần 7-8 | <p>Chương 6: Kế toán thanh toán bù trừ</p> <p>6.1. Thanh toán bù trừ thông thường</p> <p>6.2. Thanh toán bù trừ điện tử</p> <p>6.3. Thanh toán bù trừ trong hệ thống</p> | Lý thuyết | <p>Nguyễn Kim Quyến</p> <p>– Lê Quang Cường,</p> <p><i>Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN</i>, NXB Thống kê, 2006.</p> | 03 |
| | Ưu, nhược điểm của các hình thức thanh toán? | Thảo luận | | |
| Tuần 9 | <p>Chương 7: Kế toán thanh toán liên kho bạc</p> <p>7.1 Nội dung thanh toán liên Kho bạc</p> <p>7.2 Kế toán thanh toán LKB bằng thư</p> <p>7.3 Kế toán thanh toán LKB qua máy vi tính</p> <p>7.4 kế toán điều chỉnh sai lầm</p> <p>7.5 Kế toán quyết toán LKB</p> | Lý thuyết | <p>Nguyễn Kim Quyến</p> <p>– Lê Quang Cường,</p> <p><i>Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN</i>, NXB Thống kê, 2006.</p> | 03 |
| Tuần 10 | <p>Chương 8: Kế toán điều chuyển vốn, quyết toán vốn kho bạc</p> <p>8.1. Kế toán điều chuyển vốn kho bạc</p> <p>8.2. Kế toán quyết toán vốn kho bạc.</p> | Lý thuyết | <p>Nguyễn Kim Quyến</p> <p>– Lê Quang Cường,</p> <p><i>Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán KBNN</i>, NXB Thống kê, 2006.</p> | 03 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

25. TÀI CHÍNH CÔNG

1. Tên học phần: TÀI CHÍNH CÔNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Lý thuyết tài chính – tiền tệ

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong môn học này, người học nâng cao kỹ năng sử dụng công cụ lý thuyết và ứng dụng đánh giá tác động chính sách chi tiêu công đến hiệu quả phân bổ, công bằng xã hội và Ổn định kinh tế. Người học có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo các chính sách, chế độ về tài chính công vào đời sống thực tiễn. Học phần cũng sẽ giúp cho người học có một thái độ đúng đắn, quan điểm khoa học về lĩnh vực tài chính công, nhận thức và nắm vững các chính sách tài chính công, chế độ về tài chính công của Chính phủ, có kỹ năng nhất định để giải quyết những vấn đề sát hợp với thực tiễn.

7. Mô tả môn học

Học phần này tập trung nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; ngoại tác; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. Vũ Văn Hóa – Lê Văn Hưng, Giáo trình *Tài chính công*, 2009.

[2]. Phạm Văn Khoan, *Giáo trình quản lý tài chính công*, NXB Tài Chính, 2007

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Khu vực công và tài chính công

1.1. Tài chính công và các vấn đề kinh tế vĩ mô

1.1.1. Hiệu quả và sự thất bại thị trường

1.1.2. Cách thức can thiệp của chính phủ

1.2. Quy mô và trách nhiệm của chính phủ

1.2.1. Quy mô và tăng trưởng chính phủ

1.2.2. Phi tập tập trung hóa

1.2.3. Chi tiêu, thuế, thâm hụt và nợ

1.2.4. Phân phối nguồn lực

1.2.5. Vai trò điều tiết của chính phủ

Chương 2: Hiệu quả và công bằng

2.1. Tối đa hóa độ thỏa dụng trong điều kiện có giới hạn

2.1.1. Sở thích và đường thỏa dụng

2.1.2. Giới hạn ngân sách

2.1.3. Sự lựa chọn trong điều kiện có giới hạn

2.1.4. Ảnh hưởng của thay đổi giá cả (ảnh hưởng thu nhập và ảnh hưởng thay thế)

2.2. Cân bằng xã hội và phúc lợi xã hội

2.2.1. Cân bằng xã hội

2.2.2. Hiệu quả xã hội

2.2.3. Cân bằng cạnh tranh để tối đa hóa phúc lợi xã hội

2.2.4. Hiệu quả xã hội và phúc lợi xã hội (Vai trò công bằng)

2.2.5. Nghiên cứu tình huống chính sách phân phối thu nhập của Việt Nam

Chương 3: Phân tích ngân sách

3.1. Soạn lập ngân sách

3.1.1 . Quy trình soạn lập ngân sách

3.1.2. Chính sách ngân sách và thâm hụt ngân sách (Trung ương và địa phương)

3.2. Đo lường ngân sách

3.2.1. Ngân sách danh nghĩa và ngân sách thực

3.2.2. Cách tính thâm hụt ngân sách

3.3. Nợ và thâm hụt ngân sách trong bối cảnh kinh tế vĩ mô

3.4. Nghiên cứu tình huống về bội chi ngân sách nhà nước Việt Nam

Chương 4: Ngoại tác

4.1. Lý thuyết ngoại tác

4.1.1 Ngoại tác tiêu cực

4.1.2. Ngoại tác tích cực

4.2. Những giải pháp của khu vực tư đối với ngoại tác tiêu cực

4.2.1. Giải pháp

4.2.2. Định lý Coase

4.3. Khu vực công và về vấn đề ngoại tác

4.4. Phân biệt giữa cách tiếp cận giá cả và số lượng đối với vấn đề ngoại tác

4.4.1. Mô hình cơ bản

4.4.2. Điều chỉnh giá cả và điều chỉnh số lượng

Nghiên cứu tình huống về môi trường, giải tỏa đền bù đất đai của Việt Nam

Chương 5: Hàng hóa công

5.1. Cung cấp hàng hóa công tối ưu

5.2. Cung cấp tư nhân về hàng hóa công

5.2.1. Vấn đề người hưởng tự do và cung cấp dưới tiềm năng của khu vực tư

5.2.2. Khu vực tư và sự khắc phục tình trạng người hưởng tự do

5.3. Cung cấp công về hàng hóa công

5.3.1. Sự chèn lấn khu vực tư

5.3.2. Đo lường sở thích và tổng hợp sở thích

Chương 6: Phân tích lợi ích và chi phí

6.1. Đo lường chi phí dự án công

6.1.1. Đo lường chi phí hiện tại

6.1.2. Đo lường chi phí tương lai

6.2. Đo lường lợi ích dự án công

6.2.1. Giá trị tiết kiệm thời gian đi lại

6.2.2. Giá trị cuộc sống con người

6.2.3. Chiết khấu lợi ích tương lai

6.2.4. Phân tích chi phí hiệu quả

6.3. Kết hợp chi phí và lợi ích

6.3.1. Các vấn đề khác trong phân tích chi phí và lợi ích

6.3.2. Chi phí ngân sách

Chương 7: Lựa chọn chính sách công

7.1. Sự nhất trí tuyệt đối về mức độ hàng hóa công

7.1.1. Mô hình định giá Lindahl

7.1.2. Các vấn đề khó khăn đối với mô hình định giá Lindahl

7.2. Cơ chế tổng hợp sở thích cá nhân

7.2.1. Nền dân chủ tuyệt đối

7.2.2. Biểu quyết đa số

7.2.3. Định lý bất khả thi của Arrow

7.2.4. Định lý cử tri trung vị

7.3. Nền dân chủ đại diện

7.3.1. Các nhà chính trị tối đa hóa lá phiếu

7.3.2. Vận động hành lang

7.3.3. Tính chu kỳ trong nền dân chủ đại diện

7.3.4. Chu kỳ kinh doanh – chính trị

7.4. Sự thất bại của chính phủ

7.4.1. Mở rộng quy mô bộ máy công chức

7.4.2. Lý thuyết Levithan

7.4.3. Tham nhũng

7.4.4. Nghiên cứu tình huống tham nhũng của Việt Nam

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---|------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Tuần 1 | Chương 1: Khu vực công và tài chính công 1.1. Tài chính công và các vấn đề kinh tế vĩ mô 1.1.1. Hiệu quả và sự thất bại thị trường 1.1.2. Cách thức can thiệp của chính phủ | Lý thuyết | Giáo trình <i>Tài chính công</i> | 2 |
| | 1.2. Quy mô và trách nhiệm của | Thảo luận | | 1 |

| | | | | |
|-------------------|---|------------------|----------------------------------|----------|
| | <p>chính phủ</p> <p>1.2.1. Quy mô và tăng trưởng chính phủ</p> <p>1.2.2. Phi tập tập trung hóa</p> <p>1.2.3. Chi tiêu, thuế, thâm hụt và nợ</p> <p>1.2.4. Phân phối nguồn lực</p> <p>1.2.5. Vai trò điều tiết của chính phủ</p> | | | |
| Tuần 2 - 3 | <p>Chương 2: Hiệu quả và công bằng</p> <p>2.1. Tối đa hóa độ thỏa dụng trong điều kiện có giới hạn</p> <p>2.1.1. Sở thích và đường thỏa dụng</p> <p>2.1.2. Giới hạn ngân sách</p> <p>2.1.3. Sự lựa chọn trong điều kiện có giới hạn</p> <p>2.2. Cân bằng xã hội và phúc lợi xã hội</p> <p>2.2.1. Cân bằng xã hội</p> <p>2.2.2. Hiệu quả xã hội</p> <p>2.2.3. Cân bằng cạnh tranh để tối đa hóa phúc lợi xã hội</p> | Lý thuyết | Giáo trình <i>Tài chính công</i> | 2 |
| | <p>2.1.4. Ảnh hưởng của thay đổi giá cả (ảnh hưởng thu nhập và ảnh hưởng thay thế)</p> <p>2.2.4. Hiệu quả xã hội và phúc lợi xã hội (Vai trò công bằng)</p> <p>2.2.5. Nghiên cứu tình huống chính sách phân phối thu nhập của Việt Nam</p> | Thảo luận | | 2 |
| Tuần 3 - 4 | <p>Chương 3: Phân tích ngân sách</p> <p>3.1. Soạn lập ngân sách</p> <p>3.1.1 . Quy trình soạn lập ngân sách</p> <p>3.1.2. Chính sách ngân sách và thâm hụt ngân sách (Trung ương và địa phương)</p> <p>3.2. Đo lường ngân sách</p> <p>3.2.1. Ngân sách danh nghĩa và ngân sách thực</p> <p>3.2.2. Cách tính thâm hụt ngân sách</p> | Lý thuyết | Giáo trình <i>Tài chính công</i> | 2 |

| | | | | |
|-------------------|--|------------------|----------------------------------|----------|
| | 3.3. Nợ và thâm hụt ngân sách trong bối cảnh kinh tế vĩ mô 3.4. Nghiên cứu tình huống về bội chi ngân sách nhà nước Việt Nam | Thảo luận | | 1 |
| Tuần 4 - 5 | Chương 4: Ngoại tác 4.1. Lý thuyết ngoại tác 4.1.1 Ngoại tác tiêu cực 4.1.2. Ngoại tác tích cực 4.2. Những giải pháp của khu vực tư đối với ngoại tác tiêu cực 4.2.1. Giải pháp 4.2.2. Định lý Coase 4.3. Khu vực công và về vấn đề ngoại tác 4.4. Phân biệt giữa cách tiếp cận giá cả và số lượng đối với vấn đề ngoại tác 4.4.1. Mô hình cơ bản 4.4.2. Điều chỉnh giá cả và điều chỉnh số lượng | Lý thuyết | Giáo trình <i>Tài chính công</i> | 2 |
| | Nghiên cứu tình huống về môi trường, giải tỏa đền bù đất đai của Việt Nam | Thảo luận | | 1 |
| Tuần 5 | Kiểm tra giữa kỳ | | | 2 |
| Tuần 6 - 7 | Chương 5: Hàng hóa công 5.1. Cung cấp hàng hóa công tối ưu 5.2. Cung cấp tư nhân về hàng hóa công 5.2.1. Vấn đề người hưởng tự do và cung cấp dưới tiềm năng của khu vực tư 5.2.2. Khu vực tư và sự khắc phục tình trạng người hưởng tự do | Lý thuyết | Giáo trình <i>Tài chính công</i> | 3 |
| | 5.3. Cung cấp công về hàng hóa công 5.3.1. Sự chèn lấn khu vực tư 5.3.2. Đo lường sở thích và tổng hợp sở thích | Thảo luận | | 2 |
| Tuần 7 - 8 | Chương 6: Phân tích lợi ích và chi phí 6.1. Đo lường chi phí dự án công 6.1.1. Đo lường chi phí hiện tại 6.1.2. Đo lường chi phí tương lai 6.2. Đo lường lợi ích dự án công | Lý thuyết | Giáo trình <i>Tài chính công</i> | 4 |

| | | | | |
|------------------|---|------------------|----------------------------------|----------|
| | 6.2.1. Giá trị tiết kiệm thời gian đi lại 6.2.2. Giá trị cuộc sống con người 6.2.3. Chiết khấu lợi ích tương lai 6.2.4. Phân tích chi phí hiệu quả | | | |
| | 6.3. Kết hợp chi phí và lợi ích 6.3.1. Các vấn đề khác trong phân tích chi phí và lợi ích 6.3.2. Chi phí ngân sách | Thảo luận | | 1 |
| Tuần 9-10 | Chương 7: Lựa chọn chính sách công 7.1. Sự nhất trí tuyệt đối về mức độ hàng hóa công 7.1.1. Mô hình định giá Lindahl 7.1.2. Các vấn đề khó khăn đối với mô hình định giá Lindahl 7.2. Cơ chế tổng hợp sở thích cá nhân 7.2.1. Nền dân chủ tuyệt đối 7.2.2. Biểu quyết đa số 7.2.3. Định lý bất khả thi của Arrow 7.2.4. Định lý cử tri trung vị 7.3. Nền dân chủ đại diện 7.3.1. Các nhà chính trị tối đa hóa lá phiếu 7.3.2. Vận động hành lang 7.3.3. Tính chu kỳ trong nền dân chủ đại diện 7.3.4. Chu kỳ kinh doanh – chính trị 7.4. Sự thất bại của chính phủ 7.4.1. Mở rộng quy mô bộ máy công chức 7.4.2. Lý thuyết Levithan | Lý thuyết | Giáo trình <i>Tài chính công</i> | 4 |
| | 7.4.3. Tham nhũng 7.4.4. Nghiên cứu tình huống tham nhũng của Việt Nam | Thảo luận | | 1 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

26. KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

1. Tên học phần: KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 24; Bài tập, Thảo luận: 6)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

+ Về kiến thức: Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong các ngân hàng thương mại, bao gồm hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán... để từ đó sinh viên có cái nhìn bao quát hơn về công tác kế toán ngân hàng trong tổng thể của tổ chức quản lý.

+ Về kỹ năng: Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức này trong nghiên cứu các chính sách chế độ kế toán tổng thể nói chung và các quy định mang tính pháp luật có liên quan đến hệ thống ngân hàng của Việt Nam nói riêng trong lĩnh vực kế toán và áp dụng thực tế công tác kế toán tại các ngân hàng.

+ Thái độ: Nhận thức được vai trò của môn học trong hệ thống các môn học phục vụ chung cho chuyên ngành, để xác định đúng ý thức học tập.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Lộc, *Giáo trình Kế toán Ngân hàng Thương mại*, NXB Tài chính, 2007.

[2]. Lê Thị Kim Liên, *Giáo trình kế toán ngân hàng*, NXB ĐH Huế, 2007.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Tổng quan về kế toán ngân hàng

- 1.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của Kế toán Ngân hàng.
- 1.2. Đặc điểm của Kế toán Ngân hàng.
- 1.3. Hệ thống tài khoản kế toán Ngân hàng.
- 1.4. Chứng từ kế toán Ngân hàng.
- 1.5. Tổ chức công tác kế toán Ngân hàng.

Chương 2: Kế toán nguồn vốn của ngân hàng

- 2.1. Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.
- 2.2. Kế toán nguồn vốn huy động.
 - 2.2.3. Phương pháp kế toán nguồn vốn huy động.

Chương 3: Kế toán tài sản phục vụ kinh doanh

- 3.1. Kế toán nghiệp vụ tiền mặt.
- 3.2. Kế toán nghiệp vụ tiền gửi.
- 3.3. Kế toán tài sản cố định và công cụ dụng cụ.

Chương 4: Kế toán nghiệp vụ kinh doanh

- 4.1. Kế toán nghiệp vụ tín dụng.
- 4.2. Kế toán các nghiệp vụ đầu tư và kinh doanh chứng khoán.
- 4.3. Kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ.

Chương 5: Kế toán nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng

- 5.1. Khái quát nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng.
- 5.2. Phương pháp kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng.

Chương 6: Kế toán thanh toán liên ngân hàng

- 6.1. Khái quát chung về nghiệp vụ thanh toán giữa các ngân hàng.
- 6.2. Kế toán thanh toán chuyển tiền điện tử.
- 6.3. Kế toán thanh toán điện tử.
- 6.4. Kế toán thanh toán bù trừ giao nhận chứng từ trực tiếp (bù trừ thủ công).

6.5. Kế toán thanh toán bù trừ điện tử.

6.6. Kế toán thanh toán qua tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước.

Chương 7: Kế toán thu nhập – chi phí và xác định kết quả kinh doanh

7.1. Khái quát về thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận ngân hàng.

7.2. Nguyên tắc kế toán và điều kiện ghi nhận thu nhập, chi phí.

7.3. Phương pháp kế toán.

Chương 8: Báo cáo kế toán tài chính

8.1. Khái quát hệ thống báo cáo tài chính.

8.2. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.

8.3. Hệ thống báo cáo tài chính

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|--|------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Tuần 0 | - Giới thiệu Đề cương môn học, cách thực hiện các mục tiêu môn học - Tài liệu chính - Phân công nhóm học tập | Lý thuyết | | 3 |
| | - Mục đích, yêu cầu môn học | Thảo luận | | |
| | - Nội dung cơ bản của môn học, tài liệu tham khảo | Tự NC | | |
| | - Phương pháp nghiên cứu | Tư vấn | | |
| Tuần 1 | Chương 1 | | | 3 |
| | Ngân hàng NNVN Ngân hàng thương mại | Lý thuyết | Một số khái niệm cơ bản | |
| | - Quá trình hình thành và phát triển của kế toán - Các phương pháp kế toán | Tự NC | | |
| | Chuẩn mực kế toán 01 | Tư vấn | | |
| Tuần 2-3 | Chương 2 | | | 3 |
| | - Kế toán nghiệp vụ huy động vốn | Lý thuyết | - Các tình huống thực hành | |
| | Các hình thức huy động vốn | Thảo luận | | |
| | - Chứng từ và tài khoản | Tự NC | Trình bày | |

| | | | | |
|---------------------|--|---------------|---|---|
| | Trang web kế toán | Khác | | |
| Tuần 4-5 | Chương 3 | | | 3 |
| | - Phương pháp hạch toán - Kế toán TSCĐ mua sắm, thanh lý, điều chuyển | Lý thuyết | VD cụ thể | |
| | Cơ chế quản lý TSCĐ | Thảo luận | | |
| | - Các vấn đề chung về ngân quỹ - Các trường hợp kế toán TSCĐ khác | Tự NC | | |
| | Luật kế toán | Tư vấn | | |
| | Luật ngân hàng NN | Khác | | |
| Tuần 6-7-8 | Chương 4 | | | 3 |
| | - Quy trình tín dụng trong ngân hàng - Phương pháp kế toán nghiệp vụ tín dụng | Lý thuyết | | |
| | Quy trình tín dụng | Thảo luận | Ví dụ thực hành | |
| | Bài tập tổng hợp | Làm việc nhóm | Hệ thống sổ sách | |
| | Chứng từ và các quy định | Tự NC | | |
| | Chuẩn mực kế toán | Tư vấn | | |
| Tuần 9 – 10 | Chương 5 – Chương 6 | | | 3 |
| | Kế toán thanh toán giữa các ngân hàng | Lý thuyết | Các NVKT có liên quan đã nghiên cứu | |
| | Kế toán tổng hợp các phần hành | Làm việc nhóm | Các tình huống cụ thể Mẫu sổ kế toán | |
| | Các hình thức thanh toán | Tự NC | | |
| | Quy định về hệ thống chứng từ tài khoản trong các TCTD | Tư vấn | | |
| Tuần 11 | Kiểm tra giữa kỳ | | | 3 |
| Tuần 12 - 13 | Chương 7 | | | 3 |
| | Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu | Lý thuyết | Mẫu sổ, phương pháp lập | |
| | Kế toán xác định kết quả | Làm việc nhóm | Ví dụ liên kết | |
| | Hệ thống tài khoản, chứng từ | Tự NC | | |
| Tuần 14 - 15 | Chương 8 | | | 3 |
| | Bảng cân đối kế toán | Lý thuyết | Mẫu sổ, phương | |

| | | | | |
|--|---|-------|----------------------------|--|
| | Báo cáo kết quả kinh doanh | | pháp lập | |
| | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Thuyết minh BCTC | Tự NC | Mẫu số, phương pháp lập | |
| | Vận dụng lập báo cáo kế toán (tự hoàn thiện) | Khác | | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

27. KẾ TOÁN QUỐC TẾ

1. Tên học phần: KẾ TOÁN QUỐC TẾ

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26; Bài tập, Thảo luận: 4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu của học phần:

- Mục tiêu về kiến thức:

+ Học phần này nhằm cung cấp kiến thức bổ trợ giúp cho sinh viên có thêm kiến thức cơ bản về kế toán tài chính của Mỹ đồng thời giúp cho sinh viên hiểu biết về thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành kế toán được sử dụng trong hệ thống kế toán Mỹ

+ So sánh được sự khác nhau giữa kế toán Mỹ và kế toán Việt Nam

- Mục tiêu về kỹ năng:

+ Thực hiện được công việc hạch toán cơ bản theo hệ thống kế toán Mỹ bằng tiếng việt và bằng tiếng anh.

+ Hoàn thiện chu kỳ kế toán thông qua các bước cơ bản, nhằm xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ hạch toán

+ Lập được các báo cáo tài chính cơ bản bằng tiếng việt và bằng tiếng anh

+ Hiểu được các thuật ngữ tiếng anh cơ bản của kế toán.

- Mục tiêu về thái độ:

+ Sinh viên có cái nhìn tổng thể hơn khi áp dụng kế toán trong hệ thống KT Việt Nam

+ Có sự tư duy tốt khi áp dụng các chuẩn mực kế toán vào thực tế

7. Mô tả môn học

Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức bổ trợ, nội dung môn học bao gồm: Khái quát những vấn đề cơ bản về kế toán quốc tế, tìm hiểu mô hình kế toán Mỹ làm nội dung chính cho nghiên cứu và học tập.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. *Giáo trình Kế toán quốc tế* - Đại học Kinh tế quốc dân

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 30%.

- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần: 90 phút, trọng số 70%
- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Khái quát về kế toán quốc tế và các chuẩn mực kế toán quốc tế

- 1.1. Sự cần thiết khách quan và lịch sử hình thành của kế toán quốc tế
- 1.2. Nguyên tắc xây dựng các chuẩn mực kế toán quốc tế, chức năng, nhiệm vụ của kế toán QT
- 1.3. Cơ cấu, chức năng và quyền hạn của uỷ ban chuẩn mực kế toán quốc tế
- 1.4. Khái quát hệ thống các chuẩn mực kế toán quốc tế và hệ thống chuẩn mực kế toán VN

Chương 2: Tổng quan về kế toán Mỹ

- 2.1. Mục đích và đặc điểm của kế toán Mỹ
- 2.2. Hệ thống kế toán
- 2.3. Kế toán tài chính và kế toán quản trị
- 2.4. Nghề kế toán và những lĩnh vực chuyên môn
- 2.5. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận

Chương 3: Quy trình kế toán và các báo cáo tài chính cơ bản

- 3.1. Tóm tắt các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp
- 3.2. Ghi chép dữ liệu
- 3.3. Điều chỉnh các tài khoản
- 3.4. Lập các bút toán khoá sổ tài khoản
- 3.5. Lập bảng cân đối số dư sau khoá sổ
- 3.6. Báo cáo tài chính cơ bản

Chương 4: Kế toán mua và bán hàng trong doanh nghiệp thương mại

- 4.1. Khái quát về doanh nghiệp thương mại
- 4.2. Kế toán quá trình mua hàng
- 4.3. Kế toán quá trình bán hàng
- 4.4. Giá vốn hàng bán
- 4.5. Chi phí hoạt động kinh doanh
- 4.6. Các bút toán khoá sổ
- 4.7. Nhật ký đặc biệt

Chương 5: Kế toán tài sản lưu động

- 5.1. Khái quát về tài sản lưu động
- 5.2. Kế toán tiền
- 5.3. Kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn
- 5.4. Kế toán khoản phải thu
- 5.5. Kế toán thương phiếu phải thu
 - 5.5.1. Nội dung
- 5.6. Kế toán hàng tồn kho

Chương 6: Kế toán tài sản cố định

- 6.1. Tổng quát về tài sản cố định
- 6.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình
- 6.3. Kế toán tài sản cố định vô hình
- 6.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định

Chương 7: Kế toán nợ phải trả

- 7.1. Tổng quan về nợ phải trả
- 7.2. Kế toán phải trả người cung cấp
- 7.3. Kế toán thương phiếu phải trả
- 7.4. Kế toán thương phiếu phải trả dài hạn
- 7.5. Kế toán hợp đồng thuê vốn
- 7.6. Kế toán trái phiếu
- 7.7. Bút toán điều chỉnh đối với thương phiếu

Chương 8: Kế toán vốn chủ sở hữu

- 8.1. Công ty hợp danh
- 8.2. Công ty cổ phần
- 8.3. Doanh nghiệp tư nhân

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tiết thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Ghi chú |
|-----------------|--|------------------------------------|------------------------------------|----------------|
| 1 | 1.1. Sự cần thiết khách quan và lịch sử hình thành của kế toán quốc tế | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 2 | 1.2. Nguyên tắc xây dựng các | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |

| | | | | |
|-------|--|-----------|--|--|
| | chuẩn mực kế toán quốc tế, chức năng, nhiệm vụ của kế toán quốc tế | | | |
| 3 | 1.3. Cơ cấu, chức năng và quyền hạn của uỷ ban chuẩn mực kế toán quốc tế | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 4 | 2.1. Mục đích và đặc điểm của kế toán Mỹ 2.2. Hệ thống kế toán | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 5 | 2.3. Kế toán tài chính và kế toán quản trị | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 6 | 2.4. Nghề kế toán và những lĩnh vực chuyên môn 2.5. Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 7 - 9 | Quy trình xây dựng các chuẩn mực và các chuẩn mực kế toán quốc tế đã ban hành | Thảo luận | Đọc tài liệu, chuẩn bị ý kiến về nội dung các chuẩn mực. Đánh giá | |
| 10 | 3.1. Tóm tắt nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp 3.2. Ghi chép tài liệu | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 11 | 3.3. Điều chỉnh các tài khoản | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 12 | 3.4. Lập các bút toán khóa sổ tài khoản | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 13 | 3.5. Bảng cân đối số dư sau khóa sổ 3.6. Báo cáo tài chính cơ bản | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 14-15 | So sánh chu kỳ kế toán Việt Nam và chu kỳ kế toán trong hệ thống kế toán Mỹ | Thảo luận | Đọc tài liệu, chuẩn bị các nội dung về chu kỳ kế toán Việt Nam và kế toán Mỹ | |
| 15 | 4.1. Khái quát về doanh nghiệp thương mại 4.2 Kế toán quá trình mua hàng | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 16 | 4.3 Kế toán quá trình bán hàng | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 17 | 4.4. Giá vốn hàng bán 4.5. Chi phí hoạt động kinh doanh | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 18 | 4.6. Các bút toán khoá sổ | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 19 | 4.7. Nhật ký đặc biệt | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |

| | | | | |
|-------|--|-----------|---|--|
| 20 | 5.1. Khái quát về tài sản lưu động 5.2. Kế toán tiền | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 21-22 | Kiểm tra giữa học phần | Kiểm toán | Làm bài kiểm tra | |
| 23 | 5.3. Kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn 5.4. Kế toán khoản phải thu | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 24 | 5.5. Kế toán thương phiếu phải thu 5.6. Kế toán hàng tồn kho | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 25-26 | Phương pháp xác định nguyên giá cho các tài sản cố định trong doanh nghiệp | Thảo luận | Đọc tài liệu, chuẩn bị các nội dung về phương pháp xác định NG TSCĐ | |
| 27 | 6.1. Tổng quát về tài sản cố định 6.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 28 | 6.3. Kế toán tài sản cố định vô hình 6.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 29 | 7.1. Tổng quan về nợ phải trả 7.2. Kế toán phải trả người cung cấp | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 30 | 8.1. Công ty hợp danh | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 31 | 8.2. Công ty cổ phần 8.3. Doanh nghiệp tư nhân | Lý thuyết | Đọc tài liệu | |
| 32-34 | Phân biệt các loại hình Doanh nghiệp - Ưu, nhược điểm của từng loại hình DN | Thảo luận | Đọc tài liệu, chuẩn bị ý kiến về các loại hình doanh nghiệp | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

28. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN

1. Tên học phần: Chuẩn mục kế toán

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 02

4. Trình độ sinh viên năm thứ:

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu môn học

+ **Về kiến thức:** Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về chuẩn mục kế toán, giới thiệu về các chuẩn mục cơ bản trong kế toán. Đây là nền tảng khoa học có tính chất pháp lý, hướng dẫn về chế độ hạch toán kế toán trong đơn vị HCSN và trong doanh nghiệp.

+ **Về kỹ năng:** Sinh viên có được các kiến thức cơ bản chuẩn mục kế toán hướng dẫn về chế độ hạch toán kế toán hành chính sự nghiệp và kế toán doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán HCSN, kế toán ngân hàng... dưới các hoạt động nghiên cứu khoa học; sử dụng kế toán làm công cụ quản lý có hiệu quả các hoạt động kinh tế tài chính, thúc đẩy sự phát triển của các đơn vị và nền kinh tế

+ **Thái độ:** Nhận thức được vai trò của môn học trong hệ thống các môn học phục vụ chung cho chuyên ngành, để xác định đúng ý thức học tập.

7. Mô tả tóm tắt nội dung môn học

Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

8. Học liệu

+ **Giáo trình chính**

Giáo trình Chuẩn mục kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD

NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2017

+ **Tài liệu tham khảo**

[1]. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, Bộ tài chính, NXB tài chính

[2]. Quyết định ban hành, công bố 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Số 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001; Số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002; Số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31/12/2003; Số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005; Số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005).

[3]. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

.9. Đánh giá học phần

- Điểm đánh giá bộ phận chấm theo thang điểm 10 với trọng số như sau:

+ Thảo luận, bài tập: 10 %

+ Kiểm tra giữa học phần: 20%

+ Chuyên cần: 10%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 60%

+ Hình thức thi: thi tự luận

- Điểm học phần là điểm trung bình chung có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.

10. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

(Tổng số tiết: 02; Số tiết lý thuyết: 02;)

I. Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

1. Một số khái niệm

2. Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

3. Tác dụng của hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

II. Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

1. Yêu cầu xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

2. Nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

III. Khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán dự kiến ban hành, công bố:

2. Hai sáu (26) chuẩn mực kế toán đã ban hành, công bố (đến 31/12/2005)

CHƯƠNG 2

CHUẨN MỰC CHUNG

(Tổng số tiết: 03; Số tiết lý thuyết: 02; Số tiết thảo luận: 01)

I. Mục đích của chuẩn mực

II. Nội dung của chuẩn mực

1. Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1.1. Cơ sở dồn tích

1.2. Hoạt động liên tục:

1.3. Giá gốc:

1.4. Phù hợp:

1.5. Nhất quán:

1.6. Thận trọng:

1.7. Trọng yếu:

2. Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán

2.1. Trung thực:

2.2. Khách quan:

2.3. Đầy đủ:

2.4. Kịp thời:

2.5. Dễ hiểu:

2.6. Có thể so sánh:

3. Các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC

3.1. Các yếu tố liên quan đến việc đánh giá tình hình tài chính

3.2. Các yếu tố liên quan đến tình hình kinh doanh của DN

CHƯƠNG 3

CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN CỤ THỂ

(Tổng số tiết: 15; Số tiết lý thuyết: 12; Số tiết thảo luận: 03)

I. Chuẩn mực Hàng tồn kho (CM số 02)

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng:

1.1. Mục đích

1.2. Các thuật ngữ

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Xác định giá trị hàng tồn kho

2.2. Ghi nhận chi phí

2.3. Trình bày BCTC

II. Chuẩn mực TSCĐ hữu hình (CM số 03)

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng:

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Ghi nhận TSCĐH

2.2. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

2.3. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu

2.4. Khấu hao

2.5. Nhượng bán và thanh lý TSCĐH

2.6. Trình bày BCTC`

III. Chuẩn mực TSCĐVH (CM số 04)

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung của chuẩn mực

2.1. Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

2.2. Ghi nhận chi phí

2.3. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

2.4. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu

2.5. Khấu hao

2.6. Nhượng bán và thanh lý TSCĐVH

2.7. Trình bày BCTC

IV. Chuẩn mực BĐS đầu tư (CM số 05)

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung của chuẩn mực

2.1. Điều kiện ghi nhận bất động sản đầu tư

2.2. Xác định giá trị ban đầu

2.3. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

2.4. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu

2.5. Chuyển đổi mục đích sử dụng

2.6. Thanh lý

2.7. Trình bày BCTC

V. Chuẩn mực Thuê tài sản (CM số 06)

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung của chuẩn mực

2.1. Phân loại thuê tài sản căn cứ vào mức độ chuyển giao các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản của bên cho thuê cho bên thuê.

2.2. Ghi nhận thuê tài sản

2.3. Giao dịch bán và thuê lại tài sản

2.4. Trình bày BCTC

VI. Chuẩn mực Các khoản đầu tư vào công ty liên kết (CM số 07)

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung của chuẩn mực

2.1. Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

2.2. Phương pháp vốn chủ sở hữu

2.3. Phương pháp giá gốc

3. Các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC

3.1. Các yếu tố liên quan đến việc đánh giá tình hình tài chính

3.2. Các yếu tố liên quan đến tình hình kinh doanh của DN

VII. Chuẩn mực Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh (CM số 08)

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Các hình thức liên doanh

2.2. Đặc điểm chung của các hình thức liên doanh

2.3. Nghiệp vụ giao dịch giữa bên góp vốn liên doanh và liên doanh

2.4. Trình bày BCTC

VIII. Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Đối với DN có các giao dịch bằng ngoại tệ

2.1.1. Ghi nhận ban đầu

2.1.2. Báo cáo tại ngày lập Bảng cân đối kế toán

2.1.3. Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái

3. Các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC

3.1. Các yếu tố liên quan đến việc đánh giá tình hình tài chính

3.2. Các yếu tố liên quan đến tình hình kinh doanh của DN

IX. Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Xác định doanh thu

2.2. Doanh thu bán hàng

2.3. Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4. Thu nhập khác

2.5. Trình bày BCTC

X. Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Ghi nhận chi phí đi vay

2.2. Xác định chi phí đi vay được vốn hoá

2.3. Thời điểm bắt đầu vốn hoá

2.4. Tạm ngừng vốn hoá

2.5. Chấm dứt việc vốn hoá

2.6. Trình bày BCTC

XI. Chuẩn mực kế toán số 17 - Thuế thu nhập DN

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực

2.1.1. Cơ sở tính thuế thu nhập của một tài sản

2.1.2. Cơ sở tính thuế thu nhập của một khoản nợ phải trả

2.2. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập

2.2.1. Đối với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành

2.2.2. Đối với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại

2.3. Chênh lệch vĩnh viễn và chênh lệch tạm thời

2.3.1. Sự khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế hiện hành

2.3.2. Chênh lệch vĩnh viễn và chênh lệch tạm thời

2.4. Thuế TNDN hoãn lại

2.4.1. Phương pháp xác định

2.4.2. Thuế thu nhập DN hoãn lại phải trả

2.4.3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

2.5. Trình bày BCTC

XII. Chuẩn mực kế toán số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực

2.1. Phân biệt các khoản dự phòng và các khoản nợ phải trả và mối quan hệ giữa các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng

2.2. Hạch toán các khoản dự phòng

2.2.1. Nguyên tắc ghi nhận

2.2.2. Xác định giá trị

2.2.3. Áp dụng nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị

2.3. Hạch toán nợ tiềm tàng

2.4. Hạch toán tài sản tiềm tàng

CHƯƠNG 4

CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VỀ TRÌNH BÀY BCTC

(Tổng số tiết: 08; Số tiết lý thuyết: 06; Số tiết thảo luận: 02)

I. Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày BCTC

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực

2.1. Mục đích của BCTC

2.2. Trách nhiệm lập và trình bày BCTC

2.3. Hệ thống BCTC

2.4. Yêu cầu lập và trình bày BCTC

2.5. Chính sách kế toán

2.6. Nguyên tắc lập và trình bày BCTC

II. Chuẩn mực kế toán số 22 - Trình bày bổ sung BCTC của các ngân hàng và các tổ chức tín dụng tương tự

1. Mục đích

2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực

2.1. Chính sách kế toán

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.3. Bảng cân đối kế toán

2.4. Tổn thất của khoản cho vay và ứng trước

2.5. Dự phòng rủi ro chung trong hoạt động của Ngân hàng

2.6. Tài sản được sử dụng để đảm bảo

2.7. Hoạt động nhận uỷ thác

2.8. Giao dịch các bên liên quan

III. Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực

2.1. Khái niệm, tác dụng của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2. Trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.3. Phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.3.1. Đối với luồng tiền từ hoạt động kinh doanh

2.3.2. Luồng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

2.3.3. Báo cáo các luồng tiền trên cơ sở thuần

2.3.4. Các luồng tiền liên quan đến ngoại tệ

2.3.5. Các luồng tiền liên quan đến tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận thu được

2.3.6. Các luồng tiền liên quan đến thuế thu nhập DN

2.3.7. Các luồng tiền liên quan đến mua và thanh lý các công ty con hoặc các đơn vị kinh doanh

khác

2.3.8. Các giao dịch không bằng tiền

2.3.9. Các khoản mục của tiền và tương đương tiền

2.3.10. Các thuyết minh khác

IV. Chuẩn mực kế toán số 11 - Hợp nhất kinh doanh

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực

2.1. Các hình thức hợp nhất kinh doanh

2.2. Phương pháp kế toán

2.2.1. Phương pháp mua

2.2.2. Kế toán ban đầu được xác định tạm thời

2.2.3. Các điều chỉnh sau khi kế toán ban đầu hoàn tất

2.2.4. Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại sau khi hoàn tất việc kế toán ban đầu

2.2.5. Trình bày BCTC

V. Chuẩn mực kế toán số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Phạm vi của BCTC hợp nhất

2.2. Trình tự hợp nhất

2.3. Trình bày khoản đầu tư vào công ty con trong BCTC riêng của công ty mẹ

2.4. Trình bày BCTC hợp nhất

VI. Chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Các bên liên quan

2.2. Trình bày BCTC

VII. Chuẩn mực kế toán số 27 - BCTC giữa niên độ

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.2. Nội dung BCTC tóm lược giữa niên độ

2.3. Phần thuyết minh được lựa chọn

2.4. Trình bày việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

2.5. Các kỳ kế toán phải trình bày trong BCTC giữa niên độ

2.6. Tính trọng yếu

2.7. Thông tin được trình bày trong Bản thuyết minh BCTC năm

2.8. Ghi nhận và xác định giá trị

VIII. Chuẩn mực kế toán số 28 - BCTC bộ phận

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Xác định các bộ phận phải báo cáo

2.2.1. Báo cáo chính yếu và thứ yếu

2.2.2. Các lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

2.2.3. Các bộ phận cần báo cáo

2.2. Chính sách kế toán của bộ phận

2.3. Báo cáo đối với bộ phận chính yếu

2.4. Báo cáo đối với bộ phận thứ yếu

IX. Chuẩn mực kế toán số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

2.1. Ghi nhận và xác định

2.2.1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh

2.2.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần điều chỉnh

2.2. Cổ tức

2.3. Hoạt động liên tục

2.4. Trình bày BCTC

2.4.1. Ngày phát hành BCTC

2.4.2. Trình bày về sự kiện tồn tại trong kỳ kế toán năm

2.4.3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần điều chỉnh

X. Chuẩn mực kế toán số 29 - Thay đổi các chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót

1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng

2. Nội dung chuẩn mực

- 2.1. Thay đổi chính sách kế toán
 - 2.1.1. Tính nhất quán của chính sách kế toán
 - 2.1.2. Thay đổi chính sách kế toán
 - 2.1.3. Áp dụng các thay đổi trong chính sách kế toán
 - 2.1.4. Áp dụng hồi tố
- 2.2. Thay đổi ước tính kế toán
- 2.3. Sai sót
- 2.4. Trình bày
 - 2.4.1. Trình bày về thay đổi chính sách kế toán
 - 2.4.2. Trình bày về thay đổi ước tính kế toán
 - 2.4.3. Trình bày sai sót của các kỳ trước

XI. Chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng
- 2. Nội dung chuẩn mực
 - 2.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu
 - 2.2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu
 - 2.3. Trình bày BCTC

CHƯƠNG 5

CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ĐẶC THÙ NGÀNH

(Tổng số tiết: 02; Số tiết lý thuyết: 02)

I. Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng

- 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng
- 2. Nội dung chuẩn mực
 - 2.1. Doanh thu của hợp đồng xây dựng
 - 2.2. Chi phí của hợp đồng xây dựng
 - 2.3. Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng
 - 2.4. Trình bày báo cáo tài chính

II. Chuẩn mực kế toán số 19 - Hợp đồng bảo hiểm

- 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng
- 2. Nội dung chuẩn mực

- 2.1. Công cụ phái sinh
- 2.2. Công khai khoản tiền đặt cọc
- 2.3. Áp dụng chính sách kế toán
- 2.4. Kiểm tra tính đầy đủ của các khoản nợ bảo hiểm
- 2.5. Những thay đổi trong chính sách kế toán
- 2.6. Trình bày BCTC

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần n thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|------------------|--|-----------------------------------|--|---------------------|
| Tuần 01 | <p>I. Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số khái niệm 2. Tính tất yếu khách quan của việc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 3. Tác dụng của hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam <p>II. Yêu cầu và nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam 2. Nguyên tắc xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam <p>III. Khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống chuẩn mực kế toán dự kiến ban hành, công bố: 2. Hai sáu (26) chuẩn mực kế toán đã ban hành, công bố (đến 31/12/2005) | Lý thuyết | <p>Giáo trình Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2017</p> | |

| | | | | |
|-------------------|--|-----------|---|--|
| Tuần 2 | <p style="text-align: center;">CHƯƠNG 2 CHUẨN MỤC CHUNG</p> <p>I. Mục đích của chuẩn mực II. Nội dung của chuẩn mực</p> <p>1. Các nguyên tắc kế toán cơ bản</p> <p>1.1. Cơ sở dồn tích 1.2. Hoạt động liên tục 1.3. Giá gốc 1.4. Phù hợp 1.5. Nhất quán 1.6. Thận trọng 1.7. Trọng yếu</p> <p>3. Các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC</p> <p>3.1. Các yếu tố liên quan đến việc đánh giá tình hình tài chính 3.2. Các yếu tố liên quan đến tình hình kinh doanh của DN</p> | Lý thuyết | <p>Giáo trình Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2017 Quyết định số 165/QĐ-BTC Ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính.</p> | |
| | 2. Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán | Thảo luận | | |
| Tuần 03- 07 | <p style="text-align: center;">CHƯƠNG 3 CÁC CHUẨN MỤC KẾ TOÁN CỤ THỂ</p> <p>I. Chuẩn mực Hàng tồn kho (CM số 02)</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng:</p> <p>1.1. Mục đích 1.2. Các thuật ngữ</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Xác định giá trị hàng tồn kho 2.2. Ghi nhận chi phí 2.3. Trình bày BCTC</p> | Lý thuyết | <p>- Giáo trình Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2017 - Quyết định số 149/QĐ-BTC Ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính</p> | |
| | <p>Chuẩn mực TSCĐ hữu hình (CM số 03)</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng:</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Ghi nhận TSCĐHH 2.2. Chi phí phát sinh sau ghi nhận</p> | Lý thuyết | <p>Giáo trình Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên</p> | |

| | | | | |
|--|--|------------------|---|--|
| | <p>ban đầu</p> <p>2.3. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu</p> <p>2.4. Khấu hao</p> <p>2.5. Nhượng bán và thanh lý TSCĐHH</p> <p>2.6. Trình bày BCTC`</p> | | <p>năm 2017</p> <p>Quyết định số 149/QĐ-BTC</p> <p>Ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính</p> | |
| | <p>Chuẩn mực TSCĐVH (CM số 04)</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung của chuẩn mực</p> <p>2.1. Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu</p> <p>2.2. Ghi nhận chi phí</p> <p>2.3. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu</p> <p>2.4. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu</p> <p>2.5. Khấu hao</p> <p>2.6. Nhượng bán và thanh lý TSCĐVH</p> <p>2.7. Trình bày BCTC</p> | <p>Lý thuyết</p> | <p>Giáo trình Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD</p> <p>NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2017</p> <p>Quyết định số 149/QĐ-BTC</p> <p>Ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính</p> | |
| | <p>Chuẩn mực BĐS đầu tư (CM số 05)</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung của chuẩn mực</p> <p>2.1. Điều kiện ghi nhận bất động sản đầu tư</p> <p>2.2. Xác định giá trị ban đầu</p> <p>2.3. Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu</p> <p>2.4. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu</p> <p>2.5. Chuyển đổi mục đích sử dụng</p> <p>2.6. Thanh lý</p> <p>2.7. Trình bày BCTC</p> | <p>Thảo luận</p> | <p>Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31/12/2003</p> | |
| | <p>Chuẩn mực Thuê tài sản (CM số 06)</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung của chuẩn mực</p> <p>2.1. Phân loại thuê tài sản căn cứ vào mức độ chuyển giao các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài</p> | <p>Thảo luận</p> | <p>Quyết định số 165/QĐ-BTC</p> <p>Ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính.</p> | |

| | | | | |
|--|---|------------------|--|--|
| | <p>sản của bên cho thuê cho bên thuê.</p> <p>2.2. Ghi nhận thuê tài sản</p> <p>2.3. Giao dịch bán và thuê lại tài sản</p> <p>2.4. Trình bày BCTC</p> | | | |
| | <p>Chuẩn mực Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh (CM số 08)</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Các hình thức liên doanh</p> <p>2.2. Đặc điểm chung của các hình thức liên doanh</p> <p>2.3. Nghiệp vụ giao dịch giữa bên góp vốn liên doanh và liên doanh</p> <p>2.4. Trình bày BCTC</p> | | <p>Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31/12/2003 của Bộ trưởng BTC</p> | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Đối với DN có các giao dịch bằng ngoại tệ</p> <p>2.1.1. Ghi nhận ban đầu</p> <p>2.1.2. Báo cáo tại ngày lập Bảng cân đối kế toán</p> <p>2.1.3. Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái</p> <p>3. Các yếu tố và ghi nhận các yếu tố của BCTC</p> <p>3.1. Các yếu tố liên quan đến việc đánh giá tình hình tài chính</p> <p>3.2. Các yếu tố liên quan đến tình hình kinh doanh của DN</p> | <p>Lý thuyết</p> | <p>Quyết định số 165/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC</p> | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Xác định doanh thu</p> <p>2.2. Doanh thu bán hàng</p> <p>2.3. Doanh thu cung cấp dịch vụ</p> <p>2.4. Thu nhập khác</p> | <p>Lý thuyết</p> | <p>Quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của BTC</p> | |

| | | | | |
|--|---|-----------|--|--|
| | 2.5. Trình bày BCTC | | | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng 2. Nội dung chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Ghi nhận chi phí đi vay 2.2. Xác định chi phí đi vay được vốn hoá 2.3. Thời điểm bắt đầu vốn hoá 2.4. Tạm ngừng vốn hoá 2.5. Chấm dứt việc vốn hoá 2.6. Trình bày BCTC | Thảo luận | Quyết định số 165/QĐ-BTC ngày 31/12/2005 của Bộ trưởng BTC | |
| | | | | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 17 - Thuế thu nhập DN</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng 2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1.1. Cơ sở tính thuế thu nhập của một tài sản 2.1.2. Cơ sở tính thuế thu nhập của một khoản nợ phải trả 2.2. Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập <ol style="list-style-type: none"> 2.2.1. Đối với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành 2.2.2. Đối với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại 2.3. Chênh lệch vĩnh viễn và chênh lệch tạm thời <ol style="list-style-type: none"> 2.3.1. Sự khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế hiện hành 2.3.2. Chênh lệch vĩnh viễn và chênh lệch tạm thời 2.4. Thuế TNDN hoãn lại <ol style="list-style-type: none"> 2.4.1. Phương pháp xác định 2.4.2. Thuế thu nhập DN hoãn lại phải trả 2.4.3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại 2.5. Trình bày BCTC | Lý thuyết | Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng BTC | |

| | | | | |
|----------|--|-----------|---|--|
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng 2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Phân biệt các khoản dự phòng và các khoản nợ phải trả và mối quan hệ giữa các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng 2.2. Hạch toán các khoản dự phòng <ol style="list-style-type: none"> 2.2.1. Nguyên tắc ghi nhận 2.2.2. Xác định giá trị 2.2.3. Áp dụng nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị 2.3. Hạch toán nợ tiềm tàng 2.4. Hạch toán tài sản tiềm tàng | Thảo luận | Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng BTC | |
| Tuần 8-9 | <p style="text-align: center;">CHƯƠNG 4 CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VỀ TRÌNH BÀY BCTC</p> <p>I. Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày BCTC</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng 2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Mục đích của BCTC 2.2. Trách nhiệm lập và trình bày BCTC 2.3. Hệ thống BCTC 2.4. Yêu cầu lập và trình bày BCTC 2.5. Chính sách kế toán 2.6. Nguyên tắc lập và trình bày BCTC | Lý thuyết | Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 22 - Trình bày bổ sung BCTC của các ngân hàng và các tổ chức tín dụng tương tự</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích 2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Chính sách kế toán 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Thảo luận | Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 | |

| | | | | |
|----------------------|--|-----------|--|--|
| | <p style="text-align: center;">h</p> <p>2.3. Bảng cân đối kế toán</p> <p>2.4. Tổn thất của khoản cho vay và ứng trước</p> <p>2.5. Dự phòng rủi ro chung trong hoạt động của NH</p> <p>2.6. Tài sản được sử dụng để đảm bảo</p> <p>2.7. Hoạt động nhận ủy thác</p> <p>2.8. Giao dịch các bên liên quan</p> | | | |
| 2.3. Phương pháp lập | <p>Chuẩn mực kế toán số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực</p> <p>2.1. Khái niệm, tác dụng của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>2.2. Trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p> <p>2.3.1. Đối với luồng tiền từ hoạt động kinh doanh</p> <p>2.3.2. Luồng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính</p> <p>2.3.3. Báo cáo các luồng tiền trên cơ sở thuần</p> <p>2.3.4. Các luồng tiền liên quan đến ngoại tệ</p> <p>2.3.5. Các luồng tiền liên quan đến tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận thu được</p> <p>2.3.6. Các luồng tiền liên quan đến thuế thu nhập DN</p> <p>2.3.7. Các luồng tiền liên quan đến mua và thanh lý các công ty con hoặc các đơn vị kinh doanh khác</p> <p>2.3.8. Các giao dịch không bằng tiền</p> <p>2.3.9. Các khoản mục của tiền và tương đương tiền</p> <p>2.3.10. Các thuyết minh khác</p> | Lý thuyết | Quyết định số 165/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 11 - Hợp nhất kinh doanh</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử</p> | Thảo luận | Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày | |

| | | | | |
|--|--|------------------|--|--|
| | <p>dụng</p> <p>2. Nội dung cơ bản của chuẩn mực</p> <p>2.1. Các hình thức hợp nhất kinh doanh</p> <p>2.2. Phương pháp kế toán</p> <p>2.2.1. Phương pháp mua</p> <p>2.2.2. Kế toán ban đầu được xác định tạm thời</p> <p>2.2.3. Các điều chỉnh sau khi kế toán ban đầu hoàn tất</p> <p>2.2.4. Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại sau khi hoàn tất việc kế toán ban đầu</p> <p>2.2.5. Trình bày BCTC</p> | | <p>28/12/2005 của Bộ trưởng BTC</p> | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Phạm vi của BCTC hợp nhất</p> <p>2.2. Trình tự hợp nhất</p> <p>2.3. Trình bày khoản đầu tư vào công ty con trong BCTC riêng của công ty mẹ</p> <p>2.4. Trình bày BCTC hợp nhất</p> | <p>Thảo luận</p> | <p>Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng BTC</p> | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 27 - BCTC giữa niên độ</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.2. Nội dung BCTC tóm lược giữa niên độ</p> <p>2.3. Phần thuyết minh được lựa chọn</p> <p>2.4. Trình bày việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam</p> <p>2.5. Các kỳ kế toán phải trình bày trong BCTC giữa niên độ</p> <p>2.6. Tính trọng yếu</p> <p>2.7. Thông tin được trình bày trong Bản thuyết minh BCTC năm</p> | <p>Lý thuyết</p> | <p>Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005</p> | |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | 2.8. Ghi nhận và xác định giá trị | | | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Ghi nhận và xác định</p> <p>2.2.1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần điều chỉnh</p> <p>2.2.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần điều chỉnh</p> <p>2.2. Cổ tức</p> <p>2.3. Hoạt động liên tục</p> <p>2.4. Trình bày BCTC</p> <p>2.4.1. Ngày phát hành BCTC</p> <p>2.4.2. Trình bày về sự kiện tồn tại trong kỳ kế toán năm</p> <p>2.4.3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần điều chỉnh</p> | | Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 | |
| | <p>. Chuẩn mực kế toán số 29 - Thay đổi các chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót</p> <p>1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng</p> <p>2. Nội dung chuẩn mực</p> <p>2.1. Thay đổi chính sách kế toán</p> <p>2.1.1. Tính nhất quán của chính sách kế toán</p> <p>2.1.2. Thay đổi chính sách kế toán</p> <p>2.1.3. Áp dụng các thay đổi trong chính sách kế toán</p> <p>2.1.4. Áp dụng hồi tố</p> <p>2.2. Thay đổi ước tính kế toán</p> <p>2.3. Sai sót</p> <p>2.4. Trình bày</p> <p>2.4.1. Trình bày về thay đổi chính sách kế toán</p> <p>2.4.2. Trình bày về thay đổi ước tính kế toán</p> <p>2.4.3. Trình bày sai sót của các kỳ</p> | | Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 | |

| | | | | |
|---------|--|-----------|---|--|
| | trước | | | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng 2. Nội dung chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 2.2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu 2.3. Trình bày BCTC | Lý thuyết | Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng BTC | |
| Tuần 10 | <p style="text-align: center;">CHƯƠNG 5 CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ĐẶC THÙ NGÀNH</p> <p>I. Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng 2. Nội dung chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Doanh thu của hợp đồng xây dựng 2.2. Chi phí của hợp đồng xây dựng 2.3. Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng 2.4. Trình bày báo cáo tài chính | Lý thuyết | Quyết định số 165/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC | |
| | <p>Chuẩn mực kế toán số 19 - Hợp đồng bảo hiểm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích và các thuật ngữ sử dụng 2. Nội dung chuẩn mực <ol style="list-style-type: none"> 2.1. Công cụ phái sinh 2.2. Công khai khoản tiền đặt cọc 2.3. Áp dụng chính sách kế toán 2.4. Kiểm tra tính đầy đủ của các khoản nợ bảo hiểm 2.5. Những thay đổi trong chính sách kế toán 2.6. Trình bày BCTC | Thảo luận | Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng BTC | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

29. LUẬT KẾ TOÁN

1. Tên học phần: LUẬT KẾ TOÁN

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 02

4. Trình độ chuyên môn sinh viên năm thứ:

5. Các học phần học trước:

6. Mục tiêu môn học

+ **Về kiến thức:** Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về luật kế toán, . Đây là nền tảng khoa học có tính chất pháp lý, mang tính nguyên tắc hướng dẫn về tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN và trong doanh nghiệp.

+ **Về kỹ năng:** Sinh viên có được các kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật kế toán tổ chức kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp và kế toán doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khoa học giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính, kế toán HCSN, kế toán ngân hàng... dưới các hoạt động nghiên cứu khoa học; sử dụng kế toán làm công cụ quản lý có hiệu quả các hoạt động kinh tế tài chính, thúc đẩy sự phát triển của các đơn vị và nền kinh tế

+ **Thái độ:** Nhận thức được vai trò của môn học trong hệ thống các môn học phục vụ chung cho chuyên ngành, để xác định đúng ý thức học tập.

7. Mô tả môn học

Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

8. Học liệu

+ **Giáo trình chính**

Giáo trình Luật và Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD

NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2015.

+ **Tài liệu tham khảo**

[1]. Luật Kế toán (Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015).

[2]. Tài liệu ôn thi chứng chỉ hành nghề kế toán – BTC, Bộ tài chính

[3]. Thông tư số 174/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thi hành Luật kế toán số 88

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên và thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận chấm theo thang điểm 10 với trọng số như sau:
 - + Chuyên cần, thảo luận, bài tập: 20 %
 - + Kiểm tra giữa học phần: 20%
 - + Điểm thi kết thúc học phần: 60%
 - + Hình thức thi: thi viết tự luận
 - Điểm học phần là điểm trung bình chung có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.
- 10. Nội dung chi tiết môn học**

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT KẾ TOÁN VIỆT NAM

(Tổng số tiết: 05; Số tiết lý thuyết: 04; Số tiết thảo luận: 01)

1.1. Khái quát luật về kế toán

- 1.1.1. Sự cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động kế toán
- 1.1.2. Khái niệm pháp luật về kế toán
- 1.1.3. Cấu trúc pháp luật về kế toán
- 1.1.4. Nguồn pháp luật về kế toán

1.2. Những quy định có tính nguyên tắc trong luật kế toán

- 1.2.1. Đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật kế toán
- 1.2.2. Nhiệm vụ, yêu cầu, các nguyên tắc kế toán
- 1.2.3. Trách nhiệm của đơn vị kế toán trong quản lý, sử dụng, cung cấp

thông tin tài liệu kế toán

1.3. Luật kế toán quốc tế

1.4. Luật kế toán Việt Nam

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN

(Tổng số tiết: 13; Số tiết lý thuyết: 10; Số tiết thảo luận: 03)

2.1. Các quy định của pháp luật về chứng từ kế toán

- 2.1.1. Những vấn đề chung về chứng từ kế toán
- 2.1.2. Các hành vi vi pháp luật về chứng từ kế toán và hình thức xử lý.

2.2. Các quy định của pháp luật về tài khoản kế toán và sổ kế toán

- 2.2.1. Tài khoản kế toán và hệ thống tài khoản kế toán
- 2.2.2. Sổ kế toán và hệ thống sổ kế toán.

2.3. Các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính

2.3.1. Những vấn đề chung về báo cáo tài chính

2.3.2. Lập báo cáo tài chính

2.3.3. Công khai các báo cáo tài chính

2.3.4. Những hành vi vi phạm pháp luật về báo cáo tài chính và hình thức xử lý vi phạm

2.4. Các quy định của pháp luật về hoạt động kiểm tra kế toán

2.4.1. Khái niệm kiểm tra kế toán

2.4.2. Chủ thể kiểm tra và nội dung kiểm tra kế toán

2.4.3. Quyền và trách nhiệm của các chủ thể trong kiểm tra kế toán

2.4.4. Các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm tra kế toán và hình thức xử lý vi phạm

2.5. Các quy định của pháp luật về kiểm kê tài sản, bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán

2.5.1. Kiểm kê tài sản

2.5.2. Bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán

Chương III

LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN VÀ NGƯỜI LÀM KẾ TOÁN

(Tổng số tiết: 06; Số tiết lý thuyết: 05; Số tiết thảo luận: 01)

3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

3.1. Khái niệm tổ chức bộ máy kế toán

3.2. Trách nhiệm của đơn vị kế toán trong tổ chức bộ máy kế toán

3.3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán trong tổ chức bộ máy kế toán

3.4. Các hành vi vi phạm pháp luật về tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán và hình thức xử lý vi phạm

3.2. Địa vị pháp lý của người làm kế toán

3.2.1. Tiêu chuẩn của người làm kế toán

3.2.2. Quyền và trách nhiệm của người làm kế toán

3.2.3. Những người không được làm kế toán.

3.3. Địa vị pháp lý của Kế toán trưởng

3.3.1. Nhiệm vụ của kế toán trưởng

3.3.2. Thẩm quyền của kế toán trưởng

3.3.3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với kế toán trưởng

3.3.4. Tiêu chuẩn và điều kiện của người phụ trách kế toán, người được thuê làm kế toán trưởng

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KẾ TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN

(Tổng số tiết: 06; Số tiết lý thuyết: 05; Số tiết tự nghiên cứu: 01)

4.1. Quản lý nhà nước về kế toán

4.1.1. Chủ thể quản lý nhà nước về kế toán

4.1.2. Nội dung quản lý nhà nước về kế toán

4.2. Các hành vi vi phạm pháp luật kế toán

4.2.1. Khái niệm và đặc điểm của vi phạm pháp luật kế toán

4.2.2. Phân loại vi phạm pháp luật kế toán

4.3. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật kế toán

4.3.1. Khái niệm xử lý vi phạm pháp luật về kế toán

4.3.2. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về kế toán

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|----------|--|-----------------------------|--|--------------|
| Tuần 1-2 | Chương I NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LUẬT KẾ TOÁN VIỆT NAM 1.1. Khái quát luật về kế toán 1.2. Những quy định có tính nguyên tắc trong luật kế toán 1.3. Luật kế toán quốc tế 1.4. Luật kế toán Việt Nam | Lý thuyết | Giáo trình Luật và Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2015; Luật Kế toán (Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015). | 03 |
| | So sánh Luật Kế toán Việt Nam và Luật Kế toán quốc tế | Thảo luận | | |

| | | | | |
|--------------|---|-----------|---|----|
| Tuần 3-6 | <p style="text-align: center;">Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN</p> <p>2.1. Các quy định của pháp luật về chứng từ kế toán 2.2. Các quy định của pháp luật về tài khoản kế toán và sổ kế toán 2.3. Các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính 2.4. Các quy định của pháp luật về hoạt động kiểm tra kế toán 2.5. Các quy định của pháp luật về kiểm kê tài sản, bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán</p> | Lí thuyết | Giáo trình Luật và Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2015; Luật Kế toán (Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015). Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Kế toán | 03 |
| | Tình huống kế toán liên quan đến chứng từ, sổ sách, tài khoản, BCTC | Thảo luận | | |
| Tuần 7-8 | <p style="text-align: center;">Chương III LUẬT VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN VÀ NGƯỜI LÀM KẾ TOÁN</p> <p>3.1. Tổ chức bộ máy kế toán. 3.2. Địa vị pháp lý của người làm kế toán 3.3. Địa vị pháp lý của Kế toán trưởng</p> | Lí thuyết | Giáo trình Luật và Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2015; Luật Kế toán (Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015). Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Kế toán | 03 |
| | Tình huống kế toán liên quan đến việc tuyển dụng kế toán; kế toán trưởng; thuê người làm công tác kế toán | Thảo luận | | |
| Tuần 9-10 | <p style="text-align: center;">Chương IV QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KẾ TOÁN VÀ XỬ LÝ</p> | Lý thuyết | Giáo trình Luật và Chuẩn mực kế toán - Trường ĐH | 03 |

| | | | | |
|--|--|------------------|---|--|
| | <p>CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KẾ TOÁN</p> <p>4.1. Quản lý nhà nước về kế toán</p> <p>4.1.1.Chủ thể quản lý nhà nước về kế toán</p> <p>4.1.2.Nội dung quản lý nhà nước về kế toán</p> <p>4.2. Các hành vi vi phạm pháp luật kế toán</p> <p>4.2.1.Khái niệm và đặc điểm của vi phạm pháp luật kế toán</p> <p>4.2.2.Phân loại vi phạm pháp luật kế toán</p> <p>4.3. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật kế toán</p> <p>4.3.1. Khái niệm xử lý vi phạm pháp luật về kế toán</p> <p>4.3.2.Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về kế toán</p> | | <p>Kinh tế & QTKD NXB: Đại học Thái Nguyên năm 2015; Luật Kế toán (Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015). Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Kế toán</p> | |
| | <p>Tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kế toán</p> | <p>Thảo luận</p> | | |
| | | | | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

30. KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

1. Tên học phần: KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 36, Bài tập: 4, Thảo luận: 14)

4. Trình độ sinh viên: Năm 3

5. Các học phần học trước: Kế toán tài chính, Tổ chức công tác kế toán

6. Mục tiêu của môn học

6.1 Mục tiêu về kiến thức

- Hệ thống được toàn bộ nội dung tổng quát về kiểm toán báo cáo tài chính, bao gồm:

- + Vị trí của kiểm toán báo cáo tài chính trong hệ thống kiểm toán
- + Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính
- + Các phương pháp, kỹ thuật cơ bản sử dụng trong kiểm toán báo cáo tài chính
- + Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính

+ Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

- Nắm được nội dung kiểm toán các chu trình và khoản mục chủ yếu, gồm có:

- + Kiểm toán vốn bằng tiền
- + Kiểm toán chu trình bán hàng – thu tiền
- + Kiểm toán chu trình mua hàng – thanh toán
- + Kiểm toán chu trình hàng tồn kho
- + Kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên
- + Kiểm toán chu trình TSCĐ và đầu tư dài hạn
- + Kiểm toán chu trình tiếp nhận đầu tư và hoàn trả vốn
- + Kiểm toán các thông tin tài chính khác

6.2 Mục tiêu về kỹ năng

- Hình thành và phát triển năng lực tư duy phân tích, giải quyết vấn đề độc lập cũng như theo nhóm;

- Phát triển kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, thuyết trình trước đám đông

6.3 Mục tiêu về thái độ

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động học tập;

- Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi.

7. Mô tả môn học

Kiểm toán báo cáo tài chính trong nội dung giảng dạy của môn học này chủ yếu tập trung vào nội dung kiểm toán báo cáo tài chính. Với môn học này sinh viên sẽ nắm được các vấn đề tổng quan của kiểm toán báo cáo tài chính như bản chất, đối tượng, mục tiêu, nội dung, quy trình kiểm toán ... và các chương trình kiểm toán đối với các phần hành chủ yếu trong cuộc kiểm toán báo cáo tài chính (như chu trình vốn bằng

tiền, chu trình bán hàng – thu tiền, chu trình mua hàng – thanh toán, hàng tồn kho, tiền lương và các khoản trích theo lương, tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, tiếp nhận và hoàn trả vốn, và kiểm toán các chỉ tiêu tài chính khác) với nội dung cơ bản là cách đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thử nghiệm chi tiết với nghiệp vụ và số dư các tài khoản.

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1]. Nguyễn Quang Quỳnh – Ngô Chí Tuệ, Giáo trình Kiểm toán tài chính, NXB Kinh tế quốc dân, 2014.

[2]. Nguyễn Văn Công, Giáo trình phân tích Báo cáo Tài chính, NXB Giáo dục, 2010.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kì: trọng số 30%
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Kết thúc học phần: trọng số 70%
- Thi kết thúc học phần: Tự luận 90 phút

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1: Tổng quan về kiểm toán báo cáo tài chính

(Tổng số tiết: 8 tiết; Số tiết lý thuyết: 6 tiết; Số tiết thảo luận: 2 tiết)

1.1. Bản chất và một số vấn đề cơ bản của kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Chủ thể kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.3. Đối tượng của kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.4. Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính

1.1.5. Sự cần thiết của kiểm toán báo cáo tài chính

1.2. Nội dung và nguyên tắc kiểm toán báo cáo tài chính

1.2.1. Nội dung của kiểm toán báo cáo tài chính

1.2.2. Nguyên tắc kiểm toán báo cáo tài chính

1.3. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán

1.3.2. Thực hiện kiểm toán

1.3.3. Kết thúc kiểm toán

1.4. Phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính

1.4.1. Kiểm tra vật chất (kiểm kê)

1.4.2. Lấy xác nhận

1.4.3. Kiểm tra tài liệu

- 1.4.4. Quan sát
- 1.4.5. Phỏng vấn
- 1.4.6. Kỹ thuật tính toán
- 1.4.7. So sánh, đối chiếu
- 1.5. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ
 - 1.5.1. Khái niệm và ý nghĩa của hệ thống kiểm soát nội bộ
 - 1.5.2. Các bộ phận của hệ thống kiểm soát nội bộ
 - 1.5.3. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ
- 1.6. Thử nghiệm cơ bản
 - 1.6.1. Thủ tục phân tích
 - 1.6.2. Thử nghiệm chi tiết

Chương 2: Kiểm toán vốn bằng tiền

(Tổng số tiết: 8 tiết; Số tiết lý thuyết: 4 tiết; Số tiết bài tập, thảo luận: 4 tiết)

- 2.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của khoản mục vốn bằng tiền
 - 2.1.1. Nội dung của vốn bằng tiền
 - 2.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền
 - 2.2.3. Mục tiêu kiểm toán
- 2.2. Kiểm soát nội bộ đối với vốn bằng tiền
 - 2.2.1. Mục đích của kiểm soát nội bộ đối với vốn bằng tiền
 - 2.2.2. Một số thủ tục kiểm soát chủ yếu
- 2.3. Chương trình kiểm toán vốn bằng tiền
 - 2.3.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ
 - 2.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản

Chương 3: Kiểm toán chu trình bán hàng – thu tiền

(Tổng số tiết: 7 tiết; Số tiết lý thuyết: 5 tiết; Số tiết thảo luận: 2 tiết)

- 3.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của chu trình bán hàng – thu tiền
 - 3.1.1. Nội dung của chu trình bán hàng – thu tiền
 - 3.1.2. Đặc điểm của chu trình bán hàng – thu tiền
 - 3.2.3. Mục tiêu kiểm toán chu trình bán hàng – thu tiền
- 3.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình bán hàng – thu tiền
 - 3.2.1. Hệ thống thông tin kế toán phục vụ kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền
 - 3.2.2. Mục đích kiểm soát và kiểm soát theo các chức năng trong chu trình bán hàng – thu tiền
 - 3.2.3. Một số thủ tục kiểm soát chủ yếu trong chu trình bán hàng – thu tiền
- 3.3. Chương trình kiểm toán chu trình bán hàng - thu tiền
 - 3.3.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ
 - 3.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản
- 3.4. Báo cáo kết quả kiểm toán chu trình bán hàng – thu tiền

Chương 4: Kiểm toán chu trình mua hàng – thanh toán

(Tổng số tiết: 7 tiết; Số tiết lý thuyết: 5 tiết; Số tiết thảo luận: 2 tiết)

- 4.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của chu trình mua hàng - thanh toán
 - 4.1.1. Nội dung của chu trình mua hàng - thanh toán
 - 4.1.2. Đặc điểm của chu trình mua hàng - thanh toán
 - 4.2.3. Mục tiêu kiểm toán chu trình mua hàng - thanh toán
- 4.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình mua hàng - thanh toán
 - 4.2.1. Hệ thống thông tin kế toán liên quan trong chu trình mua hàng - thanh toán
 - 4.2.2. Kiểm soát theo các chức năng trong chu trình mua hàng - thanh toán
- 4.3. Chương trình kiểm toán chu trình mua hàng - thanh toán
 - 4.3.1. Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ
 - 4.3.2. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản
- 4.4. Báo cáo kết quả kiểm toán chu trình mua hàng - thanh toán

Chương 5: Kiểm toán chu trình hàng tồn kho

(Tổng số tiết: 6 tiết; Số tiết lý thuyết: 4 tiết; Số tiết bài tập, thảo luận: 2 tiết)

- 5.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của chu trình hàng tồn kho
 - 5.1.1. Nội dung của chu trình hàng tồn kho
 - 5.1.2. Đặc điểm của chu trình hàng tồn kho
 - 5.2.3. Mục tiêu kiểm toán chu trình hàng tồn kho
- 5.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình hàng tồn kho
 - 5.2.1. Hệ thống thông tin kế toán liên quan trong chu trình hàng tồn kho
 - 5.2.2. Kiểm soát theo các chức năng trong chu trình hàng tồn kho
- 5.3. Chương trình kiểm toán chu trình hàng tồn kho
 - 5.3.1. Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ
 - 5.3.2. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản
- 5.4. Báo cáo kết quả kiểm toán chu trình hàng tồn kho

Chương 6: Kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên

(Tổng số tiết: 5 tiết; Số tiết lý thuyết: 3 tiết; Số tiết bài tập, thảo luận: 2 tiết)

- 6.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên
 - 7.1.1. Mục tiêu kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên
 - 7.1.2. Căn cứ để kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên
- 6.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu trình tiền lương và nhân viên
 - 6.2.1. Các bước công việc của chu trình tiền lương-nhân viên và các chức năng kiểm soát nội bộ
 - 6.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ
- 6.3. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản
 - 6.3.1. Thử tặc phân tích
 - 6.3.2. Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương
 - 6.3.3. Kiểm tra chi tiết số dư các tài khoản
 - 6.3.4. Khảo sát một số tình huống đặc thù

Chương 7: Kiểm toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn

(Tổng số tiết: 4 tiết; Số tiết lý thuyết: 3 tiết; Số tiết thảo luận: 1 tiết)

- 7.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn
 - 7.1.1. Mục tiêu kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn
 - 7.1.2. Căn cứ để kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn
- 7.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với TSCĐ và các khoản đầu tư dài hạn
 - 7.2.1 Các bước công việc phải tiến hành để xử lý các nghiệp vụ về tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn.
 - 7.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ
- 7.3. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản
 - 7.3.1. Thử tực phân tích
 - 7.3.2. Kiểm toán TSCĐ
 - 7.3.3. Kiểm toán các khoản đầu tư dài hạn
- 7.4. Tổng hợp kết quả kiểm toán TSCĐ và đầu tư dài hạn

Chương 8: Kiểm toán chu trình tiếp nhận và hoàn trả vốn

(Tổng số tiết: 4 tiết; Số tiết lý thuyết: 2 tiết; Số tiết thảo luận: 2 tiết)

- 8.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả
 - 8.1.1. Mục tiêu kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả
 - 8.1.2. Căn cứ kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả
- 8.2. Kiểm toán vốn vay (kiểm toán hoạt động vay vốn và trả nợ tiền vay)
 - 8.2.1. Kiểm soát nội bộ và khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với vốn vay
 - 8.2.2. Khảo sát cơ bản đối với hoạt động vay vốn và trả nợ tiền vay
- 8.3. Kiểm toán vốn chủ sở hữu
 - 8.3.1. Vốn chủ sở hữu và khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với vốn chủ sở hữu
 - 8.3.2. Khảo sát cơ bản đối với vốn chủ sở hữu
- 8.4. Tổng hợp kết quả kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả

Chương 9: Kiểm toán các thông tin tài chính khác

(Tổng số tiết: 5 tiết; Số tiết lý thuyết: 4 tiết; Số tiết thảo luận: 1 tiết)

- 9.1. Kiểm toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
 - 9.1.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán
 - 9.1.2. Kiểm toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- 9.2. Kiểm toán chi phí và thu nhập tài chính
 - 9.2.1. Đặc điểm kiểm toán và kiểm soát nội bộ chi phí và thu nhập tài chính
 - 9.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chi phí và thu nhập tài chính
 - 9.2.3. Thủ tục kiểm toán cơ bản đối với chi phí và thu nhập tài chính
- 9.3. Kiểm toán chi phí và thu nhập khác
 - 9.3.1. Đặc điểm kiểm toán và kiểm soát nội bộ chi phí và thu nhập khác
 - 9.3.2. Khảo sát kiểm soát nội bộ chi phí và thu nhập tài chính

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Tiết thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu đọc, tham khảo |
|----------|----------|--|-----------------------------|-------------------------------|
| 1 | 1 | Chương 1: Tổng quan về kiểm toán BCTC 1.1. Bản chất và một số vấn đề cơ bản của kiểm toán báo cáo tài chính 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Chủ thể kiểm toán báo cáo tài chính 1.1.3. Đối tượng của kiểm toán báo cáo tài chính | Lý thuyết | 9 - 86[1] |
| 1 | 2 | 1.1.4. Mục tiêu của kiểm toán báo cáo tài chính 1.1.5. Sự cần thiết của kiểm toán báo cáo tài chính 1.2. Nội dung và nguyên tắc kiểm toán báo cáo tài chính 1.2.1. Nội dung của kiểm toán báo cáo tài chính 1.2.2. Nguyên tắc kiểm toán báo cáo tài chính | Lý thuyết | 9 - 86[1] 117 - 210[1] |
| 1 | 3 | 1.3. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính 1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán 1.3.2. Thực hiện kiểm toán 1.3.3. Kết thúc kiểm toán 1.4. Phương pháp kiểm toán báo cáo tài chính 1.4.1. Kiểm tra vật chất (kiểm kê) 1.4.2. Lấy xác nhận 1.4.3. Kiểm tra tài liệu 1.4.4. Quan sát 1.4.5. Phỏng vấn 1.4.6. Kỹ thuật tính toán 1.4.7. So sánh, đối chiếu | Lý thuyết | 117 - 210[1] |
| 1 | 4 | 1.5. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ 1.5.1. Khái niệm và ý nghĩa của hệ thống kiểm soát nội bộ 1.5.2. Các bộ phận của hệ thống kiểm soát nội bộ | Lý thuyết | 87 - 116 [1] |
| 2 | 5 | 1.5.3. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ | Lý thuyết | 87 - 116 [1] |
| 2 | 6 | 1.6. Thử nghiệm cơ bản 1.6.1. Thử tục phân tích 1.6.2. Thử nghiệm chi tiết | Lý thuyết | 87 - 116 [1] |
| 2 | 7,8 | Sự cần thiết của kiểm toán báo | Thảo luận | |

| | | | | |
|---|--------|---|-----------|----------------------------------|
| | | cáo tài chính hiện nay | | |
| 2 | 9 | Chương 2: Kiểm toán vốn bằng tiền 2.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của khoản mục vốn bằng tiền 2.1.1. Nội dung của vốn bằng tiền 2.1.2. Đặc điểm của vốn bằng tiền 2.2.3. Mục tiêu kiểm toán 2.2. Kiểm soát nội bộ đối với vốn bằng tiền 2.2.1. Mục đích của kiểm soát nội bộ đối với vốn bằng tiền | Lý thuyết | 385 - 389[1] 390 - 393[1] |
| 3 | 10 | 2.2.2. Một số thủ tục kiểm soát chủ yếu | Lý thuyết | 390 - 393[1] |
| 4 | 11 | 2.3. Chương trình kiểm toán vốn bằng tiền 2.3.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ | Lý thuyết | 394 - 402[1] |
| 4 | 12 | 2.3. Chương trình kiểm toán vốn bằng tiền 2.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản | Lý thuyết | 394 - 402[1] |
| 5 | 13, 14 | Các sai phạm đối với vốn bằng tiền và ảnh hưởng của chúng tới báo cáo tài chính | Thảo luận | |
| 5 | 15 | Chương 3. Kiểm toán bán hàng – thu tiền 3.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của chu trình bán hàng – thu tiền 3.1.1. Nội dung của chu trình bán hàng – thu tiền 3.1.2. Đặc điểm của chu trình bán hàng – thu tiền 3.2.3. Mục tiêu kiểm toán chu trình bán hàng – thu tiền 3.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình bán hàng – thu tiền 3.2.1. Hệ thống thông tin kế toán phục vụ kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền 3.2.2. Mục đích kiểm soát và kiểm soát theo các chức năng trong chu trình bán hàng – thu tiền | Lý thuyết | 235 - 240[1] |
| 6 | 16 | 3.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình bán hàng – thu tiền 3.2.3. Một số thủ tục kiểm soát chủ yếu trong chu trình bán hàng – thu | Lý thuyết | 241 - 246[1] |

| | | | | |
|---|-------|--|-----------|--------------|
| | | tiền 3.3. Chương trình kiểm toán chu trình bán hàng - thu tiền 3.3.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ | | |
| 6 | 17 | 3.3. Chương trình kiểm toán chu trình bán hàng - thu tiền 3.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản | Lý thuyết | 247 - 248[1] |
| 6 | 18 | 3.3. Chương trình kiểm toán chu trình bán hàng - thu tiền 3.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản 3.4. Báo cáo kết quả kiểm toán chu trình bán hàng – thu tiền | Lý thuyết | 247 - 248[1] |
| 7 | 19,20 | Sai phạm trong bán hàng – thu tiền và ảnh hưởng của chúng đến BCTC | Thảo luận | |
| 7 | 21 | Chương 4. Kiểm toán mua hàng – thanh toán 4.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của chu trình mua hàng - thanh toán 4.1.1. Nội dung của chu trình mua hàng - thanh toán 4.1.2. Đặc điểm của chu trình mua hàng - thanh toán 4.2.3. Mục tiêu kiểm toán chu trình mua hàng - thanh toán | Lý thuyết | 269 - 274[1] |
| 8 | 22 | 4.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình mua hàng - thanh toán 4.2.1. Hệ thống thông tin kế toán liên quan trong chu trình mua hàng - thanh toán 4.2.2. Kiểm soát theo các chức năng trong chu trình mua hàng - thanh toán | | 275 - 278[1] |
| 8 | 23 | 4.3. Chương trình kiểm toán chu trình mua hàng - thanh toán 4.3.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ | | 279 - 280[1] |
| 8 | 24,25 | 4.3. Chương trình kiểm toán chu trình mua hàng - thanh toán 4.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản 4.4. Báo cáo kết quả kiểm toán chu trình mua hàng - thanh toán | | 279 - 280[1] |
| 9 | 26,27 | Sai phạm trong mua hàng – thanh toán và ảnh hưởng của chúng đến BCTC | Thảo luận | |

| | | | | |
|----|-------|--|-----------------|--------------|
| 10 | 28 | <p>Chương 5. Kiểm toán hàng tồn kho</p> <p>5.1. Nội dung, đặc điểm và mục tiêu kiểm toán của chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.1.1. Nội dung của chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.1.2. Đặc điểm của chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.2.3. Mục tiêu kiểm toán chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.2. Kiểm soát nội bộ đối với chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.2.1. Hệ thống thông tin kế toán liên quan trong chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.2.2. Kiểm soát theo các chức năng trong chu trình hàng tồn kho</p> | Lý thuyết | 281 - 300[1] |
| 10 | 29 | <p>5.3. Chương trình kiểm toán chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.3.1 Nghiên cứu và đánh giá kiểm soát nội bộ</p> <p>5.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản</p> | Lý thuyết | 301 - 308[1] |
| 10 | 30 | <p>5.3. Chương trình kiểm toán chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản</p> <p>5.4. Báo cáo kết quả kiểm toán chu trình hàng tồn kho</p> | Lý thuyết | 301 - 308[1] |
| 11 | 31 | <p>5.3. Chương trình kiểm toán chu trình hàng tồn kho</p> <p>5.3.2 Thực hiện các thử nghiệm cơ bản</p> <p>5.4. Báo cáo kết quả kiểm toán chu trình hàng tồn kho</p> | Lý thuyết | 301 - 308[1] |
| 11 | 32,33 | <p>Sai phạm trong quản lý Hàng tồn kho và ảnh hưởng của chúng đến BCTC</p> | Thảo luận | |
| | | <p>Kiểm tra giữa học phần</p> | Kiểm tra | |
| 12 | 34 | <p>Chương 6. kiểm toán TSCĐ và đầu tư dài hạn</p> <p>6.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn</p> <p>6.1.1. Mục tiêu kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn</p> <p>6.1.2. Căn cứ để kiểm toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn</p> | Lý thuyết | 330 - 337[1] |
| 12 | 35 | <p>6.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với TSCĐ và các khoản đầu tư</p> | Lý thuyết | 338 - 346[1] |

| | | | | |
|----|----------|--|-----------|--------------|
| | | dài hạn 6.2.1 Các bước công việc phải tiến hành để xử lý các nghiệp vụ về tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn. 6.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ | | |
| 12 | 36 | 6.3. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản 6.3.1. Thử tục phân tích 6.3.2. Kiểm toán TSCĐ 6.3.3. Kiểm toán các khoản đầu tư dài hạn 6.4. Tổng hợp kết quả kiểm toán TSCĐ và đầu tư dài hạn | Thảo luận | 347 - 356[1] |
| 13 | 37 | Chương 7. Kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên 7.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên 7.1.1. Mục tiêu kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên 7.1.2. Căn cứ để kiểm toán chu trình tiền lương và nhân viên | Lý thuyết | 309 - 325[1] |
| 13 | 38 | 7.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chu trình tiền lương và nhân viên 7.2.1 Các bước công việc của chu trình tiền lương-nhân viên và các chức năng kiểm soát nội bộ 7.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ | Lý thuyết | 326 - 327[1] |
| 13 | 39 | 7.3. Thực hiện các thử nghiệm cơ bản 7.3.1. Thử tục phân tích 7.3.2. Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương 7.3.3. Kiểm tra chi tiết số dư các tài khoản 7.3.4. Khảo sát một số tình huống đặc thù | Lý thuyết | 328 - 330[1] |
| 14 | 40,41,42 | Chương 6 + chương 7 | Thảo luận | |
| 14 | 43 | Chương 8. Kiểm toán chu trình tiếp nhận và hoàn trả vốn 8.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả 8.1.1. Mục tiêu kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả 8.1.2. Căn cứ kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả | Lý thuyết | 357 - 360[1] |

| | | | | |
|----|----------|---|-----------|--------------|
| | | 8.2. Kiểm toán vốn vay (kiểm toán hoạt động vay vốn và trả nợ tiền vay) 8.2.1. Kiểm soát nội bộ và khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với vốn vay 8.2.2. Khảo sát cơ bản đối với hoạt động vay vốn và trả nợ tiền vay | | |
| 14 | 44 | 8.3. Kiểm toán vốn chủ sở hữu 8.3.1. Vốn chủ sở hữu và khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với vốn chủ sở hữu 8.3.2. Khảo sát cơ bản đối với vốn chủ sở hữu 8.4. Tổng hợp kết quả kiểm toán chu trình huy động vốn và hoàn trả | Lý thuyết | 337 - 384[1] |
| 15 | 45 | Chương 9. Kiểm toán các thông tin tài chính khác 9.1. Kiểm toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp 9.1.1. Mục tiêu và căn cứ kiểm toán 9.1.2. Kiểm toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp | Lý thuyết | 361 - 372[1] |
| 15 | 46 | 9.2. Kiểm toán chi phí và thu nhập tài chính 9.2.1. Đặc điểm kiểm toán và kiểm soát nội bộ chi phí và thu nhập tài chính 9.2.2. Khảo sát về kiểm soát nội bộ đối với chi phí và thu nhập tài chính 9.2.3. Thủ tục kiểm toán cơ bản đối với chi phí và thu nhập tài chính | Lý thuyết | 403 - 424[1] |
| 15 | 47 | 9.3. Kiểm toán chi phí và thu nhập khác 9.3.1. Đặc điểm kiểm toán và kiểm soát nội bộ chi phí và thu nhập khác 9.3.2. Khảo sát kiểm soát nội bộ chi phí và thu nhập tài chính | Lý thuyết | 403 - 424[1] |
| 15 | 48,49,50 | Chương 9 | Thảo luận | |

Thái Nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Giảng viên phụ trách

31. KẾ TOÁN XÂY LẮP

1. Tên học phần: KẾ TOÁN XÂY LẮP

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán

6. Mục tiêu học phần:

- *Mục tiêu về kiến thức :*

+ Hiểu được những kiến thức cốt lõi của môn học như: Đặc điểm kế toán đơn vị chủ đầu tư và đơn vị xây lắp; phân loại và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; phản ánh lên sơ đồ chữ T; kiểm tra đối chiếu sổ kế toán, rèn luyện kỹ năng tính toán và tổng hợp số liệu chuẩn bị số liệu cho việc lập các báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp

+ Hiểu được mối liên hệ giữa môn học với các môn học khác trong ngành kế toán, ngành xây dựng

+ Nhận biết và hiểu được những thay đổi của chế độ, chính sách kế toán và những văn bản pháp luật khác có liên quan đến môn học

- *Mục tiêu về kỹ năng:*

+ Có kỹ năng thực tiễn và nghề nghiệp liên quan đến những nội dung về kế toán đơn vị xây lắp và đơn vị chủ đầu tư

+ Có kỹ năng làm việc với người khác, làm việc nhóm thông qua chia sẻ ý tưởng về kế toán đơn vị xây lắp và đơn vị chủ đầu tư

+ Có kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến kế toán đơn vị xây lắp và đơn vị chủ đầu tư

+ Có kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để dùng vào những mục đích riêng biệt nhưng liên quan đến kế toán đơn vị xây lắp và đơn vị chủ đầu tư, có kỹ năng tự phát triển giữa các xu thế thay đổi của bối cảnh nghề kế toán

- *Mục tiêu về thái độ:*

+ Thể hiện sự yêu thích, đam mê tìm hiểu những vấn đề liên quan đến kế toán đơn vị xây lắp và đơn vị chủ đầu tư

+ Kính trọng, yêu quý, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên đang giảng dạy

+ Có ý thức vận dụng nội dung kế toán đơn vị xây lắp và đơn vị chủ đầu tư vào cuộc sống nói chung và cuộc sống nghề kế toán nói riêng

+ Có sự tự tin và tính chuyên nghiệp

7. Mô tả môn học

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp cũng như doanh nghiệp chủ đầu tư, giúp cho sinh viên có khả năng quản lý vốn đầu tư tốt, có hiệu quả, đồng thời khắc phục được tình trạng lãng phí các yếu tố đầu vào, hạ giá thành sản phẩm song vẫn đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ thi công công trình khi hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Môn học này có mối quan hệ chặt chẽ với các kiến thức cơ bản của khoa học kế toán như các tài liệu của kế toán, các phương pháp kế toán, quy trình hạch toán của kế toán, kiểm tra kế toán,...

Môn học cung cấp những kiến thức và một số kỹ năng cơ bản của khoa học và nghề nghiệp kế toán

8. Sách, giáo trình tham khảo

[1] Võ Văn Nhị, Kế toán xây lắp, NXb Giao thông vận tải, 2008.

[2]. Nguyễn Văn Bảo, Hướng dẫn kế toán doanh nghiệp xây lắp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài chính, 2005.

9. Đánh giá môn học

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần 90 phút: 70%

- Hình thức thi học phần: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần:

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN

- 1.1. Tổng quan về hoạt động xây dựng cơ bản
 - 1.1.1. Khái niệm
 - 1.1.2. Đặc điểm hoạt động xây dựng cơ bản
- 1.2. Tổng quan về tổ chức công tác kế toán đơn vị chủ đầu tư
 - 1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán
 - 1.2.2. Hệ thống tài khoản kế toán
 - 1.2.3. Hình thức kế toán và hệ thống sổ kế toán
 - 1.2.4. Hệ thống báo cáo tài chính
- 1.3. Tổng quan về tổ chức công tác kế toán đơn vị xây lắp
 - 1.3.1. Hệ thống chứng từ kế toán
 - 1.3.2. Hệ thống tài khoản kế toán
 - 1.3.3. Hình thức kế toán và hệ thống sổ kế toán
 - 1.3.4. Hệ thống báo cáo tài chính

Chương 2. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ

- 2.1. Những vấn đề chung về kế toán đơn vị chủ đầu tư
 - 2.1.1. Đặc điểm hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản
 - 2.1.2. Các phương thức đầu tư xây dựng cơ bản
 - 2.1.3. Yêu cầu và nhiệm vụ kế toán xây dựng cơ bản
- 2.2. Kế toán theo phương thức giao thầu
 - 2.2.1. Kế toán đơn vị chủ đầu tư không thành lập ban quản lý dự án đầu tư
 - 2.2.1.1. Kế toán chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
 - 2.2.1.2. Kế toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản
 - 2.2.2. Kế toán đơn vị chủ đầu tư có thành lập ban quản lý dự án đầu tư
 - 2.2.2.1. Kế toán chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
 - 2.2.2.2. Kế toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản
- 2.3. Kế toán theo phương thức tự làm
 - 2.3.1. Kế toán XD/CB được thực hiện trong cùng hệ thống sổ kế toán với đơn vị chủ đầu tư
 - 2.3.2. Kế toán XD/CB hạch toán riêng hệ thống sổ kế toán với đơn vị chủ đầu tư

Chương 3. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN ĐƠN VỊ XÂY LẮP

- 3.1. Đặc điểm hoạt động xây lắp có ảnh hưởng đến hạch toán kế toán

3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

3.2.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

3.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

3.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

3.2.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

3.2.5. Kế toán chi phí sản xuất chung

3.2.6. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phụ và xây lắp phụ

3.2.7. Kế toán tập hợp chi phí, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành SP xây lắp

3.2.8. Kế toán các khoản thiệt hại trong sản xuất xây lắp

3.3. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp

3.3.1. Kế toán bàn giao công trình xây lắp hoàn thành

3.3.2. Kế toán thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng

3.4. Kế toán chi phí bảo hành công trình xây lắp

3.4.1. Tài khoản kế toán

3.4.2. Phương pháp hạch toán

3.5. Đặc điểm kế toán theo phương thức khoán trong xây lắp

3.5.1. Hợp đồng giao khoán

3.5.2. Kế toán theo phương thức khoán gọn

3.5.3. Kế toán theo phương thức khoán khoản mục chi phí

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tiết thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu đọc, tham khảo | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị | Ghi chú |
|----------|--|-----------------------------|--|--|---------|
| 1 | Chương 1 1.1.1. Các khái niệm | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB | - Đọc trước giáo trình và các tài liệu liên quan | |
| 2 | Chương 1 1.1.2. Đặc điểm hoạt động xây dựng cơ bản | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB | - Đọc trước giáo trình và các tài liệu liên quan | |
| | 1.1.3. Vai trò của hoạt động XD CB | Tự học | - Giáo trình KTXDCB | | |
| 3 | Chương 1 1.2. Tổng quan về tổ chức công tác kế toán đơn vị CĐT | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 195/2012/TT- | - Đọc trước giáo trình và các tài liệu liên quan | |

| | | | | |
|---|---|-----------|---|---|
| | | | BTC | |
| 4 | Chương 1 1.3. Tổng quan về tổ chức công tác kế toán đơn vị xây lắp | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC | - Đọc trước giáo trình và các tài liệu liên quan |
| 5 | Thảo luận chương 1 | Thảo luận | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | Chia nhóm (Mỗi nhóm từ 4-5 sv) thảo luận nội dung: - So sánh tổ chức công tác kế toán tại đơn vị chủ đầu tư có thành lập BQLDA đầu tư và đơn vị chủ đầu tư không thành lập BQLDA đầu tư? |
| 6 | Chương 2 2.1.1. Đặc điểm hoạt động xây dựng cơ bản | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | - Đọc trước giáo trình - Nhận biết được 3 giai đoạn XDCB - Hiểu các công việc trong từng giai đoạn |
| | 2.1.2. Các phương thức đầu tư XDCB | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | - Phân biệt các hình thức đầu tư XDCB - Điều kiện áp dụng của từng hình thức đầu tư XDCB |
| | 2.1.3. Yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán XDCB | Tự học | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | - Sinh viên tự học, tự đọc và nghiên cứu |
| 7 | Chương 2 2.2.1.1. Kế toán chi phí đầu tư XDCB - Nội dung chi phí XDCB - Chứng từ kế toán - Tài khoản kế toán | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT -BTC - Thông tư 195/2012/TT- | Đọc trước giáo trình |

| | | | | | |
|----|--|-----------|---|----------------------|--|
| | - Phương pháp hạch toán chi phí xây dựng | | BTC | | |
| 8 | Chương 2 2.2.1.1 (Tiếp) - Phương pháp hạch toán chi phí máy móc thiết bị - Phương pháp hạch toán chi phí XDCB khác - Làm ví dụ 2.1; ví dụ 2.2 | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | Làm ví dụ 2.1, 2.2 | |
| 9 | Chương 2 2.2.1.2 - Nội dung quyết toán vốn đầu tư XDCB - Phương pháp hạch toán quyết toán vốn đầu tư XDCB | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | Đọc trước giáo trình | |
| 10 | Chương 2 2.2.2.1 - Phương pháp hạch toán chi phí đầu tư XDCB trường hợp chủ đầu tư có thành lập BQLDA | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | - Làm ví dụ 2.3 | |
| 11 | Chương 2 2.2.2.2 - Quyết toán vốn đầu tư XDCB tại Ban quản lý đầu tư XD - Quyết toán vốn đầu tư XDCB tại đơn vị CĐT | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | Đọc trước giáo trình | |
| 12 | Chương 2 2.2.2.2 (Tiếp) | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | - Làm ví dụ 2.4 | |
| 13 | Chương 2 2.3.1 Phương pháp hạch toán chi phí XDCB trong trường hợp kế toán XDCB | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | Đọc trước giáo trình | |

| | | | | | |
|--------------------|---|-----------|--|---|--|
| | hạch toán chung hệ thống sổ sách kế toán với đơn vị CĐT | | - Thông tư 195/2012/TT-BTC | | |
| 14 | 2.3.2 Phương pháp hạch toán chi phí XDCB trong trường hợp kế toán XDCB hạch toán riêng hệ thống sổ sách kế toán với đơn vị CĐT | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | - Làm ví dụ 2.5 | |
| 15 | Thảo luận chương 2 Câu hỏi ôn tập chương 2 | Thảo luận | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | Ôn tập các nội dung đã học trong chương 2, trả lời câu hỏi ôn tập | |
| 16 – 17 – 18 | Thảo luận chương 2 Chia nhóm (Mỗi nhóm từ 4-5 sv) thảo luận các nội dung: - Các hình thức đầu tư XDCB - Phương pháp hạch toán các chi phí XDCB trong 2 trường hợp: Đơn vị CĐT có thành lập BQLDA và Đơn vị CĐT không thành lập BQLDA | Thảo luận | - Giáo trình KTXDCB - Sách bài tập KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | Chia nhóm (Mỗi nhóm từ 4-5 sv) chuẩn bị nội dung thảo luận | |
| 19 - 20 | Thảo luận chương 2 | Thảo luận | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT-BTC | Thảo luận các nội dung đã chuẩn bị | |
| | Làm bài tập vận dụng | Tự học | - Giáo trình KTXDCB - Sách bài tập KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC - Thông tư 195/2012/TT- | - Làm các bài tập trong sách BT | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|---|--|--|
| | | | BTC | | |
| 21 | Chương 3 3.1. Đặc điểm hoạt động XDCB ảnh hưởng đến hạch toán kế toán | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | - Đọc trước giáo trình - Nắm đc các đặc điểm của hoạt động XDCB ảnh hưởng đến hạch toán kế toán | |
| | 3.2.1. Những vấn đề chung về CPSX và GTSP trong doanh nghiệp xây lắp | Tự học | - Giáo trình KTXDCB | - Ôn lại các khái niệm và phân loại CPSX, GTSP đã học trong KTTC 1 | |
| 22 | Chương 3 3.2.2. Kế toán chi phí NVL trực tiếp 3.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | - Đọc trước giáo trình - Ôn lại chi phí NVLTT và chi phí NCTT đã học trong môn KTTC 1 | |
| 23 | Chương 3 3.2.4. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | - Đọc trước giáo trình - Làm các ví dụ 3.1, 3.2, 3.3 | |
| 24 | Chương 3 3.2.5. Kế toán chi phí sản xuất chung | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | - Đọc trước giáo trình - Làm ví dụ 3.4 | |
| | Thi giữa học phần | | | | |
| 25 | Chương 3 3.2.6. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất phụ và xây lắp phụ | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | - Đọc trước giáo trình - Làm ví dụ 3.5 | |
| 26 | Chương 3 3.2.7.1. Kế toán tập hợp chi phí | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | - Đọc trước giáo trình | |
| 27 | Chương 3 3.2.7.2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT – BTC | - Đọc trước giáo trình | |
| 28 | Chương 3 3.2.7.3. Tính giá thành sản phẩm | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT | - Đọc trước giáo trình | |

| | | | | | |
|--------------|--|-----------|---|---|--|
| | | | - BTC | | |
| | 3.2.8. Kế toán các khoản thiệt hại trong xây lắp | Tự học | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC | | |
| 29 | Chương 3 3.3. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC | - Đọc trước giáo trình - Ôn lại nội dung kế toán tiêu thụ sản phẩm đã học trong môn KTTC 1 | |
| 30 | Chương 3 3.4. Kế toán chi phí bảo hành công trình xây dựng | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC - Nghị định 46/2015/NĐ-CP | - Đọc trước giáo trình - Làm ví dụ 3.6 | |
| 31 | Chương 3 3.5. Đặc điểm kế toán theo phương thức khoán trong xây lắp | Lý thuyết | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC | - Đọc trước giáo trình - Làm ví dụ 3.7 | |
| 32 - 33 | Thảo luận chương 3 - Câu hỏi ôn tập chương 3 | Thảo luận | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC | Ôn tập các nội dung đã học trong chương 3, trả lời câu hỏi ôn tập | |
| 34 - 35 - 36 | Thảo luận chương 3 - So sánh các loại giá thành trong đơn vị xây lắp (cơ sở lập, thời điểm lập...) - Sưu tầm 4 loại giá thành của một công trình xây dựng thực tế. | Thảo luận | - Giáo trình KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC | Chia nhóm (Mỗi nhóm từ 4-5 sv) chuẩn bị nội dung thảo luận | |
| | Làm bài tập vận dụng chương 3 | Tự học | - Giáo trình KTXDCB - Sách bài tập KTXDCB - Thông tư 200/2014/TT - BTC | - Làm các bài tập trong sách BT | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

32. KẾ TOÁN KHO BẠC

1. Tên học phần: KẾ TOÁN KHO BẠC

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 02 (Lý thuyết 24 tiết, Bài tập, Thảo luận 06 tiết)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán

6. Mục tiêu môn học

- **Về kiến thức:** Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về ngân sách tại đơn vị cấp phát - Kho bạc và phương pháp hạch toán kế toán. Kết thúc học phần, người học sẽ có một hệ thống các kiến thức chuyên ngành về các phần hành kế toán có liên quan đến ngân sách, biết cách hạch toán và lập hệ thống các báo cáo quyết toán ngân sách theo yêu cầu.

- **Về kỹ năng:** Giúp người học có kỹ năng vận dụng các quỹ định, chế độ về kế toán ngân sách tại Kho bạc, xã (phường); vận dụng lý thuyết vào thực tế một cách linh hoạt trên cơ sở sử dụng một cách có hiệu quả công cụ quản lý này. Mặt khác, nghiên cứu những văn bản, chế độ kế toán về ngân sách và từ thực tiễn hoạt động tại đơn vị, để lựa chọn hướng nghiên cứu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học của bản thân và của tập thể xã hội.

- **Về thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của học phần trong nghiên cứu cũng như trong thực tiễn công tác quản lý để từ đó xây dựng ý thức trong nghiên cứu.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tự chủ trong việc thu thập, tìm hiểu, nghiên cứu các chuẩn kế toán và văn bản luật có liên quan.

7. Mô tả môn học

8. Sách, giáo trình tham khảo

ThS. Nguyễn Kim Quyển - ThS. Lê Quang Cường, *Giáo trình nghiệp vụ quản lý và kế toán kho bạc nhà nước*, NXB Thống kê, 2006.

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên trọng số: 15%
- Kiểm tra, đánh giá định (giữa) kỳ trọng số 15%
- Thi, đánh giá cuối kỳ trọng số 70%
- Hình thức thi: Tự luận

10. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN NHÀ NƯỚC ÁP DỤNG ÁP DỤNG CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ KHO BẠC

1.1 Khái niệm, phạm vi áp dụng

1.1.1 Khái niệm

1.1.2 Phạm vi áp dụng

1.2 Nhiệm vụ của kế toán

1.3 Tổ chức công tác kế toán

1.3.1 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

1.3.2 Tổ chức hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán (Bộ mã hạch toán)

1.3.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

1.4 Tổ chức bộ máy kế toán

1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

1.4.2 Bộ máy kế toán trung tâm và bộ phận kế toán phụ thuộc

1.4.3 Nội dung công tác kế toán

1.5 Kỳ kế toán

CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN DỰ TOÁN

2.1 Những vấn đề chung

2.2 Kế toán dự toán chi thường xuyên

2.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

2.2.2 Phương pháp hạch toán

2.3 Kế toán dự toán chi đầu tư

2.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

2.4 Kế toán dự toán kinh phí ủy quyền

2.4.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

2.4.2 Phương pháp hạch toán kế toán dự toán kinh phí ủy quyền

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

3.1 Yêu cầu của kế toán vốn bằng tiền

3.2 Kế toán tiền mặt

3.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

3.2.2. Phương pháp hạch toán

3.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam

3.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

3.3.2 Phương pháp hạch toán

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

4.1. Kế toán thu ngân sách nhà nước

4.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

4.1.2. Kế toán thu NSNN bằng tiền Việt Nam

4.1.3. Kế toán thu NSNN bằng ngoại tệ

4.1.4. Kế toán hoàn trả các khoản thu NSNN

4.2. Kế toán cam kết chi

4.2.1. Quy trình kế toán tạo cam kết chi

4.2.2. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách có giao diện với Kho bạc

4.2.3. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có giao diện với Kho bạc

4.3 Kế toán chi thường xuyên

4.3.1 Kế toán tạm ứng chi thường xuyên

4.3.2 Kế toán chi ngân sách bằng đồng Việt Nam

4.3.3 Kế toán chi NSNN bằng ngoại tệ

4.3.4 Kế toán thu hồi chi ngân sách

4.4 Kế toán chi đầu tư phát triển

4.4.1 Kế toán chi đầu tư XD CB bằng dự toán

4.4.2 Kế toán chi đầu tư CDCB bằng lệnh chi tiền

4.4.3 Kế toán chi đầu tư phát triển khác

4.5 Kế toán chi kinh phí ủy quyền

4.5.1 Kế toán chi kinh phí ủy quyền thường xuyên

4.5.2 Kế toán chi kinh phí ủy quyền đầu tư

4.6 Kế toán chi viện trợ

4.6.1 Kế toán chi viện trợ bằng dự toán

4.6.2 Kế toán thanh toán kinh phí chi viện trợ bằng lệnh chi tiền

4.7 Kế toán ghi thu, ghi chi

4.7.1 Ghi thu, ghi chi ngân sách thường xuyên

4.7.2 Ghi thu, ghi chi ngân sách về đầu tư

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN TIỀN GỬI VÀ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH TẠI KBNN

5.1 Kế toán tiền gửi đơn vị tại kho bạc nhà nước

5.1.1 Nguyên tắc hạch toán

5.1.2 Kiểm soát tài khoản tiền gửi đơn vị tại K NN

5.2 Kế toán tiền gửi đơn vị tại K NN

5.2.1 Kế toán tiền gửi các quỹ tài chính

5.2.2 Kế toán tiền gửi quỹ hoàn thuế GTGT tại Kho bạc

5.2.3 Kế toán tiền gửi quỹ dự trữ tài chính tại Kho bạc

CHƯƠNG 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH & BÁO CÁO QUẢN TRỊ

6.1 Báo cáo tài chính

6.1.1 Nhiệm vụ của báo cáo tài chính

6.1.2 Yêu cầu đối với báo cáo tài chính

6.1.3 Trách nhiệm khai thác báo cáo tài chính

6.1.4 Thời điểm chốt số liệu để nộp báo cáo tài chính

6.1.5 Báo cáo nhanh (báo cáo hàng ngày)

6.2 Báo cáo kế toán quản trị

6.3 Danh mục, mẫu biểu, phương pháp lập báo cáo tài chính

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ Tuần |
|-----------------|---|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Tuần 1-2 | Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc 1.1 Khái niệm, phạm vi áp dụng 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Phạm vi áp dụng 1.2 Nhiệm vụ của kế toán 1.3 Tổ chức công tác kế toán 1.3.1 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán 1.3.2 Tổ chức hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán (Bộ mã hạch | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo hướng dẫn GV | 3 |

| | | | | |
|------------|--|----------------|----------------------------------|---|
| | toán) 1.3.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán 1.4 Tổ chức bộ máy kế toán 1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán 1.4.2 Bộ máy kế toán trung tâm và bộ phận kế toán phụ thuộc 1.4.3 Nội dung công tác kế toán 1.5 Kỳ kế toán | | | |
| | Tổ chức công tác kế toán cho một đơn vị hành chính. | Thảo luận | | 1 |
| Tuần 2 - 3 | Chương 2: Kế toán dự toán 2.1 Những vấn đề chung 2.2 Kế toán dự toán chi thường xuyên 2.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng 2.2.2 Phương pháp hạch toán 2.3 Kế toán dự toán chi đầu tư 2.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng 2.4 Kế toán dự toán kinh phí ủy quyền 2.4.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng 2.4.2 Phương pháp hạch toán kế toán dự toán kinh phí ủy quyền | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo hướng dẫn GV | 3 |
| | Bài tập | Thảo luận nhóm | Theo hướng dẫn GV | 1 |
| Tuần 3-4 | Chương 3: Kế toán vốn bằng tiền 3.1 Yêu cầu của kế toán vốn bằng tiền 3.2 Kế toán tiền mặt 3.2.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng 3.2.2.Phương pháp hạch toán 3.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam 3.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng 3.3.2.Phương pháp hạch toán | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo hướng dẫn GV | 3 |
| | Bài tập | Thảo luận nhóm | Theo hướng dẫn GV | 1 |
| Tuần 5 -7 | Chương 4: Kế toán thu – chi ngân sách nhà nước 4.1.Kế toán thu ngân sách nhà nước 4.1.1.Chứng từ và tài khoản sử | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo hướng dẫn GV | 8 |

| | | | | |
|---------|---|----------------|------------|---|
| | <p>dụng</p> <p>4.1.2.Kế toán thu NSNN bằng tiền Việt Nam</p> <p>4.1.3.Kế toán thu NSNN bằng ngoại tệ</p> <p>4.1.4.Kế toán hoàn trả các khoản thu NSNN</p> <p>4.2.Kế toán cam kết chi</p> <p>4.2.1uy trình kế toán tạo cam kết chi</p> <p>4.2.2.Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách có giao diện với Kho bạc</p> <p>4.2.3. Trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có giao diện với Kho bạc</p> <p>4.3 Kế toán chi thường xuyên</p> <p>4.3.1 Kế toán tạm ứng chi thường xuyên</p> <p>4.3.2 Kế toán chi ngân sách bằng đồng Việt Nam</p> <p>4.3.3 Kế toán chi NSNN bằng ngoại tệ</p> <p>4.3.4 Kế toán thu hồi chi ngân sách</p> <p>4.4 Kế toán chi đầu tư phát triển</p> <p>4.4.1 Kế toán chi đầu tư XD CB bằng dự toán</p> <p>4.4.2 Kế toán chi đầu tư CDCB bằng lệnh chi tiền</p> <p>4.4.3 Kế toán chi đầu tư phát triển khác</p> <p>4.5 Kế toán chi kinh phí ủy quyền</p> <p>4.5.1 Kế toán chi kinh phí ủy quyền thường xuyên</p> <p>4.5.2 Kế toán chi kinh phí ủy quyền đầu tư</p> <p>4.6 Kế toán chi viện trợ</p> <p>4.6.1 Kế toán chi viện trợ bằng dự toán</p> <p>4.6.2 Kế toán thanh toán kinh phí chi viện trợ bằng lệnh chi tiền</p> <p>4.7 Kế toán ghi thu, ghi chi</p> <p>4.7.1 Ghi thu, ghi chi ngân sách thường xuyên</p> <p>4.7.2 Ghi thu, ghi chi ngân sách về đầu tư</p> | | | |
| Bài tập | | Thảo luận nhóm | Theo hướng | 1 |

| | | | | |
|---------|---|--------------------|----------------------------------|---|
| | | | dẫn GV | |
| Tuần 8 | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra, đánh giá | | 3 |
| Tuần 9 | Chương 5: Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN 5.1 Kế toán tiền gửi đơn vị tại kho bạc nhà nước 5.1.1 Nguyên tắc hạch toán 5.1.2 Kiểm soát tài khoản tiền gửi đơn vị tại K NN 5.2 Kế toán tiền gửi đơn vị tại K NN 5.2.1 Kế toán tiền gửi các quỹ tài chính 5.2.2 Kế toán tiền gửi quỹ hoàn thuế GTGT tại Kho bạc 5.2.3 Kế toán tiền gửi quỹ dự trữ tài chính tại Kho bạc | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo hướng dẫn GV | 4 |
| | Bài tập | Thảo luận nhóm | Theo hướng dẫn GV | 1 |
| Tuần 10 | Chương 6: Báo cáo tài chính & Báo cáo quản trị tài chính 6.1 Báo cáo tài chính 6.1.1 Nhiệm vụ của báo cáo tài chính 6.1.2 Yêu cầu đối với báo cáo tài chính 6.1.3 Trách nhiệm khai thác báo cáo tài chính 6.1.4 Thời điểm chốt số liệu để nộp báo cáo tài chính 6.1.5 Báo cáo nhanh (báo cáo hàng ngày) 6.2 Báo cáo kế toán quản trị 6.3 Danh mục, mẫu biểu, phương pháp lập báo cáo tài chính | Lý thuyết | Đọc giáo trình theo hướng dẫn GV | 3 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

33. KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH

1. Tên học phần: KẾ TOÁN CHI PHÍ & GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2. Mã số học phần:

3. Số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 36; Bài tập: 12; Thảo luận: 06)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 3

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

6. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu về kiến thức: Cung cấp những kiến thức một cách có hệ thống và chuyên sâu về:

- Bản chất, đặc điểm, các loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất;

- Phương pháp tập hợp, phân bổ, tổng hợp và hạch toán chi phí sản xuất theo các mô hình chi phí khác nhau gồm mô hình chi phí thực tế, mô hình chi phí thực tế kết hợp với ước tính và mô hình chi phí định mức

- Phương pháp tính toán và hạch toán tính giá thành sản phẩm theo mô hình chi phí khác nhau gồm mô hình chi phí thực tế, mô hình chi phí thực tế kết hợp với ước tính và mô hình chi phí định mức gắn với các quy trình sản xuất sản phẩm khác nhau.

- Đặc điểm của kế toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi và chế biến nông sản.

Mục tiêu về kỹ năng: Học phần trang bị và rèn luyện cho người học thành thạo các kỹ năng về:

- Nhận diện và phân loại chi phí sản xuất trong các hoạt động sản xuất khác nhau

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp với các quy trình sản xuất khác nhau

- Vận dụng phương pháp tập hợp chi phí, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm một cách phù hợp với từng điều kiện sản xuất

- Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang, hạch toán sản phẩm hỏng và tính giá thành sản phẩm theo quy định.

Mục tiêu về thái độ

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong mọi hoạt động học tập;

- Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi.

7. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán chi phí và giá thành sản phẩm cung cấp cho người học các vấn đề lý luận chung về chi phí giá thành, các mô hình và phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm bao gồm: mô hình chi phí thực tế, mô hình chi phí thực tế kết hợp với ước tính, mô hình chi phí định mức nhằm phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát chi phí, ra quyết định kinh doanh và lập báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp với đặc điểm sản xuất khác nhau.

8. Sách giáo trình tham khảo

9. Đánh giá học phần

| T T | Các chỉ tiêu đánh giá | Phương pháp đánh giá | Trọng số (%) |
|----------------|--|------------------------------------|-------------------------|
| 1 | Tham gia học trên lớp: <i>lên lớp đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận...</i> | <i>Quan sát, điểm danh</i> | 30% |
| 2 | Tự nghiên cứu: <i>hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao trong tuần, bài tập nhóm/tháng/học kỳ...</i> | <i>Chấm báo cáo, bài tập...</i> | |
| 3 | Hoạt động nhóm | <i>Trình bày báo cáo</i> | |
| 4 | Kiểm tra giữa kỳ | <i>Viết, vấn đáp</i> | |
| 5 | Kiểm tra đánh giá cuối kỳ | <i>Viết, vấn đáp, thực hành</i> | |
| 6 | Thi kết thúc học phần | <i>Viết, vấn đáp, tiểu luận...</i> | 70% |

10. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1- TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

- 1.1. Đặc điểm, các yếu tố và ý nghĩa của quá trình sản xuất sản phẩm**
 - 1.1.1. Đặc điểm của quá trình sản xuất sản phẩm**
 - 1.1.2. Các yếu tố của quá trình sản xuất sản phẩm**
 - 1.1.3. Ý nghĩa của quá trình sản xuất sản phẩm**
- 1.2. Bản chất của chi phí và phân loại chi phí**
 - 1.2.1. Bản chất của chi phí**
 - 1.2.1.1. Phân loại chi phí theo nội dung chi phí**
 - 1.2.1.2. Phân loại chi phí theo chức năng chi phí**
 - 1.2.1.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với quá trình sản xuất sản phẩm**
 - 1.2.1.4. Phân loại chi phí theo tính chất phát sinh**
 - 1.2.1.5. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với đối tượng chi phí**
 - 1.2.1.6. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với sản lượng**
 - 1.2.1.7. Phân loại chi phí theo tính chất kinh tế trong đánh giá dự án**
- 1.3. Khái niệm và phân loại giá thành**
 - 1.3.1. Khái niệm giá thành sản phẩm**
 - 1.3.2. Phân loại giá thành sản phẩm**
 - 1.3.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm và nguồn dữ liệu**
 - 1.3.2.2. Phân loại giá thành theo phạm vi quy nạp chi phí**
- 1.4. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm**
- 1.5. Nhiệm vụ kế toán chi phí và giá thành trong doanh nghiệp sản xuất**
- 1.6. Quy trình kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp**

CHƯƠNG 2 – KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

- 2.1. Đối tượng và phương pháp kế toán chi phí sản xuất**
 - 2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất**
 - 2.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất**
- 2.2. Kế toán các khoản mục chi phí sản xuất**
 - 2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**
 - 2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**
 - 2.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung**
- 2.4. Đánh giá sản phẩm dở dang**

2.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của đánh giá sản phẩm dở dang

2.4.2. Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

2.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

2.5.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.5.2. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

CHƯƠNG 3- TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

3.1. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm

3.1.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

3.1.2. Kỳ tính giá thành sản phẩm

3.2. Tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn

3.2.1. Phương pháp trực tiếp

3.2.2. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ

3.2.3. Phương pháp hệ số

3.2.4. Phương pháp tỷ lệ

3.3. Tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp

3.3.1. Phương pháp liên hợp

3.3.2. Phương pháp đơn đặt hàng

3.3.3. Phương pháp phân bước

3.4. Tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hoạt động sản xuất phụ

3.4.1. Đặc điểm chi phí giá thành trong doanh nghiệp có hoạt động sản xuất phụ

3.4.2. Tính giá thành sản phẩm hoạt động sản xuất phụ

3.5. Kế toán chi phí sản phẩm hỏng

3.5.1. Khái niệm và các loại sản phẩm hỏng

3.5.2. Xác định chi phí sản xuất sản phẩm hỏng

3.5.3. Phương pháp hạch toán

3.6. Kế toán tính giá thành sản phẩm

3.6.1. Kế toán tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên

3.6.2. Kế toán tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ

CHƯƠNG 4- KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO CÁC MÔ HÌNH CHI PHÍ

4.1. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo mô hình chi phí thực tế

4.1.1. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất

4.1.2. Đặc điểm tính giá thành sản phẩm

4.2. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo mô hình chi phí thực tế kết hợp chi phí ước tính

4.2.1. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất

4.2.2. Đặc điểm tính giá thành sản phẩm

4.3. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo mô hình chi phí định mức

4.3.1. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất

4.3.2. Đặc điểm tính giá thành sản phẩm

CHƯƠNG 5- KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

5.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất nông nghiệp

5.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trồng trọt

5.2.1. Đặc điểm và các loại hoạt động trồng trọt

5.2.2. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cây trồng ngắn ngày

5.2.3. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cây trồng dài ngày

5.2.4. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cây trồng lâu niên

5.3. Kế toán chi phí và giá thành sản phẩm của hoạt động chăn nuôi

5.3.1. Đặc điểm và các loại hoạt động chăn nuôi

5.3.2. Kế toán chi phí và giá thành sản phẩm của hoạt động chăn nuôi lấy sản phẩm 1 lần (gia súc lấy thịt, gia cầm lấy thịt)

5.3.3. Kế toán chi phí và giá thành sản phẩm của hoạt động chăn nuôi lấy sản phẩm nhiều lần (trứng, sữa, lông, gia súc con...)

5.3.4. Kế toán chi phí và giá thành sản phẩm của hoạt động chăn nuôi để làm việc (gia súc nuôi lấy sức kéo,...)

5.4. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của hoạt động chế biến nông nghiệp

5.5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của hoạt động sản xuất phụ trong nông nghiệp

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/ tuần |
|-----------------|---------------------------|-------------------------------------|---|----------------------|
| 1-2 | Chương 1 | | Đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên | |

| | | | | |
|-------|------------------|-----------------------------------|---|----------------|
| | Mục 1.1 | Thảo luận | | 01 |
| | Mục 1.2 | Lý thuyết | | 01 |
| | Mục 1.3 +1.4 | Lý thuyết | | 02 |
| | Mục 1.5+1.6 | Lý thuyết | | 01 |
| 2-4 | Chương 2 | | Đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên | |
| | Mục 2.1 | Lý thuyết | | 01 |
| | Mục 2.2 | Lý thuyết | | 01 |
| | Mục 2.3 | Lý thuyết Bài tập | | 02 01 |
| | Mục 2.4 | Lý thuyết Bài tập | | 01 01 |
| | Mục 2.5 | Lý thuyết Bài tập | | 01 01 |
| 4-7 | Chương 3 | | Đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên | |
| | Mục 3.1 | Lý thuyết | | 01 |
| | Mục 3.2 | Lý thuyết Bài tập | | 03 01 |
| | Mục 3.3 | Lý thuyết Bài tập | | 02 01 |
| | Mục 3.4 | Lý thuyết Bài tập | | 01 01 |
| | Mục 3.5 | Lý thuyết Thảo luận | | 01 01 |
| 7-10 | Chương 4 | | Đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên | |
| | Mục 4.1 | Lý thuyết Bài tập | | 03 01 |
| | Mục 4.2 | Lý thuyết Bài tập Thảo luận | | 03 01 01 |
| | Mục 4.3 | Lý thuyết Bài tập | | 03 02 |
| 11 | Kiểm tra giữa kỳ | Kiểm tra đánh giá | | 03 |
| 12-15 | Chương 5 | | Đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên | |
| | Mục 5.1 | Thực hành | | 03 |
| | Mục 5.2 | Lý thuyết Bài tập | | 03 02 |
| | Mục 5.3 | Lý thuyết Bài tập | | 03 02 |
| | Mục 5.4 | Lý thuyết | | 02 |

| | | | | |
|--|---------|-----------|--|----|
| | | Thảo luận | | 01 |
| | Mục 5.5 | Lý thuyết | | 01 |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

34. KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN QUẢN LÝ & QTKD

1. Tên học phần: **KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN QUẢN LÝ & QTKD**
2. Mã số học phần:
3. Số tín chỉ: 02
- 4 Trình độ sinh viên năm thứ:
5. Các học phần học trước: Luật kinh tế
6. Mục tiêu môn học

Mục tiêu về kiến thức

- Người học nắm được những vấn đề chung về văn bản như khái niệm văn bản, chức năng của văn bản, các loại văn bản, yêu cầu khi soạn thảo văn bản, vấn đề thể thức văn bản;

- Người học nắm bắt, hiểu được cách thức soạn thảo được một số văn bản hành chính thông dụng như công văn, thông báo, biên bản, báo cáo, tờ trình, đơn từ, quyết định, nghị quyết....;

- Người học hiểu cách thức soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng tặng cho tài sản...;

- Người học hiểu cách thức soạn thảo một số loại hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng vận chuyển hàng hóa.

Mục tiêu về kỹ năng

- Kỹ năng nhận diện về văn bản pháp luật và văn bản hành chính và lựa chọn hình thức VBHC phù hợp để ban hành;
- Kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính thông dụng;
- Kỹ năng soạn thảo các loại hợp đồng thương mại và hợp đồng dân sự thông dụng.

Mục tiêu về thái độ

- Sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò của VBPL và hoạt động xây dựng VBPL trong quản lý nhà nước; vai trò của văn bản hành chính đối với hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp.
- Sinh viên có thái độ nghiêm túc, học hỏi và rèn luyện kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính thông dụng.

7. Mô tả môn học

Môn học Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản và cách thức soạn thảo một số loại văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng.

Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm văn bản, chức năng của văn bản, vấn đề thể thức văn bản, yêu cầu khi soạn thảo văn bản hành chính, quy trình soạn thảo văn bản hành chính; cách thức soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường như công văn, biên bản, thông báo, tờ trình, báo cáo, đơn từ..., kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa ...; kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng tặng cho tài sản...

8. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] Trường ĐH Kinh tế quốc dân, *Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý kinh tế & Quản trị kinh doanh*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2010;

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=180583);

[3] Luật thương mại năm 2005

(http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=14765);

[4] Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 về Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

(http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=99777).

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%
- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Thi kết thúc học phần 60 phút: 70%
- Hình thức thi học phần (GV chọn 1 trong 3 hình thức): Thực hành, tự luận, vấn đáp

10. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VĂN BẢN

1.1. Khái niệm, chức năng của văn bản

- 1.1.1. Khái niệm văn bản
- 1.1.2. Chức năng của văn bản

1.2. Phân loại văn bản

- 1.2.1. Phân loại văn bản theo loại hình quản lý
- 1.2.2. Phân loại văn bản theo đặc trưng nội dung

1.3. Những yêu cầu chung về soạn thảo văn bản

- 1.3.1. Yêu cầu về hình thức văn bản
- 1.3.2. Yêu cầu về nội dung văn bản
- 1.3.3. Yêu cầu về thể thức văn bản

1.4. Quy trình soạn thảo văn bản

- 1.4.1. Giai đoạn chuẩn bị
- 1.4.2. Giai đoạn soạn thảo đề cương
- 1.4.3. Giai đoạn viết văn bản
- 1.4.4. Giai đoạn xét duyệt và ký văn bản

1.5. Thể thức văn bản

Chương 2: SOẠN THẢO VĂN BẢN TÁC NGHIỆP HÀNH CHÍNH

2.1. Những vấn đề chung về văn bản tác nghiệp hành chính

- 2.1.1. Khái niệm, vai trò của văn bản tác nghiệp hành chính

2.1.2. Đặc điểm của văn bản tác nghiệp hành chính

2.2. Kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản tác nghiệp hành chính

2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn

2.2.2. Kỹ thuật soạn thảo thông báo

2.2.3. Kỹ thuật soạn thảo báo cáo

2.2.4. Kỹ thuật soạn thảo tờ trình

2.2.5. Kỹ thuật soạn thảo biên bản

2.2.6. Kỹ thuật soạn thảo đơn từ

Chương 3: SOẠN THẢO VĂN BẢN QUẢN LÝ TỔ CHỨC

3.1. Những vấn đề chung về văn bản quản lý tổ chức

3.1.1. Văn bản quản lý tổ chức

3.1.2. Phân loại hình văn bản quản lý tổ chức

3.1.3. Đặc điểm của văn bản tổ chức quản lý

3.2. Soạn thảo văn bản quản lý tổ chức

3.2.1. Soạn thảo quyết định quản lý

3.2.2. Soạn thảo Nghị quyết

3.2.3. Soạn thảo Điều lệ doanh nghiệp

3.2.4. Soạn thảo quy chế, nội quy của doanh nghiệp

Chương 4: SOẠN THẢO VĂN BẢN HỢP ĐỒNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

4.1. Khái quát chung về hợp đồng thương mại

4.2. Yêu cầu chung của văn bản hợp đồng trong kinh doanh thương mại

4.2.1. Kết cấu chung của văn bản hợp đồng kinh tế

4.2.2. Văn bản phụ lục và biên bản bổ sung hợp đồng

4.3. Kỹ thuật soạn thảo một số loại hợp đồng trong kinh doanh thương mại

4.3.1. Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa

4.3.2. Soạn thảo hợp đồng vận chuyển hàng hóa

4.3.3. Soạn thảo hợp đồng dịch vụ

Chương 5: SOẠN THẢO VĂN BẢN HỢP ĐỒNG DÂN SỰ

5.1. Những vấn đề chung về hợp đồng dân sự

5.1.1. Khái niệm, phân loại hợp đồng dân sự

5.1.2. Chủ thể của hợp đồng dân sự

5.1.3. Nguyên tắc ký kết, sửa đổi, chấm dứt, hủy hợp đồng dân sự

5.1.4. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dân sự

5.1.5. Hiệu lực của hợp đồng dân sự

5.1.6. Kết cấu chung của hợp đồng dân sự

5.2. Kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự

5.2.1. Soạn thảo hợp đồng mua bán tài sản

5.2.2. Soạn thảo hợp đồng thuê nhà

5.2.3. Soạn thảo hợp đồng cho vay

5.2.4. Soạn thảo hợp đồng khoán việc

5.2.5. Soạn thảo hợp đồng lao động

11. Nội dung chi tiết và kế hoạch triển khai

| Tiết thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu đọc, tham khảo | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị | Ghi chú |
|----------|--|-----------------------------|--------------------------------------|--|---------|
| 1 | Chương 1 : 1.1. Khái niệm văn bản; chức năng của văn bản | Lý thuyết | [1] Tr 5 - 13 | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | |
| 2 | 1.2. Phân loại văn bản 1.3. Những yêu cầu khi soạn thảo văn bản | Lý thuyết | [1] Tr 13 – 16, Tr 16 - 20 [3] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV BTVN: So sánh văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính | |
| 3 | 1.4. Quy trình soạn thảo văn bản 1.5. Thể thức văn bản | Lý thuyết | [1] Tr 34 – 36, Tr 20 - 33 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành phần thể thức văn bản | |
| 4 | 1.5. Thể thức văn bản (tiếp) | Lý thuyết | [1] Tr 20 - 33 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành phần thể thức văn bản | |
| 5 | 1.5. (tiếp) | Lý thuyết | [1] Tr 20 - 33 [5] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành phần thể thức văn bản | |
| 6 | 1.5. Thể thức văn bản | Thảo luận | [1], [4] | Thực hành phần thể thức văn bản | |

| | | | | |
|----|--|-----------|-----------------------|---|
| 7 | Chương 2 2.1. Những vấn đề chung về văn bản tác nghiệp hành chính | Lý thuyết | [1] Tr 72 - 73 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV |
| 8 | 2.2. Kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản tác nghiệp hành chính 2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn - Soạn thảo công văn chỉ đạo | Lý thuyết | [1] Tr 73 - 80 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo công văn |
| 9 | 2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn - Soạn thảo công văn đơn đốc, nhắc nhở - Soạn thảo công văn đề nghị, yêu cầu - Soạn thảo công văn phúc đáp | Lý thuyết | [1] Tr 73 - 80 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo công văn |
| 10 | 2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn - Soạn thảo công văn hướng dẫn - Soạn thảo công văn giải thích - Soạn thảo công văn mời họp | Lý thuyết | [1] Tr 73 - 80 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo công văn |
| 11 | 2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn | Thảo luận | [1] Tr 73 - 80 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo các loại công văn |
| 12 | 2.2.2. Kỹ thuật soạn thảo thông báo 2.2.3. Kỹ thuật soạn thảo báo cáo | Lý thuyết | [1] Tr 80 - 86 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo thông báo |
| 13 | 2.2.2. Kỹ thuật soạn thảo thông báo | Thảo luận | [1] Tr 73 - 80 [4] | Thực hành soạn thảo thông báo |
| 14 | 2.2.4. Kỹ thuật soạn thảo tờ trình 2.2.5. Kỹ thuật soạn thảo biên bản | Lý thuyết | [1] Tr 86 - 93 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo biên bản |
| 15 | 2.2.6. Kỹ thuật soạn thảo đơn từ | Lý thuyết | [1], [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV |

| | | | | | |
|----|---|------------------|-------------------------|--|--|
| 16 | 2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn 2.2.2. Kỹ thuật soạn thảo thông báo 2.2.5. Kỹ thuật soạn thảo biên bản | Thảo luận | [1], [4] | Thực hành soạn thảo công văn, thông báo, biên bản | |
| 17 | 2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn 2.2.2. Kỹ thuật soạn thảo thông báo 2.2.5. Kỹ thuật soạn thảo biên bản | Thảo luận | [1], [4] | Thực hành soạn thảo công văn, thông báo, biên bản | |
| 18 | 2.2.1. Kỹ thuật soạn thảo công văn 2.2.2. Kỹ thuật soạn thảo thông báo 2.2.5. Kỹ thuật soạn thảo biên bản | Thảo luận | [1], [4] | Thực hành soạn thảo công văn, thông báo, biên bản | |
| 19 | Chương 3 3.1. Những vấn đề chung về văn bản quản lý tổ chức 3.2. Soạn thảo văn bản quản lý tổ chức 3.2.1. Soạn thảo quyết định quản lý | Lý thuyết | [1] Tr 95 - 108 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | |
| 20 | 3.2.1. Soạn thảo quyết định quản lý (tiếp) | Lý thuyết | [1] Tr 108 -110 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo quyết định | |
| 21 | 3.2.1. Soạn thảo quyết định quản lý (tiếp) | Lý thuyết | [1] Tr 108 -110 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo quyết định | |
| 22 | | Kiểm tra giữa kỳ | | SV ôn tập nội dung kiểm tra theo hướng dẫn của GV | |
| 23 | 3.2.2. Soạn thảo Nghị quyết 3.2.3. Soạn thảo Điều lệ doanh nghiệp | Lý thuyết | [1] Tr 110 - 119 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | |
| 24 | 3.2.3. Soạn thảo | Lý thuyết | [1] Tr 119 - | Đọc tài liệu theo | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|-------------------------|--|--|
| | Điều lệ doanh nghiệp 3.2.4. Soạn thảo quy chế, nội quy doanh nghiệp | | 122 [4] | yêu cầu của GV | |
| 25 | Chương 3 3.2.4. (tiếp) | Lý thuyết | [1] Tr 119 - 122 [4] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | |
| 26 | 3.2.1. Soạn thảo quyết định quản lý | Thảo luận | [1] Tr 95 - 122 [4] | Thực hành soạn thảo các loại quyết định | |
| 27 | 3.2.1. Soạn thảo quyết định quản lý | Thảo luận | [1] Tr 95 - 122 [4] | Thực hành soạn thảo các loại quyết định | |
| 28 | Chương 4 4.1. Khái quát chung về hợp đồng thương mại | Lý thuyết | [1] Tr 151 - 164 [3] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | |
| 29 | 4.2. Yêu cầu chung của văn bản hợp đồng trong kinh doanh, thương mại | Lý thuyết | [1] Tr 151 - 164 [3] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | |
| 30 | 4.3. Kỹ thuật soạn thảo một số loại hợp đồng trong kinh doanh, thương mại | Lý thuyết | [1] Tr 164 - 178 [3] | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo hợp đồng | |
| 31 | 4.3. Kỹ thuật soạn thảo một số loại hợp đồng trong kinh doanh, thương mại | Thảo luận | [3] | Thực hành soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh, thương mại | |
| 32 | 4.3. Kỹ thuật soạn thảo một số loại hợp đồng trong kinh doanh, thương mại | Thảo luận | [3] | Thực hành soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh, thương mại | |
| 33 | Chương 5 5.1. Những vấn đề chung về hợp đồng dân sự | Lý thuyết | [1] Tr 179 - 191 | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV | |
| 34 | 5.2. Kỹ thuật soạn thảo một số loại hợp đồng dân sự | Lý thuyết | [1] Tr 191 - 200 | Đọc tài liệu theo yêu cầu của GV Thực hành soạn thảo hợp đồng | |
| 35 | 5.2. Kỹ thuật soạn thảo một số loại hợp | Thảo luận | | Thực hành soạn thảo hợp đồng dân | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|--|-------------------------------------|--|
| | đồng dân sự | | | sự | |
| 36 | 5.2. Kỹ thuật soạn thảo một số loại hợp đồng dân sự | Thảo luận | | Thực hành soạn thảo hợp đồng dân sự | |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

35. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN CÁC NGÀNH SẢN XUẤT

1. Tên học phần: ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN CÁC NGÀNH SẢN XUẤT

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 3

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

6. Mục tiêu môn học:

6.1. Mục tiêu về kiến thức:

- Đạt được sự hiểu biết cơ bản về khoa học và nghề nghiệp kế toán như : khái niệm, đặc điểm kế toán tài chính trong doanh nghiệp khác doanh nghiệp sản xuất như doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh xây lắp, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ.

- Hiểu được mối quan hệ chặt chẽ giữa khoa học và nghề nghiệp kế toán với các khoa học và nghề nghiệp khác như phân tích hoạt động kinh doanh, tài chính, thống kê và đặc biệt là kiểm toán.

- Nhận biết được những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp quy, trong đời sống kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến khoa học và thực tiễn nghề nghiệp kiểm toán.

6.2. Mục tiêu về kỹ năng:

- Thực hiện hạch toán các nghiệp vụ đơn giản liên quan đến các đối tượng kế toán phát sinh trong môn học, xử lý các tình huống trong hạch toán liên quan đến nội dung môn học, lập và đọc một số chỉ tiêu chính trên báo cáo tài chính

- Vận dụng kiến thức cơ bản của môn học vào thực tiễn và phục vụ nghiên cứu các môn học chuyên ngành của kế toán.

- Các kỹ năng bổ trợ như khai thác, cập nhật quy định mới về kế toán; làm việc nhóm (yêu cầu quan trọng của nghề nghiệp kế toán); phát hiện và giải quyết vấn đề;..

6.3. Mục tiêu về thái độ

- Người học cần nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa của kế toán trong đời sống kinh tế

- Luôn học hỏi và tiếp thêm lòng yêu thích môn học và nghề nghiệp kế toán.

- Rèn luyện cho bản thân những phẩm chất cần có của một kế toán viên như trung thực, thận trọng, liêm khiết, bảo mật,... vì đó cũng là những phẩm chất cần thiết cho công việc của kế toán viên cũng như các ngành nghề khác.

7. Mô tả tóm tắt môn học

Môn học nhằm trang bị những kiến thức nghiệp vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp khác doanh nghiệp sản xuất như doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội địa, doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá xuất, nhập khẩu, doanh nghiệp kinh doanh xây lắp, doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ

8. Học liệu

Giáo trình:

[1] Nguyễn Thị Lôi – Ma Thị Hương (2017), Kế toán tài chính 3, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên

Tài liệu tham khảo:

[2] Bộ Tài chính (2015), 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam, Nhà xuất bản Tài chính

[3] Bộ Tài chính (2015), Hệ thống tài khoản kế toán (Quyển 1), Nhà xuất bản Tài chính

[4] Bộ Tài chính (2015), Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính (Quyển 2), Nhà xuất bản Tài chính

9. Đánh giá học phần

- Kiểm tra giữa kỳ: 30%

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Thi kết thúc học phần 90 phút: 70%

- Hình thức thi học phần tự luận

10. Nội dung chi tiết môn học

Chương 1 (Tiết 1 -9). Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp thương mại nội địa

- 1.1. Những vấn đề chung về kế toán trong các doanh nghiệp thương mại
 - 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và chức năng của hoạt động thương mại
 - 1.1.2. Đặc điểm tính giá hàng hoá trong kinh doanh thương mại
- 1.2. Kế toán trong doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
 - 1.2.1. Kế toán giai đoạn mua hàng
 - 1.2.2. Kế toán giai đoạn bán hàng
 - 1.2.3. Kế toán hàng tồn kho
- 1.3. Kế toán trong doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ
 - 1.3.1. Kế toán giai đoạn mua hàng
 - 1.3.2. Kế toán giai đoạn bán hàng

Chương 2 (Tiết 10 -20). Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu

- 2.1. Những vấn đề chung về kế toán trong các doanh nghiệp xuất – nhập khẩu
 - 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động kinh doanh xuất – nhập khẩu
 - 2.1.2. hình thức xuất – nhập khẩu
 - 2.1.3. Đặc điểm tính giá hàng xuất – nhập khẩu
- 2.2. Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu
 - 2.2.1. Những vấn đề chung về xuất khẩu
 - 2.2.2. Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu trực tiếp
 - 2.2.3. Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu uỷ thác
- 2.3. Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu
 - 2.3.1. Những vấn đề chung về nhập khẩu
 - 2.3.2. Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu trực tiếp
 - 2.3.3. Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu uỷ thác
- 2.4. Kế toán hàng hóa kho bảo thuế
 - 2.4.1. Khái niệm hàng hóa kho bảo thuế
 - 2.4.2. Tài khoản kế toán
 - 2.4.3. Phương pháp hạch toán

Chương 3 (Tiết 21 -30).. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp xây lắp.

- 3.1. Những vấn đề chung về kế toán trong các doanh nghiệp xây lắp
 - 3.1.1. Đặc điểm của hoạt động kinh doanh xây lắp có ảnh hưởng đến hạch toán kế toán

- 3.1.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp
- 3.1.3. Hệ thống tài khoản áp dụng trong doanh nghiệp kinh doanh xây lắp
- 3.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp
 - 3.2.1. Khái niệm và chỉ tiêu giá thành xây lắp
 - 3.2.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
 - 3.2.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp
 - 3.2.4. Kế toán chi phí máy thi công
 - 3.2.5. Kế toán chi phí sản xuất chung
 - 3.2.6. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phụ và xây lắp phụ
 - 3.2.7. Kế toán tập hợp chi phí, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm xây lắp
 - 3.2.8. Kế toán các khoản thiệt hại trong xây lắp
- 3.3. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp và bảo hành công trình xây lắp
 - 3.3.1. Kế toán tiêu thụ sản phẩm xây lắp
 - 3.3.2. Kế toán bảo hành công trình xây lắp
- 3.4. Đặc điểm hạch toán theo phương thức khoán gọn
 - 3.4.1. Hợp đồng khoán gọn
 - 3.4.2. Kế toán tại đơn vị giao khoán
 - 3.4.3. Kế toán tại đơn vị nhận khoán

Chương 4 (Tiết 31 -36) - Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ và du lịch

- 4.1. Những vấn đề chung về kế toán hoạt động kinh doanh du lịch và dịch vụ
 - 4.1.1. Đặc điểm của hoạt động KD du lịch và dịch vụ có ảnh hưởng đến hạch toán kế toán
 - 4.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp du lịch
 - 4.1.3. Đặc điểm chi phí kinh doanh và tính giá thành du lịch
 - 4.1.4. Đặc điểm và nguyên tắc hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ
- 4.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm
 - 4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm dịch vụ
 - 4.2.2. Tài khoản sử dụng
 - 4.2.3. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất
 - 4.2.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm dịch vụ và du lịch

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức giảng dạy | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|----------|---|-----------------------------|--|--------------|
| Tuần 1-2 | <p>Chương 1 - Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp thương mại nội địa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về khái niệm, chức năng, đặc điểm của hoạt động kinh doanh thương mại nội địa. - Hướng dẫn phương pháp tính giá trong kinh doanh thương mại nội địa - Trình bày phương pháp và tài khoản hạch toán quá trình lưu chuyển hàng hóa nội địa trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và theo phương pháp kiểm kê định kỳ | Lý thuyết | Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| Tuần 3-4 | Đặc điểm hoạt động kinh doanh thương mại ảnh hưởng đến công tác kế toán | Thảo luận | | 3 |
| | Sinh viên đọc giáo trình mục 1.1 | Tự NC | Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | Kiểm tra, đánh giá | | |
| Tuần 5-6 | <p>Chương 2 - Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu những vấn đề chung về hạch toán hàng hóa xuất nhập khẩu - Hướng dẫn phương pháp hạch toán hàng hóa xuất khẩu theo phương pháp kê khai thường xuyên - Hướng dẫn phương pháp hạch toán hàng hóa nhập khẩu theo phương pháp kê khai thường xuyên - Hướng dẫn phương pháp hạch toán hàng hóa xuất, nhập khẩu theo phương pháp kiểm kê định kỳ - Hướng dẫn sinh viên kế toán hàng hóa kho bảo thuế. | Lý thuyết | Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| Tuần | - Phương pháp hạch toán ngoại tệ | Thảo luận | - Thu thập và nghiên | 3 |

| | | | | |
|------------|--|--------------------|--|---|
| 7 và 9 | - Phương pháp tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT. | | cứu tài liệu về phương pháp hạch toán ngoại tệ và phương pháp tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT trên trang website kế toán và website BỘ tài chính. | |
| | Mục 2.1 và phương pháp tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế GTGT | Tự NC | Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên | |
| | Kiểm tra định kỳ vào tuần thứ 8 | Kiểm tra, đánh giá | | 3 |
| Tuần 10-11 | Chương 3. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp xây lắp - Giới thiệu những vấn đề chung về hạch toán trong các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp - Hướng dẫn hạch toán kế toán về chi phí và tính giá thành sản phẩm và bàn giao sản xây lắp theo phương thức giao thầu hoặc tự làm - Hướng dẫn hạch toán kế toán về chi phí và tính giá thành sản phẩm và bàn giao sản xây lắp theo phương thức khoán gọn | Lý thuyết | Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| Tuần 12-13 | Tìm hiểu về dự toán, thiết kế và báo cáo quyết toán công trình đầu tư XD CB | Thảo luận | - Thu thập và tìm hiểu tài liệu về dự toán, thiết kế và báo cáo quyết toán công trình đầu tư XD CB và chia nhóm thảo luận | 3 |
| Tuần 14 | Chương 4 - Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ và du lịch - Giới thiệu những qui định chung về hạch toán trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và dịch vụ - Hướng dẫn phương pháp hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm dịch vụ | | Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên | 3 |
| Tuần 15 | Đặc điểm của hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ ảnh hưởng đến phương pháp hạch toán như | | Sinh viên chuẩn bị ra giấy và phát biểu trước lớp | 3 |

| | | | |
|--|---------------------------------|-------|--|
| | thế nào ? | | |
| | Sinh viên tự nghiên cứu mục 4.1 | Tự NC | Đọc tài liệu theo hướng dẫn của giảng viên |

Thái nguyên, ngày ... tháng ... năm ...

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng bộ môn

Tập thể biên soạn

36. KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

1. Tên học phần: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

2. Mã học phần:

3. Số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 26, bài tập thảo luận: 4)

4. Trình độ sinh viên năm thứ: 4

5. Các học phần học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1, Kế toán tài chính 2

6. Mục tiêu của học phần:

- **Về kiến thức:** Học phần nhằm mục đích cung cấp cho người học khả năng phát hiện và xử lý các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán trong các đơn vị HCSN theo đúng quy định hiện hành của chế độ kế toán nói chung cũng như chế độ kế toán áp dụng cho các đơn vị HCSN nói riêng; đồng thời, cung cấp cho sinh viên khả năng tự học để giải quyết các vấn đề thay đổi về chính sách, chế độ có liên quan phát sinh trong thực tế sau khi tốt nghiệp.

- **Về kỹ năng:** Người học có thể vận dụng các kiến thức này trong nghiên cứu các chính sách chế độ kế toán tổng thể nói chung và các quy định mang tính pháp luật có liên quan đến đơn vị hành chính sự nghiệp nói riêng trong lĩnh vực kế toán và áp dụng thực tế công tác kế toán tại các đơn vị này.

- **Thái độ:** Nhận thức được vai trò của học phần trong hệ thống các học phần phục vụ chung cho chuyên ngành, để xác định đúng ý thức học tập.

7. Mô tả môn học

Kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo người học chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học kinh tế & Quản trị kinh doanh. Học phần kế toán HCSN gồm 8 chương nhằm cung cấp những kiến thức tổng quan về các đơn vị HCSN (như các Sở, Ban, Ngành, Trường học, Bệnh viện công lập...) và cụ thể về phương pháp hạch toán một số phần hành kế toán cơ bản trong các đơn vị HCSN. Học phần được nghiên cứu dựa trên Luật kế toán Việt Nam, các chế độ và văn bản mới nhất về kế toán trong các đơn vị HCSN.

8. Sách, giáo trình tham khảo

- Giáo trình:

1. Giáo trình “Kế toán hành chính sự nghiệp”, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2010, TS. Nguyễn Thị Minh Thọ, ThS. Đặng Thị Dịu

- Tài liệu tham khảo:

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam
2. Quốc hội nước CHXHCNVN, Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003

Websites: www.webketoan.com

www.danketoan.com

www.tapchiketoan.com

9. Đánh giá học phần

10. Nội dung chi tiết môn học

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

(Tổng số tiết: 2; Số tiết lý thuyết: 2)

- 1.1. Những vấn đề chung về kế toán đơn vị HCSN
 - 1.1.1. Một số khái niệm
 - 1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán đơn vị HCSN
 - 1.1.3. Nguyên tắc tổ chức kế toán đơn vị HCSN
- 1.2. Nội dung công tác kế toán đơn vị HCSN
- 1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN
 - 1.3.1. Chứng từ kế toán
 - 1.3.2. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho đơn vị HCSN
 - 1.3.3. Các hình thức kế toán
 - 1.3.4. Hệ thống báo cáo kế toán

CHƯƠNG 2

KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

(Tổng số tiết: 4; Số tiết lý thuyết: 3; số tiết bài tập, số tiết thảo luận:1)

- 2.1. Những vấn đề chung về kế toán vốn bằng tiền
 - 2.1.1. Nội dung vốn bằng tiền
 - 2.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền
 - 2.1.3. Nhiệm vụ kế toán vốn bằng tiền
- 2.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ
 - 2.2.1. Nguyên tắc quản lý và hạch toán quỹ tiền mặt
 - 2.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng
 - 2.2.3. Tài khoản kế toán sử dụng
 - 2.2.4. Sổ sách kế toán
 - 2.2.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ
- 2.3. Kế toán tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc
 - 2.3.1. Một số quy định về kế toán TGNH, KB
 - 2.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng
 - 2.3.3. Tài khoản kế toán
 - 2.3.4. Sổ sách kế toán
 - 2.3.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ

CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

(Tổng số tiết: 5; Số tiết lý thuyết: 3; số tiết bài tập, số tiết thảo luận:2)

- 3.1. Những vấn đề chung về kế toán vật tư
 - 3.1.1. Một số khái niệm kế toán vật tư

- 3.1.2. Đặc điểm của vật liệu, dụng cụ và yêu cầu quản lý
- 3.1.3. Nguyên tắc hạch toán kế toán vật tư
- 3.1.4. Nhiệm vụ kế toán vật tư
- 3.2. Phân loại và đánh giá vật tư
 - 3.2.1. Phân loại vật tư
 - 3.2.2. Đánh giá vật tư
- 3.3. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
 - 3.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
 - 3.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- 3.4. Kế toán sản phẩm, hàng hóa
 - 3.4.1. Kế toán chi tiết sản phẩm, hàng hóa
 - 3.4.2. Kế toán tổng hợp sản phẩm, hàng hóa

CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(Tổng số tiết:7; Số tiết lý thuyết: 5; số tiết bài tập, số tiết thảo luận:2)

- 4.1. Những vấn đề chung về tài sản cố định
 - 4.1.1. Khái niệm và đặc điểm của TSCĐ
 - 4.1.2. Yêu cầu quản lý TSCĐ
 - 4.1.3. Nguyên tắc hạch toán TSCĐ
 - 4.1.4. Nhiệm vụ kế toán TSCĐ
- 4.2. Phân loại và đánh giá TSCĐ
 - 4.2.1. Phân loại TSCĐ
 - 4.2.2. Đánh giá TSCĐ
- 4.3. Kế toán TSCĐ hữu hình
 - 4.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng
 - 4.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng
 - 4.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ
- 4.4. Kế toán TSCĐ vô hình
 - 4.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng
 - 4.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng
 - 4.4.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ
- 4.5. Kế toán hao mòn TSCĐ
 - 4.5.1. Đối tượng và phạm vi tính hao mòn TSCĐ
 - 4.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng
 - 4.5.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN THANH TOÁN

(Tổng số tiết:5; Số tiết lý thuyết: 4; số tiết bài tập, số tiết thảo luận:1)

- 5.1. Những vấn đề chung về kế toán thanh toán
 - 5.1.1. Khái niệm và nội dung các khoản thanh toán
 - 5.1.2. Một số quy định khi hạch toán kế toán thanh toán
 - 5.1.3. Nhiệm vụ kế toán thanh toán
- 5.2. Kế toán các khoản phải thu
- 5.3. Kế toán tạm ứng
- 5.4. Kế toán kinh phí cấp cho cấp dưới
- 5.5. Kế toán thanh toán nội bộ
- 5.6. Kế toán các khoản phải trả
- 5.7. Kế toán các khoản phải nộp Nhà nước
- 5.8. Kế toán phải trả viên chức và các đối tượng khác
- 5.9. Kế toán các khoản trích nộp theo lương

CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN NGUỒN KINH PHÍ

(Tổng số tiết:3; Số tiết lý thuyết: 3)

- 6.1. Nội dung và nguyên tắc hạch toán nguồn kinh phí
- 6.2. Kế toán nguồn kinh phí hoạt động
- 6.3. Kế toán nguồn kinh phí dự án
- 6.4. Kế toán nguồn kinh phí theo đơn đặt hàng của Nhà nước
- 6.5. Kế toán nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản
- 6.6. Kế toán nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
- 6.7. Kế toán nguồn vốn kinh doanh
- 6.8. Kế toán chênh lệch thu, chi chưa xử lý
- 6.9. Kế toán các quỹ

CHƯƠNG 7: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN THU, CHI

(Tổng số tiết: 4; Số tiết lý thuyết: 3; số tiết bài tập, số tiết thảo luận:1)

- 7.1. Kế toán các khoản thu
 - 7.1.1. Kế toán các khoản thu
 - 7.1.2. Kế toán các khoản thu chưa qua ngân sách
 - 7.1.3. Kế toán thu hoạt động sản xuất kinh doanh
- 7.2. Kế toán các khoản chi
 - 7.2.1. Kế toán chi hoạt động
 - 7.2.2. Kế toán chi dự án
 - 7.2.3. Kế toán chi theo đơn đặt hàng của Nhà nước
 - 7.2.4. Kế toán chi hoạt động SXKD
 - 7.2.5. Kế toán chi phí trả trước

CHƯƠNG 8: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tổng số tiết:3; Số tiết lý thuyết: 2; số tiết bài tập, số tiết thảo luận:1)

- 8.1. Những quy định chung về báo cáo tài chính
 - 8.2. Mẫu biểu các BCTC
 - 8.3. Nội dung và phương pháp lập BCTC
 - 8.3.1. Bảng cân đối kế toán
 - 8.3.1.1. Mục đích của Bảng CĐKT
 - 8.3.1.2. Kết cấu của Bảng CĐKT
 - 8.3.1.3. Cơ sở số liệu để lập BCKT
 - 8.3.1.4. Nội dung và phương pháp lập BCKT
 - 8.3.2. Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng
 - 8.3.2.1. Bản chất và mục đích của báo cáo
 - 8.3.2.2. Kết cấu của báo cáo
 - 8.3.2.3. Cơ sở số liệu để lập báo cáo
 - 8.3.2.4. Nội dung và phương pháp lập báo cáo
 - 8.3.3. Báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ
 - 8.3.3.1. Bản chất và ý nghĩa của báo cáo
 - 8.3.3.2. Kết cấu của báo cáo
 - 8.3.3.3. Cơ sở số liệu để lập báo cáo
- phương pháp lập

CHƯƠNG 8: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tổng số tiết:3; Số tiết lý thuyết: 2; số tiết bài tập, số tiết thảo luận:1)

- 8.1. Những quy định chung về báo cáo tài chính

8.2. Mẫu biểu các BCTC

8.3. Nội dung và phương pháp lập BCTC

8.3.1. Bảng cân đối kế toán

8.3.1.1. Mục đích của Bảng CĐKT

8.3.1.2. Kết cấu của Bảng CĐKT

8.3.1.3. Cơ sở số liệu để lập BCKT

8.3.1.4. Nội dung và phương pháp lập BCKT

8.3.2. Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng

8.3.2.1. Bản chất và mục đích của báo cáo

8.3.2.2. Kết cấu của báo cáo

8.3.2.3. Cơ sở số liệu để lập báo cáo

8.3.2.4. Nội dung và phương pháp lập báo cáo

8.3.3. Báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ

8.3.3.1. Bản chất và ý nghĩa của báo cáo

8.3.3.2. Kết cấu của báo cáo

8.3.3.3. Cơ sở số liệu để lập báo cáo

8.3.3.4.

Nội dung và phương pháp lập

11. Kế hoạch triển khai học phần

| Tuần thứ | Nội dung giảng dạy | Hình thức tổ chức dạy và học | Tài liệu học tập, tham khảo | Số tiết/tuần |
|-------------------|---|------------------------------|---|--------------|
| Tuần 1 | Chương 1 | | | 3 |
| | Những vấn đề chung về kế toán đơn vị HCSN (Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, tổ chức công tác kế toán trong đơn vị HCSN) | Lí thuyết | Một số khái niệm cơ bản | |
| | Bàn về những nội dung cơ bản về chế độ kế toán DN ban hành theo QĐ 19/2006 - BTC | Thảo luận | Chuẩn bị tài liệu có liên quan theo yêu cầu và hướng dẫn của giảng viên | |
| | Quá trình hình thành và phát triển của kế toán Các phương pháp kế toán | Tự NC | Sinh viên đọc giáo trình Kế toán KTHCSN | |
| Tuần 1 - 2 | Chương 2 | | | 3 |
| | - Những vấn đề chung - Kế toán vốn bằng tiền | Lí thuyết | Sinh viên đọc giáo trình kế toán HCSN | |
| | - Nội dung vốn bằng tiền | Thảo luận | | |
| | - Chứng từ và tài khoản | Tự NC | Trình bày | |
| | Trang web kế toán | Khác | | |
| | - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | KTĐG | | |
| Tuần | Chương 3 | | | 3 |

| | | | | |
|-------------------|--|-----------|---|---|
| 3 - 4 | | | | |
| | - Những vấn đề chung - Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, và công cụ dụng cụ - Kế toán tổng hợp thành phẩm hàng hóa | Lí thuyết | Sinh viên đọc giáo trình kế toán HCSN | |
| | Bài tập tình huống | Thảo luận | Ví dụ thực hành | |
| | Chứng từ và các quy định | Tự NC | | |
| | Chuẩn mực kế toán | Tư vấn | | |
| | - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | KTĐG | | |
| Tuần 4 - 6 | Chương IV | | | 3 |
| | Kế toán TSCĐ mua sắm, thanh lý, điều chuyển | Lí thuyết | Sinh viên đọc giáo trình kế toán HCSN | |
| | Cơ chế quản lý TSCĐ | Thảo luận | Chuẩn bị theo nhóm và trình bày trên máy tính | |
| | Các trường hợp kế toán TSCĐ khác | Tự NC | | |
| | - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | KTĐG | | |
| Tuần 7 | Kiểm tra giữa kỳ | | | 3 |
| Tuần 8-9 | Chương V | | | 3 |
| | Kế toán thanh toán trong đơn vị HCSN | Lí thuyết | Các NVKT có liên quan đã nghiên cứu | |
| | Kế toán tổng hợp các phần hành | Thảo luận | Các tình huống cụ thể Mẫu sổ kế toán | |
| | Các hình thức thanh toán | Tự NC | Sinh viên đọc giáo trình Kế toán KTHCSN | |
| | Quy định về hệ thống chứng từ tài khoản trong các đơn vị HCSN | Tư vấn | | |
| | - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | KTĐG | | |

| | | | | |
|-----------------------------|--|-----------|--|---|
| Tuần 9- 10 | Chương VI | | | 3 |
| | Kế toán nguồn kinh phí, vốn, quỹ | Lí thuyết | Các NVKT có liên quan đã nghiên cứu | |
| | Kế toán tổng hợp các phần hành | Thảo luận | Các tình huống cụ thể Mẫu số kế toán | |
| | - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | KTĐG | | |
| Tuần 10 - 11 | Chương VII | | | 3 |
| | - Kế toán các khoản thu sự nghiệp - Kế toán các khoản chi sự nghiệp | Lí thuyết | Mẫu số, phương pháp lập | |
| | Thảo luận các tình huống trong thu, chi sự nghiệp | Thảo luận | Chuẩn bị theo cá nhân, ra giấy. Hình thức: Thuyết trình | |
| | So sánh các khoản thu, chi trong đơn vị HCSN với kế toán DN | Tự NC | | |
| Tuần 12 | Chương VIII | | | 3 |
| | Bảng cân đối kế toán Báo cáo quyết toán KP và sử dụng KP | Lí thuyết | Mẫu số, phương pháp lập | |
| | Đưa tình huống cụ thể | Thảo luận | Chuẩn bị theo cá nhân, ra giấy. Hình thức: Thuyết trình | |
| | Thuyết minh BCTC | Tự NC | Mẫu số, phương pháp lập | |
| | Vận dụng lập báo cáo kế toán (tự hoàn thiện) | Khác | | |
| | - Kiểm tra việc tự nghiên cứu - Đánh giá bài tập thảo luận nhóm | KTĐG | | |

Thái Nguyên, ngày ... tháng năm 2016

Hiệu trưởng

Khoa/ Bộ môn

Trưởng BM

Tập thể biên soạn

37. KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo quy chế ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.